



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
1	50954	DETERGENT TANK	BÌNH CHỨA XÀ PHÒNG	218.700		8%
2	50955	ADJUSTABLE LANCE	ĐẦU XỊT RỬA	378.000		8%
3	956372	PLEXIGLAS BLOCK	MIẾNG KÍNH THỬ MŨI KHOAN	1.181.520		8%
4	3082130	INLET FITTING 3/4" WITH WATER FILTER	ĐẦU NỐI	44.550		8%
5	3082280	GUN/HW101	SÚNG XỊT ÁP LỰC/HW101	409.050		8%
6	3082661	QUICK COUPLING	ĐẦU NỐI NHANH	279.450		8%
7	3320120	ROTO POWER OPP SERIES 840.004	ĐẦU XỊT DẠNG XOAY	99.900		8%
8	3320130	EXTENSION LANCE READY 1ST TOOLING	ỐNG XỊT MỞ RỘNG	98.550		8%
9	3320152	GUN/HW102	SÚNG XỊT ÁP LỰC/HW102	415.800		8%
10	3640090	COMPL. DETERG. TANK M - READY 870.1	BÌNH CHỨA CHẤT TẨY RỬA	87.372		8%
11	3640380	FOAM TANK ROLE RIDE 840.015	BÌNH CHỨA	87.372		8%
12	3640630	HP HOSE 5 MT M- READY 840.026	DÂY DẪN 5MM	613.980		8%
13	3640640	MULTI LANCE OPP (1.04) BLACK 840.021	ĐẦU XỊT THĂNG, DET	168.912		8%
14	3640650	MULTI LANCE OPP (1.00) RED 840.020	ĐẦU XỊT THĂNG, DET	110.268		8%
15	3640660	STEEL ARMED HOSE 12MM 5,5MT 840.02	DÂY DẪN 5,5MM/HW111	1.111.320		8%
16	3640670	FOAM NOZZLE OPP 840.033	ỐNG PHUN	64.476		8%
17	3640950	BAYONET FIX BRUSH 840.013	BÀN CHẢI/HW111	165.996		8%
18	3641590	HIGH PRESSURE HOSE/ HW111	DÂY DẪN NƯỚC/HW111	1.272.240		8%
19	0028002039	BLADE COVER/HTR5600	BẢO VỆ LƯỖI/HTR5600	544.320	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
20	0028109009	BLADE COVER/HTR7610	BẢO VỆ LƯỖI/HTR7610	380.160	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
21	0301140000	CHIP RECEIVER/HTR7610	BỘ CHỨA MANH VUN/HTR7610	505.440	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
22	394369610	GUIDE TROLLEY DT4000/EK7651H	THANH ĐẪY ĐỊNH HƯỚNG/EK7651H	2.160.000		8%
23	442040661	SPROCKET NOSE BAR/EA3503S	LAM/EA3503S	972.000		8%
24	443053651	SPROCKET NOSE BAR 530MM	LAM 530MM	1.749.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
25	445045631	SPROCKET NOSE BAR 450MM	LAM 450MM	820.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
26	445050451	GUIDE BAR 73LPX (500MM)/EA5600F	LAM BÀNH XE 73LPX (500MM)/EA5600F	2.181.600		8%
27	445050655	SPROCKET NOSE BAR 500MM	LAM 500MM	896.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
28	445060455	SOLID NOSE BAR	LAM	2.030.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
29	523093672	SAW CHAIN 73DPX (500MM)/EA5600	DÂY XÍCH 73DPX (500MM)/EA5600	626.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
30	528099672	SAW CHAIN 73LPX (500MM)/EA5600	DÂY XÍCH 73LPX (500MM)/EA5600	793.800		8%
31	528099684	SAW CHAIN SET 84 1,5MM/.058"X3/8"	DÂY XÍCH 84 1,5MM/.058"X3/8"	788.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
32	534686072	SAW CHAIN SET 72 1,5MM/.058"X325"	DÂY XÍCH 72 1,5MM/.058"X325"	550.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
33	952010640	CHAIN PROTECTION COVER	BẢO VỆ XÍCH	191.808		8%
34	952020650	CHAIN PROTECTION COVER	BẢO VỆ XÍCH	254.880		8%
35	952020660	CHAIN PROTECTION COVER	BẢO VỆ XÍCH	228.960		8%
36	988000009	Safety Helmet	Nón Bảo Hộ	2.451.600		8%
37	988000103	Working Gloves	Găng Tay Bảo Hộ	1.643.760		8%
38	5019001000	TOOL KIT	DỤNG CỤ MÓC	88.990		10%
39	6018505200	BLADE (UPPER)	LƯỖI DAO CỦA MÁY TỈA HÀNG RÀO	946.080	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
40	6018505301	BLADE (LOWER)	LƯỖI DAO CỦA MÁY TỈA HÀNG RÀO	946.080	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
41	6018505400	UPPER BLADE	LƯỖI DAO CỦA MÁY TỈA HÀNG RÀO	1.116.180		8%
42	6018505500	LOWER BLADE	LƯỖI DAO CỦA MÁY TỈA HÀNG RÀO	1.116.180		8%
43	6417015003	BAND ASSY	NEP	770.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	10%
44	6659500901	PIPE	ỐNG CAO SU	135.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
45	6679504400	END PIPE	ĐẦU ỐNG	616.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	10%
46	6908031000	NOZZLE 1 HEAD	BÉC 1 ĐẦU	446.472		8%
47	6919500000	NOZZLE 4 HEAD	BÉC 4 ĐẦU	766.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
48	6939024000	JET NOZZLE	VỎI PHUN	5.788.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
49	6939025000	NOZZLE C-2	VỎI PHUN C-2	4.125.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
50	6958018000	NOZZLE 2 HEAD	VỎI PHUN 2 ĐẦU	561.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
51	6958025000	NOZZLE 2 HEAD	VỎI PHUN 2 ĐẦU	885.816		8%
52	6958029000	NOZZZLE COMPLETE/DVF154	ĐẦU PHUN CHỮ Y/DVF154	260.496		8%
53	040026-001	BLADE CHANGING ROD/SJ401	THANH CHẤM MÓ LƯỖI/SJ401	13.200		10%
54	122193-4	DUST BAG	TÚI CHỨA BỤI	345.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
55	122202-9	TRIMMER BASE ASSY/3700B,N3701,3703,3704	ĐỀ PHAY/3700B, N3701,3703,3704, 4403	804.600		8%
56	122238-8	TRIMMER BASE ASSY/3700B, N3701, 3703	ĐỀ PHAY TRONG SUỐT/3700B, N3701, 3703	416.448		8%
57	122256-6	GUIDE HOLDER ASSY	THANH DẪN HƯỚNG	698.760		8%
58	122291-4	NOZZLE ASS'Y/CL104D	ĐẦU HÚT BỤI DÙNG CHO THẠM	503.712		8%
59	122296-4	DUST BAG ASSY/9924DB	TÚI CHỨA BỤI/9924DB	365.400		8%
60	122334-2	NOZZLE COMPACT TYPE A 38MM (DRY)	ĐẦU HÚT BỤI LOẠI NHỎ GỌN A 38MM (KHÔ)	572.400		8%
61	122335-0	NOZZLE COMPACT TYPE B 38MM (WET)	ĐẦU HÚT BỤI LOẠI NHỎ GỌN B 38MM (ẨM)	538.056		8%
62	122343-1	TRIMMER GUIDE ASSY	THANH DẪN CẮT MÉP BÀ VỎ	810.000		8%
63	122351-2	DUST BAG ASSY/LS1011N,LS1030	TÚI CHỨA BỤI/ LS1011N,LS1030	133.164		8%
64	122391-0	STRAIGHT GUIDE ASSY	THANH DẪN HƯỚNG THẲNG	203.256		8%
65	122402-1	DUST BAG ASSY/1911B	TÚI CHỨA BỤI/1911B	1.319.760		8%
66	122446-1	HOLDER ASSY/LS1211s	GIÁ ĐỖ/LS1211	885.600		8%
67	122464-9	GRIP ASSY	TAY CẦM	527.040		8%
68	122470-4	VICE ASSY	KÈP NGANG	3.006.720		8%
69	122472-0	SET PLATE ASSY	TÀM CHÂN THÉP	70.200		8%
70	122473-8	ANGLE GUIDE ASSY	THANH DẪN GÓC	1.144.800		8%
71	122536-0	VICE ASSY	KÈP THẲNG ĐỨNG	274.010		10%
72	122548-3	DUST BAG ASSY/9910,9911	TÚI CHỨA BỤI/9910,9911	138.888		8%
73	122562-9	DUST BAG ASSY/9912,9403	TÚI CHỨA BỤI/9912,9403	387.828		8%
74	122563-7	VICE ASSY	KÈP NGANG	1.620.000		8%
75	122567-9	VICE ASSY	KÈP NGANG	1.573.560		8%
76	122574-2	DRILL CHUCK ASSY	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA	1.459.080		8%
77	122576-8	STOPPER POLE ASSY/DHP481	THƯỚC CẠNH ĐỘ SÂU/DHP481	47.304		8%
78	122652-8	DUST NOZZLE ASSY	ỐNG KẾT NỐI HÚT BỤI	58.752		8%
79	122683-7	BASE SET/4112HS	ĐỀ/4112HS	885.816		8%
80	122699-2	TRIMMER GUIDE ASSY/MT362	THANH CỬ/MT362	70.200		8%
81	122700-3	GUIDE HOLDER ASSY	ĐẦU DẪN HƯỚNG	353.484		8%
82	122703-7	TRIMMER GUIDE ASSY	THANH DẪN HƯỚNG CẮT MÉP	195.360		10%
83	122704-5	STRAIGHT GUIDE ASSEMBLY	THANH DẪN HƯỚNG CẮT MÉP THẲNG	98.820		8%
84	122707-9	RULER ASSY	THƯỚC ĐO	277.668		8%
85	122716-8	SUB PLATE ASSY	MIẾNG CHÈN	87.372		8%
86	122727-3	SIDE GRIP ASSY	TAY CẦM HORIZONTAL	735.588		8%
87	122739-6	RULER ASS'Y/2704N	THANH CỬ/2704N	4.278.960		8%
88	122793-0	DUST BAG ASSY/KP0810,KP0800,DKP180	TÚI CHỨA BỤI/KP0810,KP0800,DKP180	591.084		8%
89	122846-5	WHEEL COVER 180MM ASSY	CHÚP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 180MM	260.496		8%
90	122847-3	WHEEL COVER 230MM ASSY	CHÚP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 230MM	283.392		8%
91	122852-0	DUST BAG ASSY/LS1016,LS1216,LH1040,BL1040	TÚI CHỨA BỤI/LS1016,LS1216,LH1040,BL1040	75.924		8%
92	122853-8	DUST BAG ASSY/PC5000C	TÚI CHỨA BỤI/PC5000C	115.992		8%
93	122854-6	VICE ASSEMBLY	KÈP	542.190		10%
94	122864-3	TOOLLESS LOCK NUT ASSEMBLY M14/GA037G	MẶT BÍCH NGOÀI/GA037G	1.254.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	10%
95	122884-7	DUST BAG ASSEMBLY/DLS600	TÚI BỤI/DLS600	144.612		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
96	122889-7	WHEEL COVER 180K ASSEMBLY/GA7050	CHỤP BẢO VỆ 180K/GA7050	191.808		8%
97	122891-0	WHEEL COVER 230MM ASSY	CHỤP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 230MM	203.256		8%
98	122892-8	WHEEL COVER 230 ASSY/MT903	CHỤP BẢO VỆ Đĩa Mài MT903	240.300		8%
99	122893-6	TOOLLESS WHEEL COVER 100K ASSY/DG	CHỤP BẢO VỆ/DGA404	254.880		8%
100	122896-0	WHEEL COVER 150MM ASSY	CHỤP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 150MM	220.428		8%
101	122906-3	SHOULDER STRAP/DUR369A	DÂY ĐEO VAI/DUR369A	523.800		8%
102	122909-7	WHEEL COVER FOR CUT-OFF WHEEL	CHỤP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI DUNG KHI C	133.164		8%
103	122913-6	WHEEL COVER 230MM ASSY	CHỤP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 230MM	353.484		8%
104	122914-4	WHEEL COVER 180MM ASSY	CHỤP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 180MM	399.600		8%
105	122930-6	VISE ASSY	KẸP NGANG	2.845.800		8%
106	122939-8	WHEEL COVER 180MM ASSY	CHỤP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 180MM	214.704		8%
107	122940-3	VISE ASSY	BỘ KẸP THẮNG	282.810		10%
108	122A18-8	SIDE GRIP/DDA460	TAY CẦM BỀN/DDA460	393.552		8%
109	122A37-4	BAND ASSEMBLY/UH006G	DÂY ĐEO/UH006G	608.256		8%
110	122C02-5	SIDE GRIP/DDF486	TAY CẦM BỀN/DDF486	616.788		8%
111	122C54-6	DUST COLLECT COVER ATTACHMENT/DN	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI/DMC300	307.800		8%
112	122C71-6	DUST NOZZLE ASSEMBLY/JV001G	PHỤ KIỆN THU BỤI/JV001G	87.372		8%
113	122D08-9	GRIP ASSEMBLY/HP001G	TAY CẦM BỀN/HP001G	607.860		10%
114	122D10-2	GRIP ASSEMBLY/DHP486	TAY CẦM BỀN/DHP486	607.860		10%
115	122D11-0	GRIP ASSEMBLY/DHP481	TAY CẦM/DHP481	778.360		10%
116	122D16-0	BARREL ASSEMBLY A SET 400G/DGP180	ỐNG XÝ LANH CHỨA MỖ A 400G/DGP180	2.082.240		8%
117	122D94-0	SHOULDER STRAP ASSEMBLY/UR017G	DÂY ĐEO VAI/UR017G	174.636		8%
118	122F22-7	ABSORPTION CONNECTOR G3/4/HW001G	ĐẦU NỐI ỚNG DẪN NƯỚC G3/4/HW001G	103.032		8%
119	122F94-2	BAND ASSEMBLY/UB003G	DÂY ĐEO VAI/UB003G	347.760		8%
120	123001-2	CHARGER CASE TOP ASSY/BCC01/BCC02	NẮP BỘ SẠC/BCC01/BCC02	163.188		8%
121	123004-6	SHARPENING HOLDER ASSY	BẾ MÀI LƯỖI BẢO	82.500		10%
122	123006-2	SHARPENING HOLDER ASSY	BẾ MÀI LƯỖI BẢO	177.870		10%
123	123009-6	BLADE GAUGE ASSY	THƯỚC CANH LƯỖI	365.040		8%
124	123022-4	TRIMMER GUIDE ASSY	THANH DẪN CẮT MÉP CHO MÁY PHAY	365.040		8%
125	123029-0	STRAIGHT GUIDE ASSY/3600H	THANH DẪN HƯỚNG THẮNG/3600H	688.392		8%
126	123055-9	SHARPENING HOLDER ASSY	BẾ MÀI LƯỖI BẢO	93.150		8%
127	123060-6	GUIDE RULE ASSY	THƯỚC DẪN	427.896		8%
128	123062-2	BLADE GAUGE ASSY	THƯỚC CANH LƯỖI	81.648		8%
129	123099-9	WHEEL COVER 125MM ASSY	CHỤP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 125MM	135.972		8%
130	123138-5	SIDE GRIP ASSEMBLY/DHR400	BỘ TAY CẦM/DHR400	549.720		8%
131	123145-8	TOOLLESS WHEELCOVER 125AK ASSY/DG	CHỤP BẢO VỆ/DGA506Z	174.636		8%
132	123150-5	DUST BAG ASSEMBLY/PJ7000	TÚI CHỨA BỤI/PJ7000	138.888		8%
133	123230-7	WHEEL COVER 150AK ASSEMBLY/MT905	NẮP CHỤP BẢO VỆ 150K/MT905	151.740		8%
134	123241-2	DUST BAG ASSEMBLY/UB1103	TÚI CHỨA BỤI/UB1103	138.888		8%
135	123245-4	NOZZLE ASSY/UB1103	ỐNG THỔI/UB1103	98.820		8%
136	123246-2	LONG NOZZLE ASSEMBLY/DUB185	ỐNG THỔI DÀI/DUB185	296.244		8%
137	123328-0	DUST BAG ASSY/M9400B	TÚI CHỨA BỤI/M9400B	121.716		8%
138	123422-8	SHOULDER STRAP/UR101C	DÂY ĐEO VAI/UR101C	93.096		8%
139	123485-4	NOZZLE ASSY	ĐẦU HÚT BỤI	226.800		8%
140	123486-2	NOZZLE ASSY	ĐẦU HÚT BỤI	289.116		8%
141	123488-8	NOZZLE ASSY	ĐẦU HÚT BỤI	270.000		8%
142	123539-7	NOZZLE BLACK 28	ĐẦU HÚT T MÀU ĐEN 28	289.116		8%
143	123636-9	HEPA FILTER ASSEMBLY/DVC261	MÀNG LỌC HEPA/DVC261	168.480	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
144	123784-4	HIGH PRESSURE HOSE 10M/HW1200	DÂY DẪN 10M	520.884		8%
145	125097-9	WHEEL COVER ASSY/9015B	CHỤP BẢO VỆ/9015B	138.888		8%
146	125157-7	ARM 6 ASSY/9032	THANH TRƯỢT 6/9032	1.571.400		8%
147	125158-5	ARM 9 ASSY/9032	THANH TRƯỢT 9/9032	846.450		8%
148	125159-3	ARM 13 ASSY/9032	THANH TRƯỢT 13/9032	3.180.600		8%
149	125172-1	WHEEL COVER 100MM ASSY	CHỤP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 100MM	207.900		8%
150	125185-2	WHEEL COVER ASSY/4112HS	CHỤP BẢO VỆ/4112HS	3.678.480		8%
151	125266-2	WHEEL COVER 100MM ASSY	CHỤP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 100MM	70.200		8%
152	125268-8	WHEEL COVER 125MM ASSY	CHỤP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 125MM	87.372		8%
153	125336-7	WHEEL COVER ASSY/4114S	CHỤP BẢO VỆ/4114S	3.709.800		8%
154	125516-5	BAND ASSEMBLY/PDC01	DÂY ĐEO/PDC01	85.860		8%
155	125520-4	BAND ASSEMBLY/RBC413U	DÂY ĐEO VAI/RBC413U	129.600		8%
156	125729-8	NOZZLE ASSEMBLY/BHX2500	ỐNG NỔI/BHX2500	232.200		8%
157	125779-3	GRIP ASSEMBLY/BO5041	TAY CẦM /BO5041	198.936		8%
158	125885-4	WHEEL COVER 100AK ASSY/GA4030	CHỤP BẢO VỆ/GA4030	93.096		8%
159	126206-3	FLEXIBLE ASSEMBLY/DVR450Z	DÂY ĐAM DỪ/ DVR450Z	6.604.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
160	126285-1	SHEAR BLADE ASSEMBLY/EH7500S	BỘ LƯỖI CẮT/EH7500S	1.598.400		8%
161	126331-0	DUST NOZZLE ASSEMBLY/DJV181, DJV18	PHỤ KIỆN KẾT NỐI HÚT BỤI/DJV181, DJV	66.150		8%
162	126412-0	GRIP ASSEMBLY/DDF481	TAY CẦM/DDF481	597.240		8%
163	126599-8	DUST BAG/DSP600	TÚI CHỨA BỤI/DSP600	254.880		8%
164	126617-2	VISE ASSY/LS1019L	KẸP GIỮ VẬT LIỆU/LS1019L	572.400		8%
165	126642-3	PLASTIC BLADE ASSEMBLY/255-M10/DUR	LƯỖI CẮT CỎ NHỰA Y255-M10/DUR365U	329.400		8%
166	126688-9	DUST BAG ASSEMBLY/M4001B	TÚI CHỨA BỤI BẰNG VAI/M4001B	133.164		8%
167	126738-0	DUST BAG ASSEMBLY/4100KB	TÚI BỤI/4100KB	144.612		8%
168	126751-8	DUST NOZZLE ASSY	ỐNG HÚT BỤI	535.248		8%
169	126756-8	BENT PIPE ASSEMBLY/DVC260	ỐNG HÚT BỤI/DVC260	208.980		8%
170	126766-5	HIGH PRESSURE HOSE 5M/DHW080	ỐNG XỊT NƯỚC ẤP LỰC CAO 5M/DHW080	422.280		8%
171	127069-0	ANGLE RULE ASSEMBLY/2704N	THƯỚC CHỈNH GÓC CẮT VẬT LIỆU/2704N	1.428.840		8%
172	127093-3	BENDING PIPE ASSEMBLY WITH PIPE LOC	ỐNG NỐI HÚT BỤI CÔNG CỎ KHÓA 28MM	306.450		8%
173	127104-4	STORAGE BOX ASSEMBLY/DHW080	THÙNG ĐỰNG NƯỚC/DHW080	1.921.320		8%
174	127147-6	115/125MM DUST COVER K SET/PCS010C	CHỤP BẢO VỆ/PCS010C	1.006.020		8%
175	127224-4	NOSEPIECE ASSEMBLY 6.4MM/DRV250	ĐẦU LẮP MŨI 6.4MM/DRV250	416.448		8%
176	127228-6	NOSEPIECE ASSEMBLY 4.0MM/DRV150	ĐẦU LẮP MŨI 4.0MM/DRV150	410.724		8%
177	127229-4	NOSEPIECE ASSEMBLY 3.2MM/DRV150	ĐẦU LẮP MŨI 3.2MM/DRV150	410.724		8%
178	127230-9	NOSEPIECE ASSEMBLY 2.4MM/DRV150	ĐẦU LẮP MŨI 2.4MM/DRV150	427.896		8%
179	127425-4	VACUUM PIPE A ASSEMBLY/DUB363	ỐNG HÚT BỤI A/DUB363	190.080	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
180	127474-1	JAW PUSHER ASSEMBLY 4.0/DRV250	THANH Đẩy ĐINH 4.0/DRV250	163.188		8%
181	127476-7	JAW PUSHER ASSEMBLY 3.1/DRV150	THANH Đẩy ĐINH 3.1/DRV150	157.464		8%
182	127477-5	JAW PUSHER ASSEMBLY 2.5/DRV150	THANH Đẩy ĐINH 2.5/DRV150	163.188		8%
183	127478-3	JAW PUSHER ASSEMBLY 1.9/DRV150	THANH Đẩy ĐINH 1.9/DRV150	157.464		8%
184	127482-2	DUST CAP ASSEMBLY/DCS553	BỘ ĐẦU NỐI HÚT BỤI/DCS553	671.220		8%
185	127508-0	BAND ASSY/DUX18	BỘ DÂY ĐEO BĂNG VAI/DUX18	108.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
186	127512-9	DUST BAG/LS002G	TÚI CHỨA BỤI/LS002G	226.152		8%
187	127552-7	SIDE GRIP LONG/DF001G	TAY CẦM BỀN DÀI/DF001G	578.124		8%
188	127579-7	SIDE GRIP SHORT/DF001G	TAY CẦM BỀN NGẮN/DF001G	637.010		10%
189	127605-2	PLASTIC TELESCOPIC PIPE 28MM/DVC155	ỐNG HÚT BỤI ĐIỀU CHỈNH ĐỘ DÀI 28MM	948.780		8%
190	127607-8	TOOL BOX ASSEMBLY/DVC155Z	HỘP ĐỰNG DỤNG CỤ/DVC155Z	457.920		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
191	127622-2	TOOL BOX ASSEMBLY/DVC156	KHAY Đựng PHỤ KIỆN HÚT BỤI/DVC156	463.644		8%
192	127713-9	TOOLLESS WHEEL COVER 180MM ASSY/0	CHỤP BẢO VỆ LƯỚI CẮT 180MM/GA037G	257.580		8%
193	127714-7	TOOLLESS WHEEL COVER 230MM ASSY/0	CHỤP BẢO VỆ LƯỚI CẮT 230MM/GA038G	296.244		8%
194	127725-2	HEPA FILTER ASSEMBLY/DVC261	MÀNG LỌC HEPA/DVC261	168.912		8%
195	127759-5	BAND ASSEMBLY L/UX01G	DÂY ĐEO L/UX01G	130.950		8%
196	127825-8	NOZZLE ASSEMBLY FOR FLOOR & CARPET	ĐẦU HÚT BỤI DÙNG CHO SÀN VÀ THAM/	325.080		8%
197	127828-2	NOZZLE ASSEMBLY FOR FLOOR & CARPET	ĐẦU HÚT BỤI DÙNG CHO SÀN VÀ THAM/	325.080		8%
198	12L	CUTTER HSS(LONG)12X55MM	MŨI KHOAN TỦ HSS(DÀI)12X55MM	674.028		8%
199	12S	CUTTER HSS(SHORT)12X35MM	MŨI KHOAN TỦ HSS(NGẮN)12X35MM	456.840		8%
200	132025-7	NOZZLE CLEANER 220MM ASSY/DUB182	ĐẦU HÚT BỤI 220MM/DUB182	144.612		8%
201	133533-1	WHEEL COVER 150 ASS'Y	CHỤP BẢO VỆ150/	280.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
202	134279-2	BORER ATTACHMENT	BỘ KÉP	4.114.000		10%
203	134743-3	SOCKET USE WITH RATCHET HEAD SIZE: 13	ĐẦU SIẾT BU LÔNG 17X31	376.380		8%
204	134744-1	SOCKET USE WITH RATCHET HEAD SIZE: 13	ĐẦU SIẾT BU LÔNG 19X33	382.320		8%
205	134745-9	SOCKET ADAPTER USE WITH RATCHET HEAD	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI SIẾT BU LÔNG 9.5MM	457.920		8%
206	134746-7	SOCKET ADAPTER USE WITH RATCHET HEAD	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI SIẾT BU LÔNG 12.7MM	376.380		8%
207	134825-1	SOCKET 13-38 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 13-38	113.400		8%
208	134853-6	SOCKET 26-52 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 26-52	253.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
209	134854-4	SOCKET 26-95 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 26-95	513.000		8%
210	134855-2	SOCKET 27-52 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 27-52	253.800		8%
211	134856-0	SOCKET 27-95 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 27-95	513.000		8%
212	134857-8	SOCKET 30-52 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 30-52	253.800		8%
213	134858-6	SOCKET 30-95 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 30-95	513.000		8%
214	134859-4	SOCKET 32-95 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 32-95	513.000		8%
215	134860-9	SOCKET 35-56 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 35-56	307.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
216	134861-7	SOCKET 35-95 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 35-95	540.000		8%
217	134862-5	SOCKET 36-56 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 36-56	318.600		8%
218	134863-3	SOCKET 36-95 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 36-95	572.400		8%
219	134864-1	SOCKET 35-80 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 35-80	561.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
220	134865-9	SOCKET 36-80 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 36-80	561.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
221	134870-6	EXTENSION BAR 25.4 ASSY	KHỚP NỐI DÙNG SIẾT BU LÔNG 25.4	3.099.600		8%
222	134872-2	SOCKET 41-80 ASSY	ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 41-80	604.800		8%
223	134874-8	EXTENSION BAR 12.7 ASSY	KHỚP NỐI DÙNG SIẾT BU LÔNG 12.7	874.800		8%
224	134877-2	UNIVERSAL JOINT 12.7 ASSY	KHỚP NỐI ĐA NĂNG 12.7	2.521.800		8%
225	134890-0	SIDE HANDLE 68 ASS'Y	TAY CẦM BỀN 68	1.188.000		8%
226	134909-5	SIDE HANDLE ASSY	TAY CẦM BỀN	885.600		8%
227	135108-2	TOOLLESS WHEEL COVER 125 ASSY	CHỤP BẢO VỆ KHÔNG CẦN DÙNG CỤ 125	163.188		8%
228	135125-2	ANGLE HEAD(E-FORM/MZ)	ĐẦU VẠN VÍT GÓC (E-FORM/MZ)	3.088.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
229	135132-5	DUST BAG ASSY	TÚI CHỨA BỤI	151.740		8%
230	135183-8	ANGLE HEAD(E-FORM/NZ)	ĐẦU VẠN VÍT GÓC (E-FORM/NZ)	3.099.600		8%
231	135192-7	WHEEL COVER 150MM ASSY	CHỤP BẢO VỆ 150MM	153.144		8%
232	135197-7	GRIP 36 ASSY	TAY CẦM 36	741.312		8%
233	135200-4	ANGLE HEAD(C-FORM)	ĐẦU VẠN VÍT GÓC (C-FORM)	2.938.680		8%
234	135201-2	ANGLE WRENCH HEAD 9.5MM (3/8") SQUARE	ĐẦU SIẾT BU LÔNG GÓC 9.5MM (3/8")	3.193.560		8%
235	135209-6	GRIP 36 ASSY	TAY CẦM 36	717.120		8%
236	135222-4	DUST BAG ASSY/BO4555	TÚI CHỨA BỤI/BO4555	138.888		8%
237	135246-0	DUST BOX ASSEMBLY WITH PAPER DUST	HỘP ĐỰNG TÚI BỤI GIẤY	115.992		8%
238	135269-8	SIDE HANDLE 82 ASSY	TAY CẦM HỒNG 82	1.366.200		8%
239	135302-6	GRIP 36 ASSY	TAY CẦM 36	87.372		8%
240	135327-0	DUST BOX ASSEMBLY	HỘP ĐỰNG BỤI	138.888		8%
241	135332-7	GRIP 36 ASSY	TAY CẦM 36	682.668		8%
242	135380-6	GRIP 36 ASSY	TAY CẦM 36	685.800		8%
243	135963-2	HOOK ASSY/DHR280	MỐC TREO/DHR280	98.820		8%
244	136018-6	DUST CASE ASSY/HR2650	BỘ PHỤ KIỆN HÚT BỤI/HR2650	1.982.880	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
245	136257-8	DUST CASE ASSY/HR2651T	PHỤ KIỆN CHỨA BỤI/HR2651T	2.249.640		8%
246	136258-6	DUST CASE ASSY/HR2651/HR2650	PHỤ KIỆN CHỨA BỤI/HR2651/HR2650	2.128.680		8%
247	136362-1	SIDE HANDLE/HM001G	TAY CẦM BỀN/HM001G	671.220		8%
248	136603-5	GRIP 36 ASSY	TAY CẦM 36	180.360		8%
249	13L	CUTTER HSS(LONG)13X55MM	MŨI KHOAN TỦ HSS(DÀI)13X55MM	696.924		8%
250	13S	CUTTER HSS(SHORT)13X35MM	MŨI KHOAN TỦ HSS(NGẮN)13X35MM	462.240		8%
251	140073-2	STEEL CARRYING CASE COMPLETE/PCS000	THÙNG MÂY/PCS000C	3.099.600		8%
252	140115-2	DUST BAG COMPLETE/BO3710	TÚI CHỨA BỤI/BO3710	53.028		8%
253	140248-3	CLOTH FILTER COMPLETE	TÚI ĐỰNG PHAO	306.450		8%
254	140401-1	PLASTIC CASE COMPLETE/HR2611F	HỘP NHỰA/HR2611F	613.980		8%
255	140441-9	PAD COMPLETE/BO3710	TÀM LÓT/BO3710	85.860		8%
256	140604-3	HOSE COMPLETE 28-2.0M WITH FRONT C	ỐNG MỀM HÚT BỤI 28MM-2.0M VỚI VÒNG	226.152		8%
257	140619-0	ALUMINUM TELESCOPIC PIPE ASSEMBLY	ỐNG NỐI HÚT BỤI(NHÔM)/DVC261	542.190		10%
258	140626-3	BENT PIPE COMPLETE WITH PIPE LOCK	ỐNG CONG LOẠI CỐ KHÓA	266.220		8%
259	140650-6	GRIP COMPLETE/DUT130	GIỮ CỘ ĐINH/DUT130	324.000		8%
260	140H92-6	HOSE COMPLETE/CL121D	ỐNG DẪN BỤI/CL121D	277.668		8%
261	140H94-2	SOFT BRUSH 360 COMPLETE	CHỔI TRƠN 360 XANH	115.992		8%
262	140H95-0	SEAT NOZZLE 120 COMPLETE	ĐẦU HÚT T 120 XANH(DON GHÉ XE HƠI)	138.888		8%
263	140J64-3	BLOWER NOZZLE COMPLETE	ĐẦU THỜI KHE MỀM XANH	231.876		8%
264	140K23-3	VALVE STAY COMPLETE/DCL280F	MỀNG ĐỆM GÁI ĐẦU HÚT BỤI/DCL280F	47.304		8%
265	140N45-1	WHEEL COVER FOR CUT-OFF WHEEL 125	CHỤP BẢO VỆ CHO ĐÁ CẮT KIM CƯƠNG 1	415.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
266	140X75-2	GRIP/PV301D	TAY CẦM BỀN/PV301D	154.550		10%
267	140Y23-7	WATER SUPPLY HOSE COMPLETE/DCCS00	ỐNG DẪN NƯỚC/DCCS00	197.640		8%
268	141104-0	PLASTIC CARRYING CASE/DF030D	THÙNG NHỰA/DF030D	405.000		8%
269	141856-3	PLASTIC CASE COMPLETE/DF456D	THÙNG MÂY/DF456D	509.760		8%
270	141873-3	BELT HOOK COMPLETE/VC3211M	DÂY ĐEO CỐ MỐC GIỮ/VC3211M	47.304		8%
271	141P46-4	WHEEL COVER 125 COMPLETE/GA5090	NÁP CHỤP BẢO VỆ 125/GA5090	163.188		8%
272	141P47-2	WHEEL COVER 150 COMPLETE/GA048G	NÁP CHỤP BẢO VỆ 150/GA048G	214.704		8%
273	142088-5	GRIP 36 COMPLETE/MT660	TAY CẦM/MT660	53.028		8%
274	142845-1	CHARGER CASE COMPLETE	VỎ BỘ SẠC	1.944.000		8%
275	143486-6	GRIP 37 COMPLETE/GA7060	TAY CẦM 37/GA7060	55.836		8%
276	143603-8	PLASTIC CARRYING CASE	HỘP NHỰA BẢO VỆ	847.800		8%
277	143627-4	DUST BAG COMPLETE/M9203B	TÚI CHỨA BỤI/M9203B	70.200		8%
278	143677-9	VALVE STAY COMPLETE/CL182FD	MỀNG ĐỆM GÁI ĐẦU HÚT/CL182FD	47.304		8%
279	143787-2	HOSE 28-1M	ỐNG MỀM 28-1M	730.080		8%
280	144408-9	HOSE 28-1.5 WITHOUT CUFFS	ỐNG MỀM 28-1.5 KHÔNG KHÓA	699.840		8%
281	144675-6	FOOT COMPLETE/DCU180	CHÂN PHỤ/DCU180	157.464		8%
282	14L	CUTTER HSS(LONG)14X55MM	MŨI KHOAN TỦ HSS(DÀI)14X55MM	719.820		8%
283	14S	CUTTER HSS(SHORT)14X35MM	MŨI KHOAN TỦ HSS(NGẮN)14X35MM	480.816		8%
284	150662-5	SUB FENCE COMPLETE	TÀM CHÂN PHỤ	198.220		10%
285	150980-1	STEEL PLATE COMPLETE	TÀM ĐỆM THÉP	212.850		10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
286	151517-7	DUST BAG COMPLETE/BO6030	TÚI CHỨA BỤI BẰNG VẢI/BO6030	186.084		8%
287	151780-2	DUST BAG COMPLETE	TÚI CHỨA BỤI	64.476		8%
288	152490-4	SIDE GRIP/N9500N	TAY CẦM CHO MÁY MÀI/N9500N	75.924		8%
289	152491-2	GRIP 36 COMPLETE	TAY CẦM 36	93.096		8%
290	152492-0	GRIP 36 COMPLETE/9015B	TAY CẦM /9015B	93.096		8%
291	152539-0	GRIP 36 COMPLETE	TAY CẦM 36	58.752		8%
292	152892-4	GRIP COMPLETE/UT1305	TAY CẦM/UT1305	301.968		8%
293	152992-0	HOSE 28-1.5	ỐNG MỀM 28-1.5	850.068		8%
294	153489-2	GRIP 36 COMPLETE	TAY CẦM 36	35.856		8%
295	153503-4	GRIP 36 COMPLETE/HP1630	TAY CẦM/HP1630	34.344		8%
296	153504-2	GRIP 36 COMPLETE/GA4030	TAY CẦM 36/GA4030	47.304		8%
297	153909-6	OUTER SLEEVE 22-39 COMPLETE/6922NB	NÁP CHỤP NGOÀI/6922NB	1.649.890		10%
298	154665-1	WHEEL COVER 230MM COMPLETE/M0921B	CHỤP BẢO VỆ 230MM/M0921B	231.876		8%
299	154666-9	WHEEL COVER 180 COMPLETE/M0920B	CHỤP BẢO VỆ 180/M0920B	128.844		8%
300	154672-4	WHEEL COVER 230MM COMPLETE	CHỤP BẢO VỆ 230MM	191.808		8%
301	154674-0	WHEEL COVER 180MM COMPLETE	CHỤP BẢO VỆ 180MM	135.972		8%
302	154755-0	WHEEL COVER COMPLETE/9500NB	CHỤP BẢO VỆ/9500NB	70.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 40% và số lượng có hạn.	8%
303	154935-8	GRIP 36 COMPLETE/HR2300	TAY CẦM/HR2300	65.880		8%
304	155263-4	TRIMMER SHOE	ĐẼ CÁT VẬT CẠNH CHO MÁY PHAY	810.000		8%
305	158024-1	HOOK COMPLETE	MỐC	41.580		8%
306	158057-6	GRIP 36 COMPLETE/DHR165	TAY CẦM/DHR165	98.820		8%
307	158131-0	GRIP 36 COMPLETE	TAY CẦM 36	340.200		8%
308	158237-4	GRIP 36 COMPLETE/DGA413	TAY CẦM/DGA413	70.200		8%
309	158323-1	PAD COMPLETE/BO4555	ĐẼ LỐT/BO4555	104.544		8%
310	158324-9	PAD COMPLETE/BO4556	ĐẼ LỐT/BO4556	98.820		8%
311	158595-8	PAD COMPLETE	ĐẼ LỐT/MT921	81.648		8%
312	158796-8	PAD COMPLETE/MT920	ĐẼ LỐT/MT920	58.752		8%
313	158980-5	KNOB 55 COMPLETE	TAY CẦM	254.880		8%
314	15L	CUTTER HSS(LONG)15X55MM	MÙI KHOAN TỦ HSS(DÀI)15X55MM	738.720		8%
315	15S	CUTTER HSS(SHORT)15X35MM	MÙI KHOAN TỦ HSS(NGẮN)15X35MM	473.688		8%
316	161347-8	SHOULDER BELT/DWT310	DÂY ĐEO VAI/DWT310	144.612		8%
317	161377-9	HARNES/DUP361	BỘ DÂY ĐEO/DUP361	815.724		8%
318	161379-5	HOLSTER/DUP361	TÚI ĐEO/DUP361	330.588		8%
319	161464-4	SHOULDER BELT/197941-0	DÂY ĐEO VAI/197941-0	121.716		8%
320	161603-6	HARNES/DUP362	TÚI ĐỪNG DUNG CỤ/DUP362	804.600		8%
321	161884-2	BAND COMPL/DVF154	DÂY ĐEO VAI/DVF154	359.208		8%
322	161887-6	GUIDE BAR 10/DUC204	LAM 10/DUC204	555.228		8%
323	161888-4	GUIDE BAR 8/DUC204	LAM 8/DUC204	509.760		8%
324	162264-5	VIBRATION PROOF GRIP/GA9030R	TAY CẦM/GA9030R	29.160		8%
325	162315-4	LATCH/DFS251	CHÓT GÁI/DFS251	35.856		8%
326	162341-3	BRACKET/DTW1001	GIÁ TREO/DTW1001	168.912		8%
327	162518-0	FILTER COMPLETE/DVC750L	BỘ LỌC BỤI/DVC750L	393.552		8%
328	162544-9	SHOULDER BELT/CL121D	DÂY ĐEO VAI/CL121D	114.750		8%
329	162547-3	SPROCKET NOSE BAR M11 (250MM)/DUC2	LAM BÁNH XE M11 (250MM)/DUC254ZNR	827.280		8%
330	162555-4	WHEEL COVER FOR CUT-OFF WHEEL 100	CHỤP BẢO VỆ CHO ĐÀ CÁT 100MM	1.009.800		8%
331	162635-6	HEPA FILTER COMPLETE/DVC750L	BỘ LỌC HEPA/DVC750L	243.324		8%
332	162662-3	ADAPTER 1PC/DGP180	ĐẦU BƠM MỎ 1 CÁI/DGP180	302.400		8%
333	162669-9	SOLID CARVING BAR M11 (250MM)/DUC2	LAM M11 (250MM)/DUC254HZR	2.244.240		8%
334	162697-4	DUST BAG/DUB363	TÚI CHỨA BỤI/DUB363	560.952		8%
335	162698-2	BAND 30 COMPLETE/DUB363	DÂY ĐEO VAI 30/DUB363	107.352		8%
336	162706-9	WHEEL COVER FOR ABRASIVE CUT-OFF W	CHỤP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 100MM	483.840		8%
337	162708-5	WHEEL COVER FOR ABRASIVE CUT-OFF W	CHỤP BẢO VỆ CHO MÁY MÀI 125MM	226.152		8%
338	162742-5	WHEEL COVER 230/DCE090	BOC BẢO VỆ LƯỚI 230/DCE090	841.050		8%
339	162744-1	PIPE 4.1 COMPLETE/DRV250	ỐNG DẪN 4.1/DRV250	412.500		10%
340	162745-9	PIPE 3.4 COMPLETE/DRV250	ỐNG DẪN 3.4/DRV250	1.460.470		10%
341	162746-7	PIPE 2.6 COMPLETE/DRV150	ỐNG DẪN 2.6/DRV150	648.670		10%
342	162747-5	PIPE 2.2 COMPLETE/DRV150	ỐNG DẪN 2.2/DRV150	648.670		10%
343	162755-6	NYLON BRUSH/DTR180	CHÓI VỆ SINH ỐNG KẼM/DTR180	966.600		8%
344	162947-7	WHEEL COVER 150/GA035G	CHỤP BẢO VỆ 150/GA035G	277.668		8%
345	162C23-5	HOLSTER/UP001G	TÚI ĐEO HỒNG ĐỪNG MÁY/UP001G	220.428		8%
346	163080-8	TEMPLET GUIDE 29	DẪN HƯỚNG 29	353.484		8%
347	163319-9	HAND STRAP/PM7650H	DÂY ĐEO/PM7650H	30.240		8%
348	163400-6	HANDSTRAP/DCL180	DÂY TREO MÁY/DCL180	24.408		8%
349	163445-4	WHEEL COVER	CHỤP BẢO VỆ	353.484		8%
350	163446-2	WHEEL COVER	CHỤP BẢO VỆ	353.484		8%
351	163467-4	LATCH/DPB180	CHÓT GÁI/DPB180	41.580		8%
352	163539-5	GUIDE RULE/M1100B	THUỐT CẠNH MỀM/M1100B	325.080		8%
353	164019-4	GUIDE RULE	THUỐC DẪN	216.000		8%
354	164095-8	GUIDE RULE/MT583	THUỐC DẪN/MT583	83.160		10%
355	164350-8	PIPE/4107R	ỐNG DẪN/4107R	832.896		8%
356	164367-1	GUIDE RULE/N5900B	THUỐC DẪN/N5900B	106.480		10%
357	164379-4	TEMPLET GUIDE 9.5	DẪN HƯỚNG 9.5	433.620		8%
358	164388-3	TEMPLET GUIDE 12	DẪN HƯỚNG 12	399.600		8%
359	164393-0	TEMPLET GUIDE 20	DẪN HƯỚNG 20	597.240		8%
360	164405-9	PIPE	ỐNG DẪN	249.048		8%
361	164470-8	TEMPLET GUIDE 27	DẪN HƯỚNG 27	452.520		8%
362	164471-6	TEMPLET GUIDE 30	DẪN HƯỚNG 30	382.320		8%
363	164472-4	TEMPLET GUIDE 40	DẪN HƯỚNG 40	625.428		8%
364	164533-0	GUIDE BAR	LAM	1.053.000		8%
365	164775-6	TEMPLET GUIDE 11	DẪN HƯỚNG 11	399.600		8%
366	164776-4	TEMPLET GUIDE 13	DẪN HƯỚNG 13	440.748		8%
367	164834-6	STRAIGHT GUIDE/RP0900	THANH DẪN HƯỚNG/RP0900	115.992		8%
368	165046-4	TEMPLET GUIDE 40	DẪN HƯỚNG 40	572.400		8%
369	165153-3	GUIDE RULE/RS001G	THUỐC DẪN/RS001G	216.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
370	165215-7	WHEEL COVER/9067	CHỤP BẢO VỆ/9067	157.464		8%
371	165216-5	WHEEL COVER/9069	CHỤP BẢO VỆ/9069	243.324		8%
372	165364-0	TEMPLET GUIDE 24	DẪN HƯỚNG 24	405.000		8%
373	165366-6	TEMPLET GUIDE 17B	DẪN HƯỚNG 17B	410.724		8%
374	165431-1	BASE/4114S	ĐẼ/4114S	437.400		8%
375	165447-6	SUB BASE	ĐẼ PHỤ	403.650		8%
376	165486-6	COVER FOR CUT OFF WHEEL 150MM	CHỤP BẢO VỆ KHI CẮT 150MM	993.600		8%
377	165714-9	WHEEL COVER 125	CHỤP BẢO VỆ / GS5000	189.530		10%
378	165757-1	MIXING BLADE 165/M6600XB	LƯỚI TRƠN 165/M6600XB	174.636		8%
379	166043-3	DUST BAG	TÚI CHỨA BỤI	38.880	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
380	166058-0	SHOULDER BELT	DÂY ĐEO VAI	266.220		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
381	166078-4	DUST BAG/BO4555	TÚI CHỨA BUI/BO4555	57.240		8%
382	166094-6	SHOULDER BELT	DÂY ĐEO VAI	87.372		8%
383	166124-3	SHOULDER BELT/DCL500	DÂY ĐEO/DCL500	98.820		8%
384	168349-5	SHAFT/M6600B	THANH TRỤC TRÒN SƠN/M6600B	565.510		10%
385	168407-7	GUIDE BAR 25AP (250MM)/DUC254Z	LAM BÀNH XE 25AP (250MM)/DUC254Z	1.922.400		8%
386	16L	CUTTER HSS(LONG)16X55MM	MŨI KHOAN TỦ HSS(DÀI)16X55MM	762.804		8%
387	16S	CUTTER HSS(SHORT)16X35MM	MŨI KHOAN TỦ HSS(NGẮN)16X35MM	496.800		8%
388	170043110N	GUARD	CHẪN BẢO VỆ	237.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
389	17L	CUTTER HSS(LONG)17X55MM	MŨI KHOAN TỦ HSS(DÀI)17X55MM	785.700		8%
390	17S	CUTTER HSS(SHORT)17X35MM	MŨI KHOAN TỦ HSS(NGẮN)17X35MM	527.040		8%
391	183N93-7	PLASTIC WITH ACCESSORY	THÙNG ĐỰNG MÁY KÈM PHỤ KIỆN	642.600		8%
392	183P96-3	FRONT NOZZLE SET/DUB184	ỐNG THỜI TRƯỚC/DUB184	251.856		8%
393	183R02-0	LONG NOZZLE SET/DUB362	BỘ ỐNG THỜI DÀI/DUB362	144.612		8%
394	183R04-6	VACUUM PIPE A ASSEMBLY/DUB363ZV	ỐNG HÚT BỤI LOẠI A/DUB363ZV	315.900		8%
395	183R06-2	PIPE 90-72 ASSEMBLY/DUB363	ỐNG THỜI 90-72/DUB363	213.300		8%
396	183R08-8	VACUUM PIPE B/DUB363ZV	ỐNG HÚT BỤI LOẠI B/DUB363ZV	159.300		8%
397	18L	CUTTER HSS(LONG)18X55MM	MŨI KHOAN TỦ HSS(DÀI)18X55MM	827.280		8%
398	18S	CUTTER HSS(SHORT)18X35MM	MŨI KHOAN TỦ HSS(NGẮN)18X35MM	560.952		8%
399	1910C2-9	FLEXIBLE SHAFT 32-2.4 SET/VR003G	TRỤC ĐÀM DÙI BỀ TÔNG 32-2.4 SET/VR003G	10.188.720		8%
400	1910C4-5	FLEXIBLE SHAFT 38-2.4 SET/VR003G	TRỤC ĐÀM DÙI BỀ TÔNG ĐÉO 38-2.4 SET/VR003G	9.899.280		8%
401	1910C7-9	HIGH PERFORMANCE FILTER SET/CL003G	BỘ LỌC HIỆU SUẤT CAO/CL003G	313.416		8%
402	1910C9-5	FILTER H SET/CL003G	BỘ LỌC H/CL003G	393.552		8%
403	1910D3-4	CYCLONE UNIT SET WHITE//DCL180/280/2	BỘ PHÂN LÝ TÀM (MÀU TRẮNG)DCL180/280/2	1.388.880		8%
404	1910D4-2	CYCLONE UNIT SET BLUE/DCL180/280/28	BỘ PHÂN LÝ TÀM (MÀU XANH)DCL180/280/28	1.296.000		8%
405	1910D5-0	CYCLONE UNIT SET BLACK/DCL180/280/2	BỘ PHÂN LÝ TÀM (MÀU ĐEN)DCL180/280/2	1.388.880		8%
406	1910E1-5	FLEXIBLE SHAFT 32-1.2 SET/VR003G	TRỤC ĐÀM DÙI BỀ TÔNG 32-1.2 SET/VR003G	9.019.620		8%
407	1910E2-3	FLEXIBLE SHAFT 32-1.7 SET/VR003G	TRỤC ĐÀM DÙI BỀ TÔNG 32-1.7 SET/VR003G	9.459.720		8%
408	1910E3-1	FLEXIBLE SHAFT 38-1.2 SET/VR003G	TRỤC ĐÀM DÙI BỀ TÔNG ĐÉO 38-1.2 SET/VR003G	9.135.720		8%
409	1910G0-1	CHARGER DC18WC	SẠC PIN DC18WC	1.701.000		8%
410	1910H9-0	SHEAR BLADE ASSEMBLY SET 600MM/DUH606	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO 600MM/DUH606	1.483.650		8%
411	1910J1-0	XGT BATTERY COVER 4.0Ah AND 8.0Ah	VỎ BẢO VỆ PIN XGT 4.0Ah VÀ 8.0Ah	2.012.040		8%
412	1910J4-4	BATTERY CASE H SET/VR001G	CHỤP BẢO VỆ PIN LOẠI H/VR001G	770.040		8%
413	1910J6-0	ANGLE CHANGE ATTACHMENT FOR COR	PHỤ KIỆN THAY ĐỔI GÓC/DUA300	1.696.530		10%
414	1910M4-5	HIGH PERFORMANCE DUST BAG SET/CL002G	TÚI CHỨA BUI HIỆU SUẤT CAO/CL002G	191.808		8%
415	1910M5-3	CHIP RECEIVER 500MM SET/DUN500W	KHAY CHỨA CỎ 500MM/DUN500W	1.047.600		8%
416	1910M6-1	CHIP RECEIVER 600MM SET/DUN600L	KHAY CHỨA CỎ 600MM/DUN600L	977.400		8%
417	1910M7-9	ADAPTER PIPE 104-72 SET/UB002C	ỐNG CHUYỂN ĐỔI 104-72/UB002C	416.448		8%
418	1910N0-0	WATER FILTER SET/VC006G	BỘ LỌC NƯỚC/VC006G	497.988		8%
419	1910R1-6	HOSE ASSEMBLY SET/DHW080	BỘ ỐNG NỐI/DHW080	585.360		8%
420	1910R2-4	STRAINER ASSEMBLY SET/DHW080	BỘ ĐẦU NỐI BỘ LỌC/DHW080	838.620		8%
421	1910R3-2	POLY VINYL BAG 10PCS SET/VC006G	TÚI BỤI NHỰA VINYL 10PCS/SET/VC006G	382.320		8%
422	1910T1-0	CHIP RECEIVER ASSEMBLY SET 500MM/DUH507	PHỤ KIỆN CHỨA CỎ SET 500MM/DUH507	1.006.020		8%
423	1910T2-8	CHIP RECEIVER ASSEMBLY SET 600MM/DUH607	PHỤ KIỆN CHỨA CỎ SET 600MM/DUH607	1.011.960		8%
424	1910T8-6	BRUSH COMPLETE/DVC560	CHỔI QUÉT CHO MÁY HÚT BỤI/DVC560	1.481.760		8%
425	1910V6-4	SAW CHAIN 80TXL (100MM)/UC100D/DUC101	DÂY XÍCH 80TXL (100MM)/UC100D/DUC101	347.760		8%
426	1910W0-3	GUIDE BAR 80TXL (100MM)/UC100D/DUC101	LAM 80TXL (100MM)/UC100D/DUC101	543.780		8%
427	1910X1-8	BARREL ASSEMBLY B SET 450G/DGP180	ỐNG XÝ LẠNH CHỨA MỎ B 450G/DGP180	3.446.280		8%
428	1910X3-4	BARREL ASSEMBLY C SET 500G/DGP180	ỐNG XÝ LẠNH CHỨA MỎ C 500G/DGP180	3.468.960		8%
429	1910X4-2	CARTRIDGE BARREL B SET 450G/DGP180	ỐNG CHỨA MỎ B 450G/DGP180	2.473.460		10%
430	1910X6-8	GRIP 35 SET/GA050G	TAY CẦM 35/GA050G	231.876		8%
431	1910Y3-1	TELESCOPIC PIPE ASSEMBLY+NOZZLE H	ỐNG NỐI HÚT BỤI + ĐẦU GIỮ ỐNG HÚT BỤI	520.884		8%
432	1910Y4-9	FILTER BAG SET 35L/VC006GM	TÚI LỌC BỤI BẢNG VAI ĐỆT 35L/VC006GM	735.588		8%
433	1911A1-3	SOLID CARVING BAR 25AP (250MM)/DUC254Z	LAM ĐIỀU KHẮC 25AP (250MM)/DUC254Z	2.128.680		8%
434	1911B3-6	FUNCTIONAL UNIT FOR FLAT BUCKET +	KHUNG THÙNG CHỨA PHẪNG + THÙNG C	23.553.200		10%
435	1911B4-4	DAMPER SET/VC006G	BỘ GIẢM RUNG/VC006G	98.820		8%
436	1911B5-2	PRE-FILTER SET/VC006G	BỘ LỌC TRƯỚC/VC006G	301.968		8%
437	1911B6-0	POWDER FILTER M SET/VC006G	BỘ LỌC BỤI M/VC006G	578.124		8%
438	1911B7-8	POWDER FILTER H SET/VC006G	BỘ LỌC BỤI H/VC006G	608.256		8%
439	1911H9-6	WIRE GIDE B/DTRI81	DÂY DẪN HUỖNG MÀU ĐEN LOẠI B/DTRI81	919.710		10%
440	1911J1-6	SHEAR BLADE ASSEMBLY SET 500MM/DUH507	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO 500MM/DUH507	1.481.760		8%
441	1911J2-4	SHEAR BLADE ASSEMBLY SET 600MM/DUH607	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO 600MM/DUH607	1.490.400		8%
442	1911J4-0	NOZZLE FOR HARD FLOOR	ĐẦU HÚT SÀN	770.040		8%
443	1911J6-6	NOZZLE FOR CARPET	ĐẦU HÚT THẠM	387.450		8%
444	1911K0-5	TOOL HANGER SET/DHR183	BỘ MÓC TREO/DHR183	138.888		8%
445	1911K4-7	TIRE 330 ASSEMBLY	LỚP XE 330	2.890.620		8%
446	1911K5-5	GRAY TIRE 330 ASSEMBLY	LỚP XE XÀM 330	2.984.040		8%
447	1911K6-3	GRAY TIRE 210 ASSEMBLY	LỚP XE XÀM 210	2.059.560		8%
448	1911L1-0	STAND FOR CLEANER	CHÂN ĐỨNG CHO MÁY HÚT BỤI CẦM TAY	977.400		8%
449	1911L9-4	DC40WA BATTERY CHARGER SET	BỘ SẠC PIN DC40WA	4.371.840		8%
450	1911M9-1	EXTENSION PIPE SET/DGP180	THANH NỐI DÀI/DGP180	342.540		10%
451	1911P2-6	DUST COLLECTION SYSTEM SET/DX16	HỆ THỐNG THU BỤI/DX16	1.851.120		8%
452	1911P5-0	DUST CASE SET/DX16	HỘP LỌC BỤI/DX16	648.324		8%
453	1911P8-4	DUSTCUP SET/DHR183	LY CHỨA BỤI/DHR183	480.816		8%
454	1911R0-4	HOLSTER/DUC101	TÚI ĐEO/DUC101	699.840		8%
455	1911T4-0	HOLDER B SET FOR CAUKING GUN 600ML	BỘ ỐNG ĐỖ SILICON B 600ML	3.226.960		10%
456	1911T5-8	HOLDER D SET FOR CAUKING GUN 400ML	BỘ ỐNG ĐỖ SILICON D 400ML	3.180.320		10%
457	1911W1-7	SHEAR BLADE L SET/UP100D	LƯỠI CẮT CÀNH L/UP100D	440.748		8%
458	1911W2-5	SHEAR BLADE U SET/UP100D	LƯỠI CẮT CÀNH U/UP100D	440.748		8%
459	1911W4-1	PROTECTION COVER SET/VC008G	TÚI BẢO VỆ/VC008G	463.644		8%
460	1911W5-9	DRIVE SPROCKET 80TXL FOR 18V/12V M	NHÔNG XÍCH 80TXL CHO MÁY 18V/12V M	58.752		8%
461	1911X4-8	PROTECTOR U SET (330MM FOR NYLON C	CHỤP BẢO VỆ CHỮ U (DÀNH CHO ĐẦU CẮT C	422.280		8%
462	1911Y0-3	PROTECTOR FOR CHISEL BLADE/UR013G	CHỤP BẢO VỆ LƯỠI CÁT CỎ/UR013G	1.001.160		8%
463	1911Y1-1	PROTECTOR FOR SHLEDDER BLADE/UR013G	CHỤP BẢO VỆ LƯỠI CÁT CỎ/UR013G	666.160		10%
464	1911Y2-9	NYLON CUTTER AY(QUICK LOADING, Ø2	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CUỖC AY (LOẠI TÀI	787.320		8%
465	1911Y3-7	NYLON CUTTER AY(QUICK LOADING, Ø2	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CUỖC AY (LOẠI TÀI	832.896		8%
466	1912A3-5	GRIP ASSEMBLY/DDF489	TAY CẦM HỖ TRỢ/DDF489	743.380		10%
467	1912A4-3	GRIP ASSEMBLY/DHP489	TAY CẦM HỖ TRỢ/DHP489	755.040		10%
468	1912B1-6	GRIP ASSEMBLY SET/DVC560	TAY CẦM CHO MÁY HÚT BỤI/DVC560	1.995.840		8%
469	1912E4-1	DRESSER STONE SET/UP100D	ĐÀ MÀI LƯỠI CẮT CÀNH/UP100D	121.716		8%
470	1912E8-3	SAW CHAIN 80TXL (150MM)/DUC150/UC029G	DÂY XÍCH 80TXL (150MM)/DUC150/UC029G	383.508		8%
471	1912F1-4	GUIDE BAR 80TXL (150MM)/DUC150/UC029G	LAM 80TXL (150MM)/DUC150/UC029G	347.760		8%
472	1912F9-8	F/C SWITCHING T-NOZZLE 32	ĐẦU HÚT T CỎ KHÓA 32	1.007.640		8%
473	1912G2-9	SHEAR BLADE ASSEMBLY SET/EN422MP	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO/EN422MP	1.116.180		8%
474	1912G3-7	SHEAR BLADE ASSEMBLY SET/EN402MP	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO/EN402MP	1.688.580		8%
475	1912K6-9	COMMUNICATION CONNECTOR SET/ADP12	BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN/ADP12	4.620.240		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
476	1912L4-0	PROTECTION GUARD WITH PROTECTOR C	CHỤP BẢO VỆ CÓ KÉP CHO MÁY CẮT CỎ/	642.600		8%
477	1912R3-4	FILTER BAG SET 10L/VC001GL	TÚI LỌC BỤI/VC001GL	365.040		8%
478	1912R9-2	BLOWER ATTACHMENT/UB402MP	PHỤ KIỆN THỔI/UB402MP	2.661.120		8%
479	1912T2-0	GROUND TRIMMER ATTACHMENT/EN422	PHỤ KIỆN TỈA CÀNH THẤP/EN422MP	5.018.760		8%
480	1912U0-1	HEDGE TRIMMER ATTACHMENT/EN402M	PHỤ KIỆN TỈA HÀNG RÀO/EN402MP	5.366.520		8%
481	1912V6-6	SHEAR BLADE ASSEMBLY SET/EN424MP	LƯỠI TỈA SẮT ĐẤT/EN424MP	2.729.160		8%
482	1912Y2-5	FOAM NOZZLE SET/HW001G	BÌNH CHỨA XÀ BÔNG/HW001G	538.056		8%
483	1912Y4-1	VARIOSPRAY NOZZLE SET/HW001G	ĐẦU XIT RỬA/HW001G	613.980		8%
484	191383-0	SHEAR BLADE SET (2PCS/SET)	BỘ LƯỠI CẮT TÓN (2 LƯỠI/BỘ)	948.780		8%
485	1913D1-6	GROUND TRIMMER ATTACHMENT/EN424	PHỤ KIỆN TỈA SẮT ĐẤT/EN424MP	5.781.240		8%
486	1913E8-9	BATTERY ADAPTER SET 40V MAX/BAP00	BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN 40V MAX/BAP001G	2.540.160		8%
487	1913F5-2	MULTIFUNCTIONAL ADAPTER/VS001G	BỘ CHUYỂN ĐỔI ĐA CHỨC NĂNG/VS001G	3.066.120		8%
488	1913F7-8	HIGH CAPACITY DUST BAG/VS001G	TÚI BỤI VAI DUNG LƯỢNG LỚN/VS001G	4.296.240		8%
489	1913G0-9	BATTERY BL1050B(LI-ION,12V MAX, 5.0A	PIN BL1050B(LI-ION,12V MAX, 5.0AH)	3.528.360		8%
490	1913H4-8	BLADE 430 SET/LM004G	LƯỠI CẮT CỎ ĐẪY 430/LM004G	591.084		8%
491	1913H6-4	MULCHING BLADE 430 SET/LM003G	LƯỠI CẮT CỎ 430/LM003G	440.748		8%
492	1913H8-0	MULCHING PLUG 430/LM004G	CHẠN CỎ 430/LM004G	296.244		8%
493	1913J5-0	VERTICAL BLADE SET/UV001G	BỘ LƯỠI CẮT/UV001G	1.573.560		8%
494	1913J7-6	DETHATCHING BLADE SET/UV001G	BỘ LƯỠI XỎ/UV001G	1.504.440		8%
495	1913J9-2	KICKBACK REDUCTION STOPPER	PHỤ KIỆN CHỐNG PHẢN LỰC	151.740		8%
496	1913K4-9	HOLSTER/DUC150	TÚI ĐEO HÔNG/DUC150	861.840		8%
497	1913K5-7	EXTRUSION CLAMPS	KÉP ĐÓM RỒNG THANH RAY	1.134.000		8%
498	1913K7-3	PARALLEL GUIDE	THƯỚC ĐO SONG SONG	3.978.180		8%
499	1913L5-4	WEEDING BLADE 220MM(STANDARD BLA	LƯỠI CẮT 220MM(LƯỠI TIÊU CHUẨN)/W	954.720		8%
500	1913L6-2	WEEDING BLADE 80MM(NARROW AREA)	LƯỠI CẮT 80MM(KHU VỰC NHỎ HẸP)/WA	897.840		8%
501	1913L7-0	CULTIVATOR BLADE 170MM/WA400MP	LƯỠI XỎI 170MM/WA400MP	1.001.160		8%
502	1913M9-3	BLADE SET 240MM/RM350D	LƯỠI CẮT 240MM/RM350D	898.668		8%
503	1913N2-4	WIRE SET 150M/RM350D	ĐÂY KẼM 150M/RM350D	3.122.020		10%
504	1913N4-0	WIRE REPAIR SET(5M WIRE SET,10PCS PE	BỘ PHỤ KIỆN SỬA CHỮA(5M DÂY KẼM,10	1.083.348		8%
505	1913N6-6	PEG SET 50PCS/RM350D	BỘ CHỐT 50 CÁI/RM350D	495.550		10%
506	1913N8-2	COUPLER SET 5 PCS/RM350D	BỘ GHEP NỐI 5 CÁI/RM350D	690.120		8%
507	1913P0-2	RING SET/DTW1004	VÒNG ĐỆM/DTW1004	560.952		8%
508	1913P3-6	SHEAR BLADE L SET/DUP180	LƯỠI CẮT CÀNH L/DUP180	538.056		8%
509	1913P4-4	SHEAR BLADE U SET/DUP180	LƯỠI CẮT CÀNH U/DUP180	572.400		8%
510	1913S3-7	BATTERY BL4080H(LI-ION 40V, 8.0AH)	PIN BL4080H(LI-ION 40V, 8.0AH)	17.263.800		8%
511	1913T9-2	WEEDING ATTACHMENT/WA400MP	PHỤ KIỆN LÂM CỎ/WA400MP	11.539.800		8%
512	1913U9-9	BATTERY BL1015K(LI-ION, 10.8V, 1.5AH)	PIN BL1015K(LI-ION, 10.8V, 1.5AH)	1.249.560		8%
513	1913W2-7	BATTERY BL0715(LI-ION 7.2V, 1.5AH)	PIN BL0715(LI-ION 7.2V, 1.5AH)	1.215.000		8%
514	1913Y3-9	WIRE SET 50M/RM350D	ĐÂY KẼM 50M/RM350D	1.012.990		10%
515	191454-3	GUIDE RULE SET	BỘ THUỐC DẪN	452.520		8%
516	191455-1	GUIDE RULE SET	BỘ THUỐC DẪN	296.244		8%
517	191496-7	FLEXIBLE HOSE	ỐNG HÚT BỤI ĐEOCL 104D	243.000		8%
518	1914C4-9	SIDE HANDLE SET/DP4020	TAY CẦM BỀN/DP4020	177.444		8%
519	1914C5-7	GREASE SET 30G	MỖ 30G	231.876		8%
520	1914E7-7	SHEAR BLADE(ROUGH-CUT) AY 600MM/L	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO 600MM/UN001G	2.926.800		8%
521	1914F1-6	SAW CHAIN M41 (250MM)/DUC254Z/UC00	ĐÂY XÍCH M41 (250MM)/DUC254Z/UC007	208.980		8%
522	1914F2-4	SAW CHAIN M41 (300MM)/191T41-8/DUA3	ĐÂY XÍCH M41 (300MM)/191T41-8/DUA30	237.600		8%
523	1914F3-2	SAW CHAIN M41 (350MM)/DUC353/DUC35	ĐÂY XÍCH M41 (350MM)/DUC353/DUC357	266.220		8%
524	1914F4-0	SAW CHAIN M41 (400MM)/DUC406/UC020	ĐÂY XÍCH M41 (400MM)/DUC406/UC020G	289.116		8%
525	1914F5-8	SAW CHAIN M43 (250MM)/DUC254Z/UC00	ĐÂY XÍCH M43 (250MM)/DUC254Z/UC007	226.152		8%
526	1914F6-6	SAW CHAIN M43 (300MM)/191T41-8/DUA3	ĐÂY XÍCH M43 (300MM)/191T41-8/DUA300	260.496		8%
527	1914F7-4	SAW CHAIN M43 (350MM)/DUC353/DUC35	ĐÂY XÍCH M43 (350MM)/DUC353/DUC357	289.116		8%
528	1914F8-2	SAW CHAIN M43 (400MM)/DUC406/UC020	ĐÂY XÍCH M43 (400MM)/DUC406/UC020G	313.416		8%
529	1914G4-7	SHEAR BLADE ASSEMBLY SET 500MM/UH	LƯỠI CẮT CÀNH 500MM/UH020G	1.787.400		8%
530	1914G5-5	SHEAR BLADE ASSEMBLY SET 600MM/UH	LƯỠI CẮT CÀNH 600MM/UH021G	1.879.200		8%
531	1914H0-2	END NOZZLE 74 SET/UB004C	ỐNG THỜI 74/UB004C	572.400		8%
532	1914H1-0	FLAT NOZZLE SET/UB004C	ĐẦU THỜI ĐẸP/UB004C	682.668		8%
533	1914H3-6	BATTERY ADPATER SET(1.6M)/BO001CG	BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN(1.6M)/BO001CG	1.036.800		8%
534	1914H5-2	BATTERY ADPATER SET(5M)/BO001CG	BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN(5M)/BO001CG	1.269.000		8%
535	1914H7-8	PROTECTION COVER SET/BO001CG	CHỤP BẢO VỆ/BO001CG	1.063.800		8%
536	1914H8-6	HARNESSET/BO001CG	BỘ DÂY ĐEO/BO001CG	1.026.000		8%
537	1914L7-6	DUSTCUP SET(DRILL)/HR2670	LY CHỨA BỤI(KHOAN)/HR2670	301.968		8%
538	1914L8-4	DUSTCUP SET(DRILL)/HR2670FT	LY CHỨA BỤI(KHOAN)/HR2670FT	330.588		8%
539	1914L9-2	DUSTCUP SET(SCALING)/HR2670	LY CHỨA BỤI(ĐÙC)/HR2670	336.312		8%
540	1914M0-7	DUSTCUP SET(SCALING)/HR2670FT	LY CHỨA BỤI(ĐÙC)/HR2670FT	376.380		8%
541	1914M2-3	BATTERY BL1850V SET/RM350D	PIN BL1850V/RM350D	5.266.080		8%
542	1914R6-0	TRIMMER HEAD/QUICK LOADING BUMP	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CƯỚC M10X102MM(L	733.320		8%
543	1914R8-6	TRIMMER HEAD/QUICK LOADING BUMP	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CƯỚC M10X102MM(L	733.320		8%
544	1914S1-7	SAW CHAIN 200MM(80TXL)	ĐÂY XÍCH 200MM(80TXL)	631.152		8%
545	1914S3-3	GUIDE BAR 200MM(80TXL)	LAM 200MM(80TXL)	492.480		8%
546	1914S4-1	PAD BASE/PS001G	ĐỆ ĐẸM CHẢ SÀN/PS001G	1.963.440		8%
547	1914S5-9	PAD(WHITE)/PS001G	TÀM ĐẸ NÌ CHẢ SÀN DẠNG CƯỚC(TRẮNG	778.680		8%
548	1914S6-7	PAD(RED)/PS001G	TÀM ĐẸ NÌ CHẢ SÀN DẠNG CƯỚC(ĐỎ)/PS	778.680		8%
549	1914S7-5	PAD(BLUE)/PS001G	TÀM ĐẸ NÌ CHẢ SÀN DẠNG CƯỚC(XANH)	778.680		8%
550	1914S8-3	PAD(BROWN)/PS001G	TÀM ĐẸ NÌ CHẢ SÀN DẠNG CƯỚC(NÀU)/H	807.084		8%
551	1914S9-1	PAD(BLACK)/PS001G	TÀM ĐẸ NÌ CHẢ SÀN DẠNG CƯỚC(ĐEN)/H	807.084		8%
552	1914T0-6	BRUSH(SOFT)/PS001G	CHÔI CHẢ SÀN(LOẠI MỀM)/PS001G	2.032.020		8%
553	1914T1-4	BRUSH(MEDIUM)/PS001G	CHÔI CHẢ SÀN(LOẠI VỮA)/PS001G	2.067.120		8%
554	1914T2-2	BRUSH(HARD)/PS001G	CHÔI CHẢ SÀN(LOẠI CỨNG)/PS001G	2.032.020		8%
555	1914T3-0	BRUSH(HARD, CONTAINS ABRASIVES)/PS	CHÔI CHẢ SÀN(LOẠI CỨNG CÓ KẼM NHẢ	4.894.020		8%
556	1914U3-7	BATTERY CHARGING CASE/BC01	THÙNG SẠC PIN/BC01	25.088.400		8%
557	1914X3-8	DUST COLLECTION PADS FOR ROTARY H	PHỤ KIỆN HÚT BỤI CHO MÁY KHOAN BỂ	1.276.560		8%
558	1914Y6-9	ROTARY BRUSH NOZZLE Φ28/VC008G	ĐẦU HÚT BỤI CHỮ T Φ28/VC008G	2.629.800		8%
559	1914Y7-7	ROTARY BRUSH NOZZLE Φ32/VC008G	ĐẦU HÚT BỤI CHỮ T Φ32/VC008G	2.646.000		8%
560	1914Y8-5	HOOK/UC029G	MỐC TREO/UC029G	214.704		8%
561	191569-6	NOZZLE SET	VỎI HÚT BỤI	163.188		8%
562	1915C1-1	CART SET/CE001G	XE ĐÁY CHO MÁY CẮT BÊ TÔNG/CE001G	26.373.600		8%
563	1915D1-8	ACCESSORY BAG/PS001G	TÚI ĐỰNG PHỤ KIỆN/PS001G	772.740		8%
564	1915D7-6	TRIMMER HEAD/QUICK LOADING BUMP	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CƯỚC M10X102MM(L	606.960		8%
565	1915D8-4	TRIMMER HEAD/QUICK LOADING BUMP	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CƯỚC M10X102MM(L	606.960		8%
566	1915E3-1	GUIDE RULE	THƯỚC DẪN HƯỚNG	271.150		10%
567	1915G5-1	CASTER SET/VC013G/VC014G	BÀNH XE CHO MÁY HÚT BỤI/VC013G/VC	698.760		8%
568	1915G6-9	HOSE COMPETE 28-5 SET/VC013G/VC014	ỐNG MỀM DÀI 28-5/VC013G/VC014G	2.249.640		8%
569	1915H4-0	BATTERY BL1890(LI-ION 18V, 9.0AH)	PIN BL1890(LI-ION 18V, 9.0AH)	6.056.640		8%
570	1915J2-8	BATTERY BL18120(LI-ION 18V, 12.0AH)	PIN BL18120(LI-ION 18V, 12.0AH)	7.338.600		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
571	1915L9-8	ADAPTERx1 SET/GP001G	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI/GP001G	314.820		8%
572	1915M0-3	ADAPTER x3 SET/GP001G	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI/GP001G	875.880		8%
573	1915N0-0	OPTIONAL WIRE/TR001G	BỘ DÂY KẼM/TR001G	5.934.940		10%
574	1915N4-2	LOCK ON ADAPTER SET/DGP180	ĐẦU GÁI BƠM MỖ/DGP180	1.557.360		8%
575	1915N6-8	EXTENSION HANDLE SET/TR001G	TAY CẦM NỒI DÀI/TR001G	6.623.640		8%
576	1915P0-4	HIGH PERFORMANCE FILTER SET/CL004G	BỘ LỌC CAO CẤP/CL004G	314.820		8%
577	1915P4-6	PIPE ASSEMBLY SET/CL004G	ỐNG THĂNG CỎ KHÓA/CL004G	503.712		8%
578	1915P6-2	BRUSH COMPLETE SET/CL004G	CHỔI QUÉT BỤI/CL004G	1.316.520		8%
579	1915P8-8	NOZZLE ASSEMBLY SET/CL004G	ĐẦU HÚT BỤI CHO SÀN VÀ THAM/CL004G	3.005.100		8%
580	1915R3-2	SUB BASE SET/JV186D	ĐỀ PHỤ CHO MÁY CỬA LONG/JV186D	274.010		10%
581	1915T3-6	FILTER BAG SET/VC013G	TÚI LỌC BỤI VAI/VC013G	578.124		8%
582	1915T4-4	WET FILTER SET/VC013G/VC014G	BỘ LỌC ƯỚT/VC013G/VC014G	423.576		8%
583	1915W5-3	PAPER FILTER BAG SET/VC014G	TÚI LỌC BỤI GIẤY/VC014G	595.296		8%
584	1915Y9-9	GUIDE BAR 20 SET	LAM 450MM 95TXL	2.376.000		8%
585	191657-9	ROUND BRUSH BLACK 38MM	BÀN CHAI TRƠN MÀU ĐEN 38MM	387.828		8%
586	191679-9	BATTERY 7000	PIN 7000	851.040	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
587	191681-2	BATTERY 9000	PIN 9000	1.356.480	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
588	1916A3-9	SAW CHAIN 20 SET	ĐÂY XÍCH 450MM 95TXL	1.269.000		8%
589	1916B3-6	LONG HANDLE ATTACHMENT SET/DUP180	BỘ TAY CẦM NỒI DÀI/DUP180	4.327.560		8%
590	1916D9-8	CHARGER DC18SJ	SẠC PIN DC18SJ	2.158.920		8%
591	1916F4-2	GUIDE RAIL ADAPTER FOR CUTTERS	THANH DẪN HƯỚNG CHO MÁY CẮT	984.960		8%
592	1916M8-3	SHEAR BLADES U/L SET/UP181D	BỘ LƯỚI CÁT U/L/UP181D	745.200		8%
593	1916S5-1	FLEXIBLE HOSE 1200 SET/GP001G	BỘ ỐNG BƠM MỖ 1200/GP001G	2.015.280		8%
594	1916S7-7	FLEXIBLE HOSE 600 SET/DGP180	ỐNG DẪN MỎ 600/DGP180	1.969.920		8%
595	1916U8-9	ANGLE ADAPTER SET/DGP180	ĐẦU BƠM MỖ/DGP180	887.220		8%
596	191725-8	EXTENSION GUIDE SET	DẪN HƯỚNG	463.644		8%
597	191852-1	JOINT 38-75MM/45	KHỚP NỒI HÚT BỤI 38-75MM/45	208.980		8%
598	191897-9	CUTTING WAX	SẠP CẮT	376.380		8%
599	191A01-6	AUXILIARY WHEEL ATTACHMENT SET/D	BÀNH XE PHỤ/DCU180	3.461.400		8%
600	191A50-3	SOCKET ADAPTOR 9.5 SET/WR100D	BỘ CHUYỂN ĐỔI MŨI VÍT 9.5/WR100D	480.600		8%
601	191A51-1	SOCKET ADAPTOR 6.35 SET/WR100D	BỘ CHUYỂN ĐỔI MŨI VÍT 6.35/WR100D	475.200		8%
602	191A52-9	18VX2 ADAPTER/PDC01	BỘ CHUYỂN ĐỔI 18VX2/PDC01	3.952.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
603	191A53-7	18VX1 ADAPTER/PDC01	BỘ CHUYỂN ĐỔI 18V/PDC01	2.700.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
604	191A57-9	GALVANIZED TIE WIRE SET 50PCS/SET	ĐÂY BUỘC MÀ KẼM 50 CUỐN	7.042.640		10%
605	191A62-6	PORTABLE POWER PACK SET(18V/18Vx2)	BỘ CẤP NGUỒN DI ĐỘNG ĐEO VAI 2P/PDC	18.532.800		8%
606	191A67-6	PORTABLE POWER PACK SET(18Vx2)/PDC	BỘ CẤP NGUỒN DI ĐỘNG ĐEO VAI 18Vx2	16.027.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
607	191A76-5	LOCK ON ADAPTER SET/DGP180	ĐẦU GÁI BƠM MỖ/DGP180	3.397.950		8%
608	191A77-3	ANGLE ADAPTER SET/DGP180	ĐẦU BƠM MỖ GÓC/DGP180	2.093.580		8%
609	191A86-2	KEYLESS DRILL CHUCK/DA333D	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA/DA333D	203.256		8%
610	191A87-0	KEYLESS DRILL CHUCK/HP331D	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA/HP331D	231.876		8%
611	191B03-8	GUTTER NOZZLE SET FOR BLOWER	BỘ PHỤ KIỆN THỜI TRÊN CAO	2.428.920		8%
612	191B12-7	BARREL ASSEMBLY A SET 400G/DGP180	ỐNG XY LẠNH CHỨA MỎ A 400G/DGP180	2.024.000		10%
613	191B15-1	BENDING PIPE ASSEMBLY WITH PIPE LOCK	ỐNG NỒI HÚT BỤI CÓ KHÓA	819.170		10%
614	191B26-6	BATTERY BL4040(LI-ION,40V, 4.0AH)	PIN BL4040(LI-ION,40V, 4.0AH)	6.498.360		8%
615	191B36-3	BATTERY BL4025(LI-ION,40V, 2.5AH)	PIN BL4025(LI-ION,40V,2.5AH)	5.250.420		8%
616	191B54-1	PROTECTOR U 430 SET MG/DUR369	NÁP BẢO VỆ U 430 SET MG/DUR369	405.000		8%
617	191B55-9	PROTECTOR/DUR369A/URI01C	CHÚP BẢO VỆ/DUR369A/URI01C	475.200		8%
618	191B56-7	TANK ASSEMBLY SET A/DVC150L	BỘ HỘP CHỨA BỤI A/DVC150L	1.876.500		8%
619	191B57-5	TANK ASSEMBLY SET B HEPA/DVC157L	BỘ HỘP CHỨA BỤI B HEPA/DVC157L	1.921.050		8%
620	191B63-0	FUNCTIONAL UNIT FOR MANUAL DUMP/	GIÁ ĐỖ CHO XE ĐẨY/DCU603/DCU604	22.034.700		8%
621	191B67-2	FRAME CARRIER/DCU604/DCU602	KHUNG XE ĐẨY/DCU604/DCU602	11.632.680		8%
622	191B69-8	BUCKET/DCU603/DCU602	THÙNG CHỨA/DCU603/DCU602	17.124.250		10%
623	191C03-4	ACCESSORY SET B FOR 4.8/DRV150	ĐẦU RÚT RI-VỀ TRONG VÀ NGOÀI 4.8/DR	392.850		8%
624	191C04-2	ACCESSORY SET B FOR 4.0/DRV150	ĐẦU RÚT RI-VỀ TRONG VÀ NGOÀI 4.0/DR	398.250		8%
625	191C05-0	HOOK SET/JR3051T	MỐC TREO/JR3051T	197.100		8%
626	191C11-5	INTERCHANGEABLE ADAPTER/ADP10	BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN 18V SANG PIN 40V N	1.399.680		8%
627	191C13-1	SHEAR BLADE 600MM/DUN600L	LƯỖI TỈA HÀNG RÀO 600MM/DUN600L	2.597.400		8%
628	191C14-9	SHEAR BLADE 500MM/DUN500W	LƯỖI TỈA HÀNG RÀO 500MM/DUN500W	2.269.350		8%
629	191C15-7	SHEAR B/UB400MP,UB401MP	KHỚP NỒI ỐNG THỜI B/UB400MP,UB401M	224.100		8%
630	191C17-3	SHARPENING HOLDER ASSEMBLY SET	BỂ MÀI LƯỖI	130.950		8%
631	191C19-9	BLADE GAUGE ASSEMBLY SET	THƯỚC CẠNH LƯỖI BẢO	87.750		8%
632	191C20-4	ELBOW SET/DKP181	ỐNG NỒI HÚT BỤI/DKP181	153.900		8%
633	191C21-2	DUST BAG ASSEMBLY SET/DKP181	TÚI CHỨA BỤI/DKP181	705.564		8%
634	191C22-0	CHAMFERING RULE ASSEMBLY/DKP181	THƯỚC PHAY/DKP181	2.244.240		8%
635	191C23-8	GUIDE RULE ASSEMBLY SET/DKP181	THƯỚC DẪN/DKP181	676.350		8%
636	191C26-2	FILTER BAG SET 10 PCS/DVC665	TÚI LỌC BỤI GIẤY 10 CÁI/DVC665	440.748		8%
637	191C30-1	DUST BAG ASSEMBLY/DVC660,DVC665	TÚI CHỨA BỤI VAI/DVC660,DVC665	330.588		8%
638	191C37-7	HOOK SET/DHK180	MỐC TREO/DHK180	259.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
639	191D12-9	MAIN HEPA FILTER SET/DVC660	TẦM LỌC BỤI HEPA/DVC660	240.300		8%
640	191D33-1	CHIP RECEIVER 600MM/DUH604S	PHỤ KIỆN CHỨA CỎ/DUH604S	649.350		8%
641	191D34-9	CHIP RECEIVER 750MM/DUH754S	PHỤ KIỆN CHỨA CỎ/DUH754S	862.650		8%
642	191D38-1	SHEAR BLADE ASSY 600MM/DUH604S	LƯỖI TỈA HÀNG RÀO 600MM/DUH604S	3.304.800		8%
643	191D39-9	SHEAR BLADE ASSY 750MM/DUH754S	LƯỖI TỈA HÀNG RÀO 750MM/DUH754S	3.715.200		8%
644	191D46-2	MULCHING PLUG SET/DLM382	NÁP CHÂN CỎ/DLM382	319.140		8%
645	191D47-0	SWING BACK BLADE 460 SET/4PCS	LƯỖI THAY THẾ CHO LƯỖI CẮT CỎ 4 LƯỖI	977.400		8%
646	191D48-8	SWING BACK BLADE 530 SET/4PCS	LƯỖI THAY THẾ CHO LƯỖI CẮT CỎ 4 LƯỖI	999.000		8%
647	191D49-6	SWING BACK BLADE460	BỘ LƯỖI CẮT CỎ 4 LƯỖI 460	1.099.440		8%
648	191D50-1	SWING BACK BLADE530	BỘ LƯỖI CẮT CỎ 4 LƯỖI 530	1.204.200		8%
649	191D51-9	ROTARY LAWN MOWER BLADE 460 SET	BỘ LƯỖI CẮT CỎ 460	658.800		8%
650	191D52-7	ROTARY LAWN MOWER BLADE/DLM530	LƯỖI CẮT CHO MÁY CẮT CỎ ĐẦY/DLM53	781.380		8%
651	191D60-8	CHAIN BLADE M11 (250MM)/DC254ZNR/D	ĐÂY XÍCH M11 (250MM)/DC254ZNR/DUC2	775.656		8%
652	191D63-2	FILTER BAG 10PCS/SET/DVC560	TÚI LỌC BỤI GIẤY 10 CÁI/BỘ/DVC560	405.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
653	191D65-8	LONG SASH NOZZLE/DVC560	ĐẦU HÚT KHE/DVC560	104.544		8%
654	191D67-4	ROUND BRUSH/DVC560	CHỔI TRƠN/DVC560	191.808		8%
655	191D69-0	BRUSH COMPLETE/DVC560	BÀN CHAI/DVC560	1.047.600		8%
656	191D71-3	CYCLONE ATTACHMENT(PIPE LOCK/WHIT	PHỤ KIỆN LY TÂM MÁY HÚT BỤI(CỎ KHỎ	832.896		8%
657	191D73-9	CYCLONE ATTACHMENT(PIPE LOCK/BLA	PHỤ KIỆN LY TÂM MÁY HÚT BỤI(CỎ KHỎ	832.896		8%
658	191D75-5	CYCLONE ATTACHMENT SET(BLACK)	PHỤ KIỆN LY TÂM MÁY HÚT BỤI MÀU Đ	832.896		8%
659	191D76-3	STRAIGHT PIPE 340 SET(PIPE LOCK/WHIT	ỐNG HÚT BỤI THĂNG(CỎ KHÓA/MÀU TR	197.100		8%
660	191D77-1	STRAIGHT PIPE 340 SET(PIPE LOCK/BLAC	ỐNG THĂNG NHỰA 340(CỎ KHOA/MÀU Đ	197.100		8%
661	191D78-9	PLASTIC STRAIGHT PIPE 340MM(BLUE)	ỐNG HÚT BỤI THĂNG 340MM(MÀU XANH	183.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
662	191D79-7	STRAIGHT PIEPE 321 SET/DCL181F	ỐNG HÚT BỤI THĂNG/DCL181F	115.992		8%
663	191D80-2	PLASTIC STRAIGHT PIPE 320MM(BLACK)	ỐNG HÚT BỤI THĂNG 320MM(MÀU ĐEN)	109.350		8%
664	191D81-0	PLASTIC STRAIGHT PIPE 320MM(BLUE)	ỐNG HÚT BỤI THĂNG 320MM(MÀU XANH	108.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
665	191D89-4	TRIMMER HEAD 96-M10L SET (2.0MMX4M	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CUỐC (2.0MMX4M)/4	432.000		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
666	191D90-9	TRIMMER HEAD 96-M10L SET (2.4MMX3M)	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CƯỜC (2.4MMX3M)/4	432.000		8%
667	191D92-5	TRIMMER HEAD 96-M8R SET (2.0MMX4M)	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CƯỜC (2.0MMX4M)/4	426.600		8%
668	191D93-3	TRIMMER HEAD 121-M10L SET (2.4MMX4M)	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CƯỜC 121-M10L (2.4M	659.880		8%
669	191E07-8	FAST CHARGER DC40RA	SẠC NHANH DC40RA	4.024.080		8%
670	191E19-1	VACUUM KIT SET/DUB363	BỘ ỒNG VÀ TÚI HÚT BỤI/DUB363	1.749.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
671	191E23-0	SHAFT EXTENSION ATTACHMENT/LE400	PHỤ KIỆN THANH NỐI KÉO DÀI/LE400MP	4.357.980		10%
672	191E30-3	FLEXIBLE HOSE WITH PIPE LOCK	ỐNG MỀM CỎ KHÓA	370.656		8%
673	191E39-5	MAIN FILTER H (HEPA FILTER)/DVC560	LỌC BỤI HEPA/DVC560	240.300		8%
674	191E41-8	GRIP ASSEMBLY SET/HP002G/DF002G	TAY CẦM/HP002G/DF002G	847.800		8%
675	191E43-4	PROTECTOR ASSEMBLY SET PDC01/A	BỘ DÂY ĐEO CHO PDC01/A	353.484		8%
676	191E53-1	DX12 DUST COLLECTION SYSTEM SET/H	DX12 HỆ THỐNG HÚT BỤI /HR001G/HR003	3.675.240		8%
677	191F23-6	BARREL ASSEMBLY C SET 500G/DGP180	ỐNG XY LANH CHỨA MỎ C 500G/DGP180	3.300.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	10%
678	191F24-4	CARTRIDGE BARREL A SET 400/DGP180	ỐNG CHỨA MỎ LOẠI A 400/DGP180	2.049.300		10%
679	191F25-2	CARTRIDGE BARREL B SET 450G/DGP180	ỐNG CHỨA MỎ B 450G/DGP180	2.310.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	10%
680	191F27-8	CARTRIDGE BARREL C SET 500G GREASE	ỐNG CHỨA MỎ C 500G/DGP180	2.779.480		10%
681	191F45-6	TOOL HANGER SET/HR3001C	MỐC TREO/HR3001C	365.400		8%
682	191F46-4	DRILL CHUCK SET/HR2670FT	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA/HR2670FT	1.631.340		8%
683	191F47-2	TOOL HOLDER SET/HR2670FT	GIỮ ĐẦU KHOAN/HR2670FT	1.054.080		8%
684	191F49-8	DUST CASE SET/DX10	BỘ THU BỤI/DX10	1.366.200		8%
685	191F58-7	TOOL HANGER SET/TD001G	BỘ GIỮ MÁY/TD001G	1.485.220		10%
686	191F68-4	BLOWER ATTACHMENT/UB400MP	PHỤ KIỆN THỔI/UB400MP	4.838.400		8%
687	191F78-1	ACCESSORY SET FOR 6.4/DRV150	ĐẦU RÚT RI-VÊ TRONG VÀ NGOÀI 6.4/DR	681.750		8%
688	191F79-9	ACCESSORY SET A FOR 4.8/DRV150	ĐẦU RÚT RI-VÊ TRONG VÀ NGOÀI 4.8/DR	722.736		8%
689	191F80-4	ACCESSORY SET A FOR 4.0/DRV150	ĐẦU RÚT RI-VÊ TRONG VÀ NGOÀI/DRV15	1.411.020		8%
690	191F81-2	DUST COLLECTION FOR WHEEL GUARD 1	CHỤP BẢO VỆ 125MM	1.054.080		8%
691	191F82-0	POWDER FILTER HEPA SET/VC3210L/2510	BỘ LỌC HEPA/VC3210L/2510L	999.000		8%
692	191F95-1	DX10 DUST CORRECTION SYSTEMT /HR30	DX10 HỆ THỐNG HÚT BỤI /HR3011FCWJ	3.193.560		8%
693	191G05-4	DUST COLLECT COVER SET FOR X-LOCK	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI X-LOCK 125MM	2.160.000		8%
694	191G06-2	DUST COLLECT COVER SET FOR DIAMON	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI 125MM(KHÔNG C	1.903.500		8%
695	191G08-8	RING SET/TW007G	VÒNG ĐỆM/TW007G	730.290		10%
696	191G09-6	GARDEN NOZZLE ASSEMBLY SET/DUB18	ỐNG THỜI SÀN VƯỜN/DUB186, DUB185	163.188		8%
697	191G10-1	LOCK NUT WRENCH 35	CỖ LÊ HÂM ĐAI ỐC 35	64.476		8%
698	191G11-9	GUIDE BAR 90VXL (250MM)/199925-4	LAM 90VXL (250MM)/199925-4	423.576		8%
699	191G13-5	GUIDE BAR 90PX (200MM)/DUC254Z	LAM 90PX (200MM)/DUC254Z	361.800		8%
700	191G14-3	GUIDE BAR 90PX (250MM)/DUC254Z	LAM 90PX (250MM)/DUC254Z	396.468		8%
701	191G15-1	GUIDE BAR 90PX (300MM)/191T41-8/DUA3	LAM 90PX (300MM)/191T41-8/DUA300/DU	435.240		8%
702	191G16-9	GUIDE BAR 90PX (350MM)/DUC353/DUC35	LAM 90PX (350MM)/DUC353/DUC357/UC0	463.644		8%
703	191G17-7	GUIDE BAR 90PX (400MM)/DUC406Z/UC02	LAM 90PX (400MM)/DUC406Z/UC020G	515.160		8%
704	191G22-4	GUIDE BAR 91PX (250MM)/DUC254Z	LAM 91PX (250MM)/DUC254Z	433.620		8%
705	191G23-2	GUIDE BAR 91PX (300MM)/191T41-8/DUA	LAM 91PX (300MM)/191T41-8/DUA300/DU	457.920		8%
706	191G24-0	GUIDE BAR 91PX (350MM)/DUC353/DUC3	LAM 91PX (350MM)/DUC353/DUC357/UC0	427.896		8%
707	191G25-8	GUIDE BAR 91PX (400MM)/DUC406Z/UC02	LAM 91PX (400MM)/DUC406Z/UC020G	515.160		8%
708	191G26-6	GUIDE BAR 91PX (450MM)/UC012G/UC020	LAM 91PX (450MM)/UC012G/UC020G	538.056		8%
709	191G33-9	GUIDE BAR 350MM	LAM 350MM	827.280		8%
710	191G34-7	GUIDE BAR 400MM	LAM 400MM	972.000		8%
711	191G52-5	GUIDE BAR 73LPX (500MM)/EA5600F	LAM BÁNH XE 73LPX (500MM)/EA5600F	1.204.200		8%
712	191G64-8	HOOK ASSEMBLY SET/DPB183	MỐC TREO/DPB183	148.500		8%
713	191G67-2	EXTENSION HANDLE FOR IMPACT WREN	TAY CẦM MỎ RỘNG CHO MÁY SIẾT BỤI	3.887.180		10%
714	191G76-1	MESH SLEEVE HOSE 28-5 SET	ỐNG HÚT BỤI CỎ LƯỚI BẢO VỆ 28MMX5	2.484.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
715	191G86-8	NOZZLE ASSEMBLY SET 28MM	ĐẦU HÚT BỤI 28MM	804.600		8%
716	191G87-6	NOZZLE FOR FLOORING AND CARPET 38	ĐẦU HÚT BỤI CHO SÀN VÀ THAM 38MM	764.100		8%
717	191G88-4	CLOTH FILTER SET/DVC156	TÚI LỌC BỤI/DVC156	403.650		8%
718	191G89-2	TELESCOPIC PIPE SET	BỘ ỒNG HÚT BỤI	1.156.950		8%
719	191G96-5	SAW CHAIN 25AP (250MM)/DUC254Z	DÂY XÍCH 25AP (250MM)/DUC254Z	717.120		8%
720	191G99-9	SAW CHAIN 90PX (200MM)/DUC254Z	DÂY XÍCH 90PX (200MM)/DUC254Z	237.600		8%
721	191H00-0	SAW CHAIN 90PX (250MM)/DUC254Z	DÂY XÍCH 90PX (250MM)/DUC254Z	296.244		8%
722	191H01-8	SAW CHAIN 90PX (300MM)/191T41-8/DUA	DÂY XÍCH 90PX (300MM)/191T41-8/DUA30	486.540		8%
723	191H02-6	SAW CHAIN 90PX (350MM)/DUC353/DUC3	DÂY XÍCH 90PX (350MM)/DUC353/DUC357	463.644		8%
724	191H03-4	SAW CHAIN 90PX (400MM)/DUC406Z/UC0	DÂY XÍCH 90PX (400MM)/DUC406Z/UC020	486.540		8%
725	191H08-4	SAW CHAIN 91PX (250MM)/DUC254Z	DÂY XÍCH 91PX (250MM)/DUC254Z	399.600		8%
726	191H09-2	SAW CHAIN 300 3/8"LP x 1.3mm/.050" 91P	DÂY XÍCH 300 3/8"LP x 1.3mm/.050" 91PX	613.980		8%
727	191H10-7	SAW CHAIN 91PX (300MM)/191T41-8/DUA	DÂY XÍCH 91PX (300MM)/191T41-8/DUA30	393.552		8%
728	191H11-5	SAW CHAIN 91PX (350MM)/DUC353/DUC3	DÂY XÍCH 91PX (350MM)/DUC353/DUC357	405.000		8%
729	191H12-3	SAW CHAIN 91PX (400MM)/DUC406Z/UC0	DÂY XÍCH 91PX (400MM)/DUC406Z/UC020	446.472		8%
730	191H13-1	SAW CHAIN 91PX (450MM)/DUC406Z/UC0	DÂY XÍCH 91PX (450MM)/DUC406Z/UC020	578.124		8%
731	191H20-4	SAW CHAIN 91VXL (250MM)/199925-4	DÂY XÍCH 91VXL (250MM)/199925-4	457.920		8%
732	191H44-0	SAW CHAIN 73DPX (500MM)/EA5600	DÂY XÍCH 73DPX (500MM)/EA5600	810.000		8%
733	191H51-3	SAW CHAIN 450MM/1.5MM/.058" 3/8" 73L	DÂY XÍCH 450mm/1.5mm/.058" 3/8" 73LPX	804.600		8%
734	191H52-1	SAW CHAIN 73LPX (500MM)/EA5600	DÂY XÍCH 73LPX (500MM)/EA5600	850.068		8%
735	191H54-7	SAW CHAIN 600MM 1.5MM/.058" 3/8" 73L	DÂY XÍCH 600mm/1.5mm/.058" 3/8" 73LPX	972.000		8%
736	191J13-3	ADAPTER FOR GUTTER NOZZLE/DUB362/	ĐẦU NỐI ỐNG THỜI GÓC TRÊN CAO/DUB3	277.668		8%
737	191J48-4	BAND ASSEMBLY SET/UB001C	DÂY ĐEO VAI/UB001C	249.048		8%
738	191J50-7	18VX1 ADAPTER/PDC01	BỘ CHUYỂN ĐỔI 18V/PDC01	3.123.360		8%
739	191J51-5	18VX2 ADAPTER/PDC01	BỘ CHUYỂN ĐỔI 18VX2/PDC01	4.573.800		8%
740	191J59-9	POLY COATED TIE WIRE SET 50PCS/SET	DÂY BƯỚC PHỤ POLI 50 CƯỜN	8.599.250		10%
741	191J97-1	POWER SOURCE KIT PSGK1(BL4040*2+DC	BỘ PIN SẠC PSGK1(BL4040*2+DC40RA)	15.286.320		8%
742	191K37-5	BAND ASSEMBLY SET/DUA300	DÂY ĐEO VAI/DUA300	555.228		8%
743	191K57-9	TOOL HANGER SET/DTW300	MỐC TREO/DTW300	1.375.650		8%
744	191L00-4	BATTERY CHARGER DC4001/PDC1200	SẠC DC4001/PDC1200	4.598.100		8%
745	191L13-5	ADAPTER PIPE 80-72 SET/DUB184	ỐNG CHUYỂN ĐỔI 80-72/DUB184	151.740		8%
746	191L23-2	AUTOFEED ATTACHMENT SET/FS6300	ĐẦU BẮN VÍT TỰ ĐỘNG NAP/FS6300	2.244.240		8%
747	191L29-0	BATTERY BL4020(LI-ION, 40V, 2.0AH)	PIN BL4020(LI-ION, 40V, 2.0AH)	3.966.840		8%
748	191L47-8	BATTERY BL4050F(LI-ION, 40V, 5.0AH)	PIN BL4050F(LI-ION, 40V, 5.0AH)	7.425.000		8%
749	191L80-0	BATTERY CHARGER DCI002	SẠC PIN DCI002	560.952		8%
750	191L91-5	SPACER SET/HR3011FC	VÒNG ĐỆM/HR3011FC	151.740		8%
751	191L94-9	BAND ASSEMBLY SET/UB001C	DÂY ĐEO/UB001C	221.832		8%
752	191L96-5	ADAPTER PIPE 85-72/UB001C.UB001G	KHỚP NỐI ỐNG THỜI 85-72/UB001C.UB001	301.968		8%
753	191M20-4	VACUUM ATTACHMENT WITH VACUUM	PHỤ KIỆN THU BỤI VỚI ỒNG HÚT BỤI/HM	1.643.760		8%
754	191M21-2	VACUUM ATTACHMENT/HM1511	PHỤ KIỆN THU BỤI/HM1511	619.920		8%
755	191M27-0	EXTENSION HANDLE SET/DTR180	TAY CẦM NỐI DÀI/DTR180	5.180.220		8%
756	191M30-1	BRUSH NOZZLE SET	ĐẦU DẠNG CHOI	319.140		8%
757	191M32-7	WIPER NOZZLE SET	ĐẦU GẠT NƯỚC	313.416		8%
758	191M34-3	FLEXIBLE HOSE SET	ỐNG MỀM	370.656		8%
759	191M39-3	WET FILTER SET/DVC750L	BỘ LỌC BỤI ƯỚT/DVC750L	319.140		8%
760	191M40-8	CHIP RECEIVER SET/DUN500W.DUN600L	PHỤ KIỆN CHỨA CỎ/DUN500W.DUN600L	615.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
761	191M44-0	PORTABLE POWER PACK SET/PDC01	BỘ CẤP NGUỒN DI ĐỘNG ĐEO VAI/PDC01	15.465.600		8%
762	191M48-2	WATER SUPPLY COVER SET A/DCCS500Z	PHỤ KIỆN DẪN NƯỚC/DCCS500Z	1.209.600		8%
763	191M50-5	BATTERY ADAPTER FOR BL CLEANERS/B	BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN 18V/BAP18C	1.353.780		8%
764	191M57-1	ROTARY SCISSORS ATTACH SET E/EM407	PHỤ KIỆN CẮT CỎ/EM407MP	18.631.250		10%
765	191M75-9	ROTARY SCISSORS SET E/EM407MP	ĐẦU CẮT CỎ/EM407MP	17.783.040		10%
766	191M77-5	JOINT A 32 SET	ỐNG NỐI BỘ A 32	336.312		8%
767	191M78-3	JOINT B 35 SET	ỐNG NỐI BỘ B 35	296.244		8%
768	191M79-1	JOINT C 38 SET	ỐNG NỐI BỘ C 38	296.244		8%
769	191M83-0	STRAP SET/TW001G	DÂY ĐEO VAI/TW001G	538.056		8%
770	191M90-3	CHARGER 40V/DC40RC	SẠC 40V/DC40RC	2.799.360		8%
771	191N09-8	2PORT FAST CHARGER 40V/DC40RB	SẠC NHANH 2 CỒNG 40V/DC40RB	6.418.440		8%
772	191N23-4	SHEAR BLADE ASSEMBLY 110 SET/DUM1	LƯỖI CẮT/DUM111	764.640		8%
773	191N24-2	HEDGE TRIMMER BLADE 200MM/UM110D	LƯỖI TỈA/UM110D	532.440		8%
774	191N25-0	GRASS RECEIVER SET/UM110D	KHAY CHỨA CỎ/UM110D	263.520		8%
775	191N34-9	GRASS TRIMMER ATTACHMENT 300MM/	PHỤ KIỆN CẮT CỎ 300MM/EM408MP	4.625.640		8%
776	191N46-2	GRASS TRIMMER ATTACHMENT 330MM/	PHỤ KIỆN CẮT CỎ 330MM/EM409MP	2.776.140		8%
777	191N60-8	DUST COVER COMPLETE/DBS180	BỘ NÁP CHẶN BỤI/DBS180	717.120		8%
778	191N62-4	BATTERY ADAPTER FOR 40V MAX BATTE	BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN DÙNG CHO MÁY 40V	4.290.840		8%
779	191N69-0	BATTERY BL1820G(LI-ION, 18V, 2.0AH)	PIN BL1820G(LI-ION, 18V, 2.0AH)	2.128.680		8%
780	191N76-3	BATTERY BL1420G(LI-ION, 14.4V, 2.0AH)	PIN BL1420G(LI-ION, 14.4V, 2.0AH)	1.932.120		8%
781	191N81-0	VACUUM ATTACHMENT/HR006G	PHỤ KIỆN THU BỤI/HR006G	2.359.800		8%
782	191N83-6	DUST COVER SET/DCCS500	BỘ HÚT BỤI/DCCS500	543.780		8%
783	191N90-9	SPONGE PAD 80MM SET	BỘ TẮM BỌT BIẾN 80MM	253.800		8%
784	191N91-7	SPONGE PAD 80MM SET	BỘ TẮM BỌT BIẾN 80MM	342.036		8%
785	191N92-5	WOOL PAD 80MM SET	ĐỆM LÔNG CỪU 80MM	336.312		8%
786	191P00-8	SHEAR BLADE ASSEMBLY 460/DUN461W	LƯỖI TỈA HÀNG RÀO 460/DUN461W	1.272.240		8%
787	191P11-3	HANDLE SET	BỘ TAY CẦM	3.863.860		10%
788	191P18-9	MAGNET TAPE SET/DRC300	BĂNG KEO CAM ỨNG/DRC300	977.400		8%
789	191P20-2	MAIN BRUSH COMPLETE SET/SOFT TYPE	CHÒI LẤN QUÉT BỤI/LOẠI MỀM/DRC300	1.296.000		8%
790	191P22-8	MAIN BRUSH COMPLETE SET/STANDARD	CHÒI LẤN QUÉT BỤI/LOẠI TIÊU CHUẨN/T	1.181.520		8%
791	191P24-4	MAIN BRUSH COVER/DRC300	NÁP ĐẦY CHÒI QUÉT BỤI/DRC300	616.788		8%
792	191P26-0	SIDE BRUSH(SOFT TYPE)/DRC300	CHÒI QUÉT BỤI(LOẠI MỀM)/DRC300	342.036		8%
793	191P28-6	SIDE BRUSH(STANDARD TYPE)/DRC300	CHÒI QUÉT BỤI(LOẠI TIÊU CHUẨN)/DRC3	342.036		8%
794	191P31-7	HEPA FILTER/DRC300	BỘ LỌC HEPA/DRC300	271.944		8%
795	191P37-5	VACUUM KIT SET/DUB363	BỘ ỒNG VÀ TÚI HÚT BỤI/DUB363	1.851.120		8%
796	191P40-6	DUST BAG SET/DUB363	BỘ TÚI BỤI/DUB363	844.560		8%
797	191P75-7	BLOWER ATTACHM.SET G/UB401MP	PHỤ KIỆN THỔI/UB401MP	5.822.820		8%
798	191P89-6	HOLDER D SET FOR CAULKING GUN 400M	BỘ ỒNG ĐỖ SILICON D 400ML	2.200.000		10%
799	191P97-7	END NOZZLE 80/UB001G	ỐNG THỜI 80/UB001G	220.428		8%
800	191R02-6	DUST EXTRACTION SET/DTM51	BỘ THU BỤI/DTM51	301.968		8%
801	191R06-8	BATTERY BL6440 SET(LI-ION,64V, 4.0AH)	PIN BL6440(LI-ION,64V, 4.0AH)	10.961.460		8%
802	191R51-3	CHIP RECEIVER 600 E SET/UH004G	KHAY CHỨA CỎ 600 E/UH004G	1.278.720		8%
803	191R52-1	CHIP RECEIVER 750 SET/UH005G	KHAY CHỨA CỎ 750/UH005G	2.076.840		8%
804	191R53-9	SHEAR BLADE 600 SET/UH004G	BỘ LƯỖI CẮT 600/UH004G	3.168.720		8%
805	191R54-7	SHEAR BLADE 750 SET/UH005G	LƯỖI TỈA HÀNG RÀO 750/UH005G	3.816.720		8%
806	191R55-5	SHEAR BLADE 600 SET/UH006G	LƯỖI TỈA HÀNG RÀO 600/UH006G	3.700.620		8%
807	191R56-3	SHEAR BLADE 750 SET/UH007G	LƯỖI TỈA HÀNG RÀO 750/UH007G	4.047.840		8%
808	191R57-1	SHEAR BLADE 600 SET/UH008G	LƯỖI TỈA HÀNG RÀO 600/UH008G	1.972.080		8%
809	191R58-9	SHEAR BLADE 750 SET/UH009G	LƯỖI TỈA HÀNG RÀO 750/UH009G	2.122.200		8%
810	191R81-4	SIDE GRIP/DA001G	TAY CẦM BÊN/DA001G	735.588		8%
811	191S58-5	BATTERY CHECKER SET (BTC04+BTC05+H	BỘ KIỂM TRA PIN(BTC04+BTC05+BTC06)	12.137.040		8%
812	191T15-9	DUST COVER ATTACHMENT SET	BỘ PHỤ KIỆN CHE BỤI	231.876		8%
813	191T41-8	POLE SAW ATTACHMENT SET 300MM/91P	PHỤ KIỆN CỤA CÀNH 300MM/91PX/EY403	8.245.800		8%
814	191T43-4	CHIP RECEIVER ASSEMBLY SET/DUN461W	KHAY CHỨA CỎ/DUN461W	440.748		8%
815	191T44-2	SHEAR BLADE ASSEMBLY 500 SET/DUH50	LƯỖI TỈA HÀNG RÀO 500MM/DUH501	3.030.480		8%
816	191T47-6	SHEAR BLADE ASSEMBLY 500S SET/DUH5	LƯỖI TỈA HÀNG RÀO 500MM/DUH502	1.758.780		8%
817	191T62-0	POWER SOURCE KIT PSKG1(BL1860B*1+B	BỘ PIN SAC PSKG1(BL1860B*1+BL4025*1	11.772.000		8%
818	191T64-6	POWER SOURCE KIT(BL1860B*2+BL4025*	BỘ PIN SAC(BL1860B*2+BL4025*2+ADP10	19.008.000		8%
819	191T85-8	GUIDE BAR 80TXL (250MM)/DUC254Z002	LAM 80TXL (250MM)/DUC254Z002	416.448		8%
820	191T86-6	GUIDE BAR 80TXL (300MM)/UC004G/UC0	LAM 80TXL (300MM)/UC004G/UC012G	419.364		8%
821	191T87-4	GUIDE BAR 80TXL (350MM)/UC004G/UC0	LAM 80TXL (350MM)/UC004G/UC012G	475.200		8%
822	191T88-2	GUIDE BAR 80TXL (400MM)/UC012G/UC0	LAM 80TXL (400MM)/UC012G/UC016G/UC	538.056		8%
823	191T89-0	SAW CHAIN 80TXL (250MM)/DUC254Z002	DÂY XÍCH 80TXL (250MM)/DUC254Z002	555.228		8%
824	191T90-5	SAW CHAIN 80TXL (300MM)/UC004G/UC0	DÂY XÍCH 80TXL (300MM)/UC004G/UC02	637.200		8%
825	191T91-3	SAW CHAIN 80TXL (350MM)/UC004G/UC0	DÂY XÍCH 80TXL (350MM)/UC004G/UC01	709.776		8%
826	191T92-1	SAW CHAIN 80TXL (400MM)/DUC406Z002	DÂY XÍCH 80TXL (400MM)/DUC406Z002/L	824.256		8%
827	191T96-3	FILTER BAG 10PCS/SET/DVC560	TÚI BỤI GIẤY 10 CÀI/BỘ/DVC560	463.644		8%
828	191T97-1	CABLE UNIT C	DÂY CÁP C	97.200		8%
829	191U28-6	POWER SOURCE KIT(BL4040*4+DC40RB+B	BỘ PIN SAC(BL4040*4+DC40RB+MAKPAC	28.652.940		8%
830	191U42-2	POWER SOURCE KIT(BL4050F*4+DC40RB+	BỘ PIN SAC(BL4050F*4+DC40RB+MAKPAC	33.531.840		8%
831	191U83-8	VARIO SPRAY NOZZLE SET/DHW080	ĐẦU XIT THĂNG, DET/DHW080	578.124		8%
832	191U84-6	EXTENSION SET/DHW080	CÁN NỔI DÀI/DHW080	313.416		8%
833	191U86-2	VARIO SPRAY NOZZLE SET/DHW080	ĐẦU XIT THĂNG, DET/DHW080	621.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
834	191U88-8	VARIO SPRAY LANCE SET/DHW080	ĐẦU XIT RỬA/DHW080	937.440		8%
835	191V01-2	BIT2-137 SET/DFR452	MŨI VIT PH2-137MM/DFR452	665.496		8%
836	191V02-0	BIT2-155 SET/DFR551	MŨI VIT PH2-155MM/DFR551	515.160		8%
837	191V35-5	POWER SOURCE KIT(BL4050F*2+DC40RA*	BỘ PIN SAC(BL4050F*2+DC40RA*1+TYPE2	16.998.120		8%
838	191V54-1	WHEEL COVER FOR CUTTING	CHÚP BẢO VỆ LƯỖI CẮT	214.704		8%
839	191V56-7	CUTTING W.C.A SET FOR ABRASIVE CUT-G	CHÚP BẢO VỆ LƯỖI CẮT/GA050G	313.416		8%
840	191V67-2	WATER FILTER SET FOR VC001G/VC003G	BỘ LỌC NƯỚC DÙNG CHO VC001G/VC003	549.720		8%
841	191V68-0	DAMPER SET FOR VC002G/VC004G	BỘ GIẢM RUNG DÙNG CHO VC002G/VC00	226.152		8%
842	191V69-8	PRE FILTER SET FOR VC002G/VC004G	BỘ LỌC TRƯỚC DÙNG CHO VC002G/VC00	867.240		8%
843	191V70-3	POWDER FILTER H(HEPA) SET FOR VC002	BỘ LỌC BỤI NHỎ (HEPA) DÙNG CHO VC00	602.640		8%
844	191V71-1	CLOTH FILTER SET FOR VC005G	BỘ LỌC VẢI DÙNG CHO VC005G	597.240		8%
845	191V90-7	SPROCKET 6/90PX/91PX	NHÔNG XÍCH 6/90PX/91PX	157.464		8%
846	191V91-5	DRIVE SPROCKET 7 FOR 40V/80TXL	NHÔNG XÍCH 7 CHO MÁY 40V/80TXL	301.968		8%
847	191V92-3	DRIVE SPROCKET 25AP FOR 40V MAX MC	NHÔNG XÍCH 25AP CHO MÁY 40V MAX	226.152		8%
848	191V96-5	BLADE 530 SET/LM001J	LƯỖI CẮT 530/LM001J	758.484		8%
849	191V97-3	BLADE 480 SET/DLM480	LƯỖI CẮT 480/DLM480	711.720		8%
850	191W05-0	DUST COVER SET FOR CUP DIAMOND WH	CHÚP BẢO VỆ HÚT BỤI CHO LƯỖI CẮT K	1.573.560		8%
851	191W19-9	BATTERY CHARGER DC64WA SET	SẠC PIN 64V DC64WA	3.839.400		8%
852	191W37-7	CHARGER 18V DC18WB	SẠC PIN 18V DC18WB	1.122.120		8%
853	191W56-3	CHIP RECEIVER 500MM SET/DUH501/DUH	KHAY CHỨA CỎ 500MM/DUH501/DUH502	741.312		8%
854	191W58-9	FLEXIBLE HOSE 1200 SET/DGP180	BỘ ỒNG MỀM 1200/DGP180	1.256.040		8%
855	191W59-7	FLEXIBLE HOSE 600 SET/DGP180	BỘ ỒNG MỀM 600/DGP180	1.723.950		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
856	191W60-2	ADAPTER SET(3PCS/SET)/DGP180	BỘ ĐẦU BƠM MỎ(3CÁI/BỘ)/DGP180	807.510		10%
857	191W61-0	ADAPTER 1 PC/DGP180	ĐẦU BƠM MỎ 1 CÁI/DGP180	330.880		10%
858	191W87-2	GRASS COLLECTING BLADE 530MM/LM003	LƯỚI CÁT CỎ 530MM/LM003	832.896		8%
859	191W90-3	HOOK SET/HR007G	MỐC TREO/HR007G	353.484		8%
860	191W93-7	CASING 41 ASSEMBLY/DFR452	ĐẦU BẮN VÍT 41/DFR452	3.993.300		8%
861	191W94-5	CASING 55 ASSEMBLY/DFR452	ĐẦU BẮN VÍT 55/DFR452	3.971.700		8%
862	191X01-4	WATER SUPPLY COVER SET A/DCC500	PHỤ KIỆN DẪN NƯỚC/DCC500	1.388.880		8%
863	191X03-0	80TXL GUIDE BAR (450MM)/UC012G	LAM 80TXL (450MM)/UC012G	648.324		8%
864	191X04-8	80TXL SAW CHAIN (450MM)/UC012G	XÍCH 80TXL (450MM)/UC012G	867.240		8%
865	191X06-4	NOZZLE ASSEMBLY SET FLAT TYPE WHI	ĐẦU HÚT BỤI T DẠNG DẸP MÀU TRẮNG	1.411.020		8%
866	191X11-1	NOZZLE FOR NARROW PLACE/AS001G	ĐẦU THỜI CHỖ HẸP/AS001G	53.028		8%
867	191X13-7	NOZZLE FOR CLEANING FILTER/AS001G	ĐẦU THỜI LÀM SẠCH BỘ LỌC/AS001G	53.028		8%
868	191X15-3	NOZZLE FOR BLOWING/AS001G	ĐẦU THỜI QUẠT/AS001G	53.028		8%
869	191X17-9	NOZZLE FOR INFLATING FLOAT/AS001G	ĐẦU BƠM PHAO/AS001G	73.008		8%
870	191X19-5	WIDE NOZZLE/AS001G	ĐẦU THỜI RỘNG/AS001G	121.716		8%
871	191X21-8	FLEXIBLE TUBE NOZZLE/AS001G	ĐẦU THỜI DẪN NẮNG/AS001G	347.760		8%
872	191X23-4	AIR VENT NOZZLE ATTACHMENT/AS001G	ỐNG THÔNG HƠI/AS001G	463.644		8%
873	191X25-0	RUBBER ATTACHMENT 20-30 SET/AS001G	BỘ CAO SU Đİ KẸM 20-30/AS001G	104.544		8%
874	191X27-6	RUBBER ATTACHMENT 65 SET/AS001G	BỘ CAO SU Đİ KẸM 65/AS001G	110.268		8%
875	191X29-2	FILTER C/AS001G	BỘ LỌC C/AS001G	98.820		8%
876	191X35-7	SPONGE SHEET SET/DRC300	TẤM ĐỆ BỌT BIẾN/DRC300	376.380		8%
877	191X39-9	DX15 DUST COLLECTION SYSTEM SET /H	DX15 HỆ THỐNG HÚT BỤI /HR007G	2.706.480		8%
878	191X62-4	ALUMINIUM TELESCOPIC PIPE 32MM	ỐNG NỐI HÚT BỤI NHÔM 32MM	937.200		10%
879	191X65-8	BATTERY BL4080F(LI-ION,40V, 8.0AH)	PIN BL4080F(LI-ION,40V, 8.0AH)	11.136.960		8%
880	191X78-9	LONG NOZZLE SET/AS001G	BỘ ỚNG THỜI DÀI/AS001G	220.428		8%
881	191X80-2	MAKPAC ORGANIZER SET	THÙNG MAKPAC CHO PHỤ KIỆN	1.688.580		8%
882	191Y14-1	HARNESS COVER SET/VC008G	BỘ DÂY ĐEO/VC008G	260.496		8%
883	191Y22-2	TRIANGULAR PAD(HOOK & LOOP)/DBO480	TẤM ĐỆ TAM GIÁC (GAI VÀ XÙ)/DBO480	214.704		8%
884	191Y23-0	RECTANGULAR PAD(HOOK & LOOP)/DBO480	TẤM ĐỆ CHỮ NHẬT (GAI VÀ XÙ)/DBO480	191.808		8%
885	191Y24-8	SQUARE PAD(HOOK & LOOP)/DBO480	TẤM ĐỆ VUÔNG (GAI VÀ XÙ)/DBO480	157.464		8%
886	191Y25-6	SQUARE PAD(CLAMP)/DBO481	TẤM ĐỆ VUÔNG (KEP)/DBO481	138.888		8%
887	191Y44-2	CUTTER BLADE 200-8 SET/DUR194	LƯỚI CÁT CỎ 200-8/DUR194	216.000		8%
888	191Y46-8	BLADE 230 SET/DLM230	LƯỚI CÁT CỎ 230/DLM230	277.668		8%
889	191Y64-6	BLADE 480 SET FOR MULTING/DLM480	LƯỚI CÁT CỎ 480MM/DLM480	654.480		8%
890	191Y65-4	BLADE 530 SET FOR MULTING/DLM538	LƯỚI CÁT CỎ 530MM/DLM538	688.392		8%
891	191Y69-6	BATTERY BL64100(LI-ION,64V,10.0AH)	PIN BL64100(LI-ION,64V,10.0AH)	24.179.040		8%
892	191Y82-4	STRAIGHT BIT 6E	MŨI PHAY THẲNG 6E	325.080		8%
893	191Y84-0	DUST BAG/VC012G	TÙI BỤI/VC012G	422.280		8%
894	191Y86-6	DUST BAG SET/DVC560	TÙI BỤI VÀI/DVC560	266.220		8%
895	192035-6	NOZZLE/3612BR	VÒNG HÚT BỤI/3612BR	421.200		8%
896	192121-3	KEYLESS DRILL CHUCK 44/NZ	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA 44/NZ	943.056		8%
897	192173-4	DRILL CHUCK & KEY SET 44/NZ	ĐẦU KHOAN CỎ KHÓA 44/NZ	989.280		8%
898	192176-8	DUST EXTRACTOR ATTACHMENT	BỘ PHỤ KIỆN HÚT BỤI	1.342.440		8%
899	192202-3	DUST COLLECTING WHEEL GUARD	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI	55.350		8%
900	192212-0	DUST COLLECTING WHEEL GUARD	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI	1.804.680		8%
901	192219-6	SAFETY GOGGLE(STRAP)	KÍNH BẢO HỘ(DÂY ĐEO)	108.000		8%
902	192227-7	SUPER FLANGE	MẶT BÍCH CHO MÁY MÀI	424.160		10%
903	192236-6	ANCHOR NOZZLE	ĐẦU HÚT KHE	163.188		8%
904	192278-0	HOSE 28MM 1.5M/DBS180	ỐNG NHỰA 28MM 1.5M/DBS180	1.058.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
905	192279-8	HOSE 28MM 3.0M/DBS180	ỐNG NHỰA MỀM 28MM 3.0M/DBS180	1.598.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
906	192349-3	JOINT 25-50	KHỚP NỐI 25-50	186.084		8%
907	192352-4	ABRASIVE PAPER SET	GIẤY CHÀ NHẠM	58.752		8%
908	192412-2	WHEEL GUARD FOR WIRE BEVEL BRUSH	CHỤP BẢO VỆ CHỖI ĐÁNH KIM LOẠI 85M	577.500	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	10%
909	192439-2	RATSCHET HEAD	ĐẦU CHUYỂN SIẾT BU LÔNG	4.440.420		8%
910	192440-7	STRAIGHT HEAD(NZ)	ĐẦU CHUYỂN VÁN VÍT(NZ)	1.944.000		8%
911	192454-6	WHEEL COVER	CHỤP BẢO VỆ	1.226.880	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
912	192486-3	STRAIGHT HEAD(E-FORM/MZ)	ĐẦU VÁN VÍT THẲNG(E-FORM/MZ)	1.688.580		8%
913	192523-3	PUNCH PLATE	ĐỆ ĐÓT GIẤY NHẠM	764.640		8%
914	192557-6	ANTI-SPLITTERING DEVICE	TẤM CHẶN MÙN CỬA	180.360		8%
915	192562-3	BENDING PIPE	ỐNG UỐN CONG	429.990		10%
916	192563-1	STRAIGHT PIPE	ỐNG THẲNG	336.710		10%
917	192595-8	BATTERY 9122	PIN 9122	2.017.440	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
918	192621-3	HOLDER SET	BỘ NÒNG THÉP	283.392		8%
919	192622-1	CROWN MOLDING STOPPER SET	BỘ CỨ CHẶN KHUÔN VÒM	2.106.000		8%
920	192625-5	WISE SET	KEP	532.440		8%
921	192628-9	CROWN MOLDING STOPPER SET	BỘ CỨ CHẶN KHUÔN VÒM	1.343.870		10%
922	192629-7	WOOL PAD 180MM	Nİ ĐÁNH BÔNG 180MM	595.296		8%
923	192655-6	ABRASIVE PAPER SET	BỘ GIẤY CHÀ NHẠM	58.752		8%
924	192669-5	CROWN MOLDING STOPPER SET	BỘ CỨ CHẶN KHUÔN VÒM	2.451.600		8%
925	192672-6	WISE SET	KEP	578.124		8%
926	192694-6	CLAMP COMPLETE/BS001G	BỘ KEP/BS001G	1.688.580		8%
927	192732-4	GUIDE RULE SET	BỘ THUỐC DẪN	226.152		8%
928	192799-2	JOINT 38-56MM/55 ASSEMBLY	KHỚP NỐI 38-56MM/55	138.888		8%
929	192877-8	DRILL CHUCK S13	ĐẦU KHOAN S13	1.134.000		8%
930	192887-5	DRILL CHUCK	ĐẦU KHOAN	360.450		8%
931	192954-6	FLEXIBLE ASSY	PHỤ KIỆN ĐẦU MỀM	5.940.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
932	192968-5	DUST COLLECTING WHEEL GUARD	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI	6.685.200		8%
933	192970-8	DRILL CHUCK	ĐẦU KHOAN	336.312		8%
934	192985-5	SIDE HANDLE SET	TAY CẦM HÔNG	347.760		8%
935	192988-9	COLLET CONE 8MM	CHẤU KEP 8MM	902.988		8%
936	192989-7	PUNCH PLATE/BO3710	ĐỆ ĐÓT GIẤY NHẠM/BO3710	186.300		8%
937	193011-3	COLLET CONE 3MM	CHẤU KEP 3MM	856.440		8%
938	193012-1	COLLET CONE 6MM	CHẤU KEP 6MM	711.720		8%
939	193036-7	HOOD SET/2012NB	BỘ TẤM CHẶN/2012NB	578.124		8%
940	193043-0	TEMPLET GUIDE 14.5	DẪN HƯỚNG 14.5	307.560		10%
941	193059-5	BATTERY 1235 SET	PIN 1235 SET	2.268.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
942	193066-8	WHEEL COVER SET	CHỤP BẢO VỆ SET	8.618.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
943	193067-6	DRILL CHUCK & KEY SET/DP4010	ĐẦU KHOAN CỎ KHÓA/DP4010	758.484		8%
944	193070-7	SANDING SHOE SET/BS001G	BỘ ĐỆ CHÀ NHẠM/BS001G	2.926.660		10%
945	193197-3	CARBON PLATE/BS001G	TẤM ĐỆ CARBON/BS001G	291.924		8%
946	193199-9	CORK RUBBER PLATE/BS001G	TẤM ĐỆ CAO SU CORK/BS001G	154.548		8%
947	193288-0	FELT PAD	ĐỆ Nİ	543.780		8%
948	193312-9	STRAIGHT GUIDE	THANH DẪN HƯỚNG THẲNG	3.632.040		8%
949	193326-8	HOSE COMPLETE 38-2.5	GIÁ ĐỖ 38-2.5	2.215.400		10%
950	193448-4	CIRCULAR GUIDE SET/DCO181	BỘ THANH DẪN HƯỚNG CONG/DCO181	1.036.800		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
951	193449-2	DUST COLLECTION COVER/DCO181	NÁP TÚI BỤI/DCO181	263.520		8%
952	193450-7	DRYWALL GUIDE BIT 3MM/DCO181	MŨI KHOÉT THẠCH CAO 3MM/DCO181	168.912		8%
953	193470-1	SPONGE PAD 190MM	ĐỆ ĐỆM 190MM	1.087.560		8%
954	193471-9	SUB PLATE ASSY	MIỀNG CHÈN	58.752		8%
955	193472-7	DUST EXTRACTOR ATTACHMENT	BỘ PHỤ KIỆN HÚT BỤI	1.204.200		8%
956	193516-3	GUIDE RULE SET	THUỐC DẪN	296.244		8%
957	193517-1	GUIDE RAIL ADAPTER SET	BỘ ĐIỀU CHỈNH THANH DẪN HƯỚNG	1.082.160		8%
958	193523-6	PAD	ĐỆ MÁY CHÀ NHÂM	492.480		8%
959	193540-6	SET PLATE 82 SET	TẤM THÉP 82	294.470		10%
960	193618-5	STAND SET/DBS180	BỘ GIÁ ĐÓ/DBS180	1.090.210		10%
961	193682-6	AUTOMATIC REFRESHING ADAPTER/ADP03	BỘ XÀ PIN TỰ ĐỒNG/ADP03	5.111.640		8%
962	193730-1	FLUORESCENT LIGHT SET	BỘ ĐÈN HUỖNH QUANG	115.992		8%
963	193751-3	WATER SUPPLY PIPE ASSEMBLY	ỐNG DẪN NƯỚC	376.380		8%
964	193794-5	DUST COLLECTING WHEEL GUARD	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI	4.602.960		8%
965	193822-6	DRILL CHUCK S13/HP2070	ĐẦU KHOAN S13/HP2070	764.640		8%
966	193894-1	DUST COVER SET/MT362	NÁP CHỤP BỤI/MT362	53.028		8%
967	193903-6	DUST COVER ATTACHMENT SET/GA5080	BỘ PHỤ KIỆN CHE BỤI/GA5080	289.116		8%
968	194026-3	PORTABLE BAND SAW STAND/2107F	ĐẾ CỬA VÒNG DI ĐỘNG/2107F	26.780.760		8%
969	194033-6	OUTER SLEEVE 22-49 SET	BẠC ĐỆM BÊN TRONG 22-49	3.133.680		10%
970	194034-4	OUTER SLEEVE 24-49 SET/6924N	BẠC ĐỆM BÊN TRONG 24-49/6924N	2.645.500		10%
971	194041-7	DRILL CHUCK SET	ĐẦU KHOAN	319.140		8%
972	194044-1	DUST COLLECTING WHEEL GUARD	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI	6.960.600		8%
973	194079-2	DRILL CHUCK SET	ĐẦU KHOAN	1.851.120		8%
974	194085-7	PLASTIC CASE/MT814KSP	VỎ HỘP MÁY/MT814KSP	1.001.160		8%
975	194086-5	LEFT TABLE SET/2704N	BÀN PHỤ TRÁI/2704N	1.154.340		10%
976	194087-3	REAR TABLE SET	BÀN MÓ RỒNG MẶT SAU	1.169.640		8%
977	194092-0	OUTER SLEEVE 7/8-49 SET	BẠC ĐỆM BÊN TRONG 7/8-49	3.379.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	10%
978	194093-8	STAND SET/2704	GIÁ ĐÓ MÁY CỬA BÀN/2704	10.984.680		8%
979	194098-8	SAW CHAIN 25AP (250MM)/DUC254Z	DÂY XÍCH 25AP (250MM)/DUC254Z	669.600		8%
980	194254-0	KEYLESS DRILL CHUCK SET	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA	1.085.400		8%
981	194267-1	TRIMMER BASE ASSEMBLY SET	ĐẾ MÁY SOI	342.036		8%
982	194268-9	TRIMMER BASE ASSEMBLY SET	ĐẾ MÁY SOI	319.140		8%
983	194269-7	TRIMMER BASE ASSY SET	ĐẾ MÁY SOI	1.549.800		8%
984	194270-2	TRIMMER BASE ASSY SET	ĐẾ MÁY SOI	1.366.200		8%
985	194289-1	DUST COVER ATTACHMENT SET	PHỤ KIỆN CHỨA BỤI	93.150		8%
986	194303-3	DUST COLECTING WHEELCOVER SET	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI	1.790.100		8%
987	194305-9	LOCK NUT RELEASE SOCKET 35 SET	ĐẦU TUỖY THAO ỐC 35	1.620.000		8%
988	194310-6	INNER SLEEVE 22-48 SET	BẠC ĐỆM BÊN NGOÀI 22-48	5.229.510		10%
989	194311-4	INNER SLEEVE 24-49 SET/6924N	NÁP CHỤP TRONG/6924N	5.206.190		10%
990	194312-2	INNER SLEEVE 1-49 SET	BẠC ĐỆM BÊN NGOÀI 1-49	4.404.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	10%
991	194368-5	GUIDE RAIL 1400MM	THANH RAY 1400MM	1.388.880		8%
992	194385-5	CLAMP SET(STANDARD TYPE)	KẸP(LOẠI TIÊU CHUẨN)	1.055.230		10%
993	194416-0	REPAIR TAPE/LONG RULAR(SHEET)	BĂNG KEO CHỐNG TRƯỢT THƯỜNG	1.006.020		8%
994	194417-8	REPAIR TAPE/LONG RULAR(RUBBER SHEET)	BĂNG KEO CHỐNG TRƯỢT BĂNG TÂM CÀ	1.272.240		8%
995	194483-5	LOOP HANDLE SET	TAY CẦM	231.876		8%
996	194485-1	PIN 4 SET/DTW1004	CHÓT MÁY 4/DTW1004	201.190		10%
997	194514-0	VIBRATION PROOF GRIP SET	TAY CẦM CHỐNG RUNG	452.520		8%
998	194533-6	BATTERY CHARGER SET DC18SD	BỘ SẠC PIN DC18SD	2.371.680		8%
999	194543-3	VIBRATION PROOF GRIP SET	TAY CẦM CHỐNG RUNG	515.160		8%
1000	194579-2	GUIDE RAIL ADAPTER SET	BỘ ĐIỀU CHỈNH RÀNH TRƯỢT	1.272.240		8%
1001	194580-7	DUSTCUP SET	LY CHỨA BỤI	561.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1002	194581-5	GRIP BASE SET	PHỤ KIỆN GẮN LY CHỨA BỤI	432.000		8%
1003	194582-3	GRIP BASE SET	PHỤ KIỆN GẮN LY CHỨA BỤI	157.464		8%
1004	194583-1	GRIPBASE SET	PHỤ KIỆN GẮN LY CHỨA BỤI	108.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1005	194588-1	CHARGER DC10WA	SẠC PIN DC10WA	1.238.760		8%
1006	194677-2	CORD HOLDER COMPLETE SET	BỘ GIỮ DÂY	68.688		8%
1007	194679-8	ARM BAND COMPLETE SET	BỘ GẮNG TAY	138.888		8%
1008	194681-1	CHIP RECEIVER ASSY SET	BỘ CHỨA MÀNH VÙN	648.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1009	194684-5	GRIP ATTACHMENT SET	GẮ KẸP	480.816		8%
1010	194691-8	BAND SAW BLADE 13-1140	BỘ LƯỚI CỬA VÒNG13-1140	631.152		8%
1011	194692-6	BAND SAW BLADE 13-1140	BỘ LƯỚI CỬA VÒNG 13-1140	642.600		8%
1012	194733-8	DUST NOZZLE	ỐNG NỒI HÚT BỤI	81.648		8%
1013	194746-9	PAPER DUST BAG 5PCS	TÚI BỤI GIẤY 5PCS	127.440		8%
1014	194755-8	SHEAR BLADE ASSEMBLY SET	BỘ LƯỚI CẮT CHO MÁY CẮT TỖN	1.007.640		8%
1015	194759-0	HOOK SET/DF0300	MỐC TREO/DF0300	163.188		8%
1016	194869-3	FAST CHARGER DC36RA	SẠC NHANH DC36RA	4.190.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1017	194904-7	TOOL SET/EBH340U	BỘ DỤNG CỤ/EBH340U	87.372		8%
1018	194925-9	GUIDE RAIL 1900MM	THANH RAY 1900MM	1.966.680		8%
1019	194929-1	PAD COMPLETE SET	BỘ ĐỆ	237.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1020	194930-6	PAD COMPLETE SET	BỘ ĐỆ	492.480		8%
1021	194934-8	DUST NOZZLE/RP1801	ỐNG KẾT NỐI HÚT BỤI/RP1801	237.600		8%
1022	194947-9	PUNCH PLATE SET	ĐỆ ĐỐT GIẤY NHÂM	229.500		8%
1023	195050-9	CHIP RECEIVER ASSEMBLY/DUH523	PHỤ KIỆN CHỨA CỎ/DUH523	815.724		8%
1024	195055-9	GUIDE RULE SET	THUỐC DẪN	249.048		8%
1025	195059-1	DUST COVER ATTACHMENT	PHỤ KIỆN CHỨA BỤI	344.250		8%
1026	195081-8	DRILL CHUCK SET/HP1630	ĐẦU KHOAN/HP1630	229.500		8%
1027	195134-3	FILTER SET 5PCS	BỘ LỌC 5PCS	266.220		8%
1028	195136-9	STRAIGHT GUIDE WITH MICRO ADJUSTMENT	BỘ THANH CỨ CỎ THỂ ĐIỀU CHỈNH/RT00	1.399.680		8%
1029	195149-0	CUTTER ASSY SET/BBC300L	LƯỚI CẮT/BBC300L	691.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1030	195173-3	DUST CUP SET	LY CHỨA BỤI	144.612		8%
1031	195179-1	DUST CUP SET	LY CHỨA BỤI	226.152		8%
1032	195232-3	ANTI KICK BACK HEAD ASSEMBLY	PHỤ KIỆN CHỐNG PHẢN LỰC	7.678.800		8%
1033	195237-3	DUST COVER SET	PHỤ KIỆN THU BỤI	1.342.440		8%
1034	195240-4	HOLDER 200 SET	BỘ NÔNG THÉP 200	214.704		8%
1035	195253-5	CROWN MOLDING STOPPER SET	BỘ CỨ CHÂN KHUÔN VÒM	2.521.800		8%
1036	195267-4	SHEAR BLADE ASSY SET 160MM	LƯỚI CẮT CỎ 160MM	1.688.580		8%
1037	195274-7	BLADE COVER SET	BỘ BẢO VỆ LƯỚI	151.740		8%
1038	195284-4	VACUUM KIT	TÚI HÚT CHẦN KHÔNG	3.516.480		8%
1039	195311-7	BAP36N/BATTERY ADAPTER SET	BAP36N/BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN	1.274.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1040	195334-5	JOINT DUST NOZZLE/HS301D	ỐNG NỐI VỚI MÁY HÚT BỤI/HS301D	30.132		8%
1041	195354-9	TOOLLESS LOCK NUT SET	ĐAI ỐC HÂM	1.531.860		10%
1042	195384-0	DUST COLLECTING WHEEL GUARD	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI	1.339.200		8%
1043	195387-4	DUST COVER SET FOR GRINDER 180MM,2	BẢO VỆ ĐẦU HÚT BỤI CHO MÁY MÀI 180M	1.666.440		8%
1044	195423-6	CHARGER DC18WA	SẠC PIN DC18WA	1.331.640		8%
1045	195430-9	DRILL CHUCK SET/HP1630	ĐẦU KHOAN/HP1630	307.800		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
1046	195432-5	POLY BAG SET 10PCS/SET	TÚI CHỨA BỤI BẰNG NHỰA 10CÁI/BỘ	274.752		8%
1047	195433-3	HOSE COMPLETE 28-3.5 SET	ỐNG MỀM 28-3.5	1.643.760		8%
1048	195434-1	HOSE COMPLETE	ỐNG HÚT BỤI	1.609.200		8%
1049	195435-9	HOSE 38MM-5M	ỐNG MỀM 38MM-5M	2.640.600		8%
1050	195436-7	HOSE 28-5 WITH FRONT CUFFS 22/24/38	ỐNG MỀM 28-5 VỚI VÒNG GĂNG TRƯỚC	1.944.000		8%
1051	195437-5	HOSE 28-2.5	ỐNG MỀM 28-2.5	1.319.760		8%
1052	195438-3	POWDER FILTER SET	BỘ LỌC	1.204.200		8%
1053	195439-1	CLEANING SET	BỘ LÀM SẠCH	2.683.800		8%
1054	195440-6	POLY BAG SET 10PCS/SET	TÚI CHỨA BỤI BẰNG NHỰA 10CÁI/BỘ	208.980		8%
1055	195441-4	POWDER FILTER SET	BỘ LỌC	1.352.700		8%
1056	195471-5	CHARGER DC36WA	SẠC PIN DC36WA	3.348.000		8%
1057	195534-7	WATER SET/EK7651	ỐNG DẪN NƯỚC/EK7651	858.600		8%
1058	195544-4	HOLDER 10-33 SET	BỘ BẾ ĐÓ 10-33	24.408		8%
1059	195545-2	FRONT CUFF 38 SET	VÒNG GĂNG TRƯỚC 38	151.740		8%
1060	195546-0	FRONT CUFF 24 SET	VÒNG GĂNG TRƯỚC 24	75.924		8%
1061	195547-8	FRONT CUFF 22 SET	VÒNG GĂNG TRƯỚC 22	53.028		8%
1062	195548-6	JOINT 22-38 SET	ĐẦU NỐI 22-38	313.416		8%
1063	195549-4	NOZZLE ASSY A SET	ĐẦU HÚT BỤI LOẠI A (HÚT KHÔ)	448.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
1064	195550-9	NOZZLE ASSY B SET	ĐẦU HÚT BỤI LOẠI B (HÚT ƯỚT)	432.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
1065	195551-7	NOZZLE ASSEMBLY SET	VỎI HÚT BỤI	758.484		8%
1066	195552-5	DAMPER SET	BỘ GIẢM SỐC	229.500		8%
1067	195553-3	PRE-FILTER SET	BỘ LỌC TRƯỚC	502.200		8%
1068	195554-1	PRE-FILTER SET/VC2510L	BỘ LỌC TRƯỚC/VC2510L	694.440		8%
1069	195555-9	FILTER FOR WATER SET	BỘ LỌC BỤI ƯỚT	889.650		8%
1070	195556-7	FILTER FOR WATER SET/VC2510L	BỘ LỌC BỤI ƯỚT/VC2510L	989.820		8%
1071	195557-5	FILTER	LỌC BỤI	480.600		8%
1072	195558-3	FILTER	LỌC BỤI	597.240		8%
1073	195559-1	DUST NOZZLE	ỐNG HÚT BỤI	75.924		8%
1074	195562-2	OFFSET BASEE SET	ĐỀ PHAY	2.521.800		8%
1075	195564-8	GUIDE HOLDER SET	THANH DẪN HƯỚNG	133.164		8%
1076	195584-2	FAST CHARGER DCI18RC	SẠC NHANH DCI18RC	3.006.720		8%
1077	195611-5	FILTER FOR WATER SET/VC3210L	BỘ LỌC BỤI ƯỚT/VC3210L	922.050		8%
1078	195612-3	POWDER FILTER SET/VC3210L	BỘ LỌC BỤI/VC3210L	665.496		8%
1079	195624-6	CUTTER BLADE 305MM/UR012G	LƯỚI CẮT CỎ (2 RĂNG) 305MM/UR012G	359.208		8%
1080	195637-7	HOLDER CUFF SETFRONT CUFF 22 FRONT	BỘ ĐẦU GIỮ KHỚP NỐI, VÒNG BÍT TRƯỚC	138.888		8%
1081	195638-5	TOOL BAG SET/DSL801	TÚI DUNG DỤNG CỤ/DSL801	1.782.000		8%
1082	195707-2	CULTIVATOR ATTACHMENT 160MM/KR4	PHỤ KIỆN XOI ĐẤT 160MM/KR400MP	8.402.400		8%
1083	195716-1	CULTIVATOR ATTACHMENT 160MM/KR4	PHỤ KIỆN XOI ĐẤT 160MM/KR400MP	8.402.400		8%
1084	195726-8	COFFEE HARVESTER ATTACHMENT/EJ40	PHỤ KIỆN HAI CÀ PHÊ/EJ400MP	8.530.650		8%
1085	195769-0	SHEAR BLADE COMPLETE SET 520MM	LƯỚI TỈA HÀNG RÀO 520MM	1.296.000		8%
1086	195779-7	HOOK SET/DCO181	MỐC TREO/DCO181	104.544		8%
1087	195798-3	BATTERY PROTECTOR S	ỐP BẢO VỆ PIN	1.166.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1088	195854-9	DUST CASE SET/DX01	TÚI DUNG BỤI/DX01	637.200		8%
1089	195855-7	FILTER SET/DX01	BỘ LỌC/DX01	370.656		8%
1090	195866-2	DUST EXTRACTOR ATTACHMENT SET	TÚI LỌC BỤI	2.377.080		8%
1091	196008-1	DRILL CHUCK/DUT131	ĐẦU KHOAN/DUT131	405.000		8%
1092	196074-8	VACUUM ATTACHMENT/HR4511C	PHỤ KIỆN THU BỤI/HR4511C	2.729.160		8%
1093	196094-2	PLUNGE BASE SET	ĐỀ SOI	2.082.240		8%
1094	196125-7	TOOL SET/EBH340U	BỘ DỤNG CỤ/EBH340U	87.372		8%
1095	196152-4	FELT PAD	TẤM ĐỀ NI	437.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 40% và số lượng có hạn.	8%
1096	196167-1	SHEAR BLADE COMPLETE SET	BỘ LƯỚI TỈA HÀNG RÀO	1.296.000		8%
1097	196193-0	KEYLESS DRILL CHUCK/M8101B	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA/M8101B	446.472		8%
1098	196205-9	SAW CHAIN 91PX (250MM)/DUC254Z	ĐÂY XÍCH 91PX (250MM)/DUC254Z	351.000		8%
1099	196207-5	SAW CHAIN 91PX (350MM)/ DUC353/DUC3	ĐÂY XÍCH 91PX (350MM)/ DUC353/DUC35	378.000		8%
1100	196235-0	BATTERY BL1815N(LI-ION,18V,1.5AH)	PIN BL1815N (LI-ION, 18V,1.5AH)	1.944.000		8%
1101	196252-0	HEPA POWDER FILTER SET/VC3211M	BỘ LỌC BỤI HEPA/VC3211M	422.280		8%
1102	196254-6	DAMPER SET/VC3211M	BỘ GIẢM RUNG/VC3211M	121.716		8%
1103	196264-3	END COVER & BLADE COVER/EN410MP	VỎ BẢO VỆ LƯỚI CẮT CÀNH/EN410MP	231.876		8%
1104	196272-4	ADAPTER A SET/TM3000C	BỘ CHUYỂN ĐỔI LƯỚI/TM3000C	115.992		8%
1105	196280-5	BATTERY BL1415NA(LI-ION,14.4V,1.5AH)	PIN BL1415NA(LI-ION,14.4V,1.5AH)	2.916.000		8%
1106	196303-9	HEDGE TRIMMER ATTACHMENT SET/EN4	PHỤ KIỆN TỈA HÀNG RÀO/EN401MP	8.921.880		8%
1107	196306-3	KEYLESS DRILL CHUCK/DDF453	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA/DDF453	365.040		8%
1108	196308-9	KEYLESS DRILL CHUCK/DA331D	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA/DA331D	325.080		8%
1109	196309-7	KEYLESS DRILL CHUCK/DDF343	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA/DDF343	319.140		8%
1110	196324-1	NYLON HEAD SET (2.4MMX3.6M)	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CƯỖC (2.4MMX3.6M)	694.440		8%
1111	196326-7	STAND CHAIN VISE AND COVER SET/210	BỘ ĐẾ CỬA VÒNG VÀ VỎ BẢO VỆ/210F	29.854.980		8%
1112	196351-8	KIT OF HOLDER A 300ML	GIÁ ĐO A 300ML	1.099.440		8%
1113	196353-4	PROTECTOR SET	BỘ BẢO VỆ	329.400		8%
1114	196426-3	4 PORT CHARGER DCI18SF	SẠC PIN 4 CỒNG DCI18SF	6.625.800		8%
1115	196432-8	WATER SUPPLY PIPE SET/M4100B	ỐNG CẤP NƯỚC/M4100B	319.140		8%
1116	196499-6	NOZZLE SET(0.7,0.8)/PM7650H	BẾC PHUN(0.7,0.8)/PM7650H	195.250		10%
1117	196520-1	JOINT (DUST NOZZLE)	ỐNG KẾT NỐI MÁY HÚT BỤI	109.350		8%
1118	196521-9	SAW CHAIN SET 56 1,3MM/.050"X3/8"/91PX	ĐÂY XÍCH 56 1,3MM/.050"X3/8"/91PX	752.760		8%
1119	196536-6	DUST EXTRACTOR ATTACHMENT SET	TÚI LỌC BỤI	1.684.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1120	196564-1	KEYLESS DRILL CHUCK SET	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA	416.448		8%
1121	196568-3	DUST EXTRACTOR ATTACHMENT SET	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI	413.640		8%
1122	196571-4	DUST EXTRACTOR ATTACHMENT SET	TÚI LỌC BỤI	1.082.160		8%
1123	196586-1	HOOK SET/DPB182	MỐC TREO/DPB182	93.096		8%
1124	196613-4	TRIMMER BASE SET/DRT50	ĐỀ TỈA MÉP/DRT50	706.970		10%
1125	196643-5	FLEXIBLE HOSE SET	BỘ ỐNG MỀM CHO MÁY THỜI	336.312		8%
1126	196664-7	BEVEL GUIDE SET	BỘ DẪN GÓC XIÊN	1.011.960		8%
1127	196684-1	PAD 150 SET (SOFT)/BO6030	MỀNG ĐỆM/BO6030	1.087.560		8%
1128	196685-9	PAD 150MM SET SUPER HARD/BO6030	BỘ TẤM ĐỆM 150MM SIÊU CỨNG/BO6030	1.054.080		8%
1129	196686-7	PAD 150MM SET SUPER SOFT/BO6030	BỘ TẤM ĐỆM 150MM SIÊU MỀM/BO6030	1.215.000		8%
1130	196733-4	BAND/PM001G	ĐÂY ĐEO/PM001G	93.150		8%
1131	196745-7	BLADE SET 203MM/UE001G	LƯỚI CẮT 203MM/UE001G	322.650		8%
1132	196751-2	EDGER ATTACHMENT/EE400MP	PHỤ KIỆN TỈA MÉP/EE400MP	4.255.200		8%
1133	196792-8	SIDE HANDLE 73 SET/DHR400	TAY CẦM/DHR400	694.440		8%
1134	196797-8	SHEAR BLADE/EH6000W	LƯỚI CẮT/EH6000W	1.643.760		8%
1135	196809-7	BCV03/BATTERY CONVERTER SET	BCV03/BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN/BCV03	3.076.920		8%
1136	196817-8	SHOULDER BELT SET(A-60589)	ĐÂY ĐEO VAI(A-60589)	138.888		8%
1137	196818-6	HARNES/BAP182	VỎ CHỨA PIN/BAP182	996.840		8%
1138	196829-1	BATTERY CHARGER DCI001	SẠC PIN DCI001	427.896		8%
1139	196845-3	DUST COLLECT COVER K SET / GA5021C	TÚI BỤI/GA5021C	1.964.250		8%
1140	196846-1	DUST COLLECTING WHEEL GUARD 125M	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI 125MM	2.175.120		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
1141	196858-4	DUST EXTRACTOR ATTACHMENT SET/H8	TÚI BỤI/HR2512C	2.221.560		8%
1142	196877-0	BATTERY BL1415N(LI-ION,14.4V,1.5AH)	PIN BL1415N(LI-ION,14.4V,1.5AH)	1.922.400		8%
1143	196896-6	ACCESSORY SET 2PCS/SET/EM3400U	CÓ LÊ/EM3400U	115.992		8%
1144	196924-7	GRIP ATTACHMENT SET	BỘ TAY CÀM	1.884.630		10%
1145	196933-6	2 PORT FAST CHARGER DC18RD	SẠC NHANH 2 CỒNG DC18RD	4.625.640		8%
1146	196943-3	BASE COVER SET/DCC500	BẢO VỆ ĐÉ/DCC500	115.992		8%
1147	196952-2	JOINT DUST NOZZLE/DHS680	ÔNG NỔI /DHS680	44.550		8%
1148	196953-0	GUIDE RAIL ADAPTER/DHS680	PHỤ KIỆN CHUYỂN ĐỔI DỪNG CHOTHAN	932.040		8%
1149	196961-1	DUST NOZZLE SET/DHS680	BỘ KHỚP NỔI/DHS680	35.856		8%
1150	197024-6	LOCATOR LONG	CỦ ĐÀI	203.256		8%
1151	197025-4	LOCATOR SHORT	CỦ NGẮN	203.256		8%
1152	197027-0	LOCATOR 3/8" SET/FS2500	ĐẦU ĐIỀU CHỈNH MŨI VÍT3/8"/FS2500	98.820		8%
1153	197043-2	TOOL CATCHER	MỘC TREO	1.036.800		8%
1154	197148-8	DUST EXTRACTOR ATTACHMENT/HM181	PHỤ TÙNG KHỬ BỤI/HM1812	1.811.160		8%
1155	197166-6	Powder Filter H Set /VC860D	BỘ LỌC BỤI/VC860D	1.382.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
1156	197168-2	VACUUM ATTACHMENT SET/HM1306	ĐẦU NỔI MÁY HÚT BỤI/HM1306	1.272.240		8%
1157	197195-9	HOLDER C SET FOR CAULKING GUN 800M	BỘ ỒNG ĐÓ SILICON C 800ML	1.897.560		8%
1158	197200-2	TOOL KIT/EK8100	BỘ DỤNG CỤ/EK8100	108.000		8%
1159	197221-4	JOINT (DUST NOZZLE)/HS7600	ĐẦU NỔI HÚT BỤI/HS7600	98.820		8%
1160	197224-8	WIDE HOOK SET/DHR182	MỘC TREO/DHR182	61.560		8%
1161	197243-4	BAND ASSEMBLY SET/PDC01	DÂY ĐEO VAI/PDC01	189.000		8%
1162	197252-3	GUIDE RAIL ADAPTER/DHS710	BỘ CHUYỂN ĐỔI THANH DẪN HƯỚNG/DH	1.851.120		8%
1163	197254-9	BATTERY BL1820B(LI-ION, 18V, 2.0AH)	PIN BL1820B(LI-ION, 18V, 2.0AH)	2.289.600		8%
1164	197280-8	BATTERY BL1850B(LI-ION, 18V, 5.0AH)	PIN BL1850B(LI-ION, 18V, 5.0AH)	3.585.600		8%
1165	197294-7	PROTECTION GUARD FOR BRUSH CUTTING	BẢO VỆ LƯỚI DỪNG CHO MÁY CẮT CỎ /L	555.228		8%
1166	197296-3	STRING TRIMMER HEAD/DUR365	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CƯỚC/DUR365	509.760		8%
1167	197297-1	STRING TRIMMER HEAD (2.0MMX3M)/DU	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CƯỚC (2.0MMX3M)/D	550.800		8%
1168	197323-6	HOSE STAND	GIÁ ĐÓ ỒNG HÚT BỤI	4.723.920		8%
1169	197324-4	TOOL KIT/EA4301F	BỘ DỤNG CỤ/EA4301F	156.600		8%
1170	197343-0	CHARGER DC10WD	SẠC PIN DC10WD	1.459.080		8%
1171	197363-4	FAST CHARGER DC10SB	SẠC NHANH DC10SB	1.828.440		8%
1172	197367-6	SHEAR BLADE L SET(STANDARD)	LƯỚI CẮT CÀNH L(TIÊU CHUẨN)	1.483.650		8%
1173	197393-5	BATTERY BL1016(LI-ION,12V MAX,1.5AH)	PIN BL1016(LI-ION,12V MAX, 1.5AH)	1.111.320		8%
1174	197396-9	BATTERY BL1021B(LI-ION,12V MAX, 2.0A	PIN BL1021B(LI-ION,12V MAX, 2.0AH)	1.366.200		8%
1175	197406-2	BATTERY BL1041B(LI-ION,12V MAX, 4.0A	PIN BL1041B(LI-ION,12V MAX, 4.0AH)	1.897.560		8%
1176	197422-4	BATTERY BL1860B(LI-ION, 18V, 6.0 AH)	PIN BL1860B(LI-ION, 18V, 6.0AH)	4.175.280		8%
1177	197439-7	GREASE VESSEL SET 80ML	MỖ BƠ 80ML	243.324		8%
1178	197462-2	GUIDE RAIL ADAPTER/HS6600	PHỤ KIỆN CHUYỂN ĐỔI DỪNG CHOTHAN	591.084		8%
1179	197538-5	RING SET(RING+BRACKET)/DTW1001	BỘ VÒNG TREO MÁY (VÒNG TREO VÀ GI	319.220		10%
1180	197581-4	BATTERY ADAPTER SET/BAP182	BỘ PHỤ KIỆN KẾT NỐI PIN VỚI MÁY/BAP	4.718.520		8%
1181	197588-0	SHEAR BLADE U (STANDARD)/DUP361	LƯỚI CẮT CÀNH U (TIÊU CHUẨN)/DUP361	1.688.580		8%
1182	197599-5	BATTERY BL1830B (LI-ION, 18V, 3.0 AH)	PIN BL1830B (LI-ION, 18V,3.0AH)	2.359.800		8%
1183	197615-3	BATTERY BL1430B SET(LI-ION,14.4V,3.0A	PIN BL1430B(LI-ION,14.4V, 3.0AH)	2.916.000		8%
1184	197624-2	POWER SOURCE KIT MKP1RT182(BL1850B	BỘ PIN SẠC MKP1RT182(BL1850B*2/DC18	9.437.040		8%
1185	197629-2	POWER SOURCE KIT MKP3PT182(BL1850B	BỘ PIN SẠC MKP3PT182(BL1850B*2/DC18	8.920.800		8%
1186	197709-4	BATTERY BL1460B SET(LI-ION,14.4V, 6.0	PIN BL1460B(LI-ION,14.4V, 6.0AH)	4.499.280		8%
1187	197742-6	HEDGE TRIMMER ATTACHMENT/EN410M	PHỤ KIỆN TỈA HÀNG RÀO/EN410MP	4.568.400		8%
1188	197749-2	SHEAR BLADE L SET/DUP361	LƯỚI CẮT CÀNH/DUP361	1.528.200		8%
1189	197768-8	SHEAR BLADE ASEMBLY SET ME/EN410M	LƯỚI CẮT/EN410MP	1.631.340		8%
1190	197810-5	CONNECTOR SET/HW1300	ĐẦU NỔI/HW1300	197.100		8%
1191	197822-8	VARIABLE NOZZLE ASSY	ĐẦU XIT RỬA	325.080		8%
1192	197824-4	CYCLONE JET NOZZLE SET	ĐẦU XIT DẠNG XOAY	347.760		8%
1193	197828-6	WASH BRUSH ASSY	ĐẦU XIT DẠNG BÀN CHẠI	249.048		8%
1194	197831-7	ROTATION BRUSH ASSY	BÀN CHẠI XOAY	480.816		8%
1195	197837-5	PIPE CLEANING HOSE ASSY 10M	VỎI XIT LÀM SẠCH ỒNG 10M	874.800		8%
1196	197840-6	PIPE CLEANING HOSE ASSY 15M	VỎI XIT LÀM SẠCH ỒNG 15M	1.064.880		8%
1197	197842-2	TRIGGER GUN SET	SUNG XIT RỬA	475.200		8%
1198	197845-6	EXTENDED HIGH PRESSURE HOSE 5M	DÂY ÁP SUẤT CAO 5M	758.484		8%
1199	197847-2	EXTENDED HIGH PRESSURE HOSE 8M	DÂY ÁP SUẤT CAO 8M	954.450		8%
1200	197850-3	EXTENDED HIGH PRESSURE HOSE 10M	DÂY ÁP SUẤT CAO 10M	1.181.520		8%
1201	197853-7	ACCESSORY JOINT ASSY	ĐẦU NỔI	175.500		8%
1202	197859-5	UNDER BODY SPRAY LANCE SET/DHW080	ĐẦU XIT GÓC/DHW080	805.750		10%
1203	197864-2	CYCLONE GUARD SET	BÀN CHẠI XOAY	602.640		8%
1204	197867-6	TWIST PREVENTION JOINT SET	ĐẦU NỔI CHỐNG XOẢN/HW1200	545.160		10%
1205	197870-7	EXTENDED HOSE ASSY	ĐẦU NỔI DÀI	1.222.375		10%
1206	197873-1	SELF-SUCTION HOSE ASSY	ÔNG HÚT NƯỚC	895.050		8%
1207	197876-5	VARIOSPRAY LANCE SET	ĐẦU XIT RỬA	529.200		8%
1208	197879-9	CLEANER PIN ASSY	PHỤ KIỆN VỆ SINH	71.500		10%
1209	197881-2	ABSORPTION CONNECTER ASSY	ĐẦU NỔI	128.844		8%
1210	197883-8	ONE TOUCH JOINT ASSY	ĐẦU NỔI NHANH	115.992		8%
1211	197886-2	FOAM NOZZLE ASSY	BÌNH CHỨA XÀ PHÒNG	491.400		8%
1212	197888-8	EXTENSION NOZZLE SET/DUB184	ĐẦU THỜI MỎ RỘNG/UB001G	163.188		8%
1213	197889-6	FLAT NOZZLE SET/DUB362	ĐẦU THỜI DEP/UB001G	138.888		8%
1214	197899-3	DUST BAG ASSEMBLY/DVC261/265	TÚI CHỨA BỤI VAI/VAI/DVC261/265	549.720		8%
1215	197900-4	NOZZLE SET	VỎI HÚT BỤI	118.800		8%
1216	197901-2	NOZZLE SET	VỎI HÚT BỤI	151.740		8%
1217	197903-8	FILTER BAG SET/DVC261/265	TÚI CHỨA BỤI GIẤY/DVC261/265	410.724		8%
1218	197920-8	WOOL PAD 125 SET	MŨ ĐÁNH BÓNG	393.552		8%
1219	197935-5	CONNECTOR SET/HW1200	ĐẦU NỔI/HW1200	240.300		8%
1220	197940-2	TOOL HANGER SET(WITH OUT SHOULDER	BỘ MỘC TREO (KẾT HỢP VỚI DÂY ĐEO V	203.256		8%
1221	197941-0	TOOL CATCHER SET/DTW300	DÂY ĐEO KÈM MỘC TREO/DTW300	370.656		8%
1222	197952-5	POWER SOURCE KIT/MKP1RF182(BL1830B	BỘ PIN SẠC/MKP1RF182(BL1830B*2/DC18	7.348.320		8%
1223	197993-1	STRING TRIMMER HEAD(2.4MM*3M)	ĐẦU CẮT CỎ DẠNG CƯỚC(2.4MM*3M)	392.850		8%
1224	198000-3	BATTERY BL0715(LI-ION 7.2V, 1.5AH)	PIN BL0715(LI-ION 7.2V, 1.5AH)	1.146.150		8%
1225	198043-5	SIDE GRIP/DPO500	TAY CÀM/DPO500	207.900		8%
1226	198044-3	GRIP 36 SET	TAY CÀM	226.152		8%
1227	198051-6	DRILL CHUCK 13 SET	ĐẦU KHOAN S13	115.992		8%
1228	198061-3	GROUNDTRIMMER ATTACHMENT/EN420M	PHỤ KIỆN TỈA CÀNH THẤP/EN420MP	7.265.700		8%
1229	198116-4	POWER SOURCE KIT/MKP1RG182(BL1860B	BỘ PIN SẠC/MKP1RG182(BL1860B*2/DC18	10.437.120		8%
1230	198149-9	FLOOR/CARPET T-NOZZLE(IVORY)	ĐẦU HÚT T CHO SÀN VÀ THẨM (MAU NG	388.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1231	198150-4	NOZZLE ASSY SET (IVORY)	ĐẦU HÚT BỤI (MAU NGÀ)	388.800		8%
1232	198170-8	BATTERY TIMER/BPS01	BỘ HEN GIỜ CHO PIN /BPS01	3.521.880		8%
1233	198186-3	BATTERY BL1815G(LI-ION, 18V, 1.5AH)	PIN BL1815G(LI-ION, 18V, 1.5AH)	1.734.480		8%
1234	198192-8	BATTERY BL1415G(LI-ION, 14.4V, 1.5AH)	PIN 14V BL1415G(LI-ION, 14.4V, 1.5AH)	1.342.440		8%
1235	198195-2	SHEAR BLADE/EN420MP	LƯỚI CẮT/EN420MP	1.144.800		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
1236	198225-9	NOZZLE 0.7 SET/PM7650H	BẾC PHUN 0.7/PM7650H	102.600		8%
1237	198249-5	DEFLECTOR SET MG/PM001G	NẮP CHỤP ĐẦU PHUN/PM001G	226.152		8%
1238	198259-2	DRIVE SPROCKET TYPE 1/4"	NHÔNG XÍCH LOẠI 1/4"	93.096		8%
1239	198266-5	CUTTER ASSY 110-M10L (2.4MMX6M)/5IN	ĐẦU CẮT CỎ ĐANG CƯỐC (2.4MMX6M)/5	804.600		8%
1240	198362-9	DUST CUP SET	LY CHỨA BỤI	289.116		8%
1241	198363-7	ADP07 AC ADAPTER SET/DF001D	ADP07 CỤC SẠC PIN/DF001D	243.324		8%
1242	198380-7	DUST COLLECTION WHEEL GUARD FOR I	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI 230MM	3.297.240		8%
1243	198383-1	PLASTIC BLADE 255MM	LƯỠI CẮT CỎ NHỰA 255MM	619.920		8%
1244	198385-7	STRING TRIMMER HEAD(2.0MM*3M)	ĐẦU CẮT CỎ ĐANG CƯỐC(2.0MM*3M)	432.000		8%
1245	198401-5	CHIP RECEIVER ASSEMBLY	PHỤ KIỆN CHỨA CỎ	168.912		8%
1246	198408-1	SHEAR BLADE 200MM/UH201D	LƯỠI TỈA HÀNG RÀO 200MM/UH201D	578.124		8%
1247	198412-0	GRASS RECEIVER 160 SET/UH201D	BỘ BẢO VỆ LƯỠI/UH201D	301.968		8%
1248	198413-8	DUST COLLECTING WHEELCOVER 100C S	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI CHO ĐÁ CẮT KIM	395.010		10%
1249	198414-6	DUST COLLECTING WHEELCOVER 100CD	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI	360.030		10%
1250	198415-4	DUST COLLECTING WHEELCOVER 125C S	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI	1.620.000		8%
1251	198416-2	DUST COLLECTING WHEELCOVER 125CD	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI	1.620.000		8%
1252	198426-9	REPLACEMENT PLASTIC BLADE 255MM(C	LƯỠI CẮT CỎ NHỰA 255MM LOẠI RỎI(12	266.220		8%
1253	198440-5	DUST COLLECTING WHEEL GUARD 230M	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI 230MM/GA038G	4.128.840		8%
1254	198486-1	LONG HANDLE ATTACHMENT SET/UM60	PHỤ KIỆN TAY CẦM NỔI DÀI/UM600D	1.518.000		10%
1255	198514-2	DUST COLLECTION WHEEL GUARD FOR I	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI 180MM	4.250.880		8%
1256	198525-7	NOZZLE ASSY SET FOR RUG AND CARPET	ĐẦU HÚT BỤI CHO THAM (MÀU TRẮNG)	388.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
1257	198527-3	FLOOR/CARPET T-NOZZLE(BLUE)	ĐẦU HÚT T CHO SÀN VÀ THAM (MÀU XA	388.800		8%
1258	198528-1	FLOOR/CARPET T-NOZZLE(WHITE)	ĐẦU HÚT T CHO SÀN VÀ THAM (MÀU TR	392.850		8%
1259	198529-9	FLOOR/CARPET T-NOZZLE(BLACK)	ĐẦU HÚT T CHO SÀN VÀ THAM (MÀU ĐE	392.850		8%
1260	198532-0	NOZZLE FOR FLOORING AND CARPET(WH	ĐẦU HÚT BỤI CHO SÀN VÀ THAM(MÀU T	654.750		8%
1261	198533-8	F/C SWITCHING T-NOZZLE 38MM	ĐẦU HÚT BỤI CHO SÀN VÀ THAM CỎ CỒN	772.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1262	198534-6	SHELF BRUSH BLUE	ĐẦU HÚT BÀN CHẢI ĐẸP MÀU XANH	156.600		8%
1263	198535-4	SHELF BRUSH RED	ĐẦU HÚT BÀN CHẢI ĐẸP MÀU ĐỎ	156.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
1264	198537-0	SHELF BRUSH/IVORY	CHỖI HÚT BỤI DÙNG CHO KẼ/MÀU NGÀ	156.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1265	198540-1	SHELF BRUSH(BLACK)	CHỖI DỌN KẼ (MÀU ĐEN)	168.912		8%
1266	198544-3	FLEXIBLE HOSE(IVORY)	ÔNG MỀM (MÀU NGÀ)	221.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1267	198545-1	FLEXIBLE HOSE(BLUE)	ÔNG MỀM (MÀU XANH)	243.000		8%
1268	198547-7	FLEXIBLE HOSE(BLACK)	ÔNG MỀM (MÀU ĐEN)	260.496		8%
1269	198548-5	ROUND BRUSH IVORY	BÀN CHẢI TRÒN MÀU NGÀ	145.800		8%
1270	198550-8	ROUND BRUSH RED/CL104D	BÀN CHẢI TRÒN MÀU ĐỎ	145.800		8%
1271	198553-2	ROUND BRUSH(BLUE)	CHỖI TRÒN (MÀU XANH)	162.000		8%
1272	198555-8	ROUND BRUSH(BLACK)	CHỖI TRÒN (MÀU ĐEN)	174.636		8%
1273	198560-5	PLASTIC TELESCOPIC PIPE 28	ÔNG NỔI BĂNG NHỰA 28	560.952		8%
1274	198570-2	GUIDE RALL ADAPTER/HS0600	PHỤ KIỆN CHUYỂN ĐỔI DÙNG CHO THAN	4.950.720		8%
1275	198589-1	TOOL BAG SET	TÚI DÙNG MÂY/CP100	682.668		8%
1276	198604-1	MULTI CUTTER BLADE SET/CP110D	LƯỠI CẮT ĐA NĂNG/CP100D	70.100		8%
1277	198641-5	FILTER SET(FRAME 2PCS/FILTER 20PCS)	BỘ LỌC (KHUNG 2PCS/BỘ LỌC 20PCS)	540.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1278	198642-3	FILTER SET(FRAME 2PCS/FILTER 20PCS)	BỘ LỌC (KHUNG 2PCS/BỘ LỌC 20PCS)	540.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
1279	198643-1	FILTER(20 PCS)/FJ206D	BỘ LỌC(20 CÁI)/FJ206D	372.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1280	198644-9	FILTER(20 PCS)/FJ206D	BỘ LỌC/FJ206D	388.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
1281	198673-2	GUIDE RALL ADAPTER SET	PHỤ KIỆN CHUYỂN ĐỔI DÙNG CHOTHAN	532.440		8%
1282	198687-1	STAND SET	BỘ ĐỂ SET	11.584.350		8%
1283	198688-9	STAND SET	GIÁ ĐỨNG	3.331.800		8%
1284	198692-8	TOOL KIT/EK6101	BỘ DÙNG CỤ/EK6101	118.800		8%
1285	198704-7	GUIDE RAIL ADAPTER SET/DJV184	BỘ ĐIỀU CHỈNH THANH RAY/DJV184	654.480		8%
1286	198730-6	MAKPAC ADAPTER SET(CONNECTING MA	PHỤ KIỆN LIÊN KẾT MÁY HÚT BỤI VÀ TH	1.382.400		8%
1287	198731-4	BATTERY HOLDER 12V MAX	BỘ GIỮ PIN 12V MAX	928.800		8%
1288	198732-2	BATTERY HOLDER 18V	BỘ GIỮ PIN 18V	972.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 30% và số lượng có hạn.	8%
1289	198744-5	PRE FILTER ANTI-BACTERIAL TYPE 10 PC	TÚI BỤI GIẤY LOẠI KHÁNG KHUẨN(10CÁ	175.500		8%
1290	198745-3	PRE FILTER ANTI-BACTERIAL TYPE 5PCS	TÚI BỤI GIẤY LOẠI KHÁNG KHUẨN (5 CÁ	93.096		8%
1291	198747-9	DUST BAG	TÚI BỤI VẢI	93.096		8%
1292	198749-5	EASY SHAKE OFF DUST BAG	TÚI BỤI VẢI CAO CẤP	168.912		8%
1293	198750-0	PRE FILTER SET	BỘ LỌC TRƯỚC	91.800		8%
1294	198751-8	PRE FILTER	BỘ LỌC TRƯỚC	103.950		8%
1295	198752-6	HIGH PERFORMANCE FILTER	BỘ LỌC CAO CẤP	167.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
1296	198757-6	HOSE COMPLETE 38-1.5M SET	ÔNG HÚT BỤI 38MM X 1.5M	1.573.560		8%
1297	198848-3	PLASTIC BLADE 230MM SET/UR100D	LƯỠI CẮT CỎ NHỰA 230MM/UR100D	509.760		8%
1298	198850-6	PLASTIC BLADE 230MM SPARE SET/UR10	LƯỠI CẮT CỎ NHỰA 230MM LOẠI RỎI/UR	151.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
1299	198853-0	CUTTER ASSEMBLY SET/UR100D	ĐẦU LƯỠI CẮT CỎ/UR100D	475.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
1300	198854-8	STRING TRIMMER HEAD(1.65MM*8M)	ĐẦU CẮT CỎ ĐANG CƯỐC(1.65MM*8M)	589.950		8%
1301	198868-7	FLEXIBLE HOSE(WHITE)	ÔNG MỀM (MÀU TRẮNG)	260.496		8%
1302	198873-4	SHELF BRUSH(WHITE)	CHỖI DỌN KẼ (MÀU TRẮNG)	168.912		8%
1303	198878-4	ROUND BRUSH(WHITE)	CHỖI TRÒN (MÀU TRẮNG)	174.636		8%
1304	198885-7	CONNECT ADAPTER	KẾT NỐI THANH DẪN HƯỚNG	607.860		10%
1305	198889-9	PROTECTION GUARD WITH PROTECTOR I	BẢO VỆ LƯỠI VỚI ĐẦU MỎ RỘNG/DUR364	457.920		8%
1306	198893-8	STRING TRIMMER HEAD(2.0MM*3M)	ĐẦU CẮT CỎ ĐANG CƯỐC(2.0MM*3M)	415.800		8%
1307	198909-9	UNDER BODY SPRAY LANCE SET/HW1200	ĐẦU XỊT GÓC/HW1200.HW1300	747.900		8%
1308	198915-4	FILTER 10PCS PKG	BỘ LỌC (10 CÁI/BỘ)	191.808		8%
1309	198918-8	CORNER NOZZLE 300-28(WHITE)	ĐẦU HÚT KHE 300-28(MÀU TRẮNG)	91.800		8%
1310	198919-6	LONG SASH NOZZLE SET 300-28 WHI	ĐẦU HÚT KHE 300-28(MÀU TRẮNG)	104.544		8%
1311	198971-4	STRING TRIMMER HEAD(2.0MM*3M)	ĐẦU CẮT CỎ ĐANG CƯỐC(2.0MM*3M)	459.000		8%
1312	198975-6	SPONGE SET FOR MAKPAC	MIỀNG LÓT THÙNG MAKPAC	159.300		8%
1313	198987-9	TILT BASE SET	ĐỂ NGHIỀNG	850.068		8%
1314	198989-5	CORNER NOZZLE 300-28(BLUE)	ĐẦU HÚT KHE 300-28(MÀU XANH)	91.800		8%
1315	198990-0	CORNER NOZZLE 330(BLUE)	ĐẦU HÚT KHE 330 (MÀU XANH)	97.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1316	198992-6	CORNER NOZZLE 330(BLACK)	ĐẦU HÚT KHE 300 (MÀU ĐEN)	98.550		8%
1317	198993-4	GREASE VESSEL SET	MỒ BÔI TRON	226.152		8%
1318	199006-4	USB CABLE SET/SK312GD	CÁP USB/SK312GD	297.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1319	199007-2	HAND STRAP SET/SK312GD	DÂY ĐEO/SK312GD	48.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1320	199008-0	BUCKET SET/DCU180	THÙNG CHỨA/DCU180	4.446.360		8%
1321	199009-8	CARRIER SET/DCU180	THÙNG ĐỂ HÀNG DẠNG KHUNG/DCU180	5.735.880		8%
1322	199013-7	DUST EXTRACTOR ATTACHMENT SET/DR	PHỤ KIỆN HÚT BỤI KHI KHOAN/DRH400	2.175.120		8%
1323	199016-1	DUST EXTRACTOR ATTACHMENT SET/DR	PHỤ KIỆN HÚT BỤI KHI ĐỤC LOẠI DET/DR	383.508		8%
1324	199018-7	DUST EXTRACTOR ATTACHMENT SET/DR	PHỤ KIỆN HÚT BỤI KHI ĐỤC LOẠI TRÒN/	1.139.400		8%
1325	199038-1	SEAT NOZZLE 28 FOR CAR SEAT(WHITE)	ĐẦU HÚT BỤI 28 CHO GHẾ NGỒI XE HƠI(	208.980		8%
1326	199039-9	SEAT NOZZLE 28 FOR CAR SEAT(BLACK)	ĐẦU HÚT BỤI CHO GHẾ NGỒI XE HƠI 28(	197.100		8%
1327	199041-2	SEAT NOZZLE 28(BLUE)	ĐẦU HÚT BỤI 28 CHO GHẾ NGỒI XE HƠI (	194.400		8%
1328	199063-2	DRIVE SPROCKET 3/8"LP	NHÔNG XÍCH 3/8"LP	75.924		8%
1329	199069-0	SHOULDER STRAP/DSC102/SC103D	DÂY ĐEO VAI/DSC102/SC103D	382.320		8%
1330	199083-6	THREADED ROD CUTTER BLADE SET M10	LƯỠI CẮT SẮT RỀN M10/DSC102	1.804.680		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
1331	199085-2	THREADED ROD CUTTER BLADE SET M8	LƯỖI CẮT SẮT REN M8/DSC102	1.804.680		8%
1332	199087-8	THREADED ROD CUTTER BLADE SET M6	LƯỖI CẮT SẮT REN M6/DSC102	1.804.680		8%
1333	199089-4	TRIMMER BASE ASSEMBLY CLEAR	ĐỀ SOI	567.000		8%
1334	199137-9	TIE WIRE SET 50PCS/SET	ĐÂY BƯỚC BẰNG KIM LOẠI MỀM 50 CUỐ	5.576.450		10%
1335	199140-0	GUIDE RAIL 1000	THANH RAY 1000	1.139.400		8%
1336	199141-8	GUIDE RAIL 1500	THANH RAY 1500	1.527.120		8%
1337	199142-6	VACUUM ATTACHMENT/DHR400	PHỤ KIỆN THU BỤI/DHR400	2.073.600		8%
1338	199143-4	VACUUM ATTACHMENT WITHOUT VACU	PHỤ KIỆN THU BỤI KHÔNG CÓ ỒNG HÚT/	486.540		8%
1339	199144-2	VACUUM ATTACHMENT/DHR400	BỘ HÚT BỤI DÀNH CHO MÁY ĐỤC/DHR40	1.226.880		8%
1340	199151-5	CHIP RECEIVER ASSEMBLY SET	PHỤ KIỆN CHỮA CỎ	572.400		8%
1341	199154-9	KEYLESS DRILL CHUCK/DHP485	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA/DHP485	402.192		8%
1342	199155-7	BIT 2-130 SET 1SET=5PCS/FS6300	BỘ Mũi VÍT 2-130(5PCS/SET)/FS6300	966.600		8%
1343	199168-8	SHEAR BLADE U SET(FOR HARD BRANCH	LƯỖI CẮT CÀNH U(CÀNH CỨNG)	2.095.200		8%
1344	199169-6	SHEAR BLADE L SET(FOR HARD BRANCH	LƯỖI CẮT CÀNH L(CÀNH CỨNG)	2.640.600		8%
1345	199171-9	SHEAR BLADE L SET(FOR THIN BRANCH)	LƯỖI CẮT CÀNH L(CÀNH MỀM)	2.754.000		8%
1346	199176-9	LOOP HANDLE SET/GA7070	TAY CẦM CÔNG/GA7070	631.180		10%
1347	199178-5	USB CABLE SET/SK105	ĐÂY SẠC/SK105	286.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1348	199185-8	CULTIVATOR ATTACHMENT 220MM/KR4	PHỤ KIỆN XOI ĐẤT 220MM/KR401MP	8.325.720		8%
1349	199204-0	ROTOR LR SET/KR401MP	CỤM LƯỖI XOI ĐẤT/KR401MP	2.170.800		8%
1350	199231-7	HOOK SET	BỘ MỐC TREO	177.870		10%
1351	199232-5	GUIDE RAIL ADAPTER I SET/DHS660	BỘ CHUYỂN ĐỔI RAY DẪN HƯỚNG/DHS66	1.116.180		8%
1352	199294-3	DUST COLLECTING WHEEL GUARD 100M	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI 100MM	1.434.240		8%
1353	199295-1	DUST COLLECTION WHEEL GUARD FOR I	CHỤP BẢO VỆ HÚT BỤI CHO ĐÁ CẮT KIM	1.388.880		8%
1354	199296-9	TOOL HANGER/DCS553	MỐC TREO/DCS553	305.100		8%
1355	199311-9	BRANCH CATHER SET/DUP361	BỘ GIỮ CÀNH/DUP361	5.875.200		8%
1356	199314-3	SHEAR BLADE U SET(FOR THIN BRANCH)	LƯỖI CẮT CÀNH U(CÀNH MỀM)	2.337.120		8%
1357	199323-2	POWER BRUSH ATTACHMENT/BR400MP	PHỤ KIỆN CHỔI QUÉT/BR400MP	13.379.850		8%
1358	199344-4	SWEEPER ATTACHMENT/SW400MP	PHỤ KIỆN CHỔI QUÉT NƯỚC/SW400MP	14.257.080		8%
1359	199367-2	BLADE 460 SET	BỘ LƯỖI CẮT CỎ 460	319.140		8%
1360	199378-7	BAND ASSEMBLY SET/DUR369A	BỘ DÂY ĐEO CHO MÁY CẮT CỎ/DUR369A	1.394.550		8%
1361	199386-8	HOOK SET/HS780D	BỘ MỐC TREO/HS780D	390.150		8%
1362	199388-4	HOSE 38MM WITH FRONT SLEEVE 1.5M	ỐNG MỀM 38MM VỚI KHỚP NỐI TRƯỚC 1	1.688.580		8%
1363	199393-1	WIRELESS UNIT SET/WUT01	BỘ KẾT NỐI KHÔNG DÂY/WUT01	1.711.800		8%
1364	199424-6	WOOL PAD 150MM	TĂM ĐỆM ĐANH BÓNG 150MM	638.550		8%
1365	199428-8	TOOL CATCHER SET/DHP485	MỐC TREO BẰNG THÉP/DHP485	1.504.440		8%
1366	199431-9	F/C SWITCHING T-NOZZLE 28 BLU	ĐẦU HÚT T 28 CHUYỂN ĐỔI SẮN/THAMM	712.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1367	199439-3	LONG NOZZLE 415	ỐNG DÀI 415	104.544		8%
1368	199450-5	GREASE VESSEL SET 80ML	MỎ BƠ 80ML	319.140		8%
1369	199453-9	HOSE 32MM WITH FRONT SLEEVE 1.0M	ỐNG HÚT BỤI 32MM 1.0M	492.480		8%
1370	199454-7	NOZZLE ASSEMBLY FLAT TYPE 28MM	ĐẦU HÚT BỤI T DẠNG DẸP 28MM	791.100		8%
1371	199455-5	NOZZLE ASSEMBLY SET 38MM	ĐẦU HÚT BỤI T DẠNG DẸP 38MM	791.100		8%
1372	199486-4	SHOULDER BELT/DVC750L	ĐÂY ĐEO VAI/DVC750L	168.912		8%
1373	199491-1	CYCLONE ATTACHMENT SET(WHITE)	PHỤ KIỆN LỖ TĂM MÁY HÚT BỤI MÀU TR	832.896		8%
1374	199493-7	HOSE COMPLETE 32-1.7M	ỐNG NỐI HÚT BỤI 32-1.7M	543.780		8%
1375	199514-5	DUST COVER ATTACHMENT SET	BỘ CHẀN BỤI CHO MÁY MÀI	694.440		8%
1376	199542-0	MULTI TOOL STARLOCK BLADES SET WI	BỘ LƯỖI ĐA NĂNG STARLOCK (KẼM HỘP	1.980.450		8%
1377	199555-1	DUST CASE SET	HỘP LỌC BỤI	1.024.920		8%
1378	199557-7	FILTER SET	TỦI LỌC BỤI	251.100		8%
1379	199561-6	DX06 DUST COLLECTION SYSTEM /DHR2	DX06 HỆ THỐNG LỌC BỤI /DHR242	2.984.400		8%
1380	199579-7	DX08 DUST COLLECTION SYSTEM SET /D	DX08 HỆ THỐNG HÚT BỤI /DHR280/DHR2	3.528.360		8%
1381	199586-0	DUST CASE SET/HR2653	HỘP LỌC BỤI/HR2653	1.069.200		8%
1382	199593-3	TOOL CATCHER SET/DHR182	MỐC TREO BẰNG THÉP/DHR182	654.480		8%
1383	199595-9	DUST CASE SET/DX05	HỘP LỌC BỤI/DX05	982.800		8%
1384	199596-7	FILTER SET/DX05	BỘ LỌC BỤI/DX05	186.084		8%
1385	199600-2	SHEAR BLADE ASSEMBLY 750S SET	LƯỖI TỈA HÀNG RÀO 750S	1.879.200		8%
1386	199618-3	DUST ATTACHMENT SET	ỐNG NỐI DẸP NỐI VỚI MÁY HÚT BỤI	195.250		10%
1387	199624-8	DUST ATTACHMENT SET/ TM3010C	ỐNG NỐI DẸP NỐI VỚI MÁY HÚT BỤI/TM3	207.625		10%
1388	199627-2	DUST ATTACHMENT SET /DTM51	ỐNG NỐI VỚI MÁY HÚT BỤI/DTM51	264.600		8%
1389	199630-3	DUST ATTACHMENT SET /TM30D	ỐNG NỐI VỚI MÁY HÚT BỤI/TM30D	270.000		8%
1390	199633-7	ALUMINUM TELESCOPIC PIPE 28MM	ỐNG NHỒM THĂNG 28MM	699.600		10%
1391	199658-1	DX05 DUST COLLECTION SYSTEM SET /D	DX05 HỆ THỐNG LỌC BỤI /DHR182	2.076.840		8%
1392	199687-4	TWO PORT MULTI CHARGER/DC18SH	SẠC PIN 2 CỘNG/DC18SH	3.561.840		8%
1393	199710-5	CUTTING WHEEL COVER ATTACHMENT	CHỤP BẢO VỆ CHO ĐÁ CẮT 125MM	240.300		8%
1394	199725-2	ACCESSORY SET FOR 6.0/DRV250	ĐẦU RÚT RI-VÊ TRONG VÀ NGOÀI 6.0/DR	654.750		8%
1395	199728-6	ACCESSORY SET FOR 3.2/DRV150	ĐẦU RÚT RI-VÊ TRONG VÀ NGOÀI 3.2/DR	844.560		8%
1396	199729-4	ACCESSORY SET FOR 2.4/DRV150	ĐẦU RÚT RI-VÊ TRONG VÀ NGOÀI 2.4/DR	885.816		8%
1397	199730-9	ACCESSORY SET/DRV250	ĐẦU RÚT/DRV250	583.000		10%
1398	199731-7	ACCESSORY SET/DRV250	ĐẦU RÚT/DRV250	495.550		10%
1399	199818-5	WIRLESS UNIT ADAPTOR SET/WUT02	BỘ CHUYỂN ĐỔI THU VÀ PHÁT KHÔNGD	6.164.100		8%
1400	199822-4	WIRLESS UNIT ADAPTOR SET	BỘ KẾT NỐI KHÔNG DÂY	6.937.920		8%
1401	199826-6	RATCHET CLAMP COMPLETE(QUICK TYP	BỘ KẸP TỰ ĐỘNG(LOẠI NHANH)	2.661.120		8%
1402	199827-4	PRE FILTER AND DAMPER SET/DVC750L	BỘ LỌC TRƯỚC VÀ BỘ GIẢM SỐC/DVC750	328.050		8%
1403	199843-6	ALUMINUM STRAIGHT PIPE 32	ỐNG HÚT BỤI 32 BẰNG NHỒM	236.170		10%
1404	199844-4	ALUMINUM JOINT PIPE (L=465MM)	ỐNG NỐI HÚT BỤI BẰNG NHỒM (L=465MM	212.850		10%
1405	199868-0	PLASTIC BLADE 305 SET	LƯỖI CẮT NHỰA 305	972.000		8%
1406	199870-3	PLASTIC BLADE 305 BLADE SET	LƯỖI CẮT NHỰA 305	735.588		8%
1407	199872-9	CHISEL BLADE 255MM/UR012G	LƯỖI CẮT PHẪ ĐANG TRỒN 225MM/UR01	631.152		8%
1408	199873-7	PROTECTOR 225 SET MG/UR640AD	TĂM CHẀN BẢO VỆ 255/UR640AD	699.840		8%
1409	199874-5	SHREDDER BLADE 270MM/UR012G	LƯỖI CẮT PHẪ ĐANG NGHIỀN 270MM/UR	954.720		8%
1410	199875-3	PROTECTOR SET MG/UR640AD	TĂM CHẀN BẢO VỆ/UR640AD	588.830		10%
1411	199884-2	TRIMMER HEAD 105-M10L SET MG/UR01	BỘ ĐẦU CẮT CỎ 105-M10L MG/UR012G	722.736		8%
1412	199895-7	DUST ATTACHMENT SET/MT980	PHỤ KIỆN HÚT BỤI/MT980	694.440		8%
1413	199900-0	TOOL BAG/CL121D/DCL184(490*210*230)	TỦI ĐỰNG MÁY/CL121D/DCL184(490*21	815.724		8%
1414	199901-8	TOOL BAG SET/FOR CLEANER(600*210*1	TỦI ĐỰNG MÁY/MÁY HÚT BỤI(600*210*	844.560		8%
1415	199911-5	PLANE BLADE 306/2012NB	BỘ LƯỖI BẢO 306 (2 LƯỖI/1 BỘ)/2012NB	2.266.920		8%
1416	199917-3	POLE SAW ATTACHMENT SET	PHỤ KIỆN CỬA CÀNH	5.701.320		8%
1417	199925-4	POLE SAW ATTACHMENT SET/91VXL/EY	PHỤ KIỆN CỬA CÀNH TRẒN CAO/91VXL/E	7.387.200		8%
1418	199937-7	EXTENSION HANDLE SET/DSL800	TAY CẦM MỞ RỘNG/DSL800	4.691.250		8%
1419	199938-5	PAD 220 SET/DSL800	BỘ ĐẺ 220/DSL800	1.549.800		8%
1420	199939-3	PAD 210 SET/DSL800	BỘ ĐẺ 210/DSL800	1.418.850		8%
1421	199940-8	PAD 210 SET/DSL800	BỘ ĐẺ 210/DSL800	1.614.600		8%
1422	199966-0	HIGH PERFORMANCE FILTER SET/DCL280	TỦI LỌC BỤI CAO CẤP/DCL280F	168.912		8%
1423	199971-7	HOLDER SET/DCL280F	GIÁ ĐỖ/DCL280F	151.740		8%
1424	199989-8	HEPA FILTER SET/DCL280F	MÀNG LỌC BỤI HEPA/DCL280F	153.900		8%
1425	19L	CUTTER HSS(LONG)19X55MM	Mũi KHOAN TỰ HSS(ĐÀI)19X55MM	874.800		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
1426	19S	CUTTER HSS(SHORT)19X35MM	MŨI KHOAN TỦ HSS(NGẮN)19X35MM	549.720		8%
1427	20L	CUTTER HSS(LONG)20X55MM	MŨI KHOAN TỦ HSS(DÀI)20X55MM	922.320		8%
1428	20S	CUTTER HSS(SHORT)20X35MM	MŨI KHOAN TỦ HSS(NGẮN)20X35MM	641.520		8%
1429	21L	CUTTER HSS(LONG)21X55MM	MŨI KHOAN TỦ HSS(DÀI)21X55MM	950.400		8%
1430	21S	CUTTER HSS(SHORT)21X35MM	MŨI KHOAN TỦ HSS(NGẮN)21X35MM	638.280		8%
1431	224019-7	OUTER FLANGE 50/GS5000	MẶT BÍCH NGOÀI 50/GS5000	247.830		10%
1432	224053-7	OUTER FLANGE 65/5103N	MẶT BÍCH NGOÀI 65/5103N	148.500		10%
1433	224080-4	INNER FLANGE 36/4100NB	MẶT BÍCH TRONG/4100NB	24.860		10%
1434	224081-2	OUTER FLANGE 36/4100NB	MẶT BÍCH NGOÀI/4100NB	24.860		10%
1435	224177-9	OUTER FLANGE 28/CC300D	MẶT BÍCH NGOÀI 28/CC300D	17.875		10%
1436	224180-0	INNER FLANGE 45/5806B	MẶT BÍCH TRONG/5806B	59.840		10%
1437	224181-8	INNER FLANGE 65/5103N	MẶT BÍCH TRONG 65/5103N	154.000		10%
1438	224184-2	INNER FLANGE 100/4112HS	MẶT BÍCH TRONG 100/4112HS	301.125		10%
1439	224200-0	INNER FLANGE 55/4107R	MẶT BÍCH TRONG 55/4107R	189.530		10%
1440	224208-4	OUTER FLANGE 140/2416S	MẶT BÍCH NGOÀI 140/2416S	507.210		10%
1441	224209-2	INNER FLANGE 140/2416S	MẶT BÍCH TRONG 140/2416S	524.700		10%
1442	224257-1	INNER FLANGE 78	MẶT BÍCH TRONG/	180.360		8%
1443	224270-9	INNER FLANGE 30	MẶT BÍCH TRONG 30	68.530		10%
1444	224275-9	OUTER FLANGE 40/L5002G	MẶT BÍCH NGOÀI 40/L5002G	54.010		10%
1445	224280-6	INNER FLANGE 40/PJ7000	MẶT BÍCH TRONG/PJ7000	88.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	10%
1446	224286-4	OUTER FLANGE 55/4107R	MẶT BÍCH NGOÀI 55/4107R	118.140		10%
1447	224299-5	FLANGE 90/MT243	MẶT BÍCH TRONG/MT243	65.670		10%
1448	224301-4	OUTER FLANGE 42/N5900B	MẶT BÍCH NGOÀI/N5900B	54.010		10%
1449	224303-0	INNER FLANGE 42/N5900B	MẶT BÍCH TRONG/N5900B	71.500		10%
1450	224308-0	INNER FLANGE 69/LC1230	MẶT BÍCH TRONG/LC1230	371.690		10%
1451	224314-5	INNER FLANGE 30	MẶT BÍCH TRONG	34.375		10%
1452	224325-0	OUTER FLANGE 45/HS0600	MẶT BÍCH NGOÀI/HS0600	166.210		10%
1453	224329-2	OUTER FLANGE 45/5806B	MẶT BÍCH NGOÀI/5806B	42.350		10%
1454	224333-1	FLANGE 53/LH1040	MẶT BÍCH TRONG/LH1040	68.530		10%
1455	224347-0	OUTER FLANGE 53/2704	MẶT BÍCH NGOÀI/2704	44.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	10%
1456	224366-6	OUTER FLANGE 40/4131	MẶT BÍCH NGOÀI 40/4131	65.670		10%
1457	224370-5	INNER FLANGE 40/4131	MẶT BÍCH TRONG 40/4131	48.180		10%
1458	224379-7	OUTER FLANGE 69/LC1230	MẶT BÍCH NGOÀI/LC1230	330.880		10%
1459	224386-0	INNER FLANGE 40/MT583	MẶT BÍCH TRONG/MT583	36.520		10%
1460	224387-8	OUTER FLANGE 40/MT583	MẶT BÍCH NGOÀI/MT583	48.180		10%
1461	224391-7	INNER FLANGE 30/DCS550	MẶT BÍCH TRONG/DCS550	30.690		10%
1462	224401-0	INNER FLANGE 53	MẶT BÍCH TRONG 53	83.160		10%
1463	224404-4	OUTER FLANGE 30/DCS550	MẶT BÍCH NGOÀI/DCS550	74.360		10%
1464	224405-2	OUTER FLANGE 35/SP6000	MẶT BÍCH NGOÀI 35/SP6000	137.500	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	10%
1465	224406-0	INNER FLANGE 35/CA5000X	MẶT BÍCH 35/CA5000X	140.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	10%
1466	224409-4	OUTER FLANGE 35/DHS680	MẶT BÍCH NGOÀI/DHS680	30.690		10%
1467	224415-9	INNER FLANGE 14-45	MẶT BÍCH TRONG 42	52.470		10%
1468	224423-0	INNER FLANGE 36/4100NH2	MẶT BÍCH NGOÀI/4100NH2	45.375		10%
1469	224424-8	OUTER FLANGE 36/4100NH2	MẶT BÍCH TRONG/4100NH2	45.375		10%
1470	224428-0	INNER FLANGE 46/L51016	MẶT BÍCH NGOÀI/LS1016	65.670		10%
1471	224429-8	OUTER FLANGE 46/L51016	MẶT BÍCH TRONG/LS1016	80.190		10%
1472	224431-1	INNER FLANGE 53/L51216	ÓP LƯỚI SAU/LS1216	71.500		10%
1473	224432-9	OUTER FLANGE 53/LS1216	ÓP LƯỚI TRƯỚC/LS1216	65.670		10%
1474	224435-3	INNER FLANGE 28/CC300D	MẶT BÍCH TRONG 28/CC300D	36.520		10%
1475	224443-4	FLANGE 102/EK7651H	MẶT BÍCH TRONG/EK7651H	148.500		10%
1476	224444-2	INNER FLANGE 40	MẶT BÍCH NGOÀI 40	61.875		10%
1477	224445-0	OUTER FLANGE 40/DLM431	MẶT BÍCH NGOÀI/DLM431	77.330		10%
1478	224447-6	INNER FLANGE 42	MẶT BÍCH TRONG 42	89.375		10%
1479	224455-7	OUTER FLANGE 22/TM30D	MẶT BÍCH NGOÀI/TM30D	30.690		10%
1480	224457-3	INNER FLANGE 50/GS5000	MẶT BÍCH NGOÀI/GS5000	395.010		10%
1481	224478-5	FLANGE 102/EK7651H	MẶT BÍCH TRONG/EK7651H	319.000		10%
1482	224479-3	OUTER FLANGE 35/CA5000	MẶT BÍCH NGOÀI 35/CA5000	495.550		10%
1483	224482-4	OUTER FLANGE 53/2704	MẶT BÍCH NGOÀI/2704	54.010		10%
1484	224485-8	LOCK NUT 14-45	MẶT BÍCH NGOÀI 14-45	65.670		10%
1485	224490-5	INNER FLANGE 14-45	MẶT BÍCH TRONG 14-45	42.350		10%
1486	224491-3	INNER FLANGE 30	MẶT BÍCH TRONG 30	42.350		10%
1487	224492-1	INNER FLANGE 30	MẶT BÍCH TRONG 30	30.690		10%
1488	224493-9	LOCK NUT 10-30	MẶT BÍCH NGOÀI 10-30	24.860		10%
1489	224494-7	INNER FLANGE 45/HS0600	MẶT BÍCH TRONG/HS0600	54.010		10%
1490	224501-6	SANDING LOCK NUT 10-30	MẶT BÍCH NGOÀI/	64.625		10%
1491	224502-4	SANDING LOCK NUT 10-30	MẶT BÍCH NGOÀI/	65.670		10%
1492	224505-8	LOCK NUT 10-40/PJ7000	MẶT BÍCH NGOÀI/PJ7000	59.840		10%
1493	224515-5	SANDING LOCK NUT M14-48	MẶT BÍCH NGOÀI M14-48	129.800		10%
1494	224523-6	SANDING LOCK NUT 16-48/9207SPB	MẶT BÍCH NGOÀI/9207SPB	147.290		10%
1495	224526-0	LOCK NUT 12-30	MẶT BÍCH NGOÀI/	94.820		10%
1496	224543-0	LOCK NUT 14-45/9067	MẶT BÍCH NGOÀI/9067	94.820		10%
1497	224554-5	LOCK NUT 14-45/9015B	MẶT BÍCH NGOÀI/9015B	65.670		10%
1498	224559-5	LOCK NUT 10-30	MẶT BÍCH NGOÀI	34.375		10%
1499	224577-3	LOCK NUT 14-45/SG1251	MẶT BÍCH NGOÀI/SG1251	177.870		10%
1500	224578-1	LOCK NUT 10-30/9500N	MẶT BÍCH NGOÀI/9500N	77.330		10%
1501	224584-6	LOCK NUT 14-45/M0920B	MẶT BÍCH NGOÀI 14-45/M0920B	48.180		10%
1502	224593-5	INNER FLANGE 35/DHS660	MẶT BÍCH TRONG/DHS660	42.350		10%
1503	224600-4	OUTER FLANGE 38/DHS900	MẶT BÍCH NGOÀI 38/DHS900	34.375		10%
1504	224604-6	OUTER FLANGE 46/DCE090	MẶT BÍCH NGOÀI 46/DCE090	78.375		10%
1505	224605-4	INNER FLANGE 46/DCE090	MẶT BÍCH TRONG 46/DCE090	72.875		10%
1506	224609-6	INNER FLANGE 38/DHS900	MẶT BÍCH TRONG 38/DHS900	100.375		10%
1507	224610-1	LOCK NUT 10-29/M0910B	MẶT BÍCH 10-29/M0910B	24.860		10%
1508	224614-3	INNER FLANGE 40/L5002G	MẶT BÍCH TRONG 40/L5002G	48.180		10%
1509	227947-5	DRIVE SPROCKET 80TXL FOR 18V/12V MA	NHÔNG XÍCH 80TXL CHO MÁY 18V/12V M	27.000		8%
1510	22L	CUTTER HSS(LONG)22X55MM	MŨI KHOAN TỦ HSS(DÀI)22X55MM	992.520		8%
1511	22S	CUTTER HSS(SHORT)22X35MM	MŨI KHOAN TỦ HSS(NGẮN)22X35MM	661.176		8%
1512	23L	CUTTER HSS(LONG)23X55MM	MŨI KHOAN TỦ HSS(DÀI)23X55MM	1.028.160		8%
1513	23S	CUTTER HSS(SHORT)23X35MM	MŨI KHOAN TỦ HSS(NGẮN)23X35MM	679.752		8%
1514	24L	CUTTER HSS(LONG)24X55MM	MŨI KHOAN TỦ HSS(DÀI)24X55MM	1.074.708		8%
1515	24S	CUTTER HSS(SHORT)24X35MM	MŨI KHOAN TỦ HSS(NGẮN)24X35MM	703.080		8%
1516	25L	CUTTER HSS(LONG)25X55MM	MŨI KHOAN TỦ HSS(DÀI)25X55MM	1.205.280		8%
1517	25S	CUTTER HSS(SHORT)25X35MM	MŨI KHOAN TỦ HSS(NGẮN)25X35MM	791.640		8%
1518	26L	CUTTER HSS(LONG)26X55MM	MŨI KHOAN TỦ HSS(DÀI)26X55MM	1.251.720		8%
1519	26S	CUTTER HSS(SHORT)26X35MM	MŨI KHOAN TỦ HSS(NGẮN)26X35MM	815.724		8%
1520	273457-0	GRIP 32	TAY CẮM 32	226.152		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
1521	273466-9	GRIP 37	TAY CẮM 37	208.980		8%
1522	273467-7	GRIP 32	TAY CẮM 32	202.500		8%
1523	273495-2	GRIP 32	TAY CẮM 32	174.636		8%
1524	273649-1	GRIP 34	TAY CẮM 34	157.464		8%
1525	27L	CUTTER HSS(LONG)27X55MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(DÀI)27X55MM	1.298.160		8%
1526	27S	CUTTER HSS(SHORT)27X35MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(NGẮN)27X35MM	838.620		8%
1527	281012-4	HOOK	MỐC TREO	289.116		8%
1528	28L	CUTTER HSS(LONG)28X55MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(DÀI)28X55MM	1.370.520		8%
1529	28S	CUTTER HSS(SHORT)28X35MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(NGẮN)28X35MM	933.120		8%
1530	29L	CUTTER HSS(LONG)29X55MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(DÀI)29X55MM	1.439.640		8%
1531	29S	CUTTER HSS(SHORT)29X35MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(NGẮN)29X35MM	963.360		8%
1532	30L	CUTTER HSS(LONG)30X55MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(DÀI)30X55MM	1.512.000		8%
1533	30S	CUTTER HSS(SHORT)30X35MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(NGẮN)30X35MM	986.040		8%
1534	318685-1	GRIP ATTACHMENT SET	TAY CẮM	59.840		10%
1535	319371-7	PRESSURE DISC 20.0/EK6101	MẶT BÍCH/EK6101	181.500		10%
1536	319372-5	PRESSURE DISC 25.4/EK6101	MẶT BÍCH/EK6101	225.500		10%
1537	31L	CUTTER HSS(LONG)31X55MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(DÀI)31X55MM	1.582.200		8%
1538	31S	CUTTER HSS(SHORT)31X35MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(NGẮN)31X35MM	1.016.280		8%
1539	321144-6	DEPTH GAUGE/MT814	THƯỚC CẠNH ĐỘ SÂU/MT814	22.950		8%
1540	321308-2	TEMPLET GUIDE	KHUÔN DẪN	523.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1541	321472-9	TEMPLET GUIDE 12.7	KHUÔN DẪN 12.7	556.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1542	321492-3	TEMPLET GUIDE ADAPTER 30	BỘ CHUYỂN KHUÔN DẪN 30	648.324		8%
1543	321493-1	TEMPLET GUIDE ADAPTER 30	BỘ CHUYỂN KHUÔN DẪN 30	464.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1544	322279-6	BIT PIECE	ĐẦU CHÈM MŨI VÍT	53.028		8%
1545	323018-7	TEMPLET GUIDE	KHUÔN DẪN	198.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	10%
1546	323023-4	TEMPLET GUIDE	KHUÔN DẪN	529.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1547	323448-2	TEMPLET GUIDE 9.5	KHUÔN DẪN	540.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1548	323449-0	TEMPLET GUIDE 12.7	KHUÔN DẪN	453.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1549	325896-1	BASE FRAME	KHUNG SƯỜN	103.680	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1550	326649-1	SHAFT HOLDER 1/2-M14/DUT130	ĐẦU NỐI CÁN TRƠN 1/2-M14/DUT130	194.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1551	327280-6	JOINT 6.4/DRV150	ÔNG NỐI 6.4/DRV150	120.150		8%
1552	327285-6	JOINT 4.8/DRV150	ÔNG NỐI 4.8/DRV150	104.544		8%
1553	327687-6	ADAPTER D/DDG460	BỘ CHUYỂN ĐỔI MŨI KHOAN/DDG460	1.082.160		8%
1554	327A93-1	NOZZLE 4.5/PM001G	ĐẦU BÉC PHUN 4.5/PM001G	83.160		10%
1555	327B34-3	SHAFT HOLDER 1/2-M12/UT001G	TRỤC NỐI 1/2-M12/UT001G	154.550		10%
1556	327C46-2	NOZZLE 0.5/PM001G	ĐẦU BÉC PHUN 0.5	129.800		10%
1557	32L	CUTTER HSS(LONG)32X55MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(DÀI)32X55MM	1.630.800		8%
1558	32S	CUTTER HSS(SHORT)32X35MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(NGẮN)32X35MM	1.046.520		8%
1559	331886-4	DEPTH GAUGE/DHR280	THƯỚC CẠNH ĐỘ SÂU/DHR280	49.950		8%
1560	331955-1	DEPTH GAUGE/DHR400	THƯỚC CẠNH ĐỘ SÂU/DHR400	87.372		8%
1561	33L	CUTTER HSS(LONG)33X55MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(DÀI)33X55MM	1.701.000		8%
1562	33S	CUTTER HSS(SHORT)33X35MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(NGẮN)33X35MM	1.144.800		8%
1563	341650-5	GUIDE BAR	LAM	1.989.360		8%
1564	341705-6	STEEL PLATE	TẤM ĐỆM THÉP	77.330		10%
1565	341796-7	WASHER	VÒNG ĐỆM	19.030		10%
1566	341947-2	STRAIGHT GUIDE	MIỀNG ĐỆM PHẪNG	346.500	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	10%
1567	342390-8	DEPTH GUIDE	THÀNH HƯỚNG DẪN SÂU	70.200		8%
1568	342428-9	STRAIGHT GUIDE	MIỀNG ĐỆM PHẪNG	138.888		8%
1569	343411-9	CUTTER	LƯỚI LỌC	1.054.080		8%
1570	343577-5	TEMPLET GUIDE 10	BỘ ĐIỀU CHỈNH MẪU 10	19.030		10%
1571	344364-5	TEMPLET GUIDE 16	BỘ ĐIỀU CHỈNH MẪU 16	70.200		8%
1572	346555-4	CORD CUTTER/UR100D	LƯỚI CẮT/UR100D	24.408		8%
1573	346909-5	HOOK/DF031D	MIỀNG ĐỆM GÀ/DF031D	24.408		8%
1574	347478-9	WHEEL COVER 100/GA4050	CHỤP BẢO VỆ/GA4050	552.150		8%
1575	347479-7	WHEEL COVER 115/GA4050	CHỤP BẢO VỆ/GA4050	114.750		8%
1576	347480-2	WHEEL COVER 125/GA4050	CHỤP BẢO VỆ/GA4050	130.950		8%
1577	347618-9	WHEEL COVER 125/DGA419	NẮP CHỤP BẢO VỆ/DGA419	175.500		8%
1578	347776-1	WHEEL COVER 150/GA035G	CHỤP BẢO VỆ 150/GA035G	191.808		8%
1579	347962-4	BLADE GUARD/DUH604S/754S	VỎ BỌC LƯỚI CẮT/DUH604S/754S	567.000		8%
1580	34L	CUTTER HSS(LONG)34X55MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(DÀI)34X55MM	1.794.960		8%
1581	34S	CUTTER HSS(SHORT)34X35MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(NGẮN)34X35MM	1.181.520		8%
1582	35L	CUTTER HSS(LONG)35X55MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(DÀI)35X55MM	1.864.620		8%
1583	35S	CUTTER HSS(SHORT)35X35MM	MŨI KHOAN TỬ HSS(NGẮN)35X35MM	1.205.280		8%
1584	410047-0	WRENCH HOLDER 5.6	CỖ LÈ BĂNG NHỰA 5.6	12.960		8%
1585	410048-8	WRENCH HOLDER 3.4/4304	CỖ LÈ NHỰA 3.4/4304	12.960		8%
1586	410054-3	GUIDE BAR CASE/5012B	VỎ BẢO VỆ LAM XÍCH/5012B	138.888		8%
1587	410306-2	CORNER NOZZLE	ĐẦU HÚT KHE	64.476		8%
1588	411111-0	GAUGE PLATE	THƯỚC CẠNH	41.580		8%
1589	411780-7	KEY HOLDER 10/6501	GIÁ TREO MỔ ĐẦU KHOAN 10/6501	12.960		8%
1590	412028-0	VINYL TUBE 5X9X5000	ÔNG NHỰA VINYL 5X9X5000	289.116		8%
1591	412088-2	VINYL TUBE 5	ÔNG DẪN NƯỚC	75.924		8%
1592	412137-5	VINYL TUBE 5/M0401B	ÔNG DẪN NƯỚC/M0401B	47.304		8%
1593	412758-3	END NOZZLE 80/UB001C	ÔNG THỜI 80/UB001C	163.188		8%
1594	412768-0	BLADE COVER 500MM/DUH504S	BẢO VỆ LƯỚI TIA HẰNG RÀO 500MM/DUH504S	75.924		8%
1595	412769-8	BLADE COVER/DUH604S	BẢO VỆ LƯỚI TIA HẰNG RÀO/DUH604S	76.950		8%
1596	412770-3	BLADE COVER/DUH754S	BẢO VỆ LƯỚI TIA HẰNG RÀO/DUH754S	93.096		8%
1597	412908-0	BLADE GUARD/DUH501/502/601/602/751/752	VỎ BỌC LƯỚI CẮT/DUH501/502/601/602/751/752	277.668		8%
1598	412911-1	BLADE COVER/UH004G/UH004G	BẢO VỆ LƯỚI/UH004G	183.168		8%
1599	412912-9	BLADE COVER/UH005G/UH005G	BẢO VỆ LƯỚI/UH005G	191.808		8%
1600	413148-3	OFFSET BASE PLATE	ĐỂ PHAY	118.140		10%
1601	413150-6	TILT BASE PLATE	ĐỂ NGHIỀNG	65.670		10%
1602	4133H6-7	GUIDE BAR CASE 535	VỎ BẢO VỆ LAM 535	134.090		10%
1603	413720-1	BLADE COVER/DUN461W/DUN461W	BẢO VỆ LƯỚI/DUN461W	98.820		8%
1604	413770-6	SASH NOZZLE/WHITE/CL001G	ĐẦU HÚT KHE/MAU TRẮNG/CL001G	24.408		8%
1605	413794-2	BLADE GUARD/UH006G/007G	VỎ BỌC LƯỚI CẮT/UH006G/007G	144.612		8%
1606	413809-5	SASH NOZZLE/BLACK/CL001G	ĐẦU HÚT KHE/MAU ĐEN/CL001G	24.408		8%
1607	413885-9	BLADE COVER 110/UM110D	BẢO VỆ LƯỚI 110/UM110D	25.812		8%
1608	413B75-6	PROTECTOR/DIWA260	VỎ BỌC BẢO VỆ MÁY/DIWA260	1.782.000		8%
1609	413B98-4	BLADE COVER 600/UH013G	VỎ BẢO VỆ LƯỚI TIA HẰNG RÀO 600MM/UH013G	203.256		8%
1610	413B99-2	BLADE COVER 750/UH013G	VỎ BẢO VỆ LƯỚI TIA HẰNG RÀO 750MM/UH013G	243.324		8%
1611	413F05-1	DUST NOZZLE/DJV184	ÔNG KẾT NỐI HÚT BỤI/DJV184	104.544		8%
1612	413F67-9	LOOP HANDLE/PV001G	TAY CẮM BĂNG NHỰA/PV001G	307.800		8%
1613	413G21-9	BAR COVER	VỎ LAM	98.820		8%
1614	413G23-5	CHAIN COVER/CHAIN SAW	CHỤP BẢO VỆ XÍCH/CHAIN SAW	110.268		8%
1615	413G28-5	GUIDE BAR CASE 210/DUA200	VỎ LAM 210/DUA200	74.412		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
1616	413G40-5	PROTECTOR/DTW1001	VỎ BẢO VỆ MÁY/DTW1001	792.828		8%
1617	413L55-2	MULTING PLUG/LM002G	MIẾNG CHẶN CỎ/LM002G	151.740		8%
1618	413L57-8	DISCHARGE CHUTE/LM002G	MIẾNG CHẶN XÀ CỎ/LM002G	319.140		8%
1619	413L91-8	BLADE COVER/DUH507	MIẾNG BỌC LƯỖI CẮT 500/DUH507	127.440		8%
1620	413L92-6	BLADE COVER/DUH606	MIẾNG BỌC LƯỖI CẮT 600/DUH606	133.164		8%
1621	413M40-1	BAR COVER/DUC10C/UC100D	VỎ LAM/DUC10C/UC100D	53.028		8%
1622	413T67-3	BAR COVER/DUC150	VỎ LAM/DUC150	58.752		8%
1623	415021-3	NOSE JOINT 38 CUFFS 38	ĐẦU KHỚP NỔI 38MM	174.636		8%
1624	415579-2	SET PLATE 4	TẤM ĐỆM	122.375		10%
1625	416256-9	LOOP HANDLE	TAY CẮM ĐANG VÒNG	283.392		8%
1626	417349-5	PROTECTOR USE FOR CORDLESS IMPACT	VỎ BẢO VỆ DÙNG CHO MÁY VÁN VÍT	334.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1627	417724-5	LATCH/HR1830	NÁP GÁI THÙNG MÁY/HR1830	12.960		8%
1628	417852-6	COVER PLATE	NÁP BẢO VỆ	74.412		8%
1629	417926-3	SHOULDER STRAP/ML187	DÂY ĐEO VAI/ML187	12.960		8%
1630	418198-3	KEY HOLDER 9/MT653	GÁ ĐÓ KHÓA MỔ/MT653	12.150		8%
1631	418500-0	JOINT 38-28MM/38	KHỚP NỔI 38-28MM/38	93.150		8%
1632	418647-0	CHIP DEFLECTOR/MT372	TẤM CHẶN/MT372	49.950		8%
1633	418919-3	SASH NOZZLE/M4000B	ĐẦU ỒNG THÔI/M4000B	24.408		8%
1634	418920-8	JOINT/MT401	ỒNG NỔI/MT401	12.960		8%
1635	419242-9	CHAIN COVER	TẤM BẢO VỆ	93.096		8%
1636	419288-5	CHAIN COVER	TẤM BẢO VỆ	93.096		8%
1637	419620-3	DUST NOZZLE	ỒNG NỔI	64.476		8%
1638	421093-8	CORK RUBBER PLATE	TẤM ĐỆM CAO SU	91.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1639	421342-3	DUST CUP 5	LY CHỨA BỤI 5	47.304		8%
1640	421641-3	RUBBER CAP/DFS600	NÁP CAO SU/DFS600	16.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1641	421664-1	DUST CUP 9	LY CHỨA BỤI 9	93.096		8%
1642	421905-5	NOZZLE/MT401	ỒNG THÔI/MT401	75.924		8%
1643	422163-6	RUBBER CAP(LARGE)/DFS600	NÁP CAO SU/DFS600	59.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1644	422437-5	RUBBER NOZZLE 330	ĐẦU HÚT KHE 330 XÁM	191.808		8%
1645	422449-8	DAMPER/DVC750L	GIÁM SỐC/DVC750L	75.924		8%
1646	422718-7	PROTECTOR CLEAR/TD112D	VỎ BẢO VỆ/TD112D	1.006.020		8%
1647	422807-8	BATTERY PROTECTOR/DBO380	ÓP BẢO VỆ PIN/DBO380	98.820		8%
1648	422827-2	PROTECTOR CLEAR/DFT060T	VỎ BẢO VỆ MÀU TRONG SUỐT/DFT060T	671.220		8%
1649	422828-0	PROTECTOR RED/DFT060T	VỎ BẢO VỆ MÀU ĐỎ/DFT060T	775.656		8%
1650	422829-8	PROTECTOR BLUE/DFT060T	VỎ BẢO VỆ MÀU XANH/DFT060T	775.656		8%
1651	422830-3	PROTECTOR YELLOW/DFT060T	VỎ BẢO VỆ MÀU VÀNG/DFT060T	775.656		8%
1652	422872-7	NOSE ADAPTER/PT002G	ĐẦU BẢO VỆ MŨI/PT002G	58.752		8%
1653	422992-7	SEALING CAP(SPCS/SET)/DX16	MIẾNG ĐỆM(SCÁI/BỘ)/DX16	18.684		8%
1654	422A02-6	CAP/VC011G	NÁP ĐẦY/VC011G	75.924		8%
1655	422C91-3	PROTECTOR/DTL300	CHỤP BẢO VỆ/DTL300	927.720		8%
1656	424009-2	JOINT 38-28MM/H	KHỚP NỔI 38-28MM/H	35.856		8%
1657	443060-3	FILTER	LỌC GIÓ	24.408		8%
1658	450066-4	PUNCH PLATE	TẤM ĐANG LỖ	36.520		10%
1659	450128-8	BATTERY COVER	NÁP BẢO VỆ PIN	18.684		8%
1660	451241-5	PLASTIC STRAIGHT WHITE 28	ỒNG NHỰA THẲNG MÀU TRẮNG 28	64.476		8%
1661	451242-3	SASH NOZZLE HOLDER 28(WHITE)	ĐẦU GIỮ ỒNG HÚT BỤI 28 MÀU TRẮNG	22.950		8%
1662	451244-9	PLASTIC STRAIGHT PIPE BLUE 28	ỒNG NHỰA THẲNG MÀU XANH DƯƠNG 28	59.400		8%
1663	451329-1	NOZZLE	ỒNG HÚT	47.304		8%
1664	451340-3	GRIP	TAY CẮM	110.268		8%
1665	451424-7	PLASTIC STRAIGHT PIPE IVORY 28	ỒNG NHỰA THẲNG MÀU NGÀ 28	59.400		8%
1666	451749-9	HANDLE/DTW180	TAY CẮM/DTW180	35.856		8%
1667	451880-1	CHID DECEIVER	CHID DECEIVER	57.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	10%
1668	452055-5	BLADE COVER	BẢO VỆ LƯỖI	75.924		8%
1669	452093-7	GUIDE BAR CASE	VỎ BẢO VỆ LAM	64.800		8%
1670	452198-3	CLANK COVER/UH201D	VỎ BẢO VỆ LƯỖI/UH201D	35.856		8%
1671	452685-2	BLADE COVER/DUH523	VỎ BẢO VỆ LƯỖI TIA HÀNG RÀO/DUH523	115.992		8%
1672	452947-8	BIT HOLDER	PHỤ KIỆN GIỮ MŨI VÍT	12.960		8%
1673	453974-8	LATCH/HR1841	NÁP GÁI/HR1841	17.550		8%
1674	454279-9	BLADE COVER/EN410MP	VỎ BẢO VỆ LƯỖI TIA HÀNG RÀO/EN410M	98.820		8%
1675	454703-2	JOINT/DUB185	ĐẦU NỔI/DUB185	12.150		8%
1676	454880-0	GRASS RECEIVER 110/UM110D	KHAY CHỨA CỎ/UM110D	93.096		8%
1677	455292-0	LOOP HANDLE	TAY CẮM VÒNG	220.428		8%
1678	456585-8	SASH NOZZLE HOLDER 28(BLACK)	ĐẦU GIỮ ỒNG HÚT BỤI 28 MÀU ĐEN	24.408		8%
1679	456587-4	PLASTIC STRAIGHT PIPE BLACK 28	ỒNG NHỰA THẲNG MÀU ĐEN 28	64.476		8%
1680	457247-1	LATCH(WHITE)	NÁP GÁI(MÀU TRẮNG)	22.950		8%
1681	457273-0	PROTECTION GUARD NARROW TYPE/UR1	TẤM CHẶN BẢO VỆ/UR101C	359.208		8%
1682	457426-1	GRASS RECEIVER 160	KHAY CHỨA CỎ 160	97.308		8%
1683	457801-1	DUST NOZZLE ASSEMBLY/DJV102, DJV10	PHỤ KIỆN KẾT NỐI HÚT BỤI/DJV102, DJV	114.750		8%
1684	457867-1	COVER PLATE/DJV184	TẤM CHE BỤI/DJV184	41.580		8%
1685	457924-5	FRAME	KHUNG CHỨA QUẠT	81.648		8%
1686	457974-0	KEY HOLDER/DA332D	VÒNG KHÓA/DA332D	24.860		10%
1687	458101-2	HOLDER JOINT	PHỤ KIỆN KẾT NỐI ỒNG HÚT BỤI	70.200		8%
1688	458184-2	BENDING PIPE ASSEMBLY WITHOUT SLE	KHỚP NỔI HÚT BỤI CONG 38/32MM	148.500		8%
1689	458191-5	DUST COVER/JV103D	MIẾNG CHẶN BỤI/JV103D	25.812		8%
1690	458342-0	BLADE COVER	BẢO VỆ LƯỖI	98.820		8%
1691	458345-4	BLADE COVER/EN420MP	BẢO VỆ LƯỖI/EN420MP	109.350		8%
1692	458359-3	BLADE COVER/UH353D	BỌC LƯỖI DAO/UH353D	81.648		8%
1693	458408-6	GUARD E/DUH501	NÁP CHỤP BẢO VỆ/DUH501	259.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
1694	458501-6	BAR COVER 250MM	TẤM BẢO VỆ 250MM	121.716		8%
1695	458503-2	BAR COVER/DUC254	VỎ LAM/DUC254	144.612		8%
1696	458891-7	WIDE NOZZLE/DVC750L	ĐẦU HÚT T/DVC750L	87.372		8%
1697	458919-1	SASH NOZZLE/DVC750L	ĐẦU HÚT KHE/DVC750L	41.580		8%
1698	458940-0	PLASTIC STRAIGHT PIPE FOR PIPE LOCK	ỒNG THẲNG BẰNG NHỰA CỎ KHÓA(MÀU	58.752		8%
1699	458942-6	PLASTIC STRAIGHT PIPE 479MM(BLACK)	ỒNG HÚT BỤI THẲNG 479MM(MÀU ĐEN)	64.476		8%
1700	459036-0	SASH NOZZLE HOLDER 28 FOR PIPE LOCK	KẸP GIỮ ỒNG 28(MÀU NGÀ)	16.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1701	459038-6	SASH NOZZLE HOLDER BLACK/DCL280F	ĐẦU GIỮ ỒNG HÚT BỤI MÀU ĐEN/DCL280	18.684		8%
1702	459056-4	MAT NOZZLE	ĐẦU HÚT T XANH(ĐON SÀN, THAM)	70.200		8%
1703	459120-1	BLADE COVER 500S/DUH502	VỎ BỌC LƯỖI 500/DUH502	151.740		8%
1704	459121-9	BLADE COVER 600S/DUH602	VỎ BỌC LƯỖI 600/DUH602	164.700		8%
1705	459122-7	BLADE COVER 750S/DUH752	VỎ BỌC LƯỖI 750/DUH752	175.500		8%
1706	459206-1	SEALING CAP/DX10	NÁP ĐẦY/DX10	18.684		8%
1707	459234-6	DUST NOZZLE/DLS800	ỒNG THU BỤI/DLS800	120.150		8%
1708	459249-3	HOSE JOINT/DLS211	KHỚP NỔI HÚT BỤI/DLS211	93.096		8%
1709	459353-8	PIPE/DCL281F	ỒNG HÚT BỤI/DCL281F	64.476		8%
1710	459354-6	SASH NOZZLE HOLDER WHITE 28/DCL281	ĐẦU GIỮ ỒNG HÚT BỤI MÀU TRẮNG 28/D	17.550		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
1711	459355-4	SASH NOZZLE HOLDER BLUE/DCL280F	ĐẦU GIỮ ỜNG HÚT BUI MÀU XANH/DCL2	16.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1712	459404-7	PROTECTOR RED/DTDA040	VỎ BẢO VỆ MÀU ĐỎ DỪNG CHO MÁY CH	937.440		8%
1713	459405-5	PROTECTOR BLUE/DTDA040	VỎ BẢO VỆ MÀU XANH DƯƠNG DỪNG CH	937.440		8%
1714	459406-3	PROTECTOR YELLOW/DTDA040	VỎ BẢO VỆ MÀU VÀNG DỪNG CHO MÁY	937.440		8%
1715	459407-1	PROTECTOR GREEN/DTDA040	VỎ BẢO VỆ MÀU XANH LÁ DỪNG CHO M	937.440		8%
1716	459408-9	PROTECTOR CLEAR/DTDA040	VỎ BẢO VỆ TRONG SUỐT DỪNG CHO MÀ	937.440		8%
1717	459409-7	PROTECTOR RED/DTDA100	VỎ BẢO VỆ MÀU ĐỎ DỪNG CHO MÁY CH	659.880		8%
1718	459410-2	PROTECTOR BLUE/DTDA100	VỎ BẢO VỆ MÀU XANH DƯƠNG DỪNG CH	659.880		8%
1719	459411-0	PROTECTOR YELLOW/DTDA100	VỎ BẢO VỆ MÀU VÀNG DỪNG CHO MÁY	659.880		8%
1720	459412-8	PROTECTOR GREEN/DTDA100	VỎ BẢO VỆ MÀU XANH LÁ DỪNG CHO M	659.880		8%
1721	459413-6	PROTECTOR CLEAR/DTDA100	VỎ BẢO VỆ TRONG SUỐT DỪNG CHO MÀ	659.880		8%
1722	459887-1	SIDE DISCHARGE MOUTH/DLM530Z	KHỚP NỒI BĂNG NHỰA/DLM530Z	110.268		8%
1723	459997-4	PROTECTOR GREEN/DTDA040	VỎ BẢO VỆ MÀU XANH RÊU DỪNG CHO N	937.440		8%
1724	459998-2	PROTECTOR GREEN/DTDA100	VỎ BẢO VỆ MÀU XANH RÊU DỪNG CHO N	659.880		8%
1725	4YT-1023	JIG FOR DEMONSTRATION	MÔ HÌNH DEMO CHO MÁY SIẾT BU LÔNG	28.209.600		8%
1726	630863-0	FAST CHARGER DC40RA SET(BULK)	BỘ SẠC NHANH DC40RA(KHÔNG ĐỒNG G	3.477.600		8%
1727	632006-6	BATTERY 7000 EN/ER/DE	PIN 7000 EN/ER/DE	889.920	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1728	632G25-4	BATTERY BL1430B(BULK)	PIN BL1430B(LI-ION 14.4V, 3AH)(KHÔNG	2.354.400		8%
1729	632G42-4	BATTERY BL1460A (LI-ION, 14.4V, 6.0 AH)	PIN BL1460A (LI-ION,14.4V,6.0 AH)(BULK	4.857.840		8%
1730	632R12-9	BATTERY (LI-ION, 10.8V, 2AH)/CL111D	PIN (LI-ION, 10.8V, 2AH)/CL111D	902.988		8%
1731	654575-7	TERMINAL BLOCK/PC5000C	ĐẦU NỐI NHANH/PC5000C	42.350		10%
1732	682575-7	CORD GUARD 12-90/VC3210L	ĐÂY TREO MỀM 12-90/VC3210L	17.550		8%
1733	723050-A5	RECIPRO SAW BLADE 150MM TPI 6	LƯỖI CỬA KIỂM 150MM TPI 6	197.640		8%
1734	723065-A5	RECIPRO SAW BLADE 150MM TPI 14	LƯỖI CỬA KIỂM 150MM TPI 14	254.880		8%
1735	723067-A5	RECIPRO SAW BLADE 150MM TPI 24	LƯỖI CỬA KIỂM 150MM TPI 24	254.880		8%
1736	723068-A5	RECIPRO SAW BLADE 150MM TPI 10	LƯỖI CỬA KIỂM 150MM TPI 10	254.880		8%
1737	723069-A5	RECIPRO SAW BLADE 225MM TPI 18	LƯỖI CỬA KIỂM 225MM TPI 18	370.656		8%
1738	723070-A5	RECIPRO SAW BLADE 225MM TPI 10	LƯỖI CỬA KIỂM 225MM TPI 10	370.656		8%
1739	723071-A5	RECIPRO SAW BLADE 300MM TPI 10	LƯỖI CỬA KIỂM 300MM TPI 10	463.644		8%
1740	723074-A3	RECIPRO SAW BLADE 300MM TPI 6	LƯỖI CỬA KIỂM 300MM TPI 6	383.508		8%
1741	723075-A3	RECIPRO SAW BLADE 150MM TPI 9	LƯỖI CỬA KIỂM 150MM TPI 9	390.960		8%
1742	723076-A3	RECIPRO SAW BLADE 225MM TPI 9	LƯỖI CỬA KIỂM 225MM TPI 9	330.588		8%
1743	723078-A5	RECIPRO SAW BLADE 200MM TPI 6	LƯỖI CỬA KIỂM 200MM TPI 6	353.484		8%
1744	724104-1	ABRASIVE CUT-OFF WHEEL 100MM	ĐÀ CẮT 100MM	153.900		8%
1745	725163-8	SHEAR BLADE A/EH7500S	LƯỖI CẮT A/EH7500S	1.188.000		8%
1746	725164-6	SHEAR BLADE B/EH7500S	LƯỖI CẮT B/EH7500S	1.317.600		8%
1747	725184-0	SHEAR BLADE/EH6000W	LƯỖI TỈA CÀNH/EH6000W	496.800		8%
1748	725185-8	SHEAR BLADE A/EH7500S	LƯỖI TỈA CÀNH A/EH7500S	459.000		8%
1749	725186-6	SHEAR BLADE B/EH7500S	LƯỖI TỈA CÀNH B/EH7500S	459.000		8%
1750	725187-4	SHEAR BLADE/EN401MP	LƯỖI CẮT/EN401MP	527.040		8%
1751	725197-1	SHEAR BLADE/EN420MP	LƯỖI CẮT/EN420MP	313.416		8%
1752	733237-1	STRAIGHT BIT 12E/MT360	MŨI THĂNG 12E/MT360	277.668		8%
1753	733238-9	STRAIGHT BIT 6E	MŨI PHAY THĂNG 6E	266.220		8%
1754	741015-5	GRINDING WHEEL (125 X 19 X 12.7MM) 2	ĐÀ MÀI (125 X 19 X 12.7MM) 24P	491.400		8%
1755	741016-3	GRINDING WHEEL (125 X 19 X 12.7MM) 3	ĐÀ MÀI (125 X 19 X 12.7MM) 36P	520.884		8%
1756	741614-3	WHEEL POINT 1-19-60	ĐÀ MÀI GÓC 1-19-60	87.372		8%
1757	741615-1	WHEEL POINT 4-19-60	ĐÀ MÀI GÓC 4-19-60	121.716		8%
1758	743008-8	RUBBER PAD 170	ĐỆ CAO SU 170	414.720	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1759	743009-6	RUBBER PAD 76	ĐỆ CAO SU 76	60.750		8%
1760	743012-7	RUBBER PAD 170	ĐỆ CAO SU 170	457.920		8%
1761	743015-1	RUBBER PAD 115	ĐỆ CAO SU 115	280.476		8%
1762	743016-9	RUBBER PAD 125	ĐỆ CAO SU 125	271.944		8%
1763	743025-8	PLASTIC PAD 120	ĐỆ NHỰA 120	115.992		8%
1764	743033-9	RUBBER PAD 147	ĐỆ CAO SU 147	688.392		8%
1765	743036-3	RUBBER PAD 100	ĐỆ CAO SU 100	243.324		8%
1766	743053-3	PAD 165 M14	ĐỆ 165 M14	543.780		8%
1767	743054-1	PAD 165 M16	ĐỆ 165 M16	604.800		8%
1768	743081-8	PAD 123/BO5041	ĐỆ 123/BO5041	503.712		8%
1769	743124-6	PAD 50MM	TẤM ĐỆ 50MM	405.000		8%
1770	743125-4	PAD 75MM	TẤM ĐỆ 75MM	1.087.560		8%
1771	743126-2	ADAPTER /DPV300	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI/DPV300	104.544		8%
1772	744015-4	ROUND FILE 3.2MM M11/DUC254HZR/DUC	DỪA TRƠN 3.2MM M11/DUC254HZR/DUC2	98.820		8%
1773	762001-3	TRIANGULAR RULE/LH1040	THƯỚC CANH/LH1040	24.408		8%
1774	762007-1	THICKNESS GAUGE	THƯỚC ĐO	76.950		8%
1775	762013-6	THICKNESS GAUGE/JS1601	THƯỚC ĐO ĐỘ DÀY/JS1601	76.950		8%
1776	762014-4	MAGNETIC HOLDER	GIÁ ĐÓ CỎ TÚ TÍNH	144.612		8%
1777	762016-0	BLADE GAUGE/2012NB	THƯỚC CANH LƯỖI/2012NB	121.716		8%
1778	763066-8	DRILL CHUCK S16/DS5000	ĐẦU KHOAN S16/DS5000	1.209.600		8%
1779	763077-3	DRILL CHUCK 6.5	ĐẦU KHOAN 6.5	156.600		8%
1780	763114-3	DRILL CHUCK S13	ĐẦU KHOAN S13	353.484		8%
1781	763115-1	DRILL CHUCK S13/6307	ĐẦU KHOAN S13/6307	296.244		8%
1782	763142-8	DRILL CHUCK S13	ĐẦU KHOAN S13	452.520		8%
1783	763170-3	DRILL CHUCK 6.5	ĐẦU KHOAN 6.5	114.750		8%
1784	763174-5	DRILL CHUCK S10	ĐẦU KHOAN S10	1.169.640		8%
1785	763181-8	KEYLESS DRILL CHUCK	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA	214.704		8%
1786	763182-6	KEYLESS DRILL CHUCK 13	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA 13	336.312		8%
1787	763183-4	DRILL CHUCK S13/DDA450	ĐẦU KHOAN S13/DDA450	567.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
1788	763232-7	DRILL CHUCK S13	ĐẦU KHOAN S13	104.544		8%
1789	763235-1	CHUCK KEY S13	KHÓA ĐẦU KHOAN S13	24.860		10%
1790	763236-9	COLLET NUT/GD0603	ĐAI ỐC KÉP	48.180		10%
1791	763238-5	KEYLESS DRILL CHUCK 10/DF332D	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA 10/DF332D	183.168		8%
1792	763241-6	KEYLESS DRILL CHUCK 13/DDF483	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA/DDF483	419.364		8%
1793	763242-4	KEYLESS DRILL CHUCK 10	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA 10	208.980		8%
1794	763243-2	KEYLESS DRILL CHUCK 10	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA 10	216.000		8%
1795	763244-0	DRILL CHUCK S10	ĐẦU KHOAN S10	98.820		8%
1796	763245-8	DRILL CHUCK S10/DA332D	ĐẦU KHOAN S10/DA332D	705.564		8%
1797	763250-5	DRILL CHUCK S-13/DDA460	ĐẦU KHOAN S-13/DDA460	821.880		8%
1798	763251-3	CHUCK KEY S-13/DDA460	KHÓA S-13/DDA460	90.180		8%
1799	763252-1	KEYLESS DRILL CHUCK 13/DHP481	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA/DHP481	602.640		8%
1800	763260-2	KEYLESS DRILL CHUCK 13	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA 13	365.400		8%
1801	763261-0	KEYLESS DRILL CHUCK 13/DHP489	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA 13/DHP489	572.400		8%
1802	763262-8	KEYLESS DRILL CHUCK 13	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA 13	416.448		8%
1803	763266-0	DRILL CHUCK S13/DP4020/DP4021	ĐẦU KHOAN S13/DP4020/DP4021	104.544		8%
1804	763267-8	KEYLESS DRILL CHUCK 13/DP4021	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA 13/DP4021	387.828		8%
1805	763269-4	KEYLESS DRILL CHUCK 13/DF003G/HP003	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA/DF003G/HP00	756.000		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
1806	763415-9	CHUCK KEY S10	KHOÀ ĐẦU KHOAN S10	71.500		10%
1807	763418-3	CHUCK KEY S10	KHOÀ ĐẦU KHOAN S10	47.304		8%
1808	763430-3	CHUCK KEY S13/6307	KHOÀ MỔ ĐẦU KHOAN S13/6307	30.690		10%
1809	763432-9	CHUCK KEY S13	KHOÀ ĐẦU KHOAN S13	65.670		10%
1810	763441-8	CHUCK KEY S13	KHOÀ ĐẦU KHOAN S13	30.690		10%
1811	763442-6	CHUCK KEY S6	KHOÀ ĐẦU KHOAN S6	24.408		8%
1812	763447-6	CHUCK KEY S10	KHOÀ ĐẦU KHOAN S10	19.030		10%
1813	763448-4	CHUCK KEY S13/DUT131	KHOÀ ĐẦU KHOAN S13/DUT131	47.304		8%
1814	763449-2	CHUCK KEY S6.5	KHOÀ ĐẦU KHOAN S6.5	19.030		10%
1815	763450-7	CHUCK KEY S10/DA332D	KHOÀ ĐẦU KHOAN S13/DA332D	41.580		8%
1816	763452-3	CHUCK KEY S10/MT80A	KHOÀ ĐẦU KHOAN S10/MT80A	19.030		10%
1817	763453-1	CHUCK KEY S13/MT80B	KHOÀ MỔ ĐẦU KHOAN S13/MT80B	24.860		10%
1818	763601-2	COLLET CHUCK 12MM	CHẤU KẸP 12MM	960.228		8%
1819	763602-0	COLLET CHUCK 1/2"	CHẤU KẸP 1/2"	812.160	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1820	763606-2	COLLET NUT 6	ĐAI ỐC KẸP 6MM	112.310		10%
1821	763610-1	COLLET CONE 3MM	CHẤU KẸP 3MM	75.924		8%
1822	763615-1	COLLET NUT	ĐAI ỐC KẸP	88.990		10%
1823	763619-3	COLLET CONE 3/8"	CHẤU KẸP 3/8"	81.648		8%
1824	763620-8	COLLET CONE 6MM	CHẤU KẸP 6MM	342.036		8%
1825	763622-4	COLLET CONE 12.7	CHẤU KẸP 12.7MM	433.620		8%
1826	763627-4	COLLET CONE 3MM	CHẤU KẸP 3MM	382.320		8%
1827	763629-0	COLLET NUT	ĐAI ỐC KẸP	129.800		10%
1828	763632-1	COLLET CONE 13MM	CHẤU KẸP 13MM	807.300		8%
1829	763637-1	COLLET CONE 1/4"	CHẤU KẸP 1/4"	277.668		8%
1830	763645-2	COLLET NUT	ĐAI ỐC KẸP	88.990		10%
1831	763646-0	COLLET CONE 6/GD0800C	CHẤU KẸP 6MM	313.416		8%
1832	763649-4	COLLET CONE 8/GD0800C	CHẤU KẸP 8/GD0800C	423.576		8%
1833	763661-4	COLLET NUT 6	ĐAI ỐC KẸP	65.670		10%
1834	763663-0	COLLET CONE 6.35	CHẤU KẸP 6,35MM	105.948		8%
1835	763664-8	COLLET NUT 6	ĐAI ỐC KẸP	42.350		10%
1836	763665-6	COLLET CONE 6.0	CHẤU KẸP 6MM	87.372		8%
1837	763668-0	COLLET NUT/GD0602	ĐAI ỐC KẸP	35.856		8%
1838	763669-8	COLLET CONE 3MM	CHẤU KẸP 3MM	572.400		8%
1839	763670-3	COLLET CONE 6MM	CHẤU KẸP 6MM	330.588		8%
1840	763671-1	COLLET CONE 8MM	CHẤU KẸP 8MM	572.400		8%
1841	763674-5	COLLET NUT	ĐAI ỐC KẸP	166.210		10%
1842	763675-3	COLLET NUT/DC0180	ĐAI ỐC KẸP	147.290		10%
1843	763678-7	COLLET CONE 6MM/DC0181	CHẤU KẸP 6MM	224.510		10%
1844	763679-5	COLLET CONE 3.0/DC0181	CHẤU KẸP 3MM	202.500		8%
1845	763801-4	COLLET SLEEVE FOR 6 MM BIT	CHẤU KẸP ỐNG 6MM	93.500	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	10%
1846	763803-0	COLLET SLEEVE FOR 1/4" BIT	CHẤU KẸP ỐNG 1/4"	106.480		10%
1847	763805-6	COLLET SLEEVE FOR 3/8" BIT	CHẤU KẸP ỐNG 3/8"	100.375		10%
1848	763806-4	COLLET SLEEVE F/INCH CHUCK,10M	CHẤU KẸP ỐNG 10MM	109.340		10%
1849	763807-2	COLLET SLEEVE FOR 10 MM BIT	CHẤU KẸP ỐNG 10MM	104.500	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	10%
1850	763808-0	COLLET SLEEVE 6.35MM	CHẤU KẸP ỐNG 6.35MM	97.200		8%
1851	763809-8	COLLET SLEEVE 6.35/MT362	CHẤU KẸP ỐNG 6.35MM	58.752		8%
1852	763810-3	COLLET SLEEVE 9.53/MT362	CHẤU KẸP ỐNG 9.53	59.840		10%
1853	764352-0	INNER SLEEVE 22-85 COMPLETE	BẠC ĐỆM TRONG 22-85	4.735.500		10%
1854	764353-8	INNER SLEEVE 3/4-84 COMPLETE	BẠC ĐỆM TRONG 3/4-84	3.982.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	10%
1855	764354-6	INNER SLEEVE 22-170/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN TRONG 22-170/6922NB	15.078.960		8%
1856	764356-2	INNER SLEEVE 16-82/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN TRONG 16-82/6922NB	3.655.800		8%
1857	764357-0	INNER SLEEVE 16-100/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN TRONG 16-100/6922NB	3.561.840		8%
1858	764361-9	OUTER SLEEVE 20-37/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN NGOÀI/6922NB	1.160.170		10%
1859	764362-7	OUTER SLEEVE 16-35/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN NGOÀI 16-35/6922NB	1.177.660		10%
1860	764363-5	OUTER SLEEVE 20-83	VÒNG ĐỆM BÊN NGOÀI 20-83	3.076.920		8%
1861	764364-3	OUTER SLEEVE 22-85	VÒNG ĐỆM BÊN NGOÀI 22-85	3.110.360		10%
1862	764365-1	OUTER SLEEVE 22-170/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN NGOÀI 22-170/6922NB	9.089.280		8%
1863	764367-7	OUTER SLEEVE 16-81/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN NGOÀI 16-81/6922NB	1.989.360		8%
1864	764400-5	INNER SLEEVE 16-100/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN TRONG 16-100/6922NB	12.604.680		8%
1865	764402-1	INNER SLEEVE 20-100/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN TRONG 20-100/6922NB	12.004.200		8%
1866	764404-7	INNER SLEEVE 22-100/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN TRONG 22-100/6922NB	13.614.590		10%
1867	764405-5	INNER SLEEVE 22-200/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN TRONG 22-200/6922NB	18.802.800		8%
1868	764406-3	OUTER SLEEVE 16-100/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN NGOÀI 16-100/6922NB	8.118.360		8%
1869	764408-9	OUTER SLEEVE 20-100/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN NGOÀI 20-100/6922NB	5.342.760		8%
1870	764410-2	OUTER SLEEVE 22-100/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN NGOÀI 22-100/6922NB	5.342.760		8%
1871	764411-0	OUTER SLEEVE 22-200/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN NGOÀI 22-200/6922NB	9.875.520		8%
1872	764416-0	INNER SLEEVE 16-36/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN TRONG 16-36/6922NB	3.251.710		10%
1873	764417-8	INNER SLEEVE 20-38 COMPLETE/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN TRONG/6922NB	3.085.610		10%
1874	764418-6	INNER SLEEVE 22-39 COMPLETE/6922NB	VÒNG ĐỆM BÊN TRONG/6922NB	3.157.000		10%
1875	764419-4	INNER SLEEVE 3/4-38 COMPLETE	BẠC ĐỆM TRONG 3/4-38	2.475.360	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1876	764420-9	INNER SLEEVE 5/8-36 COMPLETE	BẠC ĐỆM TRONG 5/8-36	2.635.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	10%
1877	765027-4	ADJUSTMENT GRIP	BỘ ĐIỀU CHỈNH LỰC	585.360		8%
1878	766012-0	KEYLESS DRILL CHUCK 10/DF0300	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA/DF0300	218.700		8%
1879	766014-6	DRILL CHUCK S10	ĐẦU KHOAN S10	87.372		8%
1880	766016-2	DRILL CHUCK S13/DUT131	ĐẦU KHOAN 13/DUT131	199.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
1881	766019-6	KEYLESS DRILL CHUCK 13	ĐẦU KHOAN KHÔNG KHÓA 13/M8103B	440.748		8%
1882	766021-9	DRILL CHUCK S6.5	ĐẦU KHOAN S6.5	104.544		8%
1883	766022-7	DRILL CHUCK S10/MT80A	ĐẦU KHOAN S10/MT80A	93.096		8%
1884	766026-9	KEYLESS DRILL CHUCK 10/MT607	ĐẦU KHOAN S10/MT607	121.716		8%
1885	781006-4	WRENCH 13/MT660	CỖ LỆ HẠM ĐAI ỐC 13/MT660	38.664		8%
1886	781010-3	WRENCH 19/UT1305	CỖ LỆ 19/UT1305	70.200		8%
1887	781012-9	WRENCH 23/HM1306	CỖ LỆ 23/HM1306	47.304		8%
1888	781019-5	WRENCH 50	CỖ LỆ HẠM ĐAI ỐC 50	110.268		8%
1889	781028-4	WRENCH 32	CỖ LỆ HẠM ĐAI ỐC 32	93.096		8%
1890	781030-7	WRENCH 24/3600H	CỖ LỆ 24/3600H	75.924		8%
1891	781034-9	WRENCH 8-24/3612BR	CỖ LỆ HẠM ĐAI ỐC 8 - 24/3612BR	55.836		8%
1892	781036-5	WRENCH 10/3709	CỖ LỆ HẠM ĐAI ỐC 10/3709	24.408		8%
1893	781037-3	WRENCH 17/3709	CỖ LỆ HẠM ĐAI ỐC 17/3709	30.132		8%
1894	781038-1	WRENCH 19	CỖ LỆ 19	87.372		8%
1895	781039-9	WRENCH 13/MT912	CỖ LỆ 13/MT912	35.856		8%
1896	781041-2	WRENCH 22/MT412	CỖ LỆ 22/MT412	24.408		8%
1897	781043-8	WRENCH 22/4100NB	CỖ LỆ HẠM ĐAI ỐC 22/4100NB	53.028		8%
1898	781044-6	HEX. WRENCH 6/LS1019L	KHOÀ LỤC GIÁC 6/LS1019L	24.860		10%
1899	781206-6	WRENCH 19/GD0800C	CỖ LỆ 19/GD0800C	110.268		8%
1900	782016-4	OFFSET WRENCH 13	CỖ LỆ 13	24.408		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
1901	782017-2	WRENCH 22/4107R	KHOÀ MỎ 22/4107R	81.648		8%
1902	782023-7	WRENCH 13-16	CỖ LÊ 13-16	64.800		8%
1903	782024-5	WRENCH 13-22	CỖ LÊ 13-22	87.372		8%
1904	782026-1	UNIVERSAL WRENCH 13/16/EA3503S	CỖ LÊ 13-16/EA3503S	86.400		8%
1905	782028-7	UNIVERSAL WRENCH 13-19/EK8100	CỖ LÊ 13-19/EK8100	64.476		8%
1906	782034-2	LOCK NUT WRENCH 35	CỖ LÊ HÂM ĐAI ỐC 35	70.200		8%
1907	782203-5	SOCKET WRENCH 9	TAY MỎ 9	147.290		10%
1908	782209-3	BOX WRENCH 9/4100NB	TAY MỎ 9/4100NB	58.752		8%
1909	782210-8	SOCKET WRENCH 17/LC1230	CỖ LÊ 17/LC1230	41.580		8%
1910	782212-4	SOCKET WRENCH 13/4107R	CỖ LÊ 13/4107R	53.028		8%
1911	782229-7	BOX WRENCH 9	TAY MỎ 9	35.856		8%
1912	782401-1	LOCK NUT WRENCH 20	CỖ LÊ HÂM ĐAI ỐC 20	47.304		8%
1913	782407-9	LOCK NUT WRENCH 35	CỖ LÊ HÂM ĐAI ỐC 35	64.476		8%
1914	782412-6	LOCK NUT WRENCH 28	CỖ LÊ HÂM ĐAI ỐC 28	87.372		8%
1915	782420-7	LOCK NUT WRENCH 20	CỖ LÊ HÂM ĐAI ỐC 20	30.132		8%
1916	782423-1	LOCK NUT WRENCH 35	CỖ LÊ HÂM ĐAI ỐC 35	41.580		8%
1917	782426-5	LOCK NUT WRENCH 35/PC5000C	CỖ LÊ 35/PC5000C	53.028		8%
1918	783013-3	BOX DRIVER 16-17/EE2650H	ĐẦU MỎ ỐC 16-17/EE2650H	55.000		10%
1919	783019-1	DRIVER/PM7650H	TUA VÍT/PM7650H	37.800		8%
1920	783020-6	DRIVER/EY2650H	CỖ LÊ LỤC GIÁC/EY2650H	53.028		8%
1921	783021-4	HEX. WRENCH 1.5	CỖ LÊ HÂM ĐAI ỐC	12.960		8%
1922	783022-2	HEX. WRENCH 5/CA5000X	KHOÀ LỤC GIÁC 5/CA5000X	24.408		8%
1923	783023-0	HEX. WRENCH 8/MT243	KHOÀ LỤC GIÁC 8/MT243	24.408		8%
1924	783201-2	HEX. WRENCH 3	CỖ LÊ HÂM ĐAI ỐC 3	12.960		8%
1925	783202-0	HEX. WRENCH 4	CỖ LÊ HÂM ĐAI ỐC 4	18.684		8%
1926	783203-8	HEX. WRENCH 5/DSP600	KHOÀ LỤC GIÁC/DSP600	12.150		8%
1927	783208-8	HEX. WRENCH 2.5	CỖ LÊ HÂM ĐAI ỐC 2.5	24.408		8%
1928	783214-3	HEX.SOCKET SCREW KEY 2/DUP361	KHOÀ LỤC GIÁC/DUP361	10.044		8%
1929	783217-7	HEX. WRENCH 5/DHS710	CỖ LÊ HÂM ĐAI ỐC/DHS710	12.960		8%
1930	783223-2	HEX. WRENCH 4/EBH340U	KHOÀ LỤC GIÁC 4/EBH340U	16.200		8%
1931	784202-3	BIT 2-45/DF012D	MŨI VÍT 2-45/DF012D	24.408		8%
1932	784203-1	PHILLIPS BIT (PH 2)X65MM (1PCS)	MŨI VẠN VÍT (PH 2)X65MM (1 CÁI)	41.580		8%
1933	784206-5	PHILLIPS BIT (PH 2)X110MM (1PCS)	MŨI VẠN VÍT (PH 2)X110MM (1 CÁI)	87.372		8%
1934	784221-9	PHILLIPS BIT (PH 2)X250MM (1PCS)	MŨI VẠN VÍT (PH 2)X250MM (1 CÁI)	254.880		8%
1935	784229-3	PHILLIPS BIT (PH 2)X45MM (1PCS)	MŨI VẠN VÍT (PH 2)X45MM (1 CÁI)	58.752		8%
1936	784230-8	PHILLIPS BIT (PH 2)X65MM (1PCS)	MŨI VẠN VÍT (PH 2)X65MM (1 CÁI)	64.476		8%
1937	784243-9	BIT 1-45/DF012D	MŨI VÍT 1-45/DF012D	18.684		8%
1938	784244-7	SCREW BIT 2-50/DA333D	MŨI VÍT 2-50/DA333D	18.684		8%
1939	784261-7	BIT 2-25/FS4000	MŨI VÍT 2-25/FS4000	12.960		8%
1940	784402-5	SOCKET BIT 7-55	MŨI TUÝP LỤC GIÁC 7-55	232.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1941	784403-3	SOCKET BIT 8-55	MŨI TUÝP LỤC GIÁC 8-55	237.600		8%
1942	784406-7	SOCKET BIT 10-70	MŨI TUÝP LỤC GIÁC 10-70	237.600		8%
1943	784614-0	BIT 2-45 (PH2 - SL0.8)X45MM	MŨI VẠN VÍT 2-45 (PH2 - SL0.8)X45MM	64.476		8%
1944	784636-0	BIT 2-65/DF347D	MŨI VÍT 2-65/DF347D	24.408		8%
1945	784801-1	MAGNETIC BIT HOLDER 6.35-76	GIỮ MŨI BĂNG TỰ TÍNH 6.35-76	144.612		8%
1946	784802-9	MAGNETIC SOCKET BIT 3/8-65/6802BV	ĐẦU CHUYỂN 3/8802BV	491.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1947	784811-8	MAGNETIC CONNECT BIT 6.35-60/6821	CHUỐI GAI KẾT NỐI 6.35-60/6821	87.372		8%
1948	784813-4	MAGNETIC BIT HOLDER 6.35-60	ĐẦU GIỮ MŨI CÓ NAM CHÂM 6.35-60	163.188		8%
1949	791121-6	T.C.T. HAMMER BIT 18-380	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỘP KIM 18-380	1.477.440	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1950	791133-9	T.C.T. HAMMER BIT 20-525	MŨI KHOAN BÊ TÔNG HỘP KIM 20-525	2.250.720	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1951	792077-6	MITER SAW BLADE 255	LƯỖI CỬA ĐA GÓC 255	4.533.840		8%
1952	792078-4	MITER SAW BLADE 255	LƯỖI CỬA ĐA GÓC 255	5.597.640		8%
1953	792148-9	RECIPRO SAW BLADE 165MM	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM 165MM	367.200		8%
1954	792149-7	RECIPRO SAW BLADE NO.24	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM NO.24	799.200		8%
1955	792264-7	DIE	KHUÔN DẬP	2.147.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	10%
1956	792265-5	PUNCH	MŨI ĐÓT	851.040	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1957	792287-5	SHEAR BLADES SET	BỘ LƯỖI CẮT TÔN	1.134.000		8%
1958	792292-2	DIE	KHUÔN DẬP	909.360		8%
1959	792392-8	CHISEL T. COMBI. SAW BLADE 210/	LƯỖI CỬA 210	926.640		8%
1960	792443-7	DIAMOND WHEEL 80/9803	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG 80 325N/9803	3.218.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1961	792518-2	JIG SAW BLADE B-17	LƯỖI CỬA LONG B-17	157.464		8%
1962	792533-6	SIDE BLADE SET	LƯỖI CẮT CANH	1.643.760		8%
1963	792534-4	CENTER BLADE	LƯỖI CẮT THẲNG	2.036.340		8%
1964	792556-4	BAND SAW BLADE 18 (H.S.STEEL)	LƯỖI CỬA VÒNG 18 (H.S.STEEL)	880.200		8%
1965	792557-2	BAND SAW BLADE 14 (H.S. STEEL)	LƯỖI CỬA VÒNG 14 (H.S. STEEL)	880.200		8%
1966	792558-0	BAND SAW BLADE 24 (C.STEEL)	LƯỖI CỬA VÒNG 24 (C.STEEL)	1.080.000		8%
1967	792559-8	BAND SAW BLADE 18 (C.STEEL)	LƯỖI CỬA VÒNG 18 (C.STEEL)	1.111.320		8%
1968	792560-3	BAND SAW BLADE 14 (C.STEEL)	LƯỖI CỬA VÒNG 14 (C.STEEL)	1.144.800		8%
1969	792567-9	BAND SAW BLADE 6 (C.S.) F/WOOD	LƯỖI CỬA VÒNG 6 CHO GỖ	1.144.800		8%
1970	792691-8	JIG SAW BLADE NO.B-10S	LƯỖI CỬA LONG HỘP KIM NO.B-10S	260.496		8%
1971	792707-9	RECIPRO SAW BLADE 23B	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM 23B	365.040		8%
1972	792728-1	PUNCH	MŨI ĐÓT	1.030.320		8%
1973	792731-2	DIAMOND WHEEL 80-325N/9803	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG 80-325N/9803	3.214.080	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1974	793009-6	T.C.T. PLANER BLADE 110	BỘ LƯỖI BẢO 110 (2 LƯỖI/ 1 BỘ)	4.538.700		8%
1975	793018-5	PLANER BLADE 306	BỘ LƯỖI BẢO 306 (2 LƯỖI/ 1 BỘ)	2.128.680		8%
1976	793019-3	PLANER BLADE 400	BỘ LƯỖI BẢO 410 (2 LƯỖI/ 1 BỘ)	3.369.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1977	793126-2	STRAIGHT BIT 8	MŨI PHAY THẲNG 8	469.368		8%
1978	793346-8	PLANER BLADE 306	BỘ LƯỖI BẢO 360 (2 LƯỖI/ 1 BỘ)	1.319.760		8%
1979	794050-2	WHEEL POINT 1- 5-60	MŨI MÀI THẲNG 1- 5-60	613.980		8%
1980	794051-0	WHEEL POINT 1- 6-60	MŨI MÀI THẲNG 1- 6-60	410.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1981	794052-8	WHEEL POINT 1- 8-60	MŨI MÀI THẲNG 1- 8-60	518.400		8%
1982	794053-6	WHEEL POINT 1-10-60	MŨI MÀI THẲNG 1-10-60	560.952		8%
1983	794054-4	WHEEL POINT 2- 5-60	MŨI MÀI THẲNG 2- 5-60	821.880		8%
1984	794055-2	WHEEL POINT 2- 6-60	MŨI MÀI THẲNG 2- 6-60	821.880		8%
1985	794057-8	WHEEL POINT 2-10-60	MŨI MÀI THẲNG 2-10-60	741.312		8%
1986	794059-4	WHEEL POINT 3-10-60	MŨI MÀI THẲNG 3-10-60	807.840	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1987	794060-9	DRESSING STONE 180-1200	ĐÁ MÀI 180-1200	376.380		8%
1988	794061-7	DRESSING STONE 150-1200	ĐÁ MÀI 150-1200	319.140		8%
1989	794065-9	ABRASIVE DISC 100 #24	Đĩa NHẠM 100 #24	513.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1990	794066-7	ABRASIVE DISC 100 #30	Đĩa NHẠM 100 #30	464.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1991	794067-5	ABRASIVE DISC 100 #50	Đĩa NHẠM 100 #50	480.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1992	794068-3	ABRASIVE DISC 100 #80	Đĩa NHẠM 100 #80	459.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1993	794069-1	ABRASIVE DISC 100 #120	Đĩa NHẠM 100 #120	432.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1994	794070-6	ABRASIVE DISC 150 #24	Đĩa NHẠM 150 #24	793.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1995	794071-4	ABRASIVE DISC 150 #30	Đĩa NHẠM 150 #30	793.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
1996	794072-2	ABRASIVE DISC 150 #50	Đĩa Nhám 150 #50	761.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1997	794073-0	ABRASIVE DISC 150 #80	Đĩa Nhám 150 #80	696.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1998	794074-8	ABRASIVE DISC 150 #120	Đĩa Nhám 150 #120	675.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
1999	794091-8	ABRASIVE DISC 180 #16	Đĩa Nhám 180 #16	955.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2000	794093-4	ABRASIVE DISC 180 #24	Đĩa Nhám 180 #24	842.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2001	794094-2	ABRASIVE DISC 180 #50	Đĩa Nhám 180 #50	826.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2002	794095-0	ABRASIVE DISC 180 #80	Đĩa Nhám 180 #80	745.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2003	794096-8	ABRASIVE DISC 125 #24	Đĩa Nhám 125 #24	653.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2004	794097-6	ABRASIVE DISC 125 #30	Đĩa Nhám 125 #30	583.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2005	794098-4	ABRASIVE DISC 125 #50	Đĩa Nhám 125 #50	599.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2006	794099-2	ABRASIVE DISC 125 #80	Đĩa Nhám 125 #80	556.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2007	794100-3	ABRASIVE DISC 125 #120	Đĩa Nhám 125 #120	572.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2008	794104-5	ABRASIVE DISC 115 #24	Đĩa Nhám 115 #24	507.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2009	794105-3	ABRASIVE DISC 115 #30	Đĩa Nhám 115 #30	518.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2010	794106-1	ABRASIVE DISC 115 #50	Đĩa Nhám 115 #50	432.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2011	794107-9	ABRASIVE DISC 115 #80	Đĩa Nhám 115 #80	421.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2012	794108-7	ABRASIVE DISC 115 #120	Đĩa Nhám 115 #120	426.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2013	794156-6	ABRASIVE PAPER 93X228 #60	GIẤY CHÀ NHẢM 93X228 #60	73.440	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2014	794157-4	ABRASIVE PAPER 93X228 #100	GIẤY CHÀ NHẢM 93X228 #100	69.120	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2015	794159-0	FOAM POLISHING PAD FOR DRILL 125MM	TAM ĐỀ ĐÁNH BÔNG DÙNG CHO MÁY K	433.620		8%
2016	794173-6	WOOL BONNET FOR DRILL 100MM	ĐỆM LÔNG CỬU DÙNG CHO MÁY KHOAN	307.800		8%
2017	794176-0	WOOL BONNET 180	MŨ ĐÁNH BÔNG	752.760		8%
2018	794180-9	GRINDING WHEEL 100-46	ĐÁ MÀI 100-46	839.700	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2019	794195-6	ABRASIVE PAPER SET 114X100 FOR BO45	GIẤY CHÀ NHẢM 114X100 FOR BO4510	39.150		8%
2020	794214-8	ABRASIVE PAPER 114X140 #150	GIẤY CHÀ NHẢM 114X140 #150	64.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
2021	794218-0	ABRASIVE DISC 180 #30	Đĩa Nhám 180 #30	891.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2022	794219-8	ABRASIVE DISC 150 #100	Đĩa Nhám 150 #100	702.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2023	794221-1	ABRASIVE DISC 180 #120	Đĩa Nhám 180 #120	723.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2024	794227-9	ABRASIVE DISC 100 #100	Đĩa Nhám 100 #100	432.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2025	794229-5	FLEX. GRINDING WHEEL 100-60	ĐÁ MÀI MỀM 100-60	529.200		8%
2026	794274-0	ABRASIVE DISC 150 #60	Đĩa Nhám 150 #60	280.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2027	794277-4	ABRASIVE DISC 150 #150	Đĩa Nhám 150 #150	237.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2028	794324-1	WIRE CUP BRUSH 90 M16X2	CHỔI KIM LOẠI 90 M16X2	1.352.160	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2029	794325-9	WIRE CUP BRUSH 110 M16X2	CHỔI KIM LOẠI 110 M16X2	1.766.880	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2030	794329-1	STRAIGHT CUP WHEEL 125-20/24	ĐÁ MÀI THẲNG 125-20/24	1.308.960	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2031	794330-6	STRAIGHT CUP WHEEL 125-46/60	ĐÁ MÀI THẲNG 125-46/60	1.308.960	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2032	794372-0	WIRE CUP BRUSH 110 M14X2	CHỔI KIM LOẠI 110 M14X2	1.749.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2033	794379-6	NYLON BRUSH WHEEL 120-100	CHỔI NYLON 120-100	5.498.550		8%
2034	794380-1	SLIT PAPER WHEEL 120-40 (FOR RUST AN	Đĩa Nhám (Đánh gỉ và sơn)	5.934.600		8%
2035	794381-9	COTTON BUFF WHEEL 120 (FOR POLISHIN	Đĩa đánh bông 120	5.782.050		8%
2036	794382-7	WIRE BRUSH WHEEL120 (FOR RUST REMO	Đĩa đánh gỉ 120	4.450.950		8%
2037	794383-5	NYLON BRUSH WHEEL 120-240	Chổi nylon 120-240	5.367.600		8%
2038	794384-3	NYLON BRUSH WHEEL 120-80	Chổi nylon 120-80	5.934.600		8%
2039	794471-8	ABRASIVE PAPER 93X228 #80	GIẤY CHÀ NHẢM 93X228 #80	77.760	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2040	794542-1	SANDING PAPER 60/DBO180	GIẤY CHÀ NHẢM 60/DBO180	325.080		8%
2041	794543-9	WOOD/METAL ABRASIVE DISC 125MM-A	Đĩa nhám tròn cho gỗ/kim loại 125M	325.080		8%
2042	794544-7	ABRASIVE DISC WA120 125X120	GIẤY CHÀ NHẢM WA120 125X120	296.244		8%
2043	794545-5	ABRASIVE DISC 125 #180	Đĩa nhám 125 #180	399.600		8%
2044	794546-3	ABRASIVE DISC 125 #240	Đĩa nhám 125 #240	370.656		8%
2045	794558-6	SPONGE PAD	TAM ĐỀ BƠT BIỂN	497.988		8%
2046	794560-9	WOOL PAD	MŨ ĐÁNH BÔNG	415.800		8%
2047	794562-5	ABRASIVE PAPER 93X228 # 80	GIẤY CHÀ NHẢM BẢNG 93X228 # 80	140.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
2048	794608-7	WOOD/METAL ABRASIVE DISC 150MM-A	Đĩa nhám tròn cho gỗ/kim loại 150M	497.988		8%
2049	794609-5	WOOD/METAL ABRASIVE DISC 150MM-A	Đĩa nhám tròn cho gỗ/kim loại 150M	463.644		8%
2050	794610-0	WOOD/METAL ABRASIVE DISC 150MM-A	Đĩa nhám tròn cho gỗ/kim loại 150M	463.644		8%
2051	794611-8	WOOD/METAL ABRASIVE DISC 150MM-A	Đĩa nhám tròn cho gỗ/kim loại 150M	463.644		8%
2052	794612-6	WOOD/METAL ABRASIVE DISC 150MM-A	Đĩa nhám tròn cho gỗ/kim loại 150M	463.644		8%
2053	794613-4	WOOD/METAL ABRASIVE DISC 150MM-A	Đĩa nhám tròn cho gỗ/kim loại 150M	463.644		8%
2054	798299-6	SLOTTED BIT (SL1.0X6.35)X45MM	VÍT (SL1.0X6.35)X45MM	288.640		10%
2055	798300-7	SLOTTED BIT (SL1.2X8.0)X45MM	VÍT (SL1.2X8.0)X45MM	308.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	10%
2056	798301-5	SLOTTED BIT (SL 0.6X5.0)X45MM	VÍT (SL 0.6X5.0)X45MM	313.416		8%
2057	798302-3	SLOTTED BIT (SL1.2X8.0)X70MM	VÍT (SL1.2X8.0)X70MM	365.040		8%
2058	798303-1	SLOTTED BIT (SL1.2X10.0)X52MM	VÍT (SL1.2X10.0)X52MM	395.010		10%
2059	798308-1	PHILLIPS BIT (PH 2)X45MM	VÍT (PH 2)X45MM	98.820		8%
2060	798309-9	PHILLIPS BIT (PH 2)X65MM	VÍT (PH 2)X65MM	133.164		8%
2061	798310-4	PHILLIPS BIT (PH 3)X45MM	VÍT (PH 3)X45MM	259.490		10%
2062	798311-2	PHILLIPS BIT (PH 3)X65MM	VÍT (PH 3)X65MM	237.600		8%
2063	798337-4	PHILLIPS BIT (PH 2)X110MM	VÍT (PH 2)X110MM	387.828		8%
2064	798338-2	PHILLIPS BIT (PH 2)X150MM	VÍT (PH 2)X150MM	457.920		8%
2065	798339-0	PHILLIPS BIT (PH 3)X110MM	VÍT (PH 3)X110MM	532.440		8%
2066	798383-7	COLD CHISEL 28-410/HM1812	Mũi đục thép 28-410/HM1812	1.404.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2067	821080-1	WOODEN CARRYING CASE/1804N	THÙNG MÂY/1804N	2.916.000		8%
2068	821524-1	PLASTIC CARRYING CASE/DHP486	Hộp nhựa bảo vệ/DHP486	821.880		8%
2069	821549-5	MAKPAC CASE 1 (396X296X105MM)	THÙNG MAKPAC (396X296X105MM)	920.160		8%
2070	821550-0	MAKPAC CASE 2 (395X295X155MM)	THÙNG MAKPAC (395X295X155MM)	1.122.120		8%
2071	821551-8	MAKPAC CASE 3 (406X305X229MM)	THÙNG MAKPAC (395X295X210MM)	1.296.000		8%
2072	821552-6	MAKPAC CASE 4 (395X295X315MM)	THÙNG MAKPAC (395X295X315MM)	1.597.320		8%
2073	821645-9	PLASTIC CARRYING CASE/DFS251	Hộp đựng máy/DFS251	625.428		8%
2074	821709-9	PLASTIC CARRYING CASE/TL064D	Hộp nhựa bảo vệ/TL064D	626.832		8%
2075	821723-5	PLASTIC CARRYING CASE/DA333D	THÙNG MÁY/DA333D	486.540		8%
2076	821746-3	PLASTIC CASE/DHR400	THÙNG MÁY BẢNG NHỰA/DHR400	1.181.520		8%
2077	821817-6	PLASTIC CASE/GA403D	THÙNG MÁY/GA403D	775.656		8%
2078	821822-3	CARRY CASE/DVP181	THÙNG MÁY/DVP181	1.082.160		8%
2079	821857-4	PLASTIC CARRYING CASE/DTD172	Hộp nhựa bảo vệ/DTD172	827.280		8%
2080	821929-5	PLASTIC CASE/TW009G/TW010G	Hộp đựng máy/TW009G/TW010G	1.477.440		8%
2081	824789-4	PLASTIC CARRYING CASE/HR2810	THÙNG MÁY BẢNG NHỰA/HR2810	442.260		8%
2082	824913-9	PLASTIC CARRYING CASE/HR2601	THÙNG MÁY BẢNG NHỰA/HR2601	578.124		8%
2083	831253-8	TOOL BAG(350*220*270)	Túi đựng dụng cụ(350*220*270)	831.600		8%
2084	831269-3	TOOL BAG	Túi đựng dụng cụ	1.750.950		8%
2085	831284-7	TOOL BAG/DUP361	Túi đựng cụ/DUP361	1.098.360		8%
2086	831304-7	ACCESSORY BAG/EBH340R	Túi đựng/EBH340R	43.200		8%
2087	831340-3	TOOL BAG/EK8100	Túi đựng cụ/EK8100	127.440		8%
2088	832393-5	TOOL BAG/BTC04	Túi đựng máy/BTC04	376.380		8%
2089	832599-5	TOOL BAG(500*230*250)	Túi đựng dụng cụ(500*230*250)	864.000		8%
2090	839725-7	INNER TRAY	KHAY ĐÚNG TRONG THÙNG MAKPAC	82.350		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Chi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
2091	839726-5	INNER TRAY	KHAY NHỰA	76.950		8%
2092	839742-7	INNER TRAY	KHAY NHỰA	76.950		8%
2093	A-00387	FIBER SANDING DISC 100MM #16	ĐĨA NHẪM 100MM #16	426.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2094	A-00393	FIBER SANDING DISC 100MM #20	ĐĨA NHẪM 100MM #20	399.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2095	A-00418	FIBER SANDING DISC 100MM #14	ĐĨA NHẪM 100MM #14	453.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2096	A-00424	FIBER SANDING DISC 100MM #14	ĐĨA NHẪM 100MM #14	583.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2097	A-01351	CUT-OFF WHEEL 355x3x25.4MM	ĐÁ CẮT 355X3X25.4MM	1.166.400		8%
2098	A-02303	RECIPRO SAW BLADE 150-4T	BỘ LƯỚI CỬA KIẾM 150-4T	296.244		8%
2099	A-02319	RECIPRO SAW BLADE 150-10T	BỘ LƯỚI CỬA KIẾM 150-10T	296.244		8%
2100	A-02624	UNIVERSAL SAW BLADE 160	LƯỚI CỬA ĐÀ NẰNG 160	3.045.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2101	A-02680	DIAMOND WHEEL 7" US 185MM	LƯỚI CẮT KIM CƯƠNG 7" US 185MM	2.421.900		8%
2102	A-02705	DIAMOND BLADE 125MM	LƯỚI CẮT KIM CƯƠNG 125MM	7.063.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2103	A-02761	DIAMOND WHEEL 125MM	LƯỚI CẮT KIM CƯƠNG 125MM	4.406.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2104	A-02777	DIAMOND WHEEL 180MM	LƯỚI CẮT KIM CƯƠNG 180MM	7.270.560	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2105	A-02808	DIAMOND WHEEL 125MM	LƯỚI CẮT KIM CƯƠNG 125MM	2.008.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2106	A-02842	DIAMOND WHEEL 110MM US	LƯỚI CẮT KIM CƯƠNG 110MM US	1.706.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2107	A-05050	CUT-OFF WHEEL 405x3x25.4MM	ĐÁ CẮT 405X3X25.4MM	7.863.480		8%
2108	A-07331	DIAMOND WHEEL 5" US 125MM	LƯỚI CẮT KIM CƯƠNG5" US 125MM	2.613.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2109	A-07381	DIAMOND WHEEL 125MM	LƯỚI CẮT KIM CƯƠNG 125MM	4.540.320	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2110	A-14065	ABRASIVE PAPER 115-60/STD	GIẤY CHÀ NHẪM 115-60/STD	175.500		8%
2111	A-14071	ABRASIVE PAPER 115-80/STD	GIẤY CHÀ NHẪM 115-80/STD	180.360		8%
2112	A-14087	ABRASIVE PAPER 115-100/STD	GIẤY CHÀ NHẪM 115-100/STD	170.100		8%
2113	A-14093	ABRASIVE PAPER 115-120/STD	GIẤY CHÀ NHẪM 115-120/STD	170.100		8%
2114	A-14102	ABRASIVE PAPER 115-150/STD	GIẤY CHÀ NHẪM 115-150/STD	164.700		8%
2115	A-14118	ABRASIVE PAPER 115-180/STD	GIẤY CHÀ NHẪM 115-180/STD	164.700		8%
2116	A-14124	ABRASIVE PAPER 115-240/STD	GIẤY CHÀ NHẪM 115-240/STD	164.700		8%
2117	A-14130	ABRASIVE PAPER 115-60/VELCRO	GIẤY CHÀ NHẪM 115-60 (KHÓA DẪN)	355.050		8%
2118	A-14146	ABRASIVE PAPER 115-80/VELCRO	GIẤY CHÀ NHẪM 115-80 (KHÓA DẪN)	328.050		8%
2119	A-14152	ABRASIVE PAPER 115-100/VELCRO	GIẤY CHÀ NHẪM 115-100 (KHÓA DẪN)	317.250		8%
2120	A-14168	ABRASIVE PAPER 115-120/VELCRO	GIẤY CHÀ NHẪM 115-120 (KHÓA DẪN)	301.050		8%
2121	A-14174	ABRASIVE PAPER 115-150/VELCRO	GIẤY CHÀ NHẪM 115-150 (KHÓA DẪN)	319.140		8%
2122	A-14180	ABRASIVE PAPER 115-180/VELCRO	GIẤY CHÀ NHẪM 115-180 (KHÓA DẪN)	301.050		8%
2123	A-14196	ABRASIVE PAPER 115-240 /VELCRO	GIẤY CHÀ NHẪM 115-240 (KHÓA DẪN)	301.050		8%
2124	A-15051	DIE	KHUÔN DẬP	585.360		8%
2125	A-16922	BISCUIT NO.0	MIẾNG GỖ GHEP MỘNG NO.0	289.116		8%
2126	A-16938	BISCUIT NO.10	MIẾNG GỖ GHEP MỘNG NO.10	289.116		8%
2127	A-16944	BISCUIT NO.20	MIẾNG GỖ GHEP MỘNG NO.20	289.116		8%
2128	A-17457	SDS-MAX HAMMER BIT 14.3X305MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 14.3X305	1.015.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2129	A-17463	SDS-MAX HAMMER BIT 14.5X305MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 14.5X305	1.031.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2130	A-17491	SDS-MAX HAMMER BIT 17.5X305MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 17.5X305	1.123.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2131	A-19875	RAMMER FOR SDS-MAX 140MM	MŨI ĐÁM SDS-MAX 140MM	2.822.040		8%
2132	A-19881	BUSHING TOOL FOR SDS-MAX 60X60MM	MŨI ĐÁM SDS-MAX 60X60MM	1.527.120		8%
2133	A-19897	SDS-MAX SHANK(A-19881/A-19875)	THANH NỐI CHUỐI SDS-MAX(A-19881/A-	1.047.600		8%
2134	A-21428	RAMMER 17-140	MŨI ĐÁM 17-140	2.945.700		8%
2135	A-21434	RAMMER 21-140	MŨI ĐÁM 21-140	3.033.450		8%
2136	A-21484	BUSHING TOOL 17HEX	MŨI ĐÁM BÊ TÔNG CHUỐI LỤC GIÁC 17M	3.055.050		8%
2137	A-21490	BUSHING TOOL 21 HEX	MŨI ĐÁM BÊ TÔNG CHUỐI LỤC GIÁC 21M	3.119.850		8%
2138	A-24234	SANDING BELT 100X610 CC40 5PCS/SET	GIẤY NHẪM BĂNG CỎ HẠT 100X610 CC40	1.209.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2139	A-24309	ABRASIVE BELT 100X610MM(5PCS/SET)	GIẤY CHÀ NHẪM BĂNG 100X610MM(5 C	729.000		8%
2140	A-24620	GRINDING WHEEL 200-60/9820	ĐÁ MÀI 200-60/9820	1.101.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
2141	A-25214	CLAY SPADE 105-400	MŨI XẼNG 105-400	2.290.950		8%
2142	A-30075	GROOVING CHISEL 8-170	MŨI ĐỤC 8-170	637.200		8%
2143	A-30617	RUBBER SLEEVE 36-38/SJ401	ÔNG CAO SÙ 36-38/SJ401	16.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2144	A-31099	SCROLL SAW BLADE 0.46MM(5PCS/SET)/S	BỘ LƯỚI CỬA LONG BÀN 0.46MM(5 CẢI/H	203.256		8%
2145	A-31108	SCROLL SAW BLADE 0.25MM(5PCS/SET)/S	BỘ LƯỚI CỬA LONG BÀN 0.25MM(5 CẢI/H	186.084		8%
2146	A-31245	ABRASIVE PAPER 93X228 #60	GIẤY CHÀ NHẪM 93X228 #60	120.150		8%
2147	A-31251	ABRASIVE PAPER 93X228 #80	GIẤY CHÀ NHẪM 93X228 #80	114.750		8%
2148	A-31267	ABRASIVE PAPER 93X228 #120	GIẤY CHÀ NHẪM 93X228 #120	114.750		8%
2149	A-31273	ABRASIVE PAPER 93X228 #180	GIẤY CHÀ NHẪM 93X228 #180	109.350		8%
2150	A-31289	ABRASIVE PAPER 93X228 #240	GIẤY CHÀ NHẪM 93X228 #240	109.350		8%
2151	A-31485	RAMMER 30-200	MŨI ĐÁM 30-200	4.325.400		8%
2152	A-33065	MIXING BLADE INOX 190MM	LƯỚI TRỘN SƠN INOX 190MM	1.388.880		8%
2153	A-34229	HOSE 28-5 WITH FRONT CUFFS 22/38	ÔNG MỀM 28-5 VỚI VÒNG GĂNG TRƯỚC	1.804.680		8%
2154	A-34235	HOSE COMP 28-1.5	VỎI HÚT BỤI	960.228		8%
2155	A-34447	ABRASIVE BELT 9X533-A40(10PCS/SET)/9	GIẤY NHẪM VÒNG 9X533-A40(10 CẢI/BỘ	527.040		8%
2156	A-34453	ABRASIVE BELT 9X533-A60(10PCS/SET)/9	GIẤY NHẪM VÒNG 9X533-A60(10 CẢI/BỘ	497.988		8%
2157	A-34469	ABRASIVE BELT 9X533-A80(10PCS/SET)/9	GIẤY NHẪM VÒNG 9X533-A80(10 CẢI/BỘ	486.540		8%
2158	A-34475	ABRASIVE BELT 9X533-A100(10PCS/SET)/	GIẤY NHẪM VÒNG 9X533-A100(10 CẢI/BỘ	442.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
2159	A-34481	ABRASIVE BELT 9X533-A120(10PCS/SET)/	GIẤY NHẪM VÒNG 9X533-A120(10 CẢI/BỘ	448.200		8%
2160	A-34512	ABRASIVE BELT 6X533-A40(10PCS/SET)/9	GIẤY NHẪM VÒNG 6X533-A40(10 CẢI/BỘ	475.200		8%
2161	A-34528	ABRASIVE BELT 6X533-AA60(10 PCS/SET)	GIẤY NHẪM VÒNG 6X533-A60(10 CẢI/BỘ	463.644		8%
2162	A-34534	ABRASIVE BELT 6X533-A80(10PCS/SET)/9	GIẤY NHẪM VÒNG 6X533-A80(10 CẢI/BỘ	432.000		8%
2163	A-34540	ABRASIVE BELT 6X533-A100(10PCS/SET)/	GIẤY NHẪM VÒNG 6X533-A100(10 CẢI/BỘ	415.800		8%
2164	A-34556	ABRASIVE BELT 6X533-A120(10PCS/SET)/	GIẤY NHẪM VÒNG 6X533-A120(10 CẢI/BỘ	440.748		8%
2165	A-34562	ABRASIVE BELT 13X533-A40(10PCS/SET)/	GIẤY NHẪM VÒNG 13X533-A40(10 CẢI/BỘ	549.720		8%
2166	A-34578	ABRASIVE BELT 13X533-A60(10PCS/SET)/	GIẤY NHẪM VÒNG 13X533-A60(10 CẢI/BỘ	527.040		8%
2167	A-34584	ABRASIVE BELT 13X533-A80(10PCS/SET)/	GIẤY NHẪM VÒNG 13X533-A80(10 CẢI/BỘ	509.760		8%
2168	A-34590	ABRASIVE BELT 13X533-A100(10PCS/SET)	GIẤY NHẪM VÒNG 13X533-A100(10 CẢI/H	486.540		8%
2169	A-34609	ABRASIVE BELT 13X533-A120(10PCS/SET)	GIẤY NHẪM VÒNG 13X533-A120(10 CẢI/H	486.540		8%
2170	A-34827	ABRASIVE BELT 6X533-AA150(10PCS/SET)	GIẤY CHÀ NHẪM VÒNG 6X533-AA150 (10	351.000		8%
2171	A-34833	ABRASIVE BELT 6X533-AA240(10PCS/SET)	GIẤY CHÀ NHẪM VÒNG 6X533-AA240 (10	351.000		8%
2172	A-34849	ABRASIVE BELT 9X533-AA150(10PCS/SET)	GIẤY CHÀ NHẪM VÒNG 9X533-AA150 (10	378.000		8%
2173	A-34855	ABRASIVE BELT 9X533-AA240(10PCS/SET)	GIẤY CHÀ NHẪM VÒNG 9X533-AA240 (10	378.000		8%
2174	A-34877	ABRASIVE BELT 13X533-AA240(10PCS/SE	GIẤY CHÀ NHẪM VÒNG 13X533-AA240 (1	388.800		8%
2175	A-36712	TYPE 43 DRILL STAND	BÀN KHOAN 43	6.101.150		10%
2176	A-42248	SHEAR BLADE	LƯỚI CẮT TỖN	1.162.080	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2177	A-43670	MIXING BLADE 130	LƯỚI TRỘN SƠN 130	336.312		8%
2178	A-43692	MIXING BLADE 165	LƯỚI TRỘN SƠN 165	382.320		8%
2179	A-43701	MIXING BLADE ALUMINIUM 175MM	LƯỚI TRỘN SƠN NHÔM 175MM	467.100		8%
2180	A-43717	MIXING BLADE	LƯỚI TRỘN SƠN	960.228		8%
2181	A-43723	MIXING BLADE ALUMINIUM 135MM	LƯỚI TRỘN SƠN NHÔM 135MM	432.000		8%
2182	A-43773	SHAFT COMPLETE / UT2204	THANH TRỤC / UT2204	1.063.800		8%
2183	A-44644	CLAY SPADE 140-546/HM1812	MŨI XẼNG 140-546/HM1812	5.313.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2184	A-45456	TUNGSTEN CARBIDE-TIPPED BIT 19X280	MŨI KHOAN HỘP KIM 19X280MM	1.166.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2185	A-45587	TUNGSTEN CARBIDE-TIPPED BIT 16X505	MŨI KHOAN HỘP KIM 16X505MM	1.473.120	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
2186	A-47276	GROUND ROD ADAPTER	MŨI ĐỒNG CỌC	399.600		8%
2187	A-47391	CLAY SPADE 130-460	MŨI XÈNG 130-460	3.186.000		8%
2188	A-47846	WIDE TYPE	ĐẦU HÚT BỤI LOẠI RỘNG ĐẦU	949.050		8%
2189	A-48430	PAPER FILTER SET FOR DRY DUST EXCEPT	TÚI BỤI GIẤY DÀNH CHO HÚT BỤI KHỎI C	360.450		8%
2190	A-48555	GROOVING CHISEL 22-280	MŨI ĐỤC 22-280	949.050		8%
2191	A-48561	GROOVING CHISEL FOR HEX SHANK HAM	MŨI ĐỤC CHUỐI LỤC GIÁC 17MM(26-280	654.750		8%
2192	A-48957	ROTARY BLADE 160/DLM160	LƯỖI CẮT XOAY 160/DLM160	527.040		8%
2193	A-49541	DUST PAPER FILTER 7L	TÚI GIẤY LỌC BỤI 7L	371.250		8%
2194	A-49915	SHEAR BLADE 350MM	LƯỖI TỈA HÀNG RÀO 350MM	1.113.750		8%
2195	A-52897	TORSION SCREW BIT (PH 1)X110MM 3PC.	VÍT TORSION (PH 1)X110MM 3PC	259.200		8%
2196	A-52912	TORSION SCREW BIT (PH 3)X110MM 3PC.	MŨI VÍT 2 ĐẦU TORSION BAC (PH3)X110M	259.200		8%
2197	A-54368	SDS-PLUS BIT 8.5X165MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS BIT 8.5X165MM	286.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2198	A-54617	SDS-PLUS BIT 21.5X165MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS 21.5X165MM	1.058.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2199	A-55924	RECEIVER SET	BỘ NHẬN TIN HIỆU	26.179.200		8%
2200	A-56889	ATTACHMENT SET	TÚI CHỨA BỤI	259.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2201	A-58154	ANTI-GLARE FILM/DML805	MÀN CHỐNG CHÓI/DML805	104.544		8%
2202	A-58920	SEMI LONG SOCKET BIT 10MM	ĐẦU TUÝP CHUỐI LỤC GIÁC 10MM	205.200		8%
2203	A-58936	SEMI LONG SOCKET BIT 12MM	ĐẦU TUÝP CHUỐI LỤC GIÁC 12MM	216.000		8%
2204	A-58958	SEMI LONG SOCKET BIT 14MM	ĐẦU TUÝP CHUỐI LỤC GIÁC 14MM	221.400		8%
2205	A-58964	SEMI LONG SOCKET 17MM	ĐẦU TUÝP CHUỐI LỤC GIÁC 17MM	243.000		8%
2206	A-58970	SEMI LONG SOCKET 19MM	ĐẦU TUÝP CHUỐI LỤC GIÁC 19MM	243.000		8%
2207	A-58986	SEMI LONG SOCKET 21MM	ĐẦU TUÝP CHUỐI LỤC GIÁC 21MM	243.000		8%
2208	A-58992	SEMI LONG SOCKET BIT 24MM	ĐẦU TUÝP CHUỐI LỤC GIÁC 24MM	356.400		8%
2209	A-59617	DOUBLE ENDED TWIST TORSION SCREW	ĐẦU VÍT TORSION XOÁN KÉP (PH2 SLIM)	297.000		8%
2210	A-59623	DOUBLE ENDED TWIST TORSION SCREW	ĐẦU VÍT TORSION XOÁN KÉP (PH2 SLIM)	351.000		8%
2211	A-60551	ACCESSORY TRAY	KHAY NHỰA CHỨA PHỤ KIỆN	2.404.080		8%
2212	A-62066	DUST COLLECTION PAD 38	MIẾNG ĐỆM THU BỤI 38	1.857.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2213	A-67315	DC WHITE TIP SAW BLADE(230MMX32T)	LƯỖI CỬA TCT(230MMX32T)	578.124		8%
2214	A-67321	DC WHITE TIP SAW BLADE(255MMX36T)	LƯỖI CỬA TCT(255MMX36T)	654.750		8%
2215	A-67402	TCT SAW BLADE 150MM FOR DRYWALL	LƯỖI CỬA TCT CHO THẠCH CAO 150X205	1.795.500		8%
2216	A-67424	TCT SAW BLADE FOR THICK METAL 150X	LƯỖI CỬA HỘP KIM 150-20x32T	999.000		8%
2217	A-68161	SCRAPER ASSEMBLY FOR SDS-PLUS HAM	MŨI LỐC SDS-PLUS 100X160MM	2.289.600		8%
2218	A-68666	WORK GROVE M	GĂNG TAY LÀM VIỆC SIZE M	907.200		8%
2219	A-68672	WORK GROVE L	GĂNG TAY LÀM VIỆC SIZE L	907.200		8%
2220	A-68937	LONG JOINT 200MM	ĐẦU VÍT NỐI DÀI 200MM	496.800		8%
2221	A-68943	LONG JOINT 300MM	ĐẦU VÍT NỐI DÀI 300MM	799.200		8%
2222	A-68959	LONG JOINT 600MM	ĐẦU VÍT NỐI DÀI 600MM	820.800		8%
2223	A-69048	GRINDING WHEEL 200X25X75MM	ĐÁ MÀI 200X25X75MM	2.582.280		8%
2224	A-69272	MALE DIE 38-70MM/TC300DRG	MŨI ÉP COS 38-70MM/TC300DRG	2.960.820		8%
2225	A-69288	MALE DIE 80-150MM/TC300DRG	MŨI ÉP COS 80-150MM/TC300DRG	2.960.820		8%
2226	A-69319	FEMALE DIE 14-38MM/TC300DRG	KHUÔN ÉP COS 14-38MM/TC300DRG	3.446.280		8%
2227	A-69325	FEMALE DIE 60-70MM/TC300DRG	KHUÔN ÉP COS 60-70MM/TC300DRG	3.446.280		8%
2228	A-69331	FEMALE DIE 80-100MM/TC300DRG	KHUÔN ÉP COS 80-100MM/TC300DRG	3.446.280		8%
2229	A-69347	FEMALE DIE 150MM/TC300DRG	KHUÔN ÉP COS 150MM/TC300DRG	3.446.280		8%
2230	A-69397	YOKE FOR COMPRESSION DIE/TC300DRG	KHUÔN BẮM COS/TC300DRG	12.789.360		8%
2231	A-69440	T DIE 27-44MM/TC300DRG	MŨI BẮM COS 27-44MM/TC300DRG	5.065.740		8%
2232	A-69456	T DIE 45-60MM/TC300DRG	MŨI BẮM COS 45-60MM/TC300DRG	5.065.740		8%
2233	A-69462	T DIE 61-76MM /TC300DRG	MŨI BẮM COS 61-76MM /TC300DRG	5.065.740		8%
2234	A-69478	T DIE 77-98MM/TC300DRG	MŨI BẮM COS 77-98MM/TC300DRG	5.065.740		8%
2235	A-69484	T DIE 99-122MM/TC300DRG	MŨI BẮM COS 99-122MM/TC300DRG	5.065.740		8%
2236	A-69490	T DIE 123-154MM/TC300DRG	MŨI BẮM COS 123-154MM/TC300DRG	5.065.740		8%
2237	A-69509	T DIE 155-190MM/TC300DRG	MŨI BẮM COS 155-190MM/TC300DRG	5.065.740		8%
2238	A-69515	T DIE 191-240MM/TC300DRG	MŨI BẮM COS 191-240MM/TC300DRG	5.065.740		8%
2239	A-69593	CABLE CUTTER/TC300DRG	ĐẦU CẮT DÂY ĐIỆN/TC300DRG	29.786.400		8%
2240	A-70334	FIXED BLADE 160/DLM160	LƯỖI CẮT CỐ ĐỊNH 160/DLM160	523.800		8%
2241	A-70459	SHEAR BLADE 500MM/DUH504S	LƯỖI TỈA HÀNG RÀO 500MM/DUH504S	2.521.800		8%
2242	A-71093	SHOULDER BELT/CW001G	DÂY ĐEO VAI/CW001G/CW001G	115.992		8%
2243	A-71205	BRUSH NOZZLE SET	ĐẦU DẠNG CHỔI	313.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2244	A-71211	WIPER NOZZLE SET	ĐẦU GẠT NƯỚC	302.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2245	A-71227	FLEXIBLE HOSE SET	ỐNG MỀM	302.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2246	A-80117	DIAMOND WHEEL 180 (WET)	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG 180 (ƯỚT)	3.283.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2247	A-80391	JIG SAW BLADE NO.B-28	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.B-28	313.416		8%
2248	A-80400	JIG SAW BLADE NO.B-29	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.B-29	283.392		8%
2249	A-80416	JIG SAW BLADE NO.B-K	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.B-K	538.056		8%
2250	A-80438	D.WHEEL 125X22.23	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG 125X22.23	1.597.320		8%
2251	A-80569	COLD CHISEL 17X280	MŨI ĐỤC DẸP 17X280	232.200		8%
2252	A-80656	DC GRINDING WHEEL 125X6X22.23	ĐÁ MÀI 125X6X22.23	62.964		8%
2253	A-80690	DIAMOND WHEEL 125MM	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG 125MM	2.743.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2254	A-80709	DIAMOND WHEEL 180MM	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG 180MM	4.104.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2255	A-80846	GRINDING WHEEL/STAINLESS/DEPRESSE	ĐÁ MÀI KIM LOẠI TÂM TRÙNG /150X6.0X	84.456		8%
2256	A-80852	GRINDING WHEEL 100X6X16	ĐÁ MÀI 100X6X16	38.664		8%
2257	A-80880	GRINDING WHEEL 180X6X22	ĐÁ MÀI 180X6X22	115.992		8%
2258	A-80896	GRINDING WHEEL/STAINLESS/DEPRESSE	ĐÁ MÀI KIM LOẠI TÂM TRÙNG/230X6.0X	191.808		8%
2259	A-80911	GRINDING WHEEL/METAL 100X6.0X16MM	ĐÁ MÀI SẮT 100X6.0X16MM/A36P	28.620		8%
2260	A-80933	GRINDING WHEEL 125X6X22.23	ĐÁ MÀI 125X6X22.23	45.792		8%
2261	A-80949	GRINDING WHEEL 180X6X22	ĐÁ MÀI 180X6X22	68.688		8%
2262	A-80955	GRINDING WHEEL/METAL/DEPRESSED/23	ĐÁ MÀI KIM LOẠI TÂM TRÙNG /230X6.0X	138.888		8%
2263	A-81365	T.C.T. SAW BLADE 110X20X30T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 110X20X30T	502.200		8%
2264	A-81505	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X60T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 255X25.4X60T	1.641.600		8%
2265	A-81511	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X80T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 255TX25.4X80T	1.879.200		8%
2266	A-81577	T.C.T. SAW BLADE 405X25.4X120T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 405X25.4X120T	4.924.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 70% và số lượng có hạn.	8%
2267	A-81583	T.C.T. SAW BLADE 510X25.4X52T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 510X25.4X52T	5.702.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
2268	A-81795	T.C.T.SAW BLADE 235X30X48T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 235X30X48T	1.533.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
2269	A-81816	T.C.T.SAW BLADE 270X30X40T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 270X30X40T	2.138.400		8%
2270	A-81860	T.C.T.SAW BLADE 305X25.4X60T/LC1230	LƯỖI CỬA HỘP KIM 305X25.4X60T/LC123	3.475.980		8%
2271	A-82024	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X24T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 255X25.4X24T	1.101.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
2272	A-82052	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X48T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 255X25.4X48T	1.598.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
2273	A-82149	T.C.T. SAW BLADE 355X25.4X60T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 355X25.4X60T	2.916.000		8%
2274	A-82292	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X100T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 255X25.4X100T	1.879.200		8%
2275	A-82301	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X120T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 255X25.4X120T	2.268.000		8%
2276	A-82317	T.C.T. SAW BLADE 305X25.4X80T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 305X25.4X80T	2.548.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2277	A-82345	T.C.T. SAW BLADE 355X25.4X80T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 355X25.4X80T	2.833.920	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
2278	A-82529	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X40T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 255X25.4X40T	1.166.400		8%
2279	A-82535	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X80T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 255X25.4X80T	2.432.700		8%
2280	A-82541	T.C.T. SAW BLADE 305X25.4X80T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 305X25.4X80T	2.956.500		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
2281	A-82600	T.C.T. SAW BLADE 405X25.4X100T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 405X25.4X100T	5.464.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2282	A-82616	T.C.T. SAW BLADE 405X25.4X120T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 405X25.4X120T	5.767.200		8%
2283	A-82725	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X40T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 255X25.4X40T	1.447.200		8%
2284	A-82921	T.C.T. MINI PLANER BLADE 82MM	BỘ LƯỖI BẢO MINI HỘP KIM 82MM	367.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
2285	A-83951	PUNCH	MŨI ĐÓT JN1601	972.000		8%
2286	A-84084	230MM WAVE/GRANITE	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG 230MM	853.200		8%
2287	A-84159	125MM WAVE/CONCRETE	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG DẠNG SÔNG CHO	324.000		8%
2288	A-84187	105MM SEG/CONCRETE	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG DẠNG SÔNG CHO	194.400		8%
2289	A-84193	105MM WAVE/CONCRETE	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG DẠNG SÔNG CHO	216.000		8%
2290	A-84981	DC GRINDING WHEEL 150X6X22.23	ĐÁ MÀI 150X6X22.23	57.240		8%
2291	A-85092	T.C.T.SAW BLADE 165X15.88X24T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 165X15.88X24T	613.980		8%
2292	A-85123	CUT OFF WHEEL 100X2X16	ĐÁ CẮT 100X2X16	24.408		8%
2293	A-85139	FLEXIBLE WHEEL 100X2X16	ĐÁ MÀI MỀM 100X2X16	30.132		8%
2294	A-85232	JIGSAW BLADE NO.B-8	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.B-8	180.360		8%
2295	A-85248	RING 20 (THICKNESS:2.0MM)	VÒNG ĐỆM 20 (MÔNG: 2.0MM)	247.830		10%
2296	A-85313	CUT OFF WHEEL 125X2.5X22	ĐÁ CẮT 125X2.5X22	47.304		8%
2297	A-85329	CUT OFF WHEEL 180X2.5X22	ĐÁ CẮT 180X2.5X22	54.432		8%
2298	A-85335	CUT-OFF WHEEL/METAL/FLAT/230X2.5X22	ĐÁ CẮT MÔNG CHO KIM LOẠI 230MMX2.5X22	93.096		8%
2299	A-85438	T.C.T. SAW BLADE 185X20X38T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 185X20X38T	1.549.800		8%
2300	A-85503	SOCKET 17-95	ĐẦU TỤYẾT SIẾT BU LÔNG 3/4" 17-95	540.000		8%
2301	A-85525	SOCKET 19-95	ĐẦU TỤYẾT SIẾT BU LÔNG 3/4" 19-95	496.800		8%
2302	A-85531	SOCKET 21-52	ĐẦU TỤYẾT SIẾT BU LÔNG 3/4" 21-52	259.200		8%
2303	A-85553	SOCKET 22-52	ĐẦU TỤYẾT SIẾT BU LÔNG 3/4" 22-52	243.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2304	A-85569	SOCKET 22-95	ĐẦU TỤYẾT SIẾT BU LÔNG 3/4" 22-95	502.200		8%
2305	A-85628	JIGSAW BLADE NO.B10	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.B10	165.996		8%
2306	A-85634	JIGSAW BLADE NO.B11	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.B11	174.636		8%
2307	A-85640	JIGSAW BLADE NO.B12	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.B12	180.360		8%
2308	A-85656	JIGSAW BLADE NO.B13	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.B13	115.992		8%
2309	A-85662	JIGSAW BLADE NO.B14	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.B14	121.716		8%
2310	A-85678	JIGSAW BLADE NO.B15	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.B15	121.716		8%
2311	A-85684	JIGSAW BLADE NO.B16	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.B16	151.740		8%
2312	A-85690	JIGSAW BLADE NO.B17	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.B17	157.464		8%
2313	A-85709	JIGSAW BLADE NO.B18	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.B18	127.440		8%
2314	A-85715	JIGSAW BLADE NO.B19	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.B19	168.912		8%
2315	A-85721	JIGSAW BLADE NO.B21	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.B21	277.668		8%
2316	A-85737	JIGSAW BLADE NO.B22	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.B22	157.464		8%
2317	A-85743	JIGSAW BLADE NO.B23	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.B23	157.464		8%
2318	A-85759	JIGSAW BLADE NO.B24	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.B24	157.464		8%
2319	A-85765	JIGSAW BLADE NO.B25	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.B25	174.636		8%
2320	A-85771	JIGSAW BLADE NO.B26	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.B26	208.980		8%
2321	A-85787	JIGSAW BLADE NO.B27	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.B27	168.912		8%
2322	A-85793	JIGSAW BLADE NO.BR13	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.BR13	133.164		8%
2323	A-85802	JIGSAW BLADE NO.1	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.1	174.636		8%
2324	A-85818	JIGSAW BLADE NO.10	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.10	186.084		8%
2325	A-85824	JIGSAW BLADE NO.10S	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.10S	208.980		8%
2326	A-85830	JIGSAW BLADE NO.16	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.16	151.740		8%
2327	A-85846	JIGSAW BLADE NO.17	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.17	174.636		8%
2328	A-85852	JIGSAW BLADE NO.2	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.2	164.700		8%
2329	A-85868	JIGSAW BLADE NO.3	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.3	127.440		8%
2330	A-85874	JIGSAW BLADE NO.4	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.4	174.636		8%
2331	A-85896	JIGSAW BLADE NO.42	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.42	283.392		8%
2332	A-85905	JIGSAW BLADE NO.5	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.5	163.188		8%
2333	A-85911	JIGSAW BLADE NO.8	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.8	151.740		8%
2334	A-85927	JIGSAW BLADE NO.9	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.9	203.256		8%
2335	A-86153	T.C.T. SAW BLADE 216X25.4X40T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 216X25.4X40T	1.620.000		8%
2336	A-86290	JIG SAW BLADE L1	BỘ LƯỖI CỬA LONG L1	313.416		8%
2337	A-86309	JIG SAW BLADE L2	BỘ LƯỖI CỬA LONG L2	231.876		8%
2338	A-86315	JIG SAW BLADE L-10 (B-TYPE)	LƯỖI CỬA LONG HỘP KIM L-10	277.668		8%
2339	A-86446	T.C.T.SAW BLADE 185X20X70T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 185X20X70T	1.771.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
2340	A-86561	JIG SAW BLADE NO.51	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.51	174.636		8%
2341	A-86577	JIG SAW BLADE NO.58	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.58	168.912		8%
2342	A-86583	JIG SAW BLADE NO.59	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.59	214.704		8%
2343	A-86664	SHEAR BLADE(L)	LƯỖI CẮT TỎN(L)	1.597.320		8%
2344	A-86670	SHEAR BLADE(U)	LƯỖI CẮT TỎN(U)	1.058.940		8%
2345	A-86723	T.C.T.SAW BLADE 305X25.4X60T/LC1230	LƯỖI CỬA HỘP KIM 305X25.4X60T/LC123	5.758.560		8%
2346	A-86767	T.C.T.SAW BLADE 190X20X60T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 190X20X60T	1.331.100		8%
2347	A-86860	RING 16MM FOR DIAMOND WHEEL	VÒNG ĐỆM LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG 16MM	133.164		8%
2348	A-86898	JIG SAW BLADE ASSORTMENT	BỘ LƯỖI CỬA LONG (5 LOẠI)	157.464		8%
2349	A-87127	T.C.T.SAW BLADE 305X25.4X78T/LC1230	LƯỖI CỬA HỘP KIM 305X25.4X78T/LC123	4.568.400		8%
2350	A-87242	T.C.T.SAW BLADE 305X25.4X60T/LC1230	LƯỖI CỬA HỘP KIM 305X25.4X60T/LC123	2.989.440		8%
2351	A-87482	COLD CHISEL 600MMX24MM	MŨI ĐỤC ĐẸP 600MMX24MM	688.500		8%
2352	A-87535	DIAMOND CORE BIT 38X175 (DRY)	MŨI KHOAN LỖI KIM CƯƠNG 38X175 (KH)	6.392.250		8%
2353	A-87541	DIAMOND CORE BIT 54X175 (DRY)	MŨI KHOAN LỖI KIM CƯƠNG 54X175 (KH)	6.741.900		8%
2354	A-87557	DIAMOND CORE BIT 65X175 (DRY)	MŨI KHOAN LỖI KIM CƯƠNG 65X175 (KH)	7.287.300		8%
2355	A-87563	CENTER BIT	MŨI KHOAN ĐINH TÂM	1.828.440		8%
2356	A-87579	T.C.T.SAW BLADE 305X25.4X76T/LC1230	LƯỖI CỬA HỘP KIM 305X25.4X76T/LC123	6.399.000		8%
2357	A-88054	ROUTER BIT SET 8MMSHANK (12PC)	BỘ MŨI PHAY CHUỖI 8MM (12CÁI)	3.218.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 50% và số lượng có hạn.	8%
2358	A-88490	FLEXIBLE WHEEL 180X3X22	ĐÁ MÀI MỀM 180X3X22	87.372		8%
2359	A-89523	HEDGE TRIMER ATTACHMENT	LƯỖI TỈA HÀNG RÀO	9.201.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2360	A-89735	CUT-OFF WHEEL 305X3.5X25.4MM	ĐÁ CẮT 305X3.5X25.4	5.913.000		8%
2361	A-89947	TCT SAW BLADE 235X25X20T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 235X25X20T	758.484		8%
2362	A-90314	T.C.T.SAW BLADE 165MMX15.88MMX40T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 165MMX15.88MMX40T	787.320		8%
2363	A-90320	T.C.T.SAW BLADE 165MMX15.88MMX52T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 165MMX15.88MMX52T	873.450		8%
2364	A-90473	DIAMOND WHEEL 180MM(CORRUGATE)	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG MỀM LIÊN TỤC 180MM	2.012.040		8%
2365	A-91051	ROUTER BIT SET 1/4" SHANK (12 PC)	BỘ MŨI PHAY CHUỖI 1/4" 12 PC	3.602.880		8%
2366	A-94524	TCT SAW BLADE 136MMX15.88MMX50T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 136MMX15.88MMX50T	1.204.200		8%
2367	A-94904	T.C.T.SAW BLADE 136MMX15.88MMX16T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 136MMX15.88MMX16T	492.480		8%
2368	A-94910	T.C.T.SAW BLADE 10"X5/8"X24T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 10"X5/8"X24T	897.480		8%
2369	A-94998	OFFSET DIAMOND WHEEL 125	LƯỖI KIM CƯƠNG BẢO BỀ TÔNG 125	7.378.560		8%
2370	A-95009	OFFSET DIAMOND WHEEL 125	LƯỖI KIM CƯƠNG BẢO BỀ TÔNG 125	3.678.480		8%
2371	A-95037	TCT SAW BLADE 136MMX15.88MMX30T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 136MMX15.88MMX30T	677.160		8%
2372	A-95794	TCT SAW BLADE FOR SUS 136MMX15.88MMX50T	LƯỖI CỬA HỘP KIM CHO SUS 136MMX15.88MMX50T	1.319.760		8%
2373	A-95875	TCT SAW BLADE 185X15.88X64T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 185X15.88X64T	2.128.680		8%
2374	AB45127080	WEEDING NOZZLE WITH COVER/DUS158	ĐẦU PHUN CỎ CÓ CHỤP BẢO VỆ/DUS158	1.151.280		8%
2375	ADP001G	USB ADAPTER(40V MAX)	BỘ CHUYỂN ĐỔI USB(40V MAX)	1.080.000		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
2376	ADP08	USB ADAPTER(12V MAX)	BỘ CHUYỂN ĐỔI PIN CÔNG USB(12V MAX)	615.600		8%
2377	AL000000004	OUTER FLANGE/GB602	MẶT BÍCH NGOÀI/GB602	24.860		10%
2378	AL000000005	INNER FLANGE/GB602	MẶT BÍCH TRONG/GB602	19.030		10%
2379	AL000000044	WRENCH 10-13/GB602	CỖ LỀ 10-13/GB602	35.856		8%
2380	AL000000045	WRENCH 8-19/GB602	CỖ LỀ 8-19/GB602	41.580		8%
2381	AL000000062	OUTER FLANGE/GB801	MẶT BÍCH NGOÀI/GB801	39.875		10%
2382	AL000000063	INNER FLANGE/GB801	MẶT BÍCH TRONG/GB801	39.875		10%
2383	AS0VP007MK	ALUMINUM CASE/DVP180	HỘP ĐUNG/DVP180	2.727.000		8%
2384	B-00767	RECIPRO SAW BLADE NO.3023	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM NO.3023	602.640		8%
2385	B-00795	DIAMOND WHEEL 110	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG 110	2.988.900		8%
2386	B-00804	RECIPRO SAW BLADE NO.21	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM NO.21	254.880		8%
2387	B-00810	RECIPRO SAW BLASE NO.22	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM NO.22	231.876		8%
2388	B-00826	RECIPRO SAW BLADE NO.23	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM NO.23	157.464		8%
2389	B-00832	RECIPRO SAW BLADE NO.24	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM NO.24	325.080		8%
2390	B-00898	T.C.T. HOLE SAW #278 16MM	MŨI KHOÉT #278 16MM	1.571.400		8%
2391	B-00907	T.C.T. HOLE SAW #278 18MM	MŨI KHOÉT #278 18MM	1.571.400		8%
2392	B-00913	T.C.T. HOLE SAW #278 20MM	MŨI KHOÉT #278 20MM	1.666.440		8%
2393	B-00929	T.C.T. HOLE SAW #278 21MM	MŨI KHOÉT #278 21MM	1.571.400		8%
2394	B-00935	T.C.T. HOLE SAW #278 22MM	MŨI KHOÉT #278 22MM	1.571.400		8%
2395	B-00941	T.C.T. HOLE SAW #278 25MM	MŨI KHOÉT #278 25MM	1.571.400		8%
2396	B-00957	T.C.T. HOLE SAW #278 27MM	MŨI KHOÉT #278 27MM	1.811.700		8%
2397	B-00963	T.C.T. HOLE SAW #278 28MM	MŨI KHOÉT #278 28MM	1.811.700		8%
2398	B-00979	T.C.T. HOLE SAW #278 30MM	MŨI KHOÉT #278 30MM	1.811.700		8%
2399	B-00985	T.C.T. HOLE SAW #278 32MM	MŨI KHOÉT #278 32MM	2.095.200		8%
2400	B-00991	T.C.T. HOLE SAW #278 35MM	MŨI KHOÉT #278 35MM	2.095.200		8%
2401	B-01002	T.C.T. HOLE SAW #278 38MM	MŨI KHOÉT #278 38MM	2.421.900		8%
2402	B-01018	T.C.T. HOLE SAW #278 40MM	MŨI KHOÉT #278 40MM	2.421.900		8%
2403	B-01024	T.C.T. HOLE SAW #278 45MM	MŨI KHOÉT #278 45MM	2.814.750		8%
2404	B-01030	T.C.T. HOLE SAW #278 48MM	MŨI KHOÉT #278 48MM	3.164.400		8%
2405	B-01046	T.C.T. HOLE SAW #278 50MM	MŨI KHOÉT #278 50MM	3.164.400		8%
2406	B-01052	T.C.T. HOLE SAW #278 55MM	MŨI KHOÉT #278 55MM	3.557.250		8%
2407	B-01074	T.C.T. HOLE SAW #278 65MM	MŨI KHOÉT #278 65MM	5.270.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2408	B-01080	T.C.T. HOLE SAW #278 70MM	MŨI KHOÉT #278 70MM	6.091.200		8%
2409	B-01096	T.C.T. HOLE SAW #278 75MM	MŨI KHOÉT #278 75MM	6.566.400		8%
2410	B-01105	T.C.T. HOLE SAW #278 80MM	MŨI KHOÉT #278 80MM	7.063.200		8%
2411	B-01111	T.C.T. HOLE SAW #278 85MM	MŨI KHOÉT #278 85MM	7.819.200		8%
2412	B-01127	T.C.T. HOLE SAW #278 90MM	MŨI KHOÉT #278 90MM	8.596.800		8%
2413	B-01133	T.C.T. HOLE SAW #278 95MM	MŨI KHOÉT #278 95MM	8.942.400		8%
2414	B-01155	T.C.T. HOLE SAW #278 110MM	MŨI KHOÉT #278 110MM	11.599.200		8%
2415	B-01161	T.C.T. HOLE SAW #278 120MM	MŨI KHOÉT #278 120MM	14.040.000		8%
2416	B-01177	CENTER DRILL C-6	MŨI KHOAN TRUNG TÂM C-6	256.500		8%
2417	B-01270	JIG SAW BLADE NO.B-11	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.B-11	102.600		8%
2418	B-01286	JIG SAW BLADE NO.B-13	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.B-13	64.800		8%
2419	B-01339	JIG SAW BLADE NO.B-23	BỘ LƯỖI CỬA LONG NO.B-23	86.400		8%
2420	B-01971	NYLON CORD 2.4X5M	LƯỖI CẮT CỎ NYLON 2.4X5M	82.080	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
2421	B-02060	DIAMOND WHEEL 180	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG 180	4.190.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2422	B-02652	T.C.T. HOLE SAW 68MM	MŨI KHOÉT HỘP KIM 68MM	6.091.200		8%
2423	B-02808	T.C.T. SAW BLADE 305MMX25.4MMX60T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 305MMX25.4MMX60T	4.579.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
2424	B-02814	T.C.T. SAW BLADE 305MMX25.4MMX96T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 305MMX25.4MMX96T	4.860.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
2425	B-02820	T.C.T. SAW BLADE 305MMX25.4MMX100T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 305MMX25.4MMX100T	4.989.600		8%
2426	B-02939	T.C.T. SAW BLADE 190MMX30MMX12T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 190MMX30MMX12T	664.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2427	B-02973	DIAMOND WHEEL 125MM	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG 125MM	2.138.400		8%
2428	B-03030	RECIPRO SAW BLADE NO.3030	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM NO.3030	625.428		8%
2429	B-03822	T.C.T.SAW BLADE 305X30X60T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 305X30X60T	2.160.000		8%
2430	B-04307	BRAD NAIL 15(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 15MM (5000 ĐINH/HỘP)	222.750		10%
2431	B-04313	BRAD NAIL 20(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 20MM (5000 ĐINH/HỘP)	272.250		10%
2432	B-04329	BRAD NAIL 25(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 25MM (5000 ĐINH/HỘP)	342.540		10%
2433	B-04335	BRAD NAIL 30(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 30MM (5000 ĐINH/HỘP)	389.180		10%
2434	B-04357	BRAD NAIL 35(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 35MM (5000 ĐINH/HỘP)	424.160		10%
2435	B-04379	BRAD NAIL 40(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 40MM (5000 ĐINH/HỘP)	472.230		10%
2436	B-04385	BRAD NAIL 45(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 45MM (5000 ĐINH/HỘP)	489.500		10%
2437	B-04391	BRAD NAIL 50(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 50MM (5000 ĐINH/HỘP)	571.340		10%
2438	B-04400	STAPLE 10(5000PCS/BOX)	GHIM DẬP 10(5000 GHIM/HỘP)	218.680		10%
2439	B-04416	STAPLE 13(5000PCS/BOX)	GHIM DẬP 13(5000 GHIM/HỘP)	253.660		10%
2440	B-04422	STAPLE 16(5000PCS/BOX)	GHIM DẬP 16(5000 GHIM/HỘP)	288.640		10%
2441	B-04438	STAPLE 19(5000PCS/BOX)	GHIM DẬP 19(5000 GHIM/HỘP)	330.880		10%
2442	B-04444	STAPLE 22(5000PCS/BOX)	GHIM DẬP 22(5000 GHIM/HỘP)	360.030		10%
2443	B-04450	STAPLE 4X25 5000PCS	ĐINH U 4X25 5000PCS	400.840		10%
2444	B-04466	STAPLE 10X10 5000PCS	ĐINH U 10X10 5000PCS	253.660		10%
2445	B-04472	STAPLE 10X13 5000PCS	ĐINH U 10X13 5000PCS	301.730		10%
2446	B-04488	STAPLE 10X16 5000PCS	ĐINH U 10X16 5000PCS	330.880		10%
2447	B-04494	STAPLE 10X19 5000PCS	ĐINH U 10X19 5000PCS	365.860		10%
2448	B-04503	STAPLE 10X22 5000PCS	ĐINH U 10X22 5000PCS	389.180		10%
2449	B-04519	STAPLE 10X25 5000PCS	ĐINH U 10X25 5000PCS	424.160		10%
2450	B-04628	CERMET SAW BLADE 185X20X36T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 185X20X36T	1.851.120		8%
2451	B-04977	SANDING PAPER 95X22 A60	GIẤY CHÀ NHẢM 95X22 A60	103.680	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2452	B-05000	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X24T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 255X25.4X24T	766.800		8%
2453	B-05038	RECIPRO SAW BLADE FOR METAL 152MM	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM CHO KIM LOẠI 152MM	509.760		8%
2454	B-05044	RECIPRO SAW BLADE FOR PLYWO 152MM	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM CHO VÁN 152MM	585.360		8%
2455	B-05072	T.C.T. SAW BLADE 260X30X40T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 260X30X40T	999.000		8%
2456	B-05088	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X40T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 255X25.4X40T	945.000		8%
2457	B-05131	BUMP & FEED Z5 M BRAND MHI	TĂNG GIÀM DÂY CỨNG	723.600		8%
2458	B-05153	RECIPRO SAW BLADE FOR WOOD 203MM	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM CHO GỖ 203MM	532.440		8%
2459	B-05169	RECIPROSAWBLADE GOT METAL 152MM	LƯỖI CỬA KIỂM CHO KIM LOẠI 152MM	440.748		8%
2460	B-05175	RECIPROSAWBLADE FOR WOOD 152MM	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM CHO GỖ 152MM	497.988		8%
2461	B-05848	DELTAAGON TCT HAMMER BIT 5X216MM	MŨI KHOAN BÈ TÔNG DELTAAGON 5X216	341.280	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2462	B-06460	JIGSAW BLADE B-50	BỘ LƯỖI CỬA LONG B-50	243.324		8%
2463	B-06476	JIGSAW BLADE B-51	BỘ LƯỖI CỬA LONG B-51	271.944		8%
2464	B-06482	JIGSAW BLADE B-52	BỘ LƯỖI CỬA LONG B-52	283.392		8%
2465	B-06890	HM JIGSAW BLADE B60	HM BỘ LƯỖI CỬA LONG B60	844.560		8%
2466	B-06909	HM JIGSAW BLADE B61	HM BỘ LƯỖI CỬA LONG B61	1.226.880		8%
2467	B-06921	BULL POINT 12-220/HK1810	MŨI ĐỤC NHON 12-220/HK1810	318.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2468	B-07250	RECIPROSAW BLADE FOR STAINL 152MM	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM CHO INOX 152MM	1.226.880		8%
2469	B-07353	TCT SAW BLADE 165X20X48T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 165X20X48T	1.388.880		8%
2470	B-07375	NYLON CORD 3.0X4M	LƯỖI CẮT CỎ NYLON 3.0X4M	108.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

			Giá thông thường			
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
2471	B-07434	TCT SAW BLADE 165X20X28T	LƯỠI CUA HỘP KIM 165X20X28T	1.181.520		8%
2472	B-07440	TCT SAW BLADE 165X20X56T	LƯỠI CUA HỘP KIM 165X20X56T	1.966.680		8%
2473	B-07456	DELTAAGON TCT HAMMER BIT 15x166MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG DELTAGON 15x166	544.320	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2474	B-07593	DELTAAGON TCTHAMMER BIT 6.5X316MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG DELTAGON 6.5X31	567.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2475	B-10126	DELTAAGON TCT HAMMER BIT 13X166MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG DELTAGON 13X16	375.840	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2476	B-10148	DELTAAGON TCTHAMMER BIT 13X316MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG DELTAGON 13X31	896.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2477	B-10300	CLAY SPADE 120-500	MŨI XÈNG 120-500	3.655.800		8%
2478	B-10344	T.C.T.SAW BLADE 165X20X48T	LƯỠI CUA HỘP KIM 165X20X48T	1.921.320		8%
2479	B-10350	BAND SAW BLADE 18 BIMETAL	LƯỠI CUA VÒNG 18 BIMETAL	480.816		8%
2480	B-10394	RECIPRO SAW BLADE FOR AERATED CON	LƯỠI CUA KIỂM CHO BÊ TÔNG NHE MA	1.226.880		8%
2481	B-10403	RECIPRO SAW BLADE FOR AERATED CON	LƯỠI CUA KIỂM CHO BÊ TÔNG NHE MA	1.677.240		8%
2482	B-10431	JIGSAW BLADE B-32	BỘ LƯỠI CUA LONG B-32	243.324		8%
2483	B-10584	T.C.T. SAW BLADE 260X25.4X24T	LƯỠI CUA HỘP KIM 260X25.4X24T	1.024.920		8%
2484	B-10609	RECIPRO SAW BLADE ICE 3T 305MM	LƯỠI CUA KIỂM DÙNG CHO ĐÁ, THU' C PH	283.392		8%
2485	B-10637	305MM LONG RECIPROSAW BLADE	BỘ LƯỠI CUA KIỂM DÀI 305MM	699.840		8%
2486	B-10730-5	CUT OFF WHEEL 355X3X25.4(5PCS/SET)	ĐÁ CẮT 355X3X25.4(5CÁI/BỘ)	572.400		8%
2487	B-11265	BIM HOLESAW 16X40MM	MŨI KHOẾT 16X40MM	177.120	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
2488	B-11271	BIM HOLESAW 19X40MM	MŨI KHOẾT 19X40MM	177.120	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2489	B-11287	BIM HOLESAW 20X40MM	MŨI KHOẾT 20X40MM	177.120	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
2490	B-11293	BIM HOLESAW 22X40MM	MŨI KHOẾT 22X40MM	181.440	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2491	B-11302	BIM HOLESAW 24X40MM	MŨI KHOẾT 24X40MM	185.760	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2492	B-11318	BIM HOLESAW 25X40MM	MŨI KHOẾT 25X40MM	185.760	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
2493	B-11324	BIM HOLESAW 29X40MM	MŨI KHOẾT 29X40MM	216.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2494	B-11330	BIM HOLESAW 30X40MM	MŨI KHOẾT 30X40MM	216.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2495	B-11346	BIM HOLESAW 32X40MM	MŨI KHOẾT 32X40MM	216.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
2496	B-11352	BIM HOLESAW 35X40MM	MŨI KHOẾT 35X40MM	241.920	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2497	B-11368	BIM HOLESAW 38X40MM	MŨI KHOẾT 38X40MM	241.920	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2498	B-11374	BIM HOLESAW 41X40MM	MŨI KHOẾT 41X40MM	254.880	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
2499	B-11380	BIM HOLESAW 44X40MM	MŨI KHOẾT 44X40MM	267.840	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
2500	B-11396	BIM HOLESAW 48X40MM	MŨI KHOẾT 48X40MM	272.160	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
2501	B-11405	BIM HOLESAW 51X40MM	MŨI KHOẾT 51X40MM	285.120	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2502	B-11411	BIM HOLESAW 57X40MM	MŨI KHOẾT 57X40MM	319.680	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2503	B-11427	BIM HOLESAW 60X40MM	MŨI KHOẾT 60X40MM	319.680	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2504	B-11433	BIM HOLESAW 64X40MM	MŨI KHOẾT 64X40MM	332.640	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2505	B-11477	BIM HOLESAW 83X40MM	MŨI KHOẾT 83X40MM	444.960	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2506	B-11483	BIM HOLESAW 92X40MM	MŨI KHOẾT 92X40MM	488.160	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2507	B-11499	BIM HOLESAW 102X40MM	MŨI KHOẾT 102X40MM	561.600		8%
2508	B-11542	HSS-G PILOT DRILL BIT	MŨI KHOAN ĐỊNH TÂM HSS-G CHO MŨI H	142.560	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2509	B-11645	SDS-PLUS TCT DRILL NEMESIS 5.5X110M	MŨI KHOAN SDS-PLUS NEMESIS 5.5X110	129.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
2510	B-11732	SDS-PLUS TCT DRILL NEMESIS 6.5X260M	MŨI KHOAN SDS-PLUS NEMESIS 6.5X260	306.720	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2511	B-11748	SDS-PLUS TCT DRILL NEMESIS 6.5X310M	MŨI KHOAN SDS-PLUS NEMESIS 6.5X310	362.880	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2512	B-11900	SDS-PLUS TCT DRILL NEMESIS 12X310MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS NEMESIS 12X310M	362.880	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 30% và số lượng có hạn.	8%
2513	B-12120	SDS-PLUS TCT DRILL NEMESIS 25X250MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS NEMESI	1.084.320	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2514	B-12158	SDS-PLUS TCT DRILL NEMESIS 28X450MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS NEMESI	1.563.840	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 55% và số lượng có hạn.	8%
2515	B-12267	THIN CUT OFF WHEEL 180X1.6X22	ĐÁ CẮT MÔNGI 180X1.6X22	48.600		8%
2516	B-12295	OFFSET DIAMOND WHEEL 125MM	LƯỠI BẢO BÊ TÔNG KIM CƯƠNG 125MM	3.866.400		8%
2517	B-12603	TCT SAW BLADE 335X25X60T	LƯỠI CUA HỘP KIM 335X25X60T	1.989.360		8%
2518	B-12843	TCT SAW BLADE 270X25.4X18T	LƯỠI CUA HỘP KIM 270X25.4X18T	1.181.520		8%
2519	B-13275	DIAMOND WHEEL 350, ASPHALT / COME	Đĩa cắt kim cương COMET PHÂN ĐOÁ	6.591.240		8%
2520	B-13297	DIAMOND WHEEL 350, SEG, DIAMAK PL	Đĩa cắt kim cương DIAMAK PHÂN ĐO	2.498.580		8%
2521	B-14168	SAW BLADE 255X25.4X80T	LƯỠI CUA HỘP KIM 255X25.4X80T	540.000		8%
2522	B-14607	T.C.T. SAW BLADE 85X15X20T	LƯỠI CUA HỘP KIM 85X15X20T	254.880		8%
2523	B-16667	BAND SAW BLADE 2240-16MM/WOOD/LB	LƯỠI CUA VÒNG 2240-16MM/GỖ/LB1200F	1.643.760		8%
2524	B-16673	BAND SAW BLADE 2240-13MM/WOOD/LB	LƯỠI CUA VÒNG 2240-13MM/GỖ/LB1200F	1.366.200		8%
2525	B-16689	BAND SAW BLADE 2240-6MM/WOOD/LB1	LƯỠI CUA VÒNG 2240-6MM/GỖ/LB1200F	1.366.200		8%
2526	B-16695	BAND SAW BLADE 2240-16MM/NONFE/LB	LƯỠI CUA VÒNG 2240-16MM/KIM LOẠI(T	1.804.680		8%
2527	B-16754	EZYCHANGE BIM HOLESAW 40X40MM	MŨI KHOẾT EZYCHANGE 40X40MM	254.880	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2528	B-16760	EZYCHANGE BIM HOLESAW 22X40MM	MŨI KHOẾT EZYCHANGE 22X40MM	341.280	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2529	B-16776	RECIPRO SAW BLADE FOR METAL 14T 22	LƯỠI CUA KIỂM CHO KIM LOẠI 14T 22M	546.696		8%
2530	B-16776-25	RECIPROSAW BLADE 228MM 25PCS	LƯỠI CUA KIỂM DANH CHO KIM LOẠI 2	2.868.480		8%
2531	B-16950	T.C.T. SAW BLADE 110X20X30T	LƯỠI CUA HỘP KIM 110X20X30T	270.000		8%
2532	B-17005	T.C.T. SAW BLADE 160X20X48T	LƯỠI CUA HỘP KIM 160X20X48T	280.800		8%
2533	B-17061	T.C.T. SAW BLADE 180X20X40T	LƯỠI CUA HỘP KIM 180X20X40T	291.600		8%
2534	B-17083	T.C.T. SAW BLADE 185X20TX40T	LƯỠI CUA HỘP KIM 185X20TX40T	309.096		8%
2535	B-17164	T.C.T. SAW BLADE 235X25.4X24T	LƯỠI CUA HỘP KIM 235X25.4X24T	452.520		8%
2536	B-17170	T.C.T. SAW BLADE 235X25.4X30T	LƯỠI CUA HỘP KIM 235X25.4X30T	421.200		8%
2537	B-17186	T.C.T. SAW BLADE 235X25.4X36T	LƯỠI CUA HỘP KIM 235X25.4X36T	437.400		8%
2538	B-17192	T.C.T. SAW BLADE 235X25.4X40T	LƯỠI CUA HỘP KIM 235X25.4X40T	475.200		8%
2539	B-17239	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X24T	LƯỠI CUA HỘP KIM 255X25.4X24T	534.600		8%
2540	B-17251	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X36T	LƯỠI CUA HỘP KIM 255X25.4X36T	599.400		8%
2541	B-17267	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X40T	LƯỠI CUA HỘP KIM 255X25.4X40T	681.480		8%
2542	B-17289	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X60T	LƯỠI CUA HỘP KIM 255X25.4X60T	775.656		8%
2543	B-17295	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X80T	LƯỠI CUA HỘP KIM 255X25.4X80T	893.160		8%
2544	B-17304	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X100T FOR A	LƯỠI CUA HỘP KIM 255X25.4X100T CHO	1.388.880		8%
2545	B-17326	T.C.T. SAW BLADE 305X25.4X120T FOR A	LƯỠI CUA HỘP KIM 305X25.4X120T CHO	1.851.120		8%
2546	B-17332	T.C.T. SAW BLADE 305X25.4X30T	LƯỠI CUA HỘP KIM 305X25.4X30T	793.800		8%
2547	B-17354	T.C.T. SAW BLADE 305X25.4X40T	LƯỠI CUA HỘP KIM 305X25.4X40T	1.051.920		8%
2548	B-17360	T.C.T. SAW BLADE 305X25.4X48T	LƯỠI CUA HỘP KIM 305X25.4X48T	912.600		8%
2549	B-17376	T.C.T. SAW BLADE 305X25.4X60T	LƯỠI CUA HỘP KIM 305X25.4X60T	1.111.320		8%
2550	B-17382	T.C.T. SAW BLADE 305X25.4X80T	LƯỠI CUA HỘP KIM 305X25.4X80T	1.204.200		8%
2551	B-17407	T.C.T. SAW BLADE 355X25.4X120T FOR A	LƯỠI CUA HỘP KIM 355X25.4X120T CHO	2.266.920		8%
2552	B-17413	T.C.T. SAW BLADE 355X25.4X30T	LƯỠI CUA HỘP KIM 355X25.4X30T	1.101.600		8%
2553	B-17429	T.C.T. SAW BLADE 355X25.4X36T	LƯỠI CUA HỘP KIM 355X25.4X36T	1.231.200		8%
2554	B-17435	T.C.T. SAW BLADE 355X25.4X40T	LƯỠI CUA HỘP KIM 355X25.4X40T	1.296.000		8%
2555	B-17441	T.C.T. SAW BLADE 355X25.4X48T	LƯỠI CUA HỘP KIM 355X25.4X48T	1.274.400		8%
2556	B-17457	T.C.T. SAW BLADE 355X25.4X60T	LƯỠI CUA HỘP KIM 355X25.4X60T	1.434.240		8%
2557	B-17491	T.C.T. SAW BLADE 405X25.4X40T	LƯỠI CUA HỘP KIM 405X25.4X40T	2.170.800		8%
2558	B-17734	T.C.T. SAW BLADE 255X25.4X24T	LƯỠI CUA HỘP KIM 255X25.4X24T	844.560		8%
2559	B-18203	GRINDING WHEEL 4"(100X2X16 MM) AC	ĐÁ MÀI 4"(100X2X16 MM) AC46, 1G ĐEN	30.132		8%
2560	B-18219	4"(100X2X16 MM) AC80, 1G BLACK	ĐÁ MÀI 4"(100X2X16 MM) AC80, 1G ĐEN	24.408		8%
2561	B-18225	4"(100X2X16 MM) AC120, 1G BLACK	ĐÁ MÀI 4"(100X2X16 MM) AC120, 1G ĐEN	24.408		8%
2562	B-18231	4"(100X3X16 MM) AC36, 1G BLACK	ĐÁ MÀI 4"(100X3X16 MM) AC36, 1G ĐEN	30.132		8%
2563	B-18247	GRINDING WHEEL 4"(100X3X16 MM) AC4	ĐÁ MÀI 4"(100X3X16 MM) AC46, 1G ĐEN	47.304		8%
2564	B-18253	4"(100X3X16 MM) AC60, 1G BLACK	ĐÁ MÀI 4"(100X3X16 MM) AC60, 1G ĐEN	30.132		8%
2565	B-18269	4"(100X3X16 MM) AC80, 1G BLACK	ĐÁ MÀI 4"(100X3X16 MM) AC80, 1G ĐEN	30.132		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
2566	B-18328	5" (125X3X22 MM) AC46, 2G BLACK	ĐÁ MÀI 5" (125X3X22 MM) AC46, 2G ĐEN	41.580		8%
2567	B-18340	5" (125X3X22 MM) AC80, 2G BLACK	ĐÁ MÀI 5" (125X3X22 MM) AC80, 2G ĐEN	41.580		8%
2568	B-19897	SDS-MAX NEMESIS DRILL 12X340MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS	792.828		8%
2569	B-19928	SDS-MAX NEMESIS DRILL 14X340MM/HR	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS	850.068		8%
2570	B-19934	SDS-MAX NEMESIS DRILL 14X540MM/HR	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS	927.450		8%
2571	B-19962	SDS-MAX NEMESIS DRILL 16X340MM/HR	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS	983.880		8%
2572	B-19978	SDS-MAX NEMESIS DRILL 16X540MM/HR	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS	1.181.520		8%
2573	B-19990	SDS-MAX NEMESIS DRILL 18X340MM/HR	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS	994.680		8%
2574	B-20002	SDS-MAX NEMESIS DRILL 18X540MM/HR	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS	1.249.560		8%
2575	B-20024	SDS-MAX NEMESIS DRILL 20X320MM/HR	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS	1.094.040		8%
2576	B-20030	SDS-MAX NEMESIS DRILL 20X520MM/HR	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS	1.366.200		8%
2577	B-20052	SDS-MAX NEMESIS DRILL 22X320MM/HR	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS	1.181.520		8%
2578	B-20068	SDS-MAX NEMESIS DRILL 22X520MM/HR	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS	1.411.020		8%
2579	B-20080	SDS-MAX NEMESIS DRILL 24X320MM/HR	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS	1.249.560		8%
2580	B-20096	DRILLS BIT FOR SDS MAX NEMESIS 24X5	MŨI KHOAN SDS MAX NEMESIS 24X520M	1.504.440		8%
2581	B-20105	SDS-MAX NEMESIS DRILL 25X320MM/HR	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS	1.319.760		8%
2582	B-20111	SDS-MAX NEMESIS DRILL 25X520MM/HR	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS	1.597.320		8%
2583	B-20149	SDS-MAX NEMESIS DRILL 28X370MM/HR	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS	1.459.080		8%
2584	B-20155	SDS-MAX NEMESIS DRILL 28X570MM/HR	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS	1.734.480		8%
2585	B-20183	SDS-MAX NEMESIS DRILL 30X370MM/HR	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS	1.688.580		8%
2586	B-20199	SDS-MAX NEMESIS DRILL 30X570MM/HR	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS	1.989.360		8%
2587	B-20208	SDS-MAX NEMESIS DRILL 32X370MM/HR	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS	1.897.560		8%
2588	B-20214	SDS-MAX NEMESIS DRILL 32X570MM/HR	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS	2.221.560		8%
2589	B-20236	SDS-MAX NEMESIS DRILL 35X370MM/HR	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS	2.221.560		8%
2590	B-20242	SDS-MAX NEMESIS DRILL 35X570MM/HR	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS	2.476.440		8%
2591	B-20270	SDS-MAX NEMESIS DRILL 38X370MM/HR	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS	2.521.800		8%
2592	B-20286	SDS-MAX NEMESIS DRILL 38X570MM/HR	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS	2.749.950		8%
2593	B-20292	SDS-MAX NEMESIS DRILL 40X370MM/HR	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX NEMESIS	3.099.600		8%
2594	B-20301	SDS-MAX NEMESIS 40X570MM	MŨI KHOAN SDS-MAX NEMESIS 40X570M	3.400.920		8%
2595	B-20395	RECIPRO SAW BLADE 100MM/24TPI	BỘ LƯỚI CỬA KIỂM 100MM/24TPI	376.380		8%
2596	B-20404	RECIPRO SAW BLADE 100MM/18TPI	BỘ LƯỚI CỬA KIỂM 100MM/18TPI	353.484		8%
2597	B-20410	RECIPRO SAW BLADE 100MM/14TPI	BỘ LƯỚI CỬA KIỂM 100MM/14TPI	353.484		8%
2598	B-20426	RECIPRO SAW BLADE 100MM/10TPI	BỘ LƯỚI CỬA KIỂM 100MM/10TPI	333.450		8%
2599	B-20432	RECIPRO SAW BLADE 100MM/6TPI	BỘ LƯỚI CỬA KIỂM 100MM/6TPI	405.000		8%
2600	B-20448	RECIPRO SAW BLADE 100MM/6TPI	BỘ LƯỚI CỬA KIỂM 100MM/6TPI	382.050		8%
2601	B-20454	RECIPRO SAW BLADE 100MM/14-18TPI	BỘ LƯỚI CỬA KIỂM 100MM/14-18TPI	405.000		8%
2602	B-20476	BACK UP PAD 100MM	NÁP CHỤP ĐÁ MÀI MỀM 100MM	30.132		8%
2603	B-20482	BACK UP PAD 115/125 MM	NÁP CHỤP ĐÁ MÀI MỀM 115/125MM	41.580		8%
2604	B-20644	CUTTER 100X6T/DPJ180	LƯỚI CẮT 100X6T/DPJ180	688.392		8%
2605	B-21082	DIAOMOND WHEEL 85MM	LƯỚI CẮT KIM CƯƠNG 85MM	682.668		8%
2606	B-21559	ABRASIVEPAPER DELTARED LONG 60,80	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC (MÀU ĐỎ) 60	97.200		8%
2607	B-21565	ABRASIVEPAPER DELTARED LONG60	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 60 (MÀU ĐỎ)	104.544		8%
2608	B-21571	ABRASIVEPAPER DELTARED LONG80	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 80 (MÀU ĐỎ)	104.544		8%
2609	B-21587	ABRASIVEPAPER DELTARED LONG100	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 100 (MÀU ĐỎ)	104.544		8%
2610	B-21593	ABRASIVEPAPER DELTARED LONG120	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 120 (MÀU ĐỎ)	104.544		8%
2611	B-21602	ABRASIVEPAPER DELTARED LONG180	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 180 (MÀU ĐỎ)	104.544		8%
2612	B-21618	ABRASIVEPAPER DELTA RED SET (60,80,	BỘ GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC (MÀU ĐỎ)	91.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
2613	B-21624	ABRASIVEPAPER DELTA RED 60	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 60 (MÀU ĐỎ)	91.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2614	B-21630	ABRASIVEPAPER DELTA RED 80	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 80 (MÀU ĐỎ)	98.820		8%
2615	B-21646	ABRASIVEPAPER DELTA RED 120	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 120 (MÀU ĐỎ)	93.096		8%
2616	B-21652	ABRASIVEPAPER DELTA RED 180	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 180 (MÀU ĐỎ)	93.096		8%
2617	B-21668	ABRASIVEPAPER DELTA RED 240	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 240 (MÀU ĐỎ)	93.096		8%
2618	B-21674	ABRASIVEPAPER DELTA WHITE SET 60,80	BỘ GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC (TRẮNG)	98.550		8%
2619	B-21680	ABRASIVEPAPER DELTA WHITE 60	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 60 (TRẮNG)	104.544		8%
2620	B-21696	ABRASIVEPAPER DELTA WHITE 80	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 80 (TRẮNG)	104.544		8%
2621	B-21705	ABRASIVEPAPER DELTA WHITE 100	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 100 (TRẮNG)	110.268		8%
2622	B-21711	ABRASIVEPAPER DELTA WHITE 240	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 240 (TRẮNG)	104.544		8%
2623	B-21727	ABRASIVEPAPER DELTA WHITE 320	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 320 (TRẮNG)	104.544		8%
2624	B-21733	ABRASIVEPAPER DELTA BLACK SET (120	BỘ GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC (ĐEN) (12	98.550		8%
2625	B-21749	ABRASIVEPAPER DELTA BLACK 120	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 120 (ĐEN)	104.544		8%
2626	B-21755	ABRASIVEPAPER DELTA BLACK 240	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 240 (ĐEN)	104.544		8%
2627	B-21761	ABRASIVEPAPER DELTA BLACK 400	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 400 (ĐEN)	104.544		8%
2628	B-21777	ABRASIVEPAPER DELTA BLACK 600	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 600 (ĐEN)	104.544		8%
2629	B-21783	ABRASIVEPAPER DELTA BLACK 1200	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 1200 (ĐEN)	104.544		8%
2630	B-21799	FLEECE DELTA MEDIUM 94MM	ĐÁNH BÔNG LÔNG CỬU TAM GIÁC (MỊN)	60.750		8%
2631	B-21808	FLEECE DELTA COARSE 94MM	ĐÁNH BÔNG LÔNG CỬU TAM GIÁC (THỎ)	60.750		8%
2632	B-21814	FLEECE DELTA WITHOUT GRIT 94MM	ĐÁNH BÔNG LÔNG CỬU TAM GIÁC 94MM	60.750		8%
2633	B-21820	POLISHING FELT DELTA 94MM	GIẤY NHÂM TAM GIÁC 94MM	64.476		8%
2634	B-22931	ABRASIVEPAPER DELTARED LONG240	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 240 (MÀU ĐỎ)	104.544		8%
2635	B-22947	ABRASIVEPAPER DELTA RED 100	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 100 (MÀU ĐỎ)	93.096		8%
2636	B-22953	ABRASIVEPAPER DELTA RED 150	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 150 (MÀU ĐỎ)	93.096		8%
2637	B-22969	ABRASIVEPAPER DELTA WHITE 120	GIẤY CHÀ NHÂM TAM GIÁC 120 (MÀU TRẮNG)	104.544		8%
2638	B-23151	TCT SAW BLADE FOR SUS 305MMX25.4MM	LƯỚI CỬA HỘP KIM 305MMX25.4MMX100	6.464.880		8%
2639	B-23248	RECIPRO SAW BLADE ICE 6T 305MM	LƯỚI CỬA KIỂM DỪNG CHO ĐÁ, THUỐC PH	578.124		8%
2640	B-23254	RECIPRO SAW BLADE ICE 10T 305MM	LƯỚI CỬA KIỂM DỪNG CHO ĐÁ, THUỐC PH	578.124		8%
2641	B-23357	TCT SAW BLADE FOR METAL 185MMX20	LƯỚI CỬA HỘP KIM CHO KIM LOẠI 185M	1.921.320		8%
2642	B-23391	TCT SAW BLADE FOR METAL 185MMX20	LƯỚI CỬA HỘP KIM CHO KIM LOẠI 185M	2.175.120		8%
2643	B-23450	SCREW BIT SET (3PCS./SET),PH 1-25MM	BỘ MŨI VẮN VÍT (3CÁI/BỘ),PH 1-25MM	35.856		8%
2644	B-23466	SCREW BIT SET (3PCS./SET),PH 2-25MM	BỘ MŨI VẮN VÍT (3CÁI/BỘ),PH 2-25MM	35.856		8%
2645	B-23472	SCREW BIT SET (3PCS./SET),PH 3-25MM	BỘ MŨI VẮN VÍT (3CÁI/BỘ),PH 3-25MM	35.856		8%
2646	B-23488	SCREW BIT SET (3PCS./SET),PZ 1-25MM	BỘ MŨI VẮN VÍT (3CÁI/BỘ),PZ 1-25MM	35.856		8%
2647	B-23494	SCREW BIT SET (3PCS./SET),PZ 2-25MM	BỘ MŨI VẮN VÍT (3CÁI/BỘ),PZ 2-25MM	35.856		8%
2648	B-23503	SCREW BIT SET (3PCS./SET),PZ 3-25MM	BỘ MŨI VẮN VÍT (3CÁI/BỘ),PZ 3-25MM	35.856		8%
2649	B-23519	SCREW BIT SET (3PCS./SET),SLOTTED 0.5	BỘ MŨI VẮN VÍT (CÁI/BỘ),SL 0.5X4.0-25M	35.856		8%
2650	B-23525	SCREW BIT SET (3PCS./SET),SLOTTED 0.6	BỘ MŨI VẮN VÍT (3CÁI/BỘ),SL 0.6X4.5-25	35.856		8%
2651	B-23531	SCREW BIT SET (3PCS./SET),SLOTTED 0.8	BỘ MŨI VẮN VÍT (3CÁI/BỘ),SL 0.8X5.5-25	35.856		8%
2652	B-23581	SCREW BIT SET (3PCS./SET),T 8-25MM	BỘ MŨI VẮN VÍT (3CÁI/BỘ),T 8-25MM	35.856		8%
2653	B-23597	SCREW BIT SET (3PCS./SET),T 10-25MM	BỘ MŨI VẮN VÍT (3CÁI/BỘ),T 10-25MM	33.750		8%
2654	B-23606	SCREW BIT SET (3PCS./SET),T 15-25MM	BỘ MŨI VẮN VÍT (3CÁI/BỘ),T 15-25MM	33.750		8%
2655	B-23612	SCREW BIT SET (3PCS./SET),T 20-25MM	BỘ MŨI VẮN VÍT (3CÁI/BỘ),T 20-25MM	33.750		8%
2656	B-23628	SCREW BIT SET (3PCS./SET),T 25-25MM	BỘ MŨI VẮN VÍT (3CÁI/BỘ),T 25-25MM	33.750		8%
2657	B-23634	SCREW BIT SET (3PCS./SET),T 27-25MM	BỘ MŨI VẮN VÍT (3CÁI/BỘ),T 27-25MM	33.750		8%
2658	B-23640	SCREW BIT SET (3PCS./SET),T 30-25MM	BỘ MŨI VẮN VÍT (3CÁI/BỘ),T 30-25MM	35.856		8%
2659	B-23656	SCREW BIT SET (3PCS./SET),T 40-25MM	BỘ MŨI VẮN VÍT (3CÁI/BỘ),T 40-25MM	35.856		8%
2660	B-23662	SCREW BIT SET (3PCS./SET),HEX 1.5-25MM	BỘ MŨI VẮN VÍT (3CÁI/BỘ),HEX 1.5-25MM	33.750		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
2661	B-23678	SCREW BIT SET (3PCS./SET),HEX 2.0-25MM	BỘ MŨI VÁN VÍT (3CÁI/BỘ),HEX 2.0-25MM	33.750		8%
2662	B-23684	SCREW BIT SET (3PCS./SET),HEX 2.5-25MM	BỘ MŨI VÁN VÍT (3CÁI/BỘ),HEX 2.5-25MM	33.750		8%
2663	B-23690	SCREW BIT SET (3PCS./SET),HEX 3.0-25MM	BỘ MŨI VÁN VÍT (3CÁI/BỘ),HEX 3.0-25MM	32.400		8%
2664	B-23709	SCREW BIT SET (3PCS./SET),HEX 4.0-25MM	BỘ MŨI VÁN VÍT (3CÁI/BỘ),HEX 4.0-25MM	33.750		8%
2665	B-23715	SCREW BIT SET (3PCS./SET),HEX 5.0-25MM	BỘ MŨI VÁN VÍT (3CÁI/BỘ),HEX 5.0-25MM	33.750		8%
2666	B-23721	SCREW BIT SET (3PCS./SET),HEX 6.0-25MM	BỘ MŨI VÁN VÍT (3CÁI/BỘ),HEX 6.0-25MM	33.750		8%
2667	B-23737	SCREW BIT SET (3PCS./SET),HEX 8.0-25MM	BỘ MŨI VÁN VÍT (3CÁI/BỘ),HEX 8.0-25MM	44.550		8%
2668	B-24119	SCREW BIT SET (3PCS./SET),PH 1-25MM	BỘ MŨI VÁN VÍT (3CÁI/BỘ),PH 1-25MM	35.856		8%
2669	B-24125	SCREW BIT SET (3PCS./SET),PH 2-25MM	BỘ MŨI VÁN VÍT (3CÁI/BỘ),PH 2-25MM	35.856		8%
2670	B-24131	SCREW BIT SET (3PCS./SET),PH 3-25MM	BỘ MŨI VÁN VÍT (3CÁI/BỘ),PH 3-25MM	35.856		8%
2671	B-25018	SCREW BIT SET (100PCS./SET),PH 2-25MM	BỘ MŨI VÁN VÍT (100CÁI/BỘ),PH 2-25MM	513.000		8%
2672	B-26652	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 2X38M	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 2X38	66.150		8%
2673	B-26668	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 3X46M	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 3X46	98.550		8%
2674	B-26674	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 3.1X49	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 3.1X	114.750		8%
2675	B-26680	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 3.2X49	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 3.2X	120.150		8%
2676	B-26696	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 3.3X49	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 3.3X	125.550		8%
2677	B-26705	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 3.5X52	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 3.5X	138.888		8%
2678	B-26711	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 3.8X55	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 3.8X	153.900		8%
2679	B-26727	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 4X55M	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 4X5	153.900		8%
2680	B-26733	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 4.1X55	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 4.1X	164.700		8%
2681	B-26749	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 4.2X55	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 4.2X	170.100		8%
2682	B-26755	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 4.3X55	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 4.3X	170.100		8%
2683	B-26761	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 4.5X58	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 4.5X	191.700		8%
2684	B-26777	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 4.8X62	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 4.8X	207.900		8%
2685	B-26783	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 4.9X62	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 4.9X	224.100		8%
2686	B-26799	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 5X62M	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 5X6	224.100		8%
2687	B-26808	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 5.1X62	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 5.1X	261.900		8%
2688	B-26814	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 5.2X62	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 5.2X	261.900		8%
2689	B-26820	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 5.5X66	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 5.5X	261.900		8%
2690	B-26836	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 6X66M	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 6X66	306.450		8%
2691	B-26842	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 8X79M	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 8X7	545.400		8%
2692	B-26858	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 10X89M	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10CÁI 10X	841.050		8%
2693	B-28210	TORSION SCREW BIT SQ3-50 2PC	TORSION SCREW BIT SQ3-50 2PC	133.920	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2694	B-28226	TORSION SCREW BIT T10-50 2PC	TORSION SCREW BIT T10-50 2PC	133.920	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
2695	B-28232	TORSION SCREW BIT T15-50 2PC	VÍT TORSION T15-50 2PC	135.000		8%
2696	B-28254	TORSION SCREW BIT T25-50 2PC	VÍT TORSION T25-50 2PC	133.920	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
2697	B-28391	TORSION INSERT BIT T10-25 2PC	VÍT TORSION T10-25 2PC	60.480	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2698	B-29072	FLEXIBLE BIT HOLDER 200MM	ĐẦU VÍT DẪO 200MM	138.888		8%
2699	B-29094	FLEXIBLE BIT HOLDER 300MM	ĐẦU VÍT DẪO 300MM	168.912		8%
2700	B-30128	BAND SAW BLADE 1140MM X 10TPI	LƯỚI CỬA VÒNG 1140MM X 10TPI	555.228		8%
2701	B-30564	RECIPRO SAW BLADE ICE 6T 228MM	LƯỚI CỬA KIỂM DỪNG CHO ĐÁ, THỰC PH	532.440		8%
2702	B-30570	RECIPRO SAW BLADE ICE 10T 228MM	LƯỚI CỬA KIỂM DỪNG CHO ĐÁ, THỰC PH	532.440		8%
2703	B-33772	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 2.5X43	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10 CÁI 2.5X	104.544		8%
2704	B-33788	DOUBLE ENDED DRILL BIT 10PCS 6.5X70	MŨI KHOAN KIM LOẠI 2 ĐẦU 10 CÁI 6.5X	446.472		8%
2705	B-36762	FLAP WHEEL 25.4X25.4X6MM	NHÀM XÉP CUỘN 25.4X25.4X6MM	70.200		8%
2706	B-37007	FLAP WHEEL/DIA 50.8MM, GRIT 120	CUỘN NHÀM XÉP/ĐƯỜNG KÍNH 50.8MM, I	194.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2707	B-37100	FLAP WHEEL 76.0X25.4X6MM	NHÀM XÉP CUỘN 76.0X25.4X6MM	286.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2708	B-37138	FLAP WHEEL/DIA 76.0MM, GRIT 80	CUỘN NHÀM XÉP/ĐƯỜNG KÍNH 76.0MM, I	529.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2709	B-37150	FLAP WHEEL/DIA 76.0MM, GRIT 120	CUỘN NHÀM XÉP/ĐƯỜNG KÍNH 76.0MM, I	529.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
2710	B-38716	MAGNET NUTSETTER 1PC 8X50MM	ĐẦU TUỖ VÁN VÍT CÓ NAM CHÂM 8X50	50.112		8%
2711	B-38912	MAGNET NUTSETTER 1PC 6X50MM	ĐẦU TUỖ DÀI VÁN ỐC 1PC 6X50MM	47.250		8%
2712	B-38928	MAGNET NUTSETTER 1PC 7X50MM	ĐẦU TUỖ DÀI VÁN ỐC 1PC 7X50MM	47.250		8%
2713	B-38940	MAGNET NUTSETTER 1PC 10X50MM	ĐẦU TUỖ DÀI VÁN ỐC 1PC 10X50MM	47.250		8%
2714	B-38956	MAGNET NUTSETTER 1PC 12X50MM	ĐẦU TUỖ DÀI VÁN ỐC 1PC 12X50MM	52.650		8%
2715	B-39198	DIAMOND WHEEL SEGMENTED FOR CON	LƯỚI CẮT KIM CƯƠNG KIỂU PHÂN ĐOAN	155.520	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 45% và số lượng có hạn.	8%
2716	B-39497	TCT SAW BLADE 216X25.4X48T	LƯỚI CỬA HỘP KIM 216X25.4X48T	920.160		8%
2717	B-39883	IMPACT SOCKET 3/8" 6X28MM	ĐẦU TUỖ 3/8" 6X28MM	59.400		8%
2718	B-39899	IMPACT SOCKET 3/8" 7X28MM	ĐẦU TUỖ 3/8" 7X28MM	59.400		8%
2719	B-39908	IMPACT SOCKET 3/8" 8X28MM	ĐẦU TUỖ 3/8" 8X28MM	59.400		8%
2720	B-39914	IMPACT SOCKET 3/8" 9X28MM	ĐẦU TUỖ 3/8" 9X28MM	59.400		8%
2721	B-39920	IMPACT SOCKET 3/8" 10X28MM	ĐẦU TUỖ 3/8" 10X28MM	59.400		8%
2722	B-39936	IMPACT SOCKET 3/8" 11X28MM	ĐẦU TUỖ 3/8" 11X28MM	59.400		8%
2723	B-39942	IMPACT SOCKET 3/8" 12X28MM	ĐẦU TUỖ 3/8" 12X28MM	64.800		8%
2724	B-39958	IMPACT SOCKET 3/8" 13X28MM	ĐẦU TUỖ 3/8" 13X28MM	70.200		8%
2725	B-39964	IMPACT SOCKET 3/8" 14X28MM	ĐẦU TUỖ 3/8" 14X28MM	70.200		8%
2726	B-39970	IMPACT SOCKET 3/8" 15X28MM	ĐẦU TUỖ 3/8" 15X28MM	75.600		8%
2727	B-39986	IMPACT SOCKET 3/8" 16X28MM	ĐẦU TUỖ 3/8" 16X28MM	75.600		8%
2728	B-39992	IMPACT SOCKET 3/8" 17X30MM	ĐẦU TUỖ 3/8" 17X30MM	75.600		8%
2729	B-40004	IMPACT SOCKET 3/8" 18X30MM	ĐẦU TUỖ 3/8" 18X30MM	86.400		8%
2730	B-40010	IMPACT SOCKET 3/8" 19X30MM	ĐẦU TUỖ 3/8" 19X30MM	86.400		8%
2731	B-40026	IMPACT SOCKET 3/8" 20X30MM	ĐẦU TUỖ 3/8" 20X30MM	86.400		8%
2732	B-40032	IMPACT SOCKET 3/8" 21X30MM	ĐẦU TUỖ 3/8" 21X30MM	86.400		8%
2733	B-40048	IMPACT SOCKET 3/8" 22X30MM	ĐẦU TUỖ 3/8" 22X30MM	97.200		8%
2734	B-40054	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 8X38M	ĐẦU TUỖ 12.7MM (1/2")8X38MM	64.800		8%
2735	B-40060	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 9X38M	ĐẦU TUỖ 12.7MM (1/2")9X38MM	64.800		8%
2736	B-40082	IMPACT SOCKET 38MM(1/2")	ĐẦU TUỖ 38MM(1/2")	70.200		8%
2737	B-40098	SOCKET 1/2" 12X38 ASSEMBLY	ĐẦU TUỖ SIẾT BÚ LÔNG 1/2" 12X38MM	70.200		8%
2738	B-40113	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2")14X38	ĐẦU TUỖ 12.7MM (1/2")14X38MM	70.200		8%
2739	B-40129	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 15X38	ĐẦU TUỖ 12.7MM (1/2")15X38MM	70.200		8%
2740	B-40135	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 16X38	ĐẦU TUỖ 12.7MM (1/2")16X38MM	81.000		8%
2741	B-40157	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 18X38	ĐẦU TUỖ 12.7MM (1/2")18X38MM	86.400		8%
2742	B-40179	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 20X38	ĐẦU TUỖ 12.7MM (1/2")20X38MM	86.400		8%
2743	B-40185	SOCKET 21-52/12.7MM(1/2")	ĐẦU TUỖ SIẾT BÚ LÔNG 21-52/12.7MM(1	86.400		8%
2744	B-40191	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 22X38	ĐẦU TUỖ 12.7MM (1/2")22X38MM	97.200		8%
2745	B-40200	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 23X38	ĐẦU TUỖ 12.7MM (1/2")23X38MM	124.200		8%
2746	B-40216	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 24X38	ĐẦU TUỖ 12.7MM (1/2")24X38MM	129.600		8%
2747	B-40222	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 27X42	ĐẦU TUỖ 12.7MM (1/2") 27X42MM	135.000		8%
2748	B-40238	IMPACT SOCKET FOR 12.7MM(1/2") 30X44	ĐẦU TUỖ 12.7MM (1/2")30X44MM	151.200		8%
2749	B-40244	SOCKET 32-50/12.7MM(1/2")	ĐẦU TUỖ SIẾT BÚ LÔNG 32-50/12.7MM(1	216.000		8%
2750	B-40543	PORTABLE BAND SAW BLADE 14TPI	LƯỚI CỬA VÒNG 14TPI	1.366.200		8%
2751	B-40559	PORTABLE BAND SAW BLADE 18TPI	LƯỚI CỬA VÒNG 18TPI	1.388.880		8%
2752	B-40565	PORTABLE BAND SAW BLADE 24TPI	LƯỚI CỬA VÒNG 24TPI	1.366.200		8%
2753	B-42438	SHOCK DRIVER PH2 X125	VÍT ĐÓNG PH2 X125	578.124		8%
2754	B-42444	SHOCK DRIVER PH3 X150	TUA VÍT 4 CANH PH3X150	637.200		8%
2755	B-42450	SHOCK DRIVER P22 X125	TUA VÍT 4 CANH P22X125	523.800		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
2756	B-42466	SHOCK DRIVER PZ3 X150	TUA VÍT 4 CANH PZ3X150	594.000		8%
2757	B-42983	THREADED ROD SOCKET BIT (M10)	ĐẦU VẤN VÍT REN(M10)	380.160	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 45% và số lượng có hạn.	8%
2758	B-43147	RECIPRO SAW FOR BI-METAL 152X25X1.1	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM CHO SẮT 152X25X1.1	515.160		8%
2759	B-43212	RECIPRO SAW BLADE 305X25X1.1MM(5PC)	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM CHO SẮT 305X25X1.1	752.760		8%
2760	B-43228	RECIPRO SAW BLADE METAL 305MM	LƯỖI CỬA KIỂM KIM LOẠI 305MM	770.040		8%
2761	B-43256	RECIPRO SAW BLADE 225X22X1.6MM(5PC)	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM CHO GỖ VÀ SẮT 225X22X1.6	858.600		8%
2762	B-43278	RECIPRO SAW BLADE 305X22X1.6MM(5PC)	BỘ LƯỖI CỬA KIỂM CHO GỖ VÀ SẮT 305X22X1.6	997.920		8%
2763	B-45711	THIN CUT-OFF WHEEL 100X0.8X16	ĐÁ CẮT MÔNG 100X0.8X16	37.800		8%
2764	B-45733	THIN CUT-OFF WHEEL METAL/STAINLES	ĐÁ CẮT MÔNG CHO KIM LOẠI/INOX 125X22X0.8	59.400		8%
2765	B-45870	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES	BỘ MŨI KHOẾT KIM CƯỜNG 16X40MM	649.350		8%
2766	B-45886	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES	BỘ MŨI KHOẾT KIM CƯỜNG 19X40MM	720.900		8%
2767	B-45892	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES	BỘ MŨI KHOẾT KIM CƯỜNG 25X40MM	862.650		8%
2768	B-45901	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES	BỘ MŨI KHOẾT KIM CƯỜNG 30X40MM	982.800		8%
2769	B-45917	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES	BỘ MŨI KHOẾT KIM CƯỜNG 32X40MM	1.026.000		8%
2770	B-45923	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES	BỘ MŨI KHOẾT KIM CƯỜNG 35X40MM	1.113.750		8%
2771	B-45939	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES	BỘ MŨI KHOẾT KIM CƯỜNG 38X40MM	1.178.550		8%
2772	B-45945	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES	BỘ MŨI KHOẾT KIM CƯỜNG 45X40MM	1.331.100		8%
2773	B-45951	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES	BỘ MŨI KHOẾT KIM CƯỜNG 50X40MM	1.483.650		8%
2774	B-45967	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES	BỘ MŨI KHOẾT KIM CƯỜNG 53X40MM	1.528.200		8%
2775	B-45973	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES	BỘ MŨI KHOẾT KIM CƯỜNG 57X40MM	1.614.600		8%
2776	B-45989	SET VACUUM BRAZED DIAMOND HOLES	BỘ MŨI KHOẾT KIM CƯỜNG 64X40MM	1.790.100		8%
2777	B-45995	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLESAW 1	MŨI KHOẾT KIM CƯỜNG 16X40MM	416.448		8%
2778	B-46006	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLESAW 1	MŨI KHOẾT KIM CƯỜNG 19X40MM	492.480		8%
2779	B-46012	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLESAW 2	MŨI KHOẾT KIM CƯỜNG 25X40MM	648.324		8%
2780	B-46028	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLESAW 3	MŨI KHOẾT KIM CƯỜNG 30X40MM	770.040		8%
2781	B-46034	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLESAW 3	MŨI KHOẾT KIM CƯỜNG 32X40MM	821.880		8%
2782	B-46040	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLESAW 3	MŨI KHOẾT KIM CƯỜNG 35X40MM	897.480		8%
2783	B-46056	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLESAW 3	MŨI KHOẾT KIM CƯỜNG 38X40MM	972.000		8%
2784	B-46062	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLESAW 4	MŨI KHOẾT KIM CƯỜNG 45X40MM	1.144.800		8%
2785	B-46078	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLESAW 5	MŨI KHOẾT KIM CƯỜNG 50X40MM	1.296.000		8%
2786	B-46084	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLESAW 5	MŨI KHOẾT KIM CƯỜNG 53X40MM	1.366.200		8%
2787	B-46090	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLESAW 5	MŨI KHOẾT KIM CƯỜNG 57X40MM	1.459.080		8%
2788	B-46109	VACUUM BRAZED DIAMOND HOLESAW 6	MŨI KHOẾT KIM CƯỜNG 64X40MM	1.620.000		8%
2789	B-46115	SHANK WITH PILOT DRILL FOR 13MM	BỘ CHUYỂN ĐỔI MŨI KHOẾT KIM CƯỜNG 13MM	301.968		8%
2790	B-46121	PILOT DRILL FOR 13MM DRILL	MŨI KHOAN ĐINH TÂM 13MM	121.716		8%
2791	B-46137	SHANK FOR 13MM	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI MŨI KHOẾT KIM CƯỜNG 13MM	191.808		8%
2792	B-46296	T.C.T SAW BLADE FOR METAL 150X20X3	LƯỖI CỬA T.C.T CHO KIM LOẠI 150X20X3	977.400		8%
2793	B-47008	T.C.T SAW BLADE FOR THIN SHEET METAL 150X20X3	LƯỖI CỬA CHO TẤM KIM LOẠI MÔNG 150X20X3	1.181.520		8%
2794	B-47014	T.C.T SAW BLADE FOR STAINLESS / METAL 150X20X3	LƯỖI CỬA CHO INOX/KIM LOẠI 150X20X3	1.342.440		8%
2795	B-47020	T.C.T SAW BLADE FOR ALUMINUM 150X20X3	LƯỖI CỬA CHO NHÔM 150X20X3	1.181.520		8%
2796	B-48832	GROOVING TCT SAW BLADE 118MM (90°) 118X2	LƯỖI CỬA RANH TCT 118MM (90°)118X2	4.349.160		8%
2797	B-48860	GROOVING TCT SAW BLADE 118X20MMX6T	LƯỖI CỬA RANH TCT 118X20MMX6T 135	4.902.660		8%
2798	B-49703	BOARD CUTTER BLADE	LƯỖI CẮT THẠCH CAO	464.400		8%
2799	B-49703-10	BOARD CUTTER BLADE FOR PLASTERBOARD	LƯỖI CẮT THẠCH CAO(10CÁI/BỘ)/DSD180	2.204.550		8%
2800	B-49719	BOARD CUTTER BLADE FOR WOOD	LƯỖI CẮT GỖ TÂM (CHO MÁY CẮT THẠCH CAO)	654.480		8%
2801	B-49719-10	BOARD CUTTER BLADE FOR WOOD(10PCS)	LƯỖI CẮT GỖ(10CÁI/BỘ)/DSD180	2.836.350		8%
2802	B-49834	RECIPRO SAW BLADE FOR WOOD & METAL 152MM	LƯỖI CỬA KIỂM CHO GỖ, KIM LOẠI 152MM	475.200		8%
2803	B-49840	RECIPRO SAW BLADE FOR WOOD & METAL 228MM	LƯỖI CỬA KIỂM CHO GỖ, KIM LOẠI 228MM	671.220		8%
2804	B-49856	RECIPRO SAW BLADE FOR WOOD & METAL 305MM	LƯỖI CỬA KIỂM CHO GỖ, KIM LOẠI 305MM	838.620		8%
2805	B-51493	ABRASIVE DISC 150MM A400	GIẤY NHẪM TRƠN 150MM A400	167.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
2806	B-51649	ABRASIVE WHEEL IDEAL 2IN1 FOR DC GRINDER	ĐÁ MÀI 2 TRONG 1 CHO MÁY MÀI DC 100MM	38.664		8%
2807	B-51655	ABRASIVE WHEEL IDEAL 2IN1 FOR DC GRINDER	ĐÁ MÀI 2IN1 125MMX2.2MMX22.23MM	67.284		8%
2808	B-51823	DIAMOND PIN DRILL 6MM	MŨI KHOAN LỖ ĐẦU KIM CƯỜNG 6MM	966.600		8%
2809	B-51839	DIAMOND PIN DRILL 8MM	MŨI KHOAN LỖ ĐẦU KIM CƯỜNG 8MM	1.047.600		8%
2810	B-51845	DIAMOND PIN DRILL 10MM	MŨI KHOAN LỖ ĐẦU KIM CƯỜNG 10MM	1.047.600		8%
2811	B-51851	FLEXIBLE TOUGH BIT HOLDER 300MM	ĐẦU VÍT DẸO 300MM	775.656		8%
2812	B-51904	GRINDING WHEEL 150MM FOR BENCH GRINDER	ĐÁ MÀI 150MM (A36)	365.040		8%
2813	B-51910	GRINDING WHEEL (BENCH,150)	ĐÁ MÀI (MÁY MÀI HAI ĐÁ, 150)	343.440		8%
2814	B-51932	GRINDING WHEEL (150 X 16 X 12.7MM)	ĐÁ MÀI (150 X 16 X 12.7MM) GC120H	515.160		8%
2815	B-51948	GRINDING WHEEL 205MM	ĐÁ MÀI 205MM	538.056		8%
2816	B-51960	GRINDING WHEEL 205MM	ĐÁ MÀI CHO MÁY MÀI 2 ĐÁ 205MM	606.960		8%
2817	B-51976	GRINDING WHEEL (205 X 19 X 15.88MM)	ĐÁ MÀI (205 X 19 X 15.88MM) GC120H	915.840		8%
2818	B-52043	RECIPRO SAW BLADE ICE 6T 152MM	LƯỖI CỬA KIỂM DỪNG CHO ĐÁ, THỰC PHẨM	497.988		8%
2819	B-52146	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2")	ĐẦU TUÝP DÀI 12,7MM(1/2") 8X81,5MM	86.400		8%
2820	B-52152	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2")	ĐẦU TUÝP DÀI 12,7MM(1/2") 10X81,5MM	86.400		8%
2821	B-52168	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2")	ĐẦU TUÝP DÀI 12,7MM(1/2") 11X81,5MM	86.400		8%
2822	B-52174	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2")	ĐẦU TUÝP DÀI 12,7MM(1/2") 12X81,5MM	86.400		8%
2823	B-52205	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2")	ĐẦU TUÝP DÀI 12,7MM(1/2") 16X81,5MM	91.800		8%
2824	B-52227	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2")	ĐẦU TUÝP DÀI 12,7MM(1/2") 18X81,5MM	113.400		8%
2825	B-52249	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2")	ĐẦU TUÝP DÀI 12,7MM(1/2") 21X81,5MM	140.400		8%
2826	B-52255	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2")	ĐẦU TUÝP DÀI 12,7MM(1/2") 22X81,5MM	151.200		8%
2827	B-52261	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2")	ĐẦU TUÝP DÀI 12,7MM(1/2") 24X81,5MM	167.400		8%
2828	B-52277	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2")	ĐẦU TUÝP DÀI 12,7MM(1/2") 27X81,5MM	183.600		8%
2829	B-52283	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2")	ĐẦU TUÝP DÀI 12,7MM(1/2") 30X81,5MM	205.200		8%
2830	B-52299	IMPACT DEEP SOCKET FOR 12.7MM(1/2")	ĐẦU TUÝP DÀI 12,7MM(1/2") 32X81,5MM	226.800		8%
2831	B-52629	HOLLOW SOCKET 17MMX75MM (M2)	ĐẦU TUÝP VẤN ỐC SẮT REN 17MMX75MM	545.400		8%
2832	B-52691	SDS-PLUS SHANK 182MM(M12-M16)-CEN	CHUỖI SDS 182MM(M12-M16)-MŨI KHOAN	446.472		8%
2833	B-52700	SDS-PLUS SHANK 182MM(M12-M16)	CHUỖI SDS 182MM(M12-M16)	353.484		8%
2834	B-52716	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SA-10X20X6MM)	MŨI ĐOÀ KIM LOẠI (SA-10X20X6MM)	399.600		8%
2835	B-52722	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SA-10X20X6MM)	MŨI ĐOÀ KIM LOẠI (SA-10X20X6MM)	399.600		8%
2836	B-52738	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SA-10X20X6MM)	MŨI ĐOÀ KIM LOẠI (SA-10X20X6MM)	399.600		8%
2837	B-52744	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SC-10X20X6MM)	MŨI ĐOÀ KIM LOẠI (SC-10X20X6MM)	399.600		8%
2838	B-52750	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SC-10X20X6MM)	MŨI ĐOÀ KIM LOẠI (SC-10X20X6MM)	399.600		8%
2839	B-52766	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SC-10X20X6MM)	MŨI ĐOÀ KIM LOẠI (SC-10X20X6MM)	399.600		8%
2840	B-52772	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SF-10X20X6MM)	MŨI ĐOÀ KIM LOẠI (SF-10X20X6MM)	399.600		8%
2841	B-52788	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SF-10X20X6MM)	MŨI ĐOÀ KIM LOẠI (SF-10X20X6MM)	399.600		8%
2842	B-52794	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SF10X20X6MM)	MŨI ĐOÀ KIM LOẠI (SF10X20X6MM)	399.600		8%
2843	B-52803	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SL-10X25X6MM)	MŨI ĐOÀ KIM LOẠI (SL-10X25X6MM)	399.600		8%
2844	B-52819	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SL-10X25X6MM)	MŨI ĐOÀ KIM LOẠI (SL-10X25X6MM)	399.600		8%
2845	B-52825	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SL-10X25X6MM)	MŨI ĐOÀ KIM LOẠI (SL-10X25X6MM)	399.600		8%
2846	B-52831	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SM-10X20X6MM)	MŨI ĐOÀ KIM LOẠI (SM-10X20X6MM)	399.600		8%
2847	B-52847	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SM-10X20X6MM)	MŨI ĐOÀ KIM LOẠI (SM-10X20X6MM)	399.600		8%
2848	B-52853	TUNGSTEN CARBIDE BURRS (SM-10X20X6MM)	MŨI ĐOÀ KIM LOẠI (SM-10X20X6MM)	399.600		8%
2849	B-53160	PCD OFFSET DIAMOND 125 X 22.23MM	LƯỖI BẢO SƠN 125X22.23MM	3.573.720		8%
2850	B-53279	TCT SAW BLADE 165MMX20MM X44T FOR MDF	LƯỖI CỬA HỘP KIM CHO MDF VÀ GỖ 165	972.000		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
2851	B-53671	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL 100	LƯỚI CẮT KIM CƯƠNG PHẦN ĐOẠN ĐA N	982.800		8%
2852	B-53693	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL 125	LƯỚI CẮT KIM CƯƠNG PHẦN ĐOẠN ĐA N	1.111.320		8%
2853	B-53702	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL 180	LƯỚI CẮT KIM CƯƠNG PHẦN ĐOẠN ĐA N	1.753.920		8%
2854	B-53718	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL 230	LƯỚI CẮT KIM CƯƠNG PHẦN ĐOẠN ĐA N	2.890.620		8%
2855	B-53914	VACUUM BRAZED DIA HOLES AW 68MM	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG 68MM	1.876.500		8%
2856	B-54081	RACHET SCREW BIT SET MINI RATCHET	BỘ MŨI VÁN VÍT CỎ CÁN SIẾT 21PCS	730.080		8%
2857	B-54128	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 5X	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS	50.112		8%
2858	B-54134	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 5X	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS	50.112		8%
2859	B-54140	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 6X	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS	51.516		8%
2860	B-54156	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 6X	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS	55.836		8%
2861	B-54162	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 6X	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS	55.836		8%
2862	B-54178	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 8X	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS	52.650		8%
2863	B-54184	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 8X	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS	61.560		8%
2864	B-54190	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 10X	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS	68.688		8%
2865	B-54209	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 10X	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS	71.550		8%
2866	B-54215	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 12X	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS	80.136		8%
2867	B-54221	SDS-PLUS CENTERING TIP TCT DRILL 12X	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS	86.400		8%
2868	B-54302	EARTH AUGER DRILL SET 20MM(13/16")	BỘ MŨI KHOAN ĐẤT 20MM(13/16")	5.481.000		8%
2869	B-54318	EARTH AUGER DRILL SET 25MM(1")	BỘ MŨI KHOAN ĐẤT 25MM(1")	5.215.050		8%
2870	B-54324	EARTH AUGER DRILL SET 30MM(1-3/16")	BỘ MŨI KHOAN ĐẤT 30MM(1-3/16")	5.782.050		8%
2871	B-54330	EARTH AUGER DRILL SET 35MM(1-3/8")	BỘ MŨI KHOAN ĐẤT 35MM(1-3/8")	6.654.150		8%
2872	B-54380	SOCKET SET 3/4 " FOR EARTH AUGER DRILL	ĐẦU TUÝP 3/4" CHO MŨI KHOAN ĐẤT	1.102.950		8%
2873	B-54396	PIN FOR 3/4" SQ. SOCKET	CHÓT 3/4" CHO ĐẦU TUÝP	133.375		10%
2874	B-54405	O-RING FOR 3/4" SQ. SOCKET	VÒNG CAO SU 3/4" CHO ĐẦU TUÝP	30.132		8%
2875	B-54542	O RING SET FOR 1/2" SQUARE IMPACT SOCKET	VÒNG CHỮ O DỪNG CHO ĐẦU TUÝP 8MM	24.408		8%
2876	B-54558	O RING SET FOR 1/2" SQUARE IMPACT SOCKET	VÒNG CHỮ O DỪNG CHO ĐẦU TUÝP 17MM	24.408		8%
2877	B-54564	O RING SET FOR 1/2" SQUARE IMPACT SOCKET	VÒNG CHỮ O DỪNG CHO ĐẦU TUÝP 18MM	24.408		8%
2878	B-54570	O RING SET FOR 1/2" SQUARE IMPACT SOCKET	VÒNG CHỮ O DỪNG CHO ĐẦU TUÝP 20MM	24.408		8%
2879	B-54586	PIN SET FOR 1/2" SQUARE IMPACT SOCKET	CHÓT GIỮ ĐẦU TUÝP 8MM ĐẾN 16MM 3	24.860		10%
2880	B-54592	PIN SET FOR 1/2" SQUARE IMPACT SOCKET	CHÓT GIỮ ĐẦU TUÝP 17MM 3 CÁI/BỘ	24.860		10%
2881	B-54601	PIN SET FOR 1/2" SQUARE IMPACT SOCKET	CHÓT GIỮ ĐẦU TUÝP 18MM ĐẾN 19MM 3	30.690		10%
2882	B-54617	PIN SET FOR 1/2" SQUARE IMPACT SOCKET	CHÓT GIỮ ĐẦU TUÝP 20MM ĐẾN 32MM 3	30.690		10%
2883	B-54689	3/8" SQUARE DRIVE SOCKET ADAPTER(NZ 1/2")	ĐẦU CHUYỂN VÁN VÍT SANG BU LÔNG 3/8"	44.550		8%
2884	B-54695	1/2" SQUARE DRIVE SOCKET ADAPTER(NZ 1/2")	CHUYỂN ĐỔI TỪ CHUỐI VÁN VÍT (NZ 1/2")	64.476		8%
2885	B-55310	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL FOR	LƯỚI KIM CƯƠNG DỪNG CHO CỨU HỘ 12"	1.278.720		8%
2886	B-55326	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL FOR	LƯỚI KIM CƯƠNG CỨU HỘ 230X3.1X22.2"	3.054.240		8%
2887	B-55332	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL FOR	LƯỚI KIM CƯƠNG DỪNG CHO CỨU HỘ 30"	3.851.280		8%
2888	B-55348	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL FOR	LƯỚI KIM CƯƠNG DỪNG CHO CỨU HỘ 35"	4.823.280		8%
2889	B-55398	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 7MM 3/8"	ĐẦU TUÝP DÀI 7MM CỐT 3/8"	75.600		8%
2890	B-55407	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 8MM 3/8"	ĐẦU TUÝP DÀI 8MM CỐT 3/8"	75.600		8%
2891	B-55413	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 9MM 3/8"	ĐẦU TUÝP DÀI 9MM CỐT 3/8"	75.600		8%
2892	B-55429	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 10MM 3/8"	ĐẦU TUÝP DÀI 10MM CỐT 3/8"	75.600		8%
2893	B-55435	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 11MM 3/8"	ĐẦU TUÝP DÀI 11MM CỐT 3/8"	75.600		8%
2894	B-55441	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 12MM 3/8"	ĐẦU TUÝP DÀI 12MM CỐT 3/8"	75.600		8%
2895	B-55457	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 13MM 3/8"	ĐẦU TUÝP DÀI 13MM CỐT 3/8"	75.600		8%
2896	B-55463	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 14MM 3/8"	ĐẦU TUÝP DÀI 14MM CỐT 3/8"	75.600		8%
2897	B-55479	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 15MM 3/8"	ĐẦU TUÝP DÀI 15MM CỐT 3/8"	91.800		8%
2898	B-55485	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 16MM 3/8"	ĐẦU TUÝP DÀI 16MM CỐT 3/8"	91.800		8%
2899	B-55491	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 17MM 3/8"	ĐẦU TUÝP DÀI 17MM CỐT 3/8"	97.200		8%
2900	B-55500	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 18MM 3/8"	ĐẦU TUÝP DÀI 18MM CỐT 3/8"	108.000		8%
2901	B-55516	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 19MM 3/8"	ĐẦU TUÝP DÀI 19MM CỐT 3/8"	108.000		8%
2902	B-55522	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 20MM 3/8"	ĐẦU TUÝP DÀI 20MM CỐT 3/8"	113.400		8%
2903	B-55538	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 21MM 3/8"	ĐẦU TUÝP DÀI 21MM CỐT 3/8"	129.600		8%
2904	B-55544	DRIVE DEEP IMPACT SOCKET 22MM 3/8"	ĐẦU TUÝP DÀI 22MM CỐT 3/8"	135.000		8%
2905	B-55697	COLOR SCREW BIT SET 43PCS	BỘ MŨI VÍT MÀU 43CÁI	914.760		8%
2906	B-55706	SQUARE DRIVE SOCKET 1/2" EXTENSION	ĐẦU NỐI SIẾT BU LÔNG 1/2" KÉO DÀI 250	208.980		8%
2907	B-55712	SQUARE DRIVE SOCKET 1/2" EXTENSION	ĐẦU NỐI SIẾT BU LÔNG 1/2" KÉO DÀI 150	157.464		8%
2908	B-55728	SQUARE DRIVE SOCKET 1/2" EXTENSION	ĐẦU NỐI SIẾT BU LÔNG 1/2" KÉO DÀI 75M	115.992		8%
2909	B-55762	IMPACT SOCKET WITH SOCKET 1/2" ADAPTER	BỘ ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 1/2" CỎ ĐẦU	567.000		8%
2910	B-55778	IMPACT SOCKET WITH SOCKET 3/8" ADAPTER	BỘ ĐẦU TUÝP SIẾT BU LÔNG 3/8" CỎ ĐẦU	486.000		8%
2911	B-55859	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS	50.112		8%
2912	B-55865	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS	50.112		8%
2913	B-55871	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS	55.836		8%
2914	B-55887	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS	55.836		8%
2915	B-55893	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS	55.836		8%
2916	B-55902	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS	70.200		8%
2917	B-55918	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS	75.924		8%
2918	B-55924	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMER	SDS-PLUS MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỢP KIM	55.836		8%
2919	B-55930	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMER	SDS-PLUS MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỢP KIM	58.050		8%
2920	B-55946	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS	70.200		8%
2921	B-55952	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMER	SDS-PLUS MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỢP KIM	70.200		8%
2922	B-55968	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMER	SDS-PLUS MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỢP KIM	76.950		8%
2923	B-55974	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS	68.688		8%
2924	B-55980	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMER	SDS-PLUS MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỢP KIM	68.688		8%
2925	B-55996	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMER	SDS-PLUS MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỢP KIM	87.750		8%
2926	B-56007	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMER	SDS-PLUS MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỢP KIM	98.820		8%
2927	B-56013	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMER	SDS-PLUS MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỢP KIM	174.636		8%
2928	B-56029	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMER	SDS-PLUS MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỢP KIM	103.950		8%
2929	B-56035	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMER	SDS-PLUS MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỢP KIM	122.850		8%
2930	B-56041	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMER	SDS-PLUS MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỢP KIM	191.808		8%
2931	B-56057	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS	110.268		8%
2932	B-56063	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMER	SDS-PLUS MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỢP KIM	130.950		8%
2933	B-56079	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMER	SDS-PLUS MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỢP KIM	132.300		8%
2934	B-56085	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMER	SDS-PLUS MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỢP KIM	154.548		8%
2935	B-56091	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMER	SDS-PLUS MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỢP KIM	156.600		8%
2936	B-56100	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMER	SDS-PLUS MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỢP KIM	220.428		8%
2937	B-56116	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMER	SDS-PLUS MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỢP KIM	130.950		8%
2938	B-56122	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMER	SDS-PLUS MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỢP KIM	160.272		8%
2939	B-56138	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMER	SDS-PLUS MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỢP KIM	180.900		8%
2940	B-56144	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMER	SDS-PLUS MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỢP KIM	197.100		8%
2941	B-56150	SDS-PLUS CENTERING TIP DRILL HAMMER	SDS-PLUS MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỢP KIM	249.048		8%
2942	B-56384	GRINDING WHEEL FOR HEAVY INDUSTRIAL	ĐÁ MÀI CHO CÔNG NGHIỆP NẶNG A24S 1	70.200		8%
2943	B-56465	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS	197.640		8%
2944	B-56471	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỢP KIM SDS-PLUS	249.048		8%
2945	B-56487	TCT SAW BLADE 165X20X64T WOOD/DLS	LƯỚI CỬA GỖ T.C.T 165X20X64T/DLS600	1.011.960		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
2946	B-56530	TIP SAW 165X20X60T. FOR ALUMINIUM.	LƯỠI CẮT HỢP KIM CHO NHÓM 165X20X60	1.099.440		8%
2947	B-56580	RECIPRO SAW BLADE FOR BAMBOO, WOOD	LƯỠI CỬA KIỂM CÂY XANH, GỖ 190X0.60	208.980		8%
2948	B-56596	RECIPROSAW BLADE FOR BAMBOO, WOOD	LƯỠI CỬA KIỂM CHO TRE, GỖ 190MM X 0.60	220.428		8%
2949	B-56655	T.C.T SAW BALDE 165MMX20MMX56T FC	T.C.T LƯỠI CỬA HỢP KIM CHO NHÓM 165MMX20MM	1.620.000		8%
2950	B-56661	T.C.T SAW BALDE 165MMX20MMX60T FC	T.C.T LƯỠI CỬA HỢP KIM 165MMX20MM	1.388.880		8%
2951	B-56677	T.C.T SAW BALDE 165MMX20MMX60T FC	T.C.T LƯỠI CỬA HỢP KIM CHO MDF 165MMX20MM	1.388.880		8%
2952	B-56683	T.C.T SAW BALDE 165MMX20MMX48T FC	T.C.T LƯỠI CỬA HỢP KIM DÀ NHẪN TẠO	1.597.320		8%
2953	B-57130	TAPE MEASURE 3.5M	THƯỚC KÉO 3.5M	254.880		8%
2954	B-57146	TAPE MEASURE 5.5M	THƯỚC KÉO 5.5M	555.228		8%
2955	B-57152	TAPE MEASURE 7.5M	THƯỚC KÉO 7.5M	677.160		8%
2956	B-57168	TAPE MEASURE 10M	THƯỚC KÉO 10M	792.828		8%
2957	B-57174	TAPE MEASURE WITH HOLDER & SAFETY	THƯỚC KÉO 7.5M (CÓ MỘC TREO)	1.181.520		8%
2958	B-57364	TCT BLADE 165X20X56T WOOD/MDF	LƯỠI CẮT GỖ/MDF TCT 165X20X56T	1.122.120		8%
2959	B-57386	RECIPRO SAW BLADE FOR BAMBOO, WOOD	LƯỠI CỬA KIỂM CÂY XANH, GỖ 225X0.90	325.080		8%
2960	B-57392	RECIPROSAW BLADE FOR BAMBOO, WOOD	LƯỠI CỬA KIỂM CHO TRE, GỖ 225MMX0.90	359.208		8%
2961	B-57401	HSS-TIN METAL DRILL BIT 3X90 1PC (SDS-PLUS)	HSS-TIN MŨI KHOAN KIM LOẠI 3X90MM	47.304		8%
2962	B-57417	HSS-TIN METAL DRILL BIT 3.5X100 1PC (SDS-PLUS)	HSS-TIN MŨI KHOAN KIM LOẠI 3.5X100MM	55.350		8%
2963	B-57423	HSS-TIN METAL DRILL BIT 4X105 1PC (SDS-PLUS)	HSS-TIN MŨI KHOAN KIM LOẠI 4X105MM	55.350		8%
2964	B-57439	HSS-TIN METAL DRILL BIT 4.5X110 1PC (SDS-PLUS)	HSS-TIN MŨI KHOAN KIM LOẠI 4.5X110MM	60.750		8%
2965	B-57445	HSS-TIN METAL DRILL BIT 5X116 1PC (SDS-PLUS)	HSS-TIN MŨI KHOAN KIM LOẠI 5X116MM	71.550		8%
2966	B-57451	HSS-TIN METAL DRILL BIT 5.5X123 1PC (SDS-PLUS)	HSS-TIN MŨI KHOAN KIM LOẠI 5.5X123MM	76.950		8%
2967	B-57467	HSS-TIN METAL DRILL BIT 6X123 1PC (SDS-PLUS)	HSS-TIN MŨI KHOAN KIM LOẠI 6X123MM	76.950		8%
2968	B-57473	HSS-TIN METAL DRILL BIT 6.5X131 1PC (SDS-PLUS)	HSS-TIN MŨI KHOAN KIM LOẠI 6.5X131MM	93.096		8%
2969	B-57489	BRAD POINT WOOD DRILL BITS 4X105 1PC (SDS-PLUS)	MŨI KHOAN GỖ 4X105 1CÁI (CHUỖI SDS-PLUS)	58.050		8%
2970	B-57495	BRAD POINT WOOD DRILL BITS 5X116 1PC (SDS-PLUS)	MŨI KHOAN GỖ 5X116 1CÁI (CHUỖI SDS-PLUS)	58.752		8%
2971	B-57504	BRAD POINT WOOD DRILL BITS 6X123 1PC (SDS-PLUS)	MŨI KHOAN GỖ 6X123 1CÁI (CHUỖI SDS-PLUS)	60.750		8%
2972	B-57510	BRAD POINT WOOD DRILL BITS 8X147 1PC (SDS-PLUS)	MŨI KHOAN GỖ 8X147 1CÁI (CHUỖI SDS-PLUS)	66.150		8%
2973	B-57526	BRAD POINT WOOD DRILL BITS 10X163 1PC (SDS-PLUS)	MŨI KHOAN GỖ 10X163 1CÁI (CHUỖI SDS-PLUS)	75.600		8%
2974	B-57532	SDS-PLUS SHANK DRILL BITS SET 3,4,5,6,6.5	BỘ MŨI KHOAN CHUỖI SDS-PLUS 3,4,5,6,6.5	248.400		8%
2975	B-57548	SLEEVE CHUCK BIT HOLDER WITH SDS-PLUS	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI VÁN VÍT CHUỖI SDS-PLUS	121.716		8%
2976	B-57554	MAGNET NUTSETTER 4PCS(8,10,12,13)X4	ĐẦU TỤYP VÁN ỐC 4CÁI(8,10,12,13)X4MM	120.150		8%
2977	B-57576	EARTH AUGER DRILL SET 40MM(1-9/16")	BỘ MŨI KHOAN ĐẤT 40MM (1-9/16")	8.378.100		8%
2978	B-57897	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 5X116	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 5X116	159.300		8%
2979	B-57906	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 5X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 5X123	141.696		8%
2980	B-57912	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 5X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 5X123	197.640		8%
2981	B-57928	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 5X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 5X123	214.704		8%
2982	B-57934	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 5X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 5X123	353.484		8%
2983	B-57940	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 5.5X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 5.5X123	148.824		8%
2984	B-57956	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 5.5X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 5.5X123	133.164		8%
2985	B-57962	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 6X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 6X123	127.440		8%
2986	B-57978	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 6X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 6X123	133.164		8%
2987	B-57984	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 6X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 6X123	175.500		8%
2988	B-57990	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 6X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 6X123	203.256		8%
2989	B-58001	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 6X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 6X123	311.850		8%
2990	B-58023	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 6.5X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 6.5X123	143.100		8%
2991	B-58045	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 6.5X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 6.5X123	245.700		8%
2992	B-58051	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 6.5X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 6.5X123	311.850		8%
2993	B-58067	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 7X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 7X123	157.464		8%
2994	B-58073	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 7X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 7X123	157.464		8%
2995	B-58089	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 7X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 7X123	203.256		8%
2996	B-58095	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 8X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 8X123	163.188		8%
2997	B-58104	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 8X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 8X123	157.464		8%
2998	B-58110	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 8X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 8X123	203.256		8%
2999	B-58126	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 8X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 8X123	245.700		8%
3000	B-58132	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 8X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 8X123	336.312		8%
3001	B-58154	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 8X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 8X123	486.540		8%
3002	B-58176	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 9X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 9X123	157.464		8%
3003	B-58182	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 9X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 9X123	266.220		8%
3004	B-58198	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 10X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 10X123	163.188		8%
3005	B-58207	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 10X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 10X123	168.912		8%
3006	B-58213	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 10X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 10X123	208.980		8%
3007	B-58229	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 10X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 10X123	271.944		8%
3008	B-58235	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 10X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 10X123	342.036		8%
3009	B-58257	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 10X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 10X123	452.520		8%
3010	B-58263	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 10X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 10X123	688.392		8%
3011	B-58279	TCT DRILL BIT FOR SDS-PLUS HAMMER	MŨI KHOAN TCT CHUỖI SDS PLUS NEMESIS II	1.597.320		8%
3012	B-58285	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 11X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 11X123	162.000		8%
3013	B-58338	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 12X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 12X123	194.400		8%
3014	B-58344	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 12X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 12X123	237.600		8%
3015	B-58350	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 12X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 12X123	302.400		8%
3016	B-58366	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 12X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 12X123	437.400		8%
3017	B-58394	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 13X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 13X123	205.200		8%
3018	B-58425	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 13X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 13X123	410.400		8%
3019	B-58431	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 14X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 14X123	226.800		8%
3020	B-58447	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 14X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 14X123	306.450		8%
3021	B-58453	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 14X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 14X123	351.000		8%
3022	B-58475	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 14X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 14X123	453.600		8%
3023	B-58506	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 15X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 15X123	297.000		8%
3024	B-58556	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 16X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 16X123	388.800		8%
3025	B-58562	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 16X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 16X123	432.000		8%
3026	B-58578	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 16X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 16X123	459.000		8%
3027	B-58584	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 16X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 16X123	567.000		8%
3028	B-58615	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 18X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 18X123	621.000		8%
3029	B-58637	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 20X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 20X123	675.000		8%
3030	B-58659	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 20X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 20X123	783.000		8%
3031	B-58665	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 22X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 22X123	792.828		8%
3032	B-58687	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 22X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 22X123	1.030.320		8%
3033	B-58693	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 24X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 24X123	1.122.120		8%
3034	B-58702	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 24X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 24X123	1.063.800		8%
3035	B-58718	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 25X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 25X123	954.450		8%
3036	B-58724	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 25X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 25X123	1.221.750		8%
3037	B-58746	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 28X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 28X123	1.366.200		8%
3038	B-58752	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 28X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 28X123	1.527.120		8%
3039	B-58768	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 30X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 30X123	1.527.120		8%
3040	B-58774	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 30X123	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỖI SDS-PLUS 30X123	1.506.600		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
3041	B-58780	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 32X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS	2.012.040		8%
3042	B-62022	TCT SAW BLADE EFFICUT 185MM x 20 x 2	LƯỖI CÁT HỘP KIM EFFICUT 185MM x 20	475.200		8%
3043	B-62125	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ18X210M	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỘP KIM SDS-PLUS	217.512		8%
3044	B-62131	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ18X350M	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỘP KIM SDS-PLUS	266.220		8%
3045	B-62147	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ19X210M	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỘP KIM SDS-PLUS	261.900		8%
3046	B-62153	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ19X350M	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỘP KIM SDS-PLUS	313.416		8%
3047	B-62169	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ20X210M	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỘP KIM SDS-PLUS	274.752		8%
3048	B-62175	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ20X350M	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỘP KIM SDS-PLUS	319.140		8%
3049	B-62181	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ22X210M	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỘP KIM SDS-PLUS	407.916		8%
3050	B-62197	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ22X350M	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỘP KIM SDS-PLUS	410.724		8%
3051	B-62206	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ24X210M	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỘP KIM SDS-PLUS	459.432		8%
3052	B-62212	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ24X350M	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỘP KIM SDS-PLUS	497.988		8%
3053	B-62228	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ25X210M	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỘP KIM SDS-PLUS	466.560		8%
3054	B-62234	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ25X350M	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỘP KIM SDS-PLUS	503.712		8%
3055	B-62240	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ28X210M	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỘP KIM SDS-PLUS	594.000		8%
3056	B-62256	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ28X350M	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỘP KIM SDS-PLUS	631.152		8%
3057	B-62262	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ30X210M	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỘP KIM SDS-PLUS	739.908		8%
3058	B-62278	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ30X350M	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỘP KIM SDS-PLUS	787.320		8%
3059	B-62284	CENTERING TIP FOR SDS-PLUS Φ32X350M	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỘP KIM SDS-PLUS	948.780		8%
3060	B-62496	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS	MŨI KHOAN 4 CANH SDS-PLUS 6X110MM	61.560		8%
3061	B-62505	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS	MŨI KHOAN 4 CANH SDS-PLUS 6X160MM	61.560		8%
3062	B-62511	4CUTTER FOR SDS-PLUS 6X210MM	MŨI KHOAN 4 CANH SDS-PLUS 6X210MM	68.688		8%
3063	B-62527	4CUTTER FOR SDS-PLUS 6X260MM	MŨI KHOAN 4 CANH SDS-PLUS 6X260MM	80.136		8%
3064	B-62533	4CUTTER FOR SDS-PLUS 6.5X110MM	MŨI KHOAN 4 CANH SDS-PLUS 6.5X110M	68.688		8%
3065	B-62549	4CUTTER FOR SDS-PLUS 6.5X160MM	MŨI KHOAN 4 CANH SDS-PLUS 6.5X160M	68.688		8%
3066	B-62555	4CUTTER FOR SDS-PLUS 6.5X210MM	MŨI KHOAN 4 CANH SDS-PLUS 6.5X210M	74.412		8%
3067	B-62561	4CUTTER FOR SDS-PLUS 6.5X260MM	MŨI KHOAN 4 CANH SDS-PLUS 6.5X260M	85.860		8%
3068	B-62577	4CUTTER FOR SDS-PLUS 7X110MM	MŨI KHOAN 4 CANH SDS-PLUS 7X110MM	74.412		8%
3069	B-62583	4CUTTER FOR SDS-PLUS 7X160MM	MŨI KHOAN 4 CANH SDS-PLUS 7X160MM	74.412		8%
3070	B-62599	4CUTTER FOR SDS-PLUS 7X210MM	MŨI KHOAN 4 CANH SDS-PLUS 7X210MM	80.136		8%
3071	B-62608	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS	MŨI KHOAN 4 CANH SDS-PLUS 8X110MM	80.136		8%
3072	B-62614	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS	MŨI KHOAN 4 CANH SDS-PLUS 8X160MM	80.136		8%
3073	B-62620	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS	MŨI KHOAN 4 CANH SDS-PLUS 8X210MM	91.584		8%
3074	B-62636	4CUTTER FOR SDS-PLUS 8X260MM	MŨI KHOAN 4 CANH SDS-PLUS 8X260MM	91.584		8%
3075	B-62642	4CUTTER FOR SDS-PLUS 8X310MM	MŨI KHOAN 4 CANH SDS-PLUS 8X310MM	98.820		8%
3076	B-62658	4CUTTER FOR SDS-PLUS 8X460MM	MŨI KHOAN 4 CANH SDS-PLUS 8X460MM	165.996		8%
3077	B-62664	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS	MŨI KHOAN 4 CANH SDS-PLUS 10X110MM	104.544		8%
3078	B-62670	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS	MŨI KHOAN 4 CANH SDS-PLUS 10X160MM	98.820		8%
3079	B-62686	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS	MŨI KHOAN 4 CANH SDS-PLUS 10X210MM	115.992		8%
3080	B-62692	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS	MŨI KHOAN 4 CANH SDS-PLUS 10X260MM	134.568		8%
3081	B-62701	4CUTTER FOR SDS-PLUS 10X310MM	MŨI KHOAN 4 CANH SDS-PLUS 10X310M	128.844		8%
3082	B-62717	4CUTTER FOR SDS-PLUS 10X350MM	MŨI KHOAN 4 CANH SDS-PLUS 10X350MM	134.568		8%
3083	B-62723	4CUTTER FOR SDS-PLUS 10X460MM	MŨI KHOAN 4 CANH SDS-PLUS 10X460MM	196.128		8%
3084	B-62739	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS	MŨI KHOAN 4 CANH SDS-PLUS 12X160MM	147.420		8%
3085	B-62745	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS	MŨI KHOAN 4 CANH SDS-PLUS 12X210MM	153.144		8%
3086	B-62751	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS	MŨI KHOAN 4 CANH SDS-PLUS 12X260MM	165.996		8%
3087	B-62767	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS	MŨI KHOAN 4 CANH SDS-PLUS 12X310MM	162.000		8%
3088	B-62773	4CUTTER FOR SDS-PLUS 12X350MM	MŨI KHOAN 4 CANH SDS-PLUS 12X350MM	177.444		8%
3089	B-62789	4CUTTER FOR SDS-PLUS 12X460MM	MŨI KHOAN 4 CANH SDS-PLUS 12X460MM	237.600		8%
3090	B-62795	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS	MŨI KHOAN 4 CANH SDS-PLUS 14X160MM	213.300		8%
3091	B-62804	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS	MŨI KHOAN 4 CANH SDS-PLUS 14X210MM	220.428		8%
3092	B-62810	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS	MŨI KHOAN 4 CANH SDS-PLUS 14X260MM	237.600		8%
3093	B-62826	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS	MŨI KHOAN 4 CANH SDS-PLUS 14X310MM	224.100		8%
3094	B-62832	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS	MŨI KHOAN 4 CANH SDS-PLUS 14X350MM	243.324		8%
3095	B-62848	4CUTTER FOR SDS-PLUS 14X460MM	MŨI KHOAN 4 CANH SDS-PLUS 14X460MM	273.348		8%
3096	B-62854	4CUTTER FOR SDS-PLUS 16X160MM	MŨI KHOAN 4 CANH SDS-PLUS 16X160MM	243.324		8%
3097	B-62860	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS	MŨI KHOAN 4 CANH SDS-PLUS 16X210MM	267.624		8%
3098	B-62876	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS	MŨI KHOAN 4 CANH SDS-PLUS 16X260MM	280.476		8%
3099	B-62882	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS	MŨI KHOAN 4 CANH SDS-PLUS 16X310MM	282.150		8%
3100	B-62898	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS	MŨI KHOAN 4 CANH SDS-PLUS 16X350MM	287.550		8%
3101	B-62907	4CUTTER T.C.T DRILL BIT FOR SDS- PLUS	MŨI KHOAN 4 CANH SDS-PLUS 16X460MM	347.760		8%
3102	B-63018	TCT SAW BLADE EFFICUT SPECIALIZED B	LƯỖI CUA HỘP KIM EFFICUT CHO MÁY P	730.080		8%
3103	B-63111	KEY ADAPTER NZ	MỐC TREO CHÌA KHÓA NZ	93.150		8%
3104	B-63161	T.C.T SAW BALDE 165MM*20MM*42T	LƯỖI CÁT HỘP KIM 165MM*20MM*42T	1.317.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
3105	B-63585	TC RECIPRO SAW BLADE FOR AERATED C	LƯỖI CUA KIỂM TC CHO BỀ TÔNG KHÍ 30	850.068		8%
3106	B-63591	TC RECIPRO SAW BLADE FOR AERATED C	LƯỖI CUA KIỂM TC CHO BỀ TÔNG KHÍ 40	1.122.120		8%
3107	B-64200	TCT SAW BLADE IDEAL FOR DC CIRCULA	LƯỖI CUA HỘP KIM CHO MÁY PIN 190MM	670.950		8%
3108	B-64238	PREMIUM BULL POINT FOR SDS-PLUS 250	MŨI ĐỤC NHON TỰ MÀI SDS-PLUS 250	226.152		8%
3109	B-64244	PREMIUM COLD CHISEL FOR SDS-PLUS 25	MŨI ĐỤC ĐEP TỰ MÀI SDS-PLUS 250	226.152		8%
3110	B-64250	PREMIUM SCALING CHISEL FOR SDS-PLU	MŨI ĐỤC ĐEP TỰ MÀI SDS-PLUS 250	340.200		8%
3111	B-64266	PREMIUM BULL POINT FOR SDS-MAX 400	MŨI ĐỤC NHON TỰ MÀI SDS-MAX 400	399.600		8%
3112	B-64272	PREMIUM COLD CHISEL FORSDS-MAX 40	MŨI ĐỤC ĐEP TỰ MÀI SDS-MAX 400	399.600		8%
3113	B-64288	PREMIUM SCALING CHISEL FOR SDS-MA	MŨI ĐỤC ĐEP TỰ MÀI SDS-MAX 380	469.800		8%
3114	B-64381	DUST EXTRACTION DRILL BIT FOR SDS-P	MŨI KHOAN TÍCH HỢP ỒNG HÚT BUI, CH	1.598.400		8%
3115	B-64397	DUST EXTRACTION DRILL BIT FOR SDS-P	MŨI KHOAN TÍCH HỢP ỒNG HÚT BUI, CH	1.684.800		8%
3116	B-64406	DUST EXTRACTION DRILL BIT FOR SDS-P	MŨI KHOAN TÍCH HỢP ỒNG HÚT BUI, CH	1.771.200		8%
3117	B-64412	DUST EXTRACTION DRILL BIT FOR SDS-P	MŨI KHOAN TÍCH HỢP ỒNG HÚT BUI, CH	2.116.800		8%
3118	B-64440	DUST EXTRACTION DRILL BIT FOR SDS-M	MŨI KHOAN TÍCH HỢP ỒNG HÚT BUI, CH	3.888.000		8%
3119	B-64456	DUST EXTRACTION DRILL BIT FOR SDS-M	MŨI KHOAN TÍCH HỢP ỒNG HÚT BUI, CH	3.974.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3120	B-64478	DUST EXTRACTION DRILL BIT FOR SDS-M	MŨI KHOAN TÍCH HỢP ỒNG HÚT BUI, CH	4.125.600		8%
3121	B-64484	DUST EXTRACTION DRILL BIT FOR SDS-M	MŨI KHOAN TÍCH HỢP ỒNG HÚT BUI, CH	4.622.400		8%
3122	B-64509	DUST EXTRACTION DRILL BIT FOR SDS-M	MŨI KHOAN TÍCH HỢP ỒNG HÚT BUI, CH	4.773.600		8%
3123	B-64521	DUST EXTRACTION DRILL BIT FOR SDS-M	MŨI KHOAN TÍCH HỢP ỒNG HÚT BUI, CH	4.989.600		8%
3124	B-64668	TCT SAW BLADE EFFICUT 260MM X 25.4N	LƯỖI CUA HỘP KIM EFFICUT 260MMX25.	1.296.000		8%
3125	B-64696-5	CUT-OFF WHEEL 14" IDEAL FOR CORDLE	ĐÁ CÁT 14" DÙNG CHO MÁY PIN 355x 2.5	752.760		8%
3126	B-64799	SEGMENT SAW BLADE 85/TMA045	LƯỖI CUA PHÂN ĐOẠN 85/TMA045	602.640		8%
3127	B-64808	SEGMENT SAW BLADE 100/TMA046	LƯỖI CUA PHÂN ĐOẠN 100/TMA046	758.484		8%
3128	B-64814	PLUNGE CUT SAW BLADE 28/TMA047	LƯỖI CUA 28/TMA047	382.320		8%
3129	B-64820	PLUNGE CUT SAW BLADE 65/TMA048	LƯỖI CUA 65/TMA048	503.712		8%
3130	B-64836	SEGMENT SAW BLADE 85/TMA049	LƯỖI CUA PHÂN ĐOẠN 85/TMA049	446.472		8%
3131	B-64842	PLUNGE CUT SAW BLADE 20/TMA050	LƯỖI CUA 20/TMA050	277.668		8%
3132	B-64858	PLUNGE CUT SAW BLADE 32/TMA051	LƯỖI CUA 32/TMA051	307.800		8%
3133	B-64864	PLUNGE CUT SAW BLADE 65/TMA052	LƯỖI CUA 65/TMA052	347.760		8%
3134	B-64870	PLUNGE CUT SAW BLADE 32/TMA053	LƯỖI CUA 32/TMA053	440.748		8%
3135	B-64886	BOW SHAPE PLUNGE CUT SAW BLADE 32	LƯỖI CUA CHO MÁY ĐA NĂNG 32/TMA05	301.968		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
3136	B-64892	PLUNGE CUT SAW BLADE 65/TMA055	LƯỠI CỬA 65/TMA055	503.712		8%
3137	B-64901	PLUNGE CUT SAW BLADE 65/TMA056	LƯỠI CỬA 65/TMA056	393.552		8%
3138	B-64917	PLUNGE CUT SAW BLADE 10/TMA057	LƯỠI CỬA 10/TMA057	254.880		8%
3139	B-64923	PLUNGE CUT SAW BLADE 20/TMA058	LƯỠI CỬA 20/TMA058	260.496		8%
3140	B-64939	PLUNGE CUT SAW BLADE 32/TMA059	LƯỠI CỬA 32/TMA059	440.748		8%
3141	B-64945	HM BAR PLUNGE BLADE 20/TMA060	LƯỠI CỬA CHO MÁY ĐÀ NẶNG 20/TMA060	602.640		8%
3142	B-64951	HM BAR PLUNGE BLADE 32/TMA061	LƯỠI CỬA CHO MÁY ĐÀ NẶNG 32/TMA061	758.484		8%
3143	B-64967	SEGMENT KNIFE BLADE/TMA063	LƯỠI CỬA CHO MÁY ĐÀ NẶNG/TMA063	775.656		8%
3144	B-64973	SEGMENT SAW BLADE 85/TMA064	LƯỠI CỬA PHÂN ĐOẠN 85/TMA064	737.100		8%
3145	B-64989	SCRAPER 52 RIGID/TMA065	LƯỠI LỐC 52X26 CHO MÁY ĐÀ NẶNG/TM	260.496		8%
3146	B-64995	SCRAPER 52 FLEXIBLE/TMA066	LƯỠI LỐC 52X45 CHO MÁY ĐÀ NẶNG/TM	243.324		8%
3147	B-65006	GENERAL JOINT CUTTER/TMA067	LƯỠI CẮT ĐÀ NẶNG CHO MÁY ĐÀ NẶNG	448.200		8%
3148	B-65012	UNIVERSAL PURPOSE KNIFE/TMA068	LƯỠI CẮT ĐÀ NẶNG/TMA068	546.696		8%
3149	B-65028	HM SEG SAW BLADE 85/TMA069	LƯỠI CỬA PHÂN ĐOẠN HM 85/TMA069	861.840		8%
3150	B-65034	DIAMOND SEG SAWBLADE 85/TMA070	LƯỠI CỬA KIM CƯƠNG 85/TMA070	1.411.020		8%
3151	B-65040	HM SEG SAW BLADE 65/TMA071	LƯỠI CỬA PHÂN ĐOẠN HM 65/TMA071	688.392		8%
3152	B-65056	HM SEG SAW BLADE 85/TMA072	LƯỠI CỬA PHÂN ĐOẠN HM 85/TMA072	631.152		8%
3153	B-65062	HM SANDING PLATE 78/TMA073	HM SANDING PLATE 78/TMA073	730.080		8%
3154	B-65078	TC REMOVER/TMA074	LƯỠI LOẠI BỎ TM/TMA074	1.226.880		8%
3155	B-65084	HM PLUNGE BLADE 32/TMA075	LƯỠI CẮT CHO MÁY ĐÀ NẶNG 32/TMA075	688.392		8%
3156	B-65090	TC REMOVER/TMA076	LƯỠI LOẠI BỎ TM/TMA076	616.788		8%
3157	B-65109	TC REMOVER/TMA077	LƯỠI LOẠI BỎ TMTMA077	589.950		8%
3158	B-65115	SANDING PAD FOR MULTI TOOL/TMA078	ĐỆ CHÀ NHĂM CHO MÁY ĐÀ NẶNG/TMA078	383.508		8%
3159	B-65414	ADJUSTABLE WRENCH 150MM	CỖ LỀ 150MM	324.000		8%
3160	B-65486	WATER PUMP PLIER 250MM	KIỂM MÔ QUA 250MM	604.800		8%
3161	B-65492	WATER PUMP PLIER 300MM	KIỂM MÔ QUA 300MM	745.200		8%
3162	B-65551	DOUBLE BOX WRENCH 5 PCS/SET	BỘ CỖ LỀ HAI ĐẦU VÒNG 5 CÁI/BỘ	810.000		8%
3163	B-65654	PASS THRU SOCKET 11MM	ĐẦU TUYP XUYỀN TÂM 11MM	48.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3164	B-65698	PASS THRU SOCKET 15MM	ĐẦU TUYP XUYỀN TÂM 15MM	59.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3165	B-65707	PASS THRU SOCKET 16MM	ĐẦU TUYP XUYỀN TÂM 16MM	59.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3166	B-65729	PASS THRU SOCKET 18MM	ĐẦU TUYP XUYỀN TÂM 18MM	64.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3167	B-65844	SOCKET ADAPTER 1/4"	ĐẦU CHUYỂN ĐỐI CỖT 1/4"	118.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3168	B-65850	SOCKET ADAPTER 3/8"	ĐẦU CHUYỂN ĐỐI CỖT 3/8"	118.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3169	B-65894	HEX KEY WRENCH 9 PCS/SET	BỘ LƯC GIÁC ĐẦU BÍ 9 CÁI/BỘ	249.048		8%
3170	B-65903	SCREW DRIVER PH1x100MM	TUA-VÍT PH1x100MM	151.740		8%
3171	B-65919	SCREW DRIVER PH2x100MM	TUA-VÍT PH2x100MM	163.188		8%
3172	B-65931	SCREW DRIVER PH3x150MM	TUA-VÍT PH3x150MM	214.704		8%
3173	B-65953	SCREW DRIVER P22x100MM	TUA-VÍT P22x100MM	135.000		8%
3174	B-66020	SCREW DRIVER SL4x100MM	TUA-VÍT SL4x100MM	104.544		8%
3175	B-66036	SCREW DRIVER SL5.5x100MM	TUA-VÍT SL5.5x100MM	133.164		8%
3176	B-66042	SCREW DRIVER SL6.5x125MM	TUA-VÍT SL6.5x125MM	163.188		8%
3177	B-66058	SCREW DRIVER SL8x150MM	TUA-VÍT SL8x150MM	231.876		8%
3178	B-66064	GO THROUGH SCREWDRIVER PH1x75	TUA-VÍT ĐỒNG PH1x75	144.612		8%
3179	B-66070	GO THROUGH SCREWDRIVER PH2x100MM	TUA-VÍT ĐỒNG PH2x100MM	197.640		8%
3180	B-66086	GO THROUGH SCREWDRIVER PH3x150MM	TUA-VÍT ĐỒNG PH3x150MM	266.220		8%
3181	B-66092	GO THROUGH SCREWDRIVER PZ1x75MM	TUA-VÍT ĐỒNG PZ1x75MM	135.000		8%
3182	B-66329	BOW SHAPE PLUNGE CUT SAW BLADE 32	LƯỠI CẮT SẤU 32X60MM/GỖ VÀ KIM LOẠI	405.000		8%
3183	B-66335	BOW SHAPE PLUNGE CUT SAW BLADE 65	LƯỠI CẮT SẤU 65X50MM/GỖ VÀ KIM LOẠI	503.712		8%
3184	B-66341	BOW SHAPE PLUNGE CUT SAW BLADE 32	LƯỠI CẮT SẤU 32X60MM/GỖ/STARLOCK	313.416		8%
3185	B-66357	TC BAR PLUNGE BLADE 32X50MM/META	LƯỠI CỬA DUNG CHO MÁY ĐÀ NẶNG 32	688.392		8%
3186	B-66363	TC BAR PLUNGE BLADE 45X50MM/META	LƯỠI CỬA DUNG CHO MÁY ĐÀ NẶNG 45	752.760		8%
3187	B-66379	BOW SHAPE TC BAR PLUNGE BLADE 32X	LƯỠI CẮT SẤU ĐÀ NẶNG 32X50MM/STAR	752.760		8%
3188	B-66385	BOW SHAPE TC BAR PLUNGE BLADE 52X	LƯỠI CẮT SẤU ĐÀ NẶNG 52X50MM/STAR	781.380		8%
3189	B-66391	TC SEGMENT SAW BLADE 53X40MM/FRP	LƯỠI CẮT SẤU 53X40MM/STARLOCK PLU	546.696		8%
3190	B-66400	BOW SHAPE PLUNGE CUT SAW BLADE 32	LƯỠI CẮT SẤU 32X80MM/GỖ VÀ KIM LOẠI	422.280		8%
3191	B-66416	BOW SHAPE PLUNGE CUT SAW BLADE 52	LƯỠI CẮT SẤU 52X70MM/GỖ VÀ KIM LOẠI	452.520		8%
3192	B-66422	SEGMENT SAW BLADE 100X45MM/WOOD	LƯỠI CỬA PHÂN ĐOẠN 100X45MM/GỖ VÀ K	752.760		8%
3193	B-66438	BOW SHAPE PLUNGE CUT SAW BLADE 32	LƯỠI CẮT SẤU 32X80MM/GỖ/STARLOCK	313.416		8%
3194	B-66444	TC BAR PLUNGE BLADE 32X70MM/META	LƯỠI CỬA DUNG CHO MÁY ĐÀ NẶNG 32	741.312		8%
3195	B-66450	BOW SHAPE TC BAR PLUNGE BLADE 32X	LƯỠI CẮT SẤU ĐÀ NẶNG 32X70MM/STAR	767.016		8%
3196	B-66466	JOINT CUTTER BLADE 70MM/SEALING CO	LƯỠI CẮT KHỚP NỐI 70MM/STARLOCK M	419.364		8%
3197	B-66472	JOINT CUTTER BLADE 60MM/SEALING CO	LƯỠI CẮT KHỚP NỐI 60MM/STARLOCK M	208.980		8%
3198	B-66494	TC SEGMENT SAW BLADE 68X10MM/ROU	LƯỠI CỬA PHÂN ĐOẠN 68X10MM/CẮT C	920.160		8%
3199	B-66503	TC SEGMENT SAW BLADE 69X30MM/ROU	LƯỠI CỬA PHÂN ĐOẠN 69X30MM/CẮT C	920.160		8%
3200	B-66519	DIAMOND SEGMENT SAW BLADE 68X30N	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG PHÂN ĐOẠN 68X3	1.238.760		8%
3201	B-66525	DIAMOND SEGMENT SAW BLADE 68X10N	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG PHÂN ĐOẠN 68X1	1.238.760		8%
3202	B-66531	TC SEGMENT SAW BLADE 68X30MM/ROU	LƯỠI CỬA PHÂN ĐOẠN 68X30MM/CẮT C	711.720		8%
3203	B-66547	TC SEGMENT SAW BLADE 100X45MM/RO	LƯỠI CỬA PHÂN ĐOẠN 100X45MM/CẮT C	858.600		8%
3204	B-66553	TC SANDING PLATE 116MM/MORTAR OR	TẤM NHĂM TC 116MM/STARLOCK MAX/N	699.840		8%
3205	B-66569	TC SANDING PLATE 116MM/MORTAR OR	TẤM NHĂM TC 116MM/STARLOCK MAX/N	699.840		8%
3206	B-66575	TC SANDING PLATE 116MM/WOOD ADHE	TẤM NHĂM TC 116MM/STARLOCK MAX/N	699.840		8%
3207	B-66581	TC SANDING PLATE 116MM/WOOD ADHE	TẤM NHĂM TC 116MM/STARLOCK MAX/N	699.840		8%
3208	B-66933	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL FOR	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG PHÂN ĐOẠN 100 X	1.006.020		8%
3209	B-66949	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL FOR	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG PHÂN ĐOẠN180 X	2.160.000		8%
3210	B-66955	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL FOR	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG PHÂN ĐOẠN 405 X	6.129.000		8%
3211	B-67430	TCT SAW BLADE EFFICUT 260X25.4X60T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 260X25.4X60T	1.481.760		8%
3212	B-67446	TCT SAW BLADE EFFICUT 260X25.4X80T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 260X25.4X80T	1.734.480		8%
3213	B-67452	TCT SAW BLADE EFFICUT 305X25.4X60T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 305X25.4X60T	1.851.120		8%
3214	B-67468	TCT SAW BLADE EFFICUT 305X25.4X80T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 305X25.4X80T	2.062.800		8%
3215	B-67474	TCT SAW BLADE EFFICUT 305X25.4X100T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 305X25.4X100T	2.527.200		8%
3216	B-67480	MULTI TOOL SET/PLUNGE CUT SET	BỘ CẮT XUYỀN TÂM CHO MÁY ĐÀ NẶNG	1.573.560		8%
3217	B-67496	MULTI TOOL SET/TILE SET2	BỘ CẮT GẠCH 2 CHO MÁY ĐÀ NẶNG	1.897.560		8%
3218	B-67505	MULTI TOOL SET/FLOOR SET 2	BỘ CẮT GỖ 2 CHO MÁY ĐÀ NẶNG	1.533.600		8%
3219	B-67511	MULTI TOOL SET/CARPENTRY SET	BỘ LƯỠI DÀNH CHO NGÀNH MỘC	1.851.120		8%
3220	B-67795	HSS-TIN DRILL BIT SET 1.5MM-10MM(19	BỘ MŨI KHOAN HSS-TIN 1.5MM-10MM(1	561.600		8%
3221	B-67804	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLU	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỘP KIM SDS-PLU	55.836		8%
3222	B-67810	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLU	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỘP KIM SDS-PLU	61.560		8%
3223	B-67826	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLU	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỘP KIM SDS-PLU	61.560		8%
3224	B-67832	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLU	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỘP KIM SDS-PLU	70.200		8%
3225	B-67848	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLU	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỘP KIM SDS-PLU	87.372		8%
3226	B-67854	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLU	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỘP KIM SDS-PLU	110.268		8%
3227	B-67860	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLU	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỘP KIM SDS-PLU	75.924		8%
3228	B-67876	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLU	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỘP KIM SDS-PLU	104.544		8%
3229	B-67882	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLU	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỘP KIM SDS-PLU	80.136		8%
3230	B-67898	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLU	MŨI KHOAN BỀ TÔNG HỘP KIM SDS-PLU	87.372		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
3231	B-67907	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS	Mũi khoan bê tông hợp kim SDS-PLUS	110.268		8%
3232	B-67913	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS	Mũi khoan bê tông hợp kim SDS-PLUS	121.716		8%
3233	B-67929	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS	Mũi khoan bê tông hợp kim SDS-PLUS	121.716		8%
3234	B-67935	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS	Mũi khoan bê tông hợp kim SDS-PLUS	135.972		8%
3235	B-67941	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS	Mũi khoan bê tông hợp kim SDS-PLUS	168.912		8%
3236	B-67957	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS	Mũi khoan bê tông hợp kim SDS-PLUS	140.292		8%
3237	B-67963	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS	Mũi khoan bê tông hợp kim SDS-PLUS	165.996		8%
3238	B-67979	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS	Mũi khoan bê tông hợp kim SDS-PLUS	165.996		8%
3239	B-67985	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS	Mũi khoan bê tông hợp kim SDS-PLUS	231.876		8%
3240	B-67991	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS	Mũi khoan bê tông hợp kim SDS-PLUS	313.416		8%
3241	B-68002	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS	Mũi khoan bê tông hợp kim SDS-PLUS	347.760		8%
3242	B-68018	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS	Mũi khoan bê tông hợp kim SDS-PLUS	452.520		8%
3243	B-68024	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS	Mũi khoan bê tông hợp kim SDS-PLUS	452.520		8%
3244	B-68030	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS	Mũi khoan bê tông hợp kim SDS-PLUS	457.920		8%
3245	B-68046	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS	Mũi khoan bê tông hợp kim SDS-PLUS	151.740		8%
3246	B-68052	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS	Mũi khoan bê tông hợp kim SDS-PLUS	237.600		8%
3247	B-68068	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS	Mũi khoan bê tông hợp kim SDS-PLUS	313.416		8%
3248	B-68074	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS	Mũi khoan bê tông hợp kim SDS-PLUS	382.320		8%
3249	B-68080	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS	Mũi khoan bê tông hợp kim SDS-PLUS	492.480		8%
3250	B-68096	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS	Mũi khoan bê tông hợp kim SDS-PLUS	543.780		8%
3251	B-68105	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS	Mũi khoan bê tông hợp kim SDS-PLUS	549.720		8%
3252	B-68111	CENTERING TIP TCT DRILL FOR SDS-PLUS	Mũi khoan bê tông hợp kim SDS-PLUS	613.980		8%
3253	B-68127	4CUTTER FOR SDS-PLUS 5X110MM	Mũi khoan 4 cạnh SDS-PLUS 5X110MM	55.836		8%
3254	B-68133	4CUTTER FOR SDS-PLUS 5X160MM	Mũi khoan 4 cạnh SDS-PLUS 5X160MM	55.836		8%
3255	B-68149	4CUTTER FOR SDS-PLUS 5X210MM	Mũi khoan 4 cạnh SDS-PLUS 5X210MM	68.688		8%
3256	B-68155	4CUTTER FOR SDS-PLUS 5X260MM	Mũi khoan 4 cạnh SDS-PLUS 5X260MM	68.688		8%
3257	B-68161	4CUTTER FOR SDS-PLUS 6X310MM	Mũi khoan 4 cạnh SDS-PLUS 6X310MM	85.860		8%
3258	B-68177	4CUTTER TIP DRILL FOR SDS-PLUS 18X260MM	Mũi khoan 4 cạnh SDS-PLUS 18X260MM	425.088		8%
3259	B-68183	4CUTTER TIP DRILL FOR SDS-PLUS 20X260MM	Mũi khoan 4 cạnh SDS-PLUS 20X260MM	523.800		8%
3260	B-68199	4CUTTER TIP DRILL FOR SDS-PLUS 22X260MM	Mũi khoan 4 cạnh SDS-PLUS 22X260MM	656.856		8%
3261	B-68208	4CUTTER TIP DRILL FOR SDS-PLUS 25X260MM	Mũi khoan 4 cạnh SDS-PLUS 25X260MM	815.724		8%
3262	B-68236	4CUTTER TIP DRILL FOR SDS-PLUS 18X460MM	Mũi khoan 4 cạnh SDS-PLUS 18X460MM	516.672		8%
3263	B-68242	4CUTTER TIP DRILL FOR SDS-PLUS 20X460MM	Mũi khoan 4 cạnh SDS-PLUS 20X460MM	625.428		8%
3264	B-68258	4CUTTER TIP DRILL FOR SDS-PLUS 22X460MM	Mũi khoan 4 cạnh SDS-PLUS 22X460MM	808.920		8%
3265	B-68264	4CUTTER TIP DRILL FOR SDS-PLUS 25X460MM	Mũi khoan 4 cạnh SDS-PLUS 25X460MM	875.880		8%
3266	B-68301	TCT SAW BLADE 150MM FOR THICK METAL	Lưỡi cưa TCT cho kim loại 150X20X32	1.011.960		8%
3267	B-68345	MAGNET NUTSETTER IN CANDY JAR. 50PCS	Đầu tuýp vặn ốc 50 cái 8MM	1.296.000		8%
3268	B-68389	ABRASIVE PAPER DISC 40x225MM(25PCS)	Đĩa nhám 40x225MM(25PCS)/DSL800	1.192.320		8%
3269	B-68395	ABRASIVE PAPER DISC 80x225MM(25PCS)	Đĩa nhám 80x225MM(25PCS)/DSL800	1.128.600		8%
3270	B-68404	ABRASIVE PAPER DISC 120x225MM(25PCS)	Đĩa nhám 120x225MM(25PCS)/DSL800	922.050		8%
3271	B-68410	ABRASIVE PAPER DISC 180x225MM(25PCS)	Đĩa nhám 180x225MM(25PCS)/DSL800	977.400		8%
3272	B-68426	ABRASIVE PAPER DISC 320x225MM(25PCS)	Đĩa nhám 320x225MM(25PCS)/DSL800	922.050		8%
3273	B-68476	BIT ADAPTER FOR 1/2"SQ TO 1/4"HEX	Bộ chuyển đổi siết bu lông	370.656		8%
3274	B-68482	BIT ADAPTER FOR 3/8"SP TO 1/4"HEX	Bộ chuyển đổi siết bu lông sang chi	365.040		8%
3275	B-68616	TCT SAW BLADE EFFICUT 185MM x 20 x 4	Lưỡi cắt hợp kim EFFICUT 185MM x 20	909.360		8%
3276	B-68644	TCT SAW BLADE EFFICUT 190MM x 20 x 4	Lưỡi cắt hợp kim EFFICUT 190MM x 20	826.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 50% và số lượng có hạn.	8%
3277	B-69434	TCT SAW BLADE EFFICUT METAL 136X22	Lưỡi cắt sắt EFFICUT 136X20X45T	1.317.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 50% và số lượng có hạn.	8%
3278	B-69440	TCT SAW BLADE EFFICUT METAL 150X22	Lưỡi cắt sắt EFFICUT 150X20X33T	1.181.520		8%
3279	B-69456	TCT SAW BLADE EFFICUT METAL 150X22	Lưỡi cắt sắt EFFICUT 150X20X48T	1.434.240		8%
3280	B-69755	TC BAR PLUNGE BLADE/ METAL/TMA079	Lưỡi cắt sâu/ kim loại TMA079	977.400		8%
3281	B-69761	TC PLUNGE BLADE/ MULTIMATERIAL/TMA079	Lưỡi cắt sâu hình thang/nhiều vật	682.668		8%
3282	B-69777	PLUNGE CUT SAW BLADE/ DRYWALL/TMA081	Lưỡi vách thạch cao/TMA081	387.450		8%
3283	B-69783	JOINT CUTTER BLADE/ SEALING/TMA082	Lưỡi cắt lấy rãnh cho thuyên/TMA082	529.200		8%
3284	B-69799	TC SANDING PLATE/ MORTAR #20/TM083	Tấm chà nhám cho vữa #20/TM083	622.512		8%
3285	B-69808	TC SANDING PLATE/ MORTAR #40/TM084	Tấm chà nhám cho vữa #40/TM084	622.512		8%
3286	B-69814	TC SANDING PLATE/ MORTAR #60/TMA085	Tấm chà nhám cho vữa #60/TMA085	587.250		8%
3287	B-69820	TC SANDING PLATE/ MORTAR #86/TMA086	Tấm chà nhám cho vữa #86/TMA086	887.250		8%
3288	B-69892	TCT SAW BLADE EFFICUT 165X20X60T	Lưỡi cưa hợp kim EFFICUT 165X20X60T	1.204.200		8%
3289	B-69901	SCREW BIT 31 PCS SET IN BATTERY TYPE	Bộ mũi vít 31 cái kiểu vô pin	421.200		8%
3290	B-69917	BATTERY TYPE CASE	Hộp đựng mũi vít hình pin	121.500		8%
3291	B-80226	PORTABLE COFFEE HARVESTER	Phụ kiện thu hoạch cà phê	8.380.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3292	B-90009	SLIM PHILLIPS BIT 45MM(10PCS/SETS)	Bộ mũi vít 2 đầu PH2 45MM(10 cái)/HỘ	121.716		8%
3293	B-90015	SLIM PHILLIPS BIT 65MM(10PCS/SET)	Bộ mũi vít 2 đầu PH2 65MM(10 cái)/HỘ	154.548		8%
3294	B-90059	SLIM PHILLIPS BIT 82MM(6PCS/SET)	Bộ mũi vít 2 đầu PH2 82MM(6 cái)/HỘ	128.844		8%
3295	B-90065	SLIM PHILLIPS BIT 110MM(6PCS/SET)	Bộ mũi vít 2 đầu PH2 110MM(6 cái)/HỘ	190.404		8%
3296	B-90071	SLIM PHILLIPS BIT 150MM(6PCS/SET)	Bộ mũi vít 2 đầu PH2 150MM(6 cái)/HỘ	226.152		8%
3297	BAC01	POWER CONVERTER	Bộ chuyển đổi pin	20.837.520		8%
3298	BL1055B	BATTERY/BL1055B	Pin sạc dự phòng/BL1055B	4.320.000		8%
3299	CE000000001	20L COVER/CW001G	Tấm bảo vệ máy/CW001G	1.944.000		8%
3300	CE000000002	50L COVER/CW002G	Tấm bảo vệ máy/CW002G	2.521.800		8%
3301	CE000000003	7L COVER/CW003G	Tấm bảo vệ máy/CW003G	1.527.120		8%
3302	CE000000004	29L COVER/CW004G	Tấm bảo vệ máy/CW004G	2.406.240		8%
3303	CP000000001	ADP09 AA BATTERY PACK/SK700GD	ADP09 Bộ chuyển đổi pin AA/SK700GD	948.780		8%
3304	D-00016	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 4x110MM	Mũi khoan bê tông SDS-PLUS 4X110MM	38.664		8%
3305	D-00022	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 5x110MM	Mũi khoan bê tông SDS-PLUS 5x110MM	38.664		8%
3306	D-00038	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 5x160MM	Mũi khoan bê tông SDS-PLUS 5x160MM	38.664		8%
3307	D-00044	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 5.5x110MM	Mũi khoan bê tông SDS-PLUS 5.5x110MM	36.450		8%
3308	D-00050	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 6x110MM	Mũi khoan bê tông SDS-PLUS 6X110MM	38.664		8%
3309	D-00066	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 6X160MM	Mũi khoan bê tông SDS-PLUS 6X160MM	44.388		8%
3310	D-00072	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 6x210MM	Mũi khoan bê tông SDS-PLUS 6X210MM	50.112		8%
3311	D-00088	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 6.5x110MM	Mũi khoan bê tông SDS-PLUS 6.5X110MM	44.388		8%
3312	D-00094	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 6x160MM	Mũi khoan bê tông SDS-PLUS 6.5X160MM	44.388		8%
3313	D-00103	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 7x110MM	Mũi khoan bê tông SDS-PLUS 7X110MM	44.388		8%
3314	D-00119	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 7x160MM	Mũi khoan bê tông SDS-PLUS 7X160MM	44.388		8%
3315	D-00125	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 8x110MM	Mũi khoan bê tông SDS-PLUS 8X110MM	44.388		8%
3316	D-00131	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 8X160MM	Mũi khoan bê tông SDS-PLUS 8X160MM	44.388		8%
3317	D-00147	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 8x210MM	Mũi khoan bê tông SDS-PLUS 8X210MM	50.112		8%
3318	D-00153	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 8x260MM	Mũi khoan bê tông SDS-PLUS 8X260MM	55.836		8%
3319	D-00169	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 9x210MM	Mũi khoan bê tông SDS-PLUS 9X210MM	47.250		8%
3320	D-00175	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 10X160MM	Mũi khoan bê tông SDS-PLUS 10X160MM	44.388		8%
3321	D-00181	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 10x210MM	Mũi khoan bê tông SDS-PLUS 10X210MM	50.112		8%
3322	D-00197	SDS-PLUS HAMMERS 10X260MM	Mũi khoan bê tông SDS-PLUS 10x260MM	55.836		8%
3323	D-00206	SDS-PLUS HAMMERS 10x310MM	Mũi khoan bê tông SDS-PLUS 10x310MM	68.688		8%
3324	D-00212	SDS-PLUS HAMMERS 11X160MM	Mũi khoan bê tông SDS-PLUS 11x160MM	44.388		8%
3325	D-00228	SDS-PLUS HAMMERS 12X160MM	Mũi khoan bê tông SDS-PLUS 12x160MM	50.112		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
3326	D-00234	SDS-PLUS HAMMERS 12X210MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 12×210M	61.560		8%
3327	D-00240	SDS-PLUS HAMMERS 12X260MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 12×260M	68.688		8%
3328	D-00256	SDS-PLUS HAMMERS 13X160MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 13×160M	50.112		8%
3329	D-00262	SDS-PLUS HAMMERS 14X160MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 14×160M	61.560		8%
3330	D-00278	SDS-PLUS HAMMERS 14X260MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 14×260M	80.136		8%
3331	D-00284	SDS-PLUS HAMMERS 15X160MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 15×160M	74.412		8%
3332	D-00290	SDS-PLUS HAMMERS 16X210MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 16x210M	91.584		8%
3333	D-00309	SDS-PLUS HAMMERS 16X310MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 16×310M	104.544		8%
3334	D-00315	SDS-PLUS HAMMERS 17X210MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 17×210M	104.544		8%
3335	D-00321	SDS-PLUS HAMMERS 18X210MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 18×210M	104.544		8%
3336	D-00337	SDS-PLUS HAMMERS 18X300MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 18x300M	140.292		8%
3337	D-00343	SDS-PLUS HAMMERS 19X210MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 19×210M	128.844		8%
3338	D-00359	SDS-PLUS HAMMERS 20X210MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 20×210M	134.568		8%
3339	D-00365	SDS-PLUS HAMMERS 20X310MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 20×310M	171.720		8%
3340	D-00371	SDS-PLUS HAMMERS 22X260MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 22×260M	177.444		8%
3341	D-00387	SDS-PLUS HAMMERS 25X260MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 25×260M	220.428		8%
3342	D-00393	SDS-PLUS HAMMERS 26X260MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 26×260M	243.324		8%
3343	D-00795	SDS-PLUS BIT ASSORTMENT 5P/SET 5,6,8,3	BỘ MŨI KHOAN SDS-PLUS 5CAI/BỘ 5,6,8,3	151.200		8%
3344	D-01149	SDS-PLUS DRILL 14.5X160	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 14.5×160	70.200		8%
3345	D-03268	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 5.8X110MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 5.8X110M	36.450		8%
3346	D-03274	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 9.5X210MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 9.5X210M	47.250		8%
3347	D-03280	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 12.7X160MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 12.7X160M	50.112		8%
3348	D-03296	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 12.7X350MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 12.7X350M	81.000		8%
3349	D-03305	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 17.5X160MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 17.5X160M	93.150		8%
3350	D-03311	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 25X350MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 25X350M	250.560		8%
3351	D-03327	TCT SAW BLADE 165MMX20MMX10T	LƯỖI CUA HỘP KIM 165MMX20MMX10T	197.640		8%
3352	D-03333	TCT SAW BLADE 165MMX20MMX24T	LƯỖI CUA HỘP KIM 165MMX20MMX24T	249.048		8%
3353	D-03349	TCT SAW BLADE FOR WOOD 165MMX20M	LƯỖI CUA HỘP KIM CHO GỖ 165MMX20M	365.040		8%
3354	D-03355	TCT SAW BLADE 185MMX20MMX24T	LƯỖI CUA HỘP KIM 185MMX20MMX24T	299.160		8%
3355	D-03361	TCT SAW BLADE 185MMX20MMX40T	LƯỖI CUA HỘP KIM 185MMX20MMX40T	347.760		8%
3356	D-03377	SAW BLADE 235MMX25.4MMX40T	LƯỖI CUA HỘP KIM 235MMX25.4MMX40	631.152		8%
3357	D-03408	TCT SAW BLADE 260MMX25.4MMX70T	LƯỖI CUA HỘP KIM 260MMX25.4MMX70	1.015.200		8%
3358	D-03903	TCT SAW BLADE 185MMX30MMX16T	LƯỖI CUA HỘP KIM 185MMX30MMX16T	256.176		8%
3359	D-03919	SAW BLADE 185MMX30MMX40T FOR MC	LƯỖI CUA HỘP KIM 185MMX30MMX40T	347.760		8%
3360	D-03925	TCT SAW BLADE 235X30X20T	LƯỖI CUA HỘP KIM 235X30X20T	486.540		8%
3361	D-03931	SAW BLADE 235MMX30MMX48T	LƯỖI CUA HỘP KIM 235MMX30MMX48T	642.600		8%
3362	D-03981	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 16×160MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 16X160M	75.600		8%
3363	D-03997	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 14.3X160MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 14.3X160M	58.050		8%
3364	D-05175	MASONRY DRILL BIT ASSY 5PCS/SET 4X7	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KEP 5 CAI/E	108.000		8%
3365	D-05181	CHISEL ASSORTMENT 20x250MM, 40x250	BỘ MŨI ĐỤC DEP 20x250MM, 40x250MM 3	639.360		8%
3366	D-05206	DIA.WHL.CORRUGATED 105X20	LƯỖI CÁT KIM CƯƠNG PHÂN ĐOẠN 105X	183.168		8%
3367	D-05212	DIA.WHL.CONTINUOUSRIM 110X20	LƯỖI CÁT KIM CƯƠNG DẠNG MƏP LIÊN T	110.268		8%
3368	D-05228	MASONRY DRILL BIT 3X60MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KEP 3X60M	25.812		8%
3369	D-05234	MASONRY BRILL BIT	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KEP 4X70	25.812		8%
3370	D-05240	MASONRY BRILL BIT	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KEP 5X85	25.812		8%
3371	D-05256	MASONRY DRILL BIT	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KEP 6X100	25.812		8%
3372	D-05262	MASONRY DRILL BIT	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KEP 6X150	25.812		8%
3373	D-05278	MASONRY BRILL BIT	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KEP 7X100	31.536		8%
3374	D-05284	MASONRY BRILL BIT	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KEP 7X150	25.812		8%
3375	D-05290	MASONRY DRILL BIT	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KEP 8X110	31.536		8%
3376	D-05309	MASONRY DRILL BIT	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KEP 8X150	31.536		8%
3377	D-05315	MASONRY BRILL BIT	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KEP 9X150	31.536		8%
3378	D-05321	MASONRY DRILL BIT	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KEP 10X150	38.664		8%
3379	D-05337	MASONRY DRILL BIT	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KEP 11X150	36.450		8%
3380	D-05343	MASONRY DRILL BIT	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KEP 12X150	44.388		8%
3381	D-05359	MASONRY DRILL BIT	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KEP 13X150	52.650		8%
3382	D-05365	MASONRY DRILL BIT	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KEP 14X150	55.836		8%
3383	D-05371	MASONRY BRILL BIT 15X150MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KEP 15X15	61.560		8%
3384	D-05387	MASONRY BRILL BIT	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KEP 16X150	68.688		8%
3385	D-06242	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 1.75X46(10	71.550		8%
3386	D-06258	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 2X49(10 CA	70.200		8%
3387	D-06264	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 2.25X53(10	87.750		8%
3388	D-06270	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 2.5X57(10 C	86.400		8%
3389	D-06286	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 2.75X61(10	109.350		8%
3390	D-06292	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 3X61(10 CA	115.992		8%
3391	D-06301	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 3.25X65(10	130.950		8%
3392	D-06323	HSS METAL DRILL BITS(10PCS) 3.75X70M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS(10PCS) 3.75X	170.100	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 45% và số lượng có hạn.	8%
3393	D-06345	HSS METAL DRILL BITS(10PCS) 4.25X75M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS(10PCS) 4.25X	208.980		8%
3394	D-06367	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 4.75X80(10	240.300	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 45% và số lượng có hạn.	8%
3395	D-06389	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 5.25X86(10	284.850		8%
3396	D-06404	HSS METAL DRILL BITS(10PCS) 5.75X93M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS(10PCS) 5.75X	328.050		8%
3397	D-06426	HSS-G METAL DRILL BITS 6.25X101(10PC	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 6.25X101(1	409.050		8%
3398	D-06432	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 6.5X101(10	405.000		8%
3399	D-06448	HSS METAL DRILL BIT 6.75X109(10PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 6.75X109(1	486.000		8%
3400	D-06454	HSS METAL DRILL BITS(10PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 7X109(10 C	480.600		8%
3401	D-06460	HSS-G METAL DRILL BITS 7.25X109(10PC	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 7.25X109(1	534.600		8%
3402	D-06476	HSS METAL DRILL BIT(10PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 7.5X109(10	529.200		8%
3403	D-06482	HSS METAL DRILL BITS(10PCS) 7.75X117	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS(10PCS) 7.75X	638.550		8%
3404	D-06507	HSS METAL DRILL BITS(5PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 8.25X117(5	360.450		8%
3405	D-06513	HSS METAL DRILL BITS(5PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 8.25X117(5	356.400		8%
3406	D-06529	HSS METAL DRILL BITS(5PCS) 8.75X125M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS(5PCS) 8.75X1	437.400		8%
3407	D-06535	HSS METAL DRILL BITS(5PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 9X125(5 CA	432.000		8%
3408	D-06541	HSS METAL DRILL BITS(5PCS) 9.25X125M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS(5PCS) 9.25X1	480.600		8%
3409	D-06557	HSS METAL DRILL BIT(5PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 9.5X125(5 C	475.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
3410	D-06563	HSS METAL DRILL BITS(5PCS) 9.75X133M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS(5PCS) 9.75X1	568.350		8%
3411	D-06585	HSS METAL DRILL BITS 10.25X133(5PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 10.25X133(	611.550		8%
3412	D-06591	HSS METAL DRILL BITS(5PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 10.5X133(5	604.800		8%
3413	D-06600	HSS METAL DRILL BITS(5PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 11X142(5 C	675.000		8%
3414	D-06616	HSS METAL DRILL BITS(5PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 11.5X142(5	739.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3415	D-06638	HSS METAL DRILL BITS(5PCS) 12.5X151M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS(5PCS) 12.5X1	907.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3416	D-06644	HSS METAL DRILL BITS(5PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 13X151(5 C	993.600		8%
3417	D-07026	WOOD DRILL BITS (1PCS)	MŨI KHOAN GỖ 3X60(1 CÁI)	25.812		8%
3418	D-07032	WOOD DRILL BITS (1PCS)	MŨI KHOAN GỖ 4X75(1 CÁI)	25.812		8%
3419	D-07048	WOOD DRILL BITS (1PCS)	MŨI KHOAN GỖ 5X85(1 CÁI)	25.812		8%
3420	D-07054	WOOD DRILL BITS (1PCS) 6X95MM	MŨI KHOAN GỖ (1 CÁI) 6X95MM	25.812		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
3421	D-07060	WOOD DRILL BITS (1PCS)	MŨI KHOAN GỖ 7X110(1 CÁI)	31.536		8%
3422	D-07076	WOOD DRILL BITS (1PCS)	MŨI KHOAN GỖ 8X115(1 CÁI)	31.536		8%
3423	D-07082	WOOD DRILL BITS (1PCS)	MŨI KHOAN GỖ 9X125(1 CÁI)	31.536		8%
3424	D-07098	WOOD DRILL BITS (1PCS)	MŨI KHOAN GỖ 10X135(1 CÁI)	38.664		8%
3425	D-07107	WOOD DRILL BITS (1PCS)	MŨI KHOAN GỖ 12X155(1 CÁI)	50.112		8%
3426	D-07113	WOOD DRILL BITS (1PCS)	MŨI KHOAN GỖ 14X170(1 CÁI)	61.560		8%
3427	D-07129	WOOD DRILL BITS (1PCS)	MŨI KHOAN GỖ 16X180(1 CÁI)	74.412		8%
3428	D-07135	WOOD DRILL BITS (1PCS)	MŨI KHOAN GỖ 18X200(1 CÁI)	115.992		8%
3429	D-07141	WOOD DRILL BITS (1PCS)	MŨI KHOAN GỖ 20X200(1 CÁI)	121.716		8%
3430	D-07157	WOOD DRILL BITS (LONG 1PCS)	MŨI KHOAN GỖ DÀI 6X315(1 CÁI)	85.860		8%
3431	D-07163	WOOD DRILL BITS (LONG 1PCS)	MŨI KHOAN GỖ DÀI 8X315(1 CÁI)	91.584		8%
3432	D-07179	WOOD DRILL BITS (LONG 1PCS)	MŨI KHOAN GỖ DÀI 10X315(1 CÁI)	104.544		8%
3433	D-07185	WOOD DRILL BITS (LONG 1PCS)	MŨI KHOAN GỖ DÀI 12X315(1 CÁI)	134.568		8%
3434	D-07191	WOOD DRILL BITS (LONG 1PCS)	MŨI KHOAN GỖ DÀI 14X315(1 CÁI)	165.996		8%
3435	D-07200	WOOD DRILL BITS (LONG 1PCS)	MŨI KHOAN GỖ DÀI 16X315(1 CÁI)	196.128		8%
3436	D-07216	WOOD DRILL BITS (LONG 1PCS)	MŨI KHOAN GỖ DÀI 18X335(1 CÁI)	250.560		8%
3437	D-07222	WOOD DRILL BITS (LONG 1PCS)	MŨI KHOAN GỖ DÀI 20X335(1 CÁI)	304.884		8%
3438	D-07238	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOĂN ỐC 6X200(1 CÁI)	67.284		8%
3439	D-07244	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOĂN ỐC 8X200(1 CÁI)	73.008		8%
3440	D-07250	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOĂN ỐC 10X200(1 CÁI)	84.456		8%
3441	D-07266	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOĂN ỐC 12X200(1 CÁI)	90.180		8%
3442	D-07272	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOĂN ỐC 14X200(1 CÁI)	95.904		8%
3443	D-07288	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOĂN ỐC 16X200(1 CÁI)	110.268		8%
3444	D-07294	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOĂN ỐC 18X200(1 CÁI)	121.716		8%
3445	D-07303	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOĂN ỐC 20X200(1 CÁI)	127.440		8%
3446	D-07319	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOĂN ỐC 22X200(1 CÁI)	143.100		8%
3447	D-07325	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOĂN ỐC 24X200(1 CÁI)	163.188		8%
3448	D-07331	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOĂN ỐC 6X250(1 CÁI)	73.008		8%
3449	D-07347	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOĂN ỐC 8X250(1 CÁI)	73.008		8%
3450	D-07353	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOĂN ỐC 10X250(1 CÁI)	90.180		8%
3451	D-07369	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOĂN ỐC 12X250(1 CÁI)	90.450		8%
3452	D-07375	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOĂN ỐC 14X250(1 CÁI)	115.992		8%
3453	D-07381	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOĂN ỐC 16X250(1 CÁI)	121.716		8%
3454	D-07397	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOĂN ỐC 18X250(1 CÁI)	138.888		8%
3455	D-07406	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOĂN ỐC 20X250(1 CÁI)	138.888		8%
3456	D-07412	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOĂN ỐC 22X250(1 CÁI)	163.188		8%
3457	D-07428	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOĂN ỐC 24X250(1 CÁI)	186.084		8%
3458	D-07434	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOĂN ỐC 8X400(1 CÁI)	138.888		8%
3459	D-07440	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOĂN ỐC 10X400(1 CÁI)	144.612		8%
3460	D-07456	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOĂN ỐC 12X400(1 CÁI)	168.912		8%
3461	D-07462	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOĂN ỐC 14X400(1 CÁI)	186.084		8%
3462	D-07478	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOĂN ỐC 16X400(1 CÁI)	206.064		8%
3463	D-07484	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOĂN ỐC 18X400(1 CÁI)	240.408		8%
3464	D-07490	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOĂN ỐC 20X400(1 CÁI)	254.880		8%
3465	D-07509	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOĂN ỐC 22X400(1 CÁI)	267.300		8%
3466	D-07515	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOĂN ỐC 24X400(1 CÁI)	338.850		8%
3467	D-07521	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOĂN ỐC 26X400(1 CÁI)	387.828		8%
3468	D-07537	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOĂN ỐC 28X400(1 CÁI)	463.644		8%
3469	D-07543	AUGER BITS(1PCS)	MŨI KHOAN XOĂN ỐC 30X400(1 CÁI)	520.884		8%
3470	D-07559	AUGER BITS(1PCS) 8X450MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC 8X450MM(1 CÁI)	174.636		8%
3471	D-07565	AUGER BITS(1PCS) 10X450MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC 10X450MM(1 CÁI)	180.360		8%
3472	D-07571	AUGER BITS(1PCS) 12X450MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC 12X450MM(1 CÁI)	211.788		8%
3473	D-07587	AUGER BITS(1PCS) 14X450MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC 14X450(1 CÁI)	223.236		8%
3474	D-07593	AUGER BITS(1PCS) 16X450MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC 16X450(1 CÁI)	269.028		8%
3475	D-07602	AUGER BITS(1PCS) 18X450MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC 18X450(1 CÁI)	293.436		8%
3476	D-07618	AUGER BITS(1PCS) 20X450MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC 20X450(1 CÁI)	319.140		8%
3477	D-07624	AUGER BITS(1PCS) 22X450MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC 22X450MM(1CÁI)	353.484		8%
3478	D-07630	AUGER BITS(1PCS) 24X450MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC 24X450(1 CÁI)	410.724		8%
3479	D-07646	AUGER BITS(1PCS) 26X450MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC 26X450MM(1CÁI)	452.520		8%
3480	D-07652	AUGER BITS(1PCS) 28X450MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC 28X450MM(1CÁI)	527.040		8%
3481	D-07668	AUGER BITS(1PCS) 30X450MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC 30X450MM(1CÁI)	608.256		8%
3482	D-07674	FLAT BITS 6X150MM(1PCS)	MŨI KHOAN DET 6X150(1 CÁI)	38.664		8%
3483	D-07680	FLAT BITS 8X150MM(1PCS)	MŨI KHOAN DET 8X150(1 CÁI)	38.664		8%
3484	D-07696	FLAT BITS 10X150MM(1PCS)	MŨI KHOAN DET 10X150(1 CÁI)	44.388		8%
3485	D-07705	FLAT BITS 12X150MM(1PCS)	MŨI KHOAN DET 12X150(1 CÁI)	44.388		8%
3486	D-07711	FLAT BITS 14X150MM(1PCS)	MŨI KHOAN DET 14X150(1 CÁI)	44.388		8%
3487	D-07727	FLAT BITS 15X150MM(1PCS)	MŨI KHOAN DET 15X150(1 CÁI)	44.388		8%
3488	D-07733	FLAT BITS 16X150MM(1PCS)	MŨI KHOAN DET 16X150(1 CÁI)	44.388		8%
3489	D-07749	FLAT BITS 18X150MM(1PCS)	MŨI KHOAN DET 18X150(1 CÁI)	50.112		8%
3490	D-07755	FLAT BITS 20X150MM(1PCS)	MŨI KHOAN DET 20X150(1 CÁI)	55.836		8%
3491	D-07761	FLAT BITS 22X150MM(1PCS)	MŨI KHOAN DET 22X150(1 CÁI)	55.836		8%
3492	D-07777	FLAT BITS 24X150MM(1PCS)	MŨI KHOAN DET 24X150(1 CÁI)	55.836		8%
3493	D-07783	FLAT BITS 25X150MM(1PCS)	MŨI KHOAN DET 25X150MM(1 CÁI)	55.836		8%
3494	D-07799	FLAT BITS 26X150MM(1PCS)	MŨI KHOAN DET 26X150(1 CÁI)	61.560		8%
3495	D-07808	FLAT BITS 28X160MM(1PCS)	MŨI KHOAN DET 28X160(1 CÁI)	70.200		8%
3496	D-07814	FLAT BITS 30X160MM(1PCS)	MŨI KHOAN DET 30X160(1 CÁI)	74.412		8%
3497	D-07820	FLAT BITS 32X160MM(1PCS)	MŨI KHOAN DET 32X160(1 CÁI)	80.136		8%
3498	D-07836	FLAT BITS 34X160MM(1PCS)	MŨI KHOAN DET 34X160(1 CÁI)	87.372		8%
3499	D-07842	FLAT BITS 34X160MM(1PCS)	MŨI KHOAN DET 35X160(1 CÁI)	87.372		8%
3500	D-07858	FLAT BITS 36X160MM(1PCS)	MŨI KHOAN DET 36X160(1 CÁI)	87.372		8%
3501	D-07967	PLANER BLADE TC 82MM(2PCS/SET)	BỘ LƯỚI BẢO 82MM TC(2CÁI/HỘP)	365.040		8%
3502	D-08034	BULL POINT 160	MŨI ĐỤC NHON 160	41.580		8%
3503	D-08040	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 9X110MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 9X110MM	44.388		8%
3504	D-08056	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 9X160MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 9X160MM	44.388		8%
3505	D-08062	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 22X310MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 22X310MM	196.128		8%
3506	D-08078	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 26X310MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 26X310MM	267.624		8%
3507	D-08218	FLASH BIT/DCO181	MŨI KHOÉT THẠCH CAO/DCO181	365.040		8%
3508	D-08517	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 25X310MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 25X310MM	237.600		8%
3509	D-08682	BULL POINT 280	MŨI ĐỤC NHON 280	103.032		8%
3510	D-08707	COLD CHISEL 19*280	MŨI ĐỤC ĐEP 19*280	113.076		8%
3511	D-08713	BULL POINT 250	MŨI ĐỤC NHON 250	87.372		8%
3512	D-08729	COLD CHISEL 20*250	MŨI ĐỤC ĐEP 20*250	98.820		8%
3513	D-08735	SCALING CHISEL 40*250	MŨI ĐỤC ĐEP 40*250	135.972		8%
3514	D-08822	110MM HSS P.B.(2PCS/PKG)	BỘ LƯỚI BAO110MM HSS (2CÁI/GÓI)MT1	560.952		8%
3515	D-09117	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 10X110MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 10X110MM	44.388		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
3516	D-09173	STRAIGHT BITS 1/4"X6MM	MŨI PHAY THẲNG 1/4"X6MM	216.000		8%
3517	D-09385	V GROOVE BITS 45 20MM	MŨI VÁT GÓC 45 20MM	531.360	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3518	D-09472	FLUSH TRIM BITS 10MM	MŨI CẮT MÉP THẲNG 0 BÌ 10MM	324.000		8%
3519	D-09581	WAVY MOLD BITS 3/6R 26MM	MŨI PHAY GÓN SÓNG 3/6R 26MM	704.160	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3520	D-09628	TCT SAW BLADE 165MMX20MMX16T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 165MMX20MMX16T	220.428		8%
3521	D-09634	TCT SAW BLADE 185MMX30MMX20T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 185MMX30MMX20T	299.160		8%
3522	D-09640	TCT SAW BLADE 235X30X60T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 235X30X60T	677.160		8%
3523	D-09656	HSS METAL DRILL BITS 1.5X40MM(1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS(1CÁI)	16.200		8%
3524	D-09662	HSS METAL DRILL BITS 2X40MM(1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 1.5X40(1 CÁI)	21.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3525	D-09678	HSS METAL DRILL BITS 2.5X57MM (1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 2.5X57(1CÁI)	21.600		8%
3526	D-09684	HSS METAL DRILL BIT 3X61MM(1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 3X61(1 CÁI)	21.600		8%
3527	D-09690	HSS METAL DRILL BITS 3.5X70MM (1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 3.5X70(1 CÁI)	21.600		8%
3528	D-09709	HSS METAL DRILL BITS 4X75MM (1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 4X75(1 CÁI)	27.000		8%
3529	D-09715	HSS METAL DRILL BITS 4.5X80MM (1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 4.5X80(1 CÁI)	32.400		8%
3530	D-09737	HSS METAL DRILL BITS 5.5X93MM(1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 5.5X93(1 CÁI)	43.200		8%
3531	D-09759	HSS METAL DRILL BITS 6.5X101MM(1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 6.5X101(1 CÁI)	48.600		8%
3532	D-09765	HSS METAL DRILL BITS 7X109MM (1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 7X109(1 CÁI)	54.000		8%
3533	D-09771	HSS METAL DRILL BITS 7.5X109MM (1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 7.5X109(1 CÁI)	64.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
3534	D-09787	HSS METAL DRILL BITS 8X117MM(1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 8X117(1 CÁI)	75.600		8%
3535	D-09793	HSS METAL DRILL BITS 8.5X117MM(1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 8.5X117(1 CÁI)	75.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3536	D-09802	HSS METAL DRILL BITS 9X125MM(1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 9X125(1 CÁI)	91.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
3537	D-09818	HSS METAL DRILL BITS 9.5X125MM(1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 9.5X125(1 CÁI)	102.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3538	D-09824	HSS METAL DRILL BITS 10X133MM(1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 10X133(1 CÁI)	118.800		8%
3539	D-09830	HSS METAL DRILL BIST 10.4X133MM(1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 10.4X133(1 CÁI)	129.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3540	D-09846	HSS METAL DRILL BITS 11X142MM(1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 11X142(1 CÁI)	145.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
3541	D-09852	HSS METAL DRILL BITS 11.5X142MM(1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 11.5X142(1 CÁI)	151.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3542	D-09868	HSS METAL DRILL BITS 12X151MM(1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 12X151(1 CÁI)	172.800		8%
3543	D-09874	HSS METAL DRILL BITS 12.5X151MM(1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 12.5X151(1 CÁI)	183.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3544	D-09880	HSS METAL DRILL BITS 13X151MM(1PCS)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 13X151(1 CÁI)	205.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3545	D-14093	CHUCK ADADTER WITH SCREW	ĐẦU NỐI MŨI VÍT	56.870		10%
3546	D-14102	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 12.5X160MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 12.5X160MM	47.250		8%
3547	D-15235	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 20X460MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 20X460MM	220.428		8%
3548	D-15241	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 22X460MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 22X460MM	243.324		8%
3549	D-15257	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 25X460MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 25X460MM	293.436		8%
3550	D-15263	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 26X460MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 26X460MM	342.036		8%
3551	D-15285	BULL POINT 400	MŨI ĐỤC NHON 400	538.056		8%
3552	D-15300	COLD CHISEL 30*400	MŨI ĐỤC DẸP 30*400	535.248		8%
3553	D-15562	TCT SAW BLADE 110MMX20MMX12T FOR	LƯỠI CỬA HỘP KIM 110MMX20MMX12T	125.928		8%
3554	D-15578	TCT SAW BLADE 110MMX20MMX24T FOR	LƯỠI CỬA HỘP KIM 110MMX20MMX24T	154.548		8%
3555	D-15665	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 3.5X110MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 3.5X110MM	38.664		8%
3556	D-15811	TCT SAW BLADE FOR MBR 235MMX25MM	LƯỠI CỬA HỘP KIM CHO MBR 235MMX25MM	509.760		8%
3557	D-16106	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 5.5X160MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 5.5X160MM	44.388		8%
3558	D-16112	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 12X350MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 12X350MM	74.412		8%
3559	D-16128	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 13X350MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 13X350MM	81.000		8%
3560	D-16134	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 14X350MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 14X350MM	98.820		8%
3561	D-16140	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 15X350MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 15X350MM	114.750		8%
3562	D-16156	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 16X260MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 16X260MM	98.820		8%
3563	D-16162	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 16X350MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 16X350MM	121.716		8%
3564	D-16178	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 17X160MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 17X160MM	98.820		8%
3565	D-16184	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 17X260MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 17X260MM	121.716		8%
3566	D-16190	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 17X350MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 17X350MM	147.420		8%
3567	D-16209	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 18X160MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 18X160MM	98.820		8%
3568	D-16215	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 18X260MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 18X260MM	121.716		8%
3569	D-16221	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 18X350MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 18X350MM	147.420		8%
3570	D-16243	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 19X350MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 19X350MM	183.168		8%
3571	D-16259	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 20X260MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 20X260MM	147.420		8%
3572	D-16265	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 20X350MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 20X350MM	183.168		8%
3573	D-16271	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 12X460MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 12X460MM	140.292		8%
3574	D-16287	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 16X460MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 16X460MM	171.720		8%
3575	D-16293	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 19X460MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 19X460MM	220.428		8%
3576	D-16302	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 24X460MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 24X460MM	261.900		8%
3577	D-16318	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 28X460MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 28X460MM	389.232		8%
3578	D-16346	82MM HSS P.B.(2PCS/PKG)	BỘ LƯỠI BẢO 82MM HSS (2CÁI/GOI)MT11	165.996		8%
3579	D-16374	HEX SHANK BULL POINT 17X210	MŨI ĐỤC NHON CHUỖI LỤC GIÁC 17X210	81.648		8%
3580	D-16427	CRACK CHASER 105MM	LƯỠI CẮT CỎ RÀNH 105MM	1.447.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3581	D-16477	CRACK CHASER 125MM	LƯỠI CẮT CỎ RÀNH 125MM	1.965.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3582	D-16499	HEX SHANK BULL POINT 21X320	MŨI ĐỤC NHON CHUỖI LỤC GIÁC 21X320	160.272		8%
3583	D-16508	MASONRY DRILL BIT ASSY5PCS/SET 7X10	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỖI KẸP 5CÁI/BỘ	114.750		8%
3584	D-16520	TCT SAWBLADE TRING15.88 FOR MGF 30	LƯỠI CỬA HỘP KIM TRING15.88 CHO NHỎ	1.339.200		8%
3585	D-16570	TCT SAW BLADE FOR MBR 235MMX25MM	LƯỠI CỬA HỘP KIM CHO MBR 235MMX25MM	631.152		8%
3586	D-16617	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS) 1.5×40MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5PCS) 1.5	93.150		8%
3587	D-16623	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)2×49MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5PCS) 2X	115.992		8%
3588	D-16639	HSS-CO METAL DRILL BITS(COBALT 5%)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN (COBALT 5%)	115.992		8%
3589	D-16645	HSS-CO METAL DRILL BITS(COBALT 5%)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 3X61MM	160.272		8%
3590	D-16651	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS) 3.2×65MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5PCS) 3.2	168.912		8%
3591	D-16667	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS) 3.5×70MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5PCS) 3.5	174.636		8%
3592	D-16673	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS) 4×75MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5PCS) 4X	186.084		8%
3593	D-16689	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS) 4.5×80MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5PCS) 4.5	243.324		8%
3594	D-16695	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS) 5×86MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5PCS) 5X	243.324		8%
3595	D-16704	HSS-CO METAL DRILL BITS(COBALT 5%)	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 5% 5CÁI	267.300		8%
3596	D-16710	HSS-CO METAL DRILL BITS(COBALT 5%)	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 5% 5CÁI	313.416		8%
3597	D-16726	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS) 6.5×101MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO(5CÁI)6.5X	333.450		8%
3598	D-16732	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)7×109MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO (5CÁI)7×1	382.050		8%
3599	D-16748	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)7.5×109MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO (5CÁI)7.5X	486.540		8%
3600	D-16754	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)8×117MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO (5CÁI)8×1	608.256		8%
3601	D-16760	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)8.5×117MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO(5CÁI)8.5X	682.668		8%
3602	D-16776	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS) 9×125MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO(5CÁI) 9×1	770.040		8%
3603	D-16782	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)9.5×125MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO(5CÁI)9.5X	873.450	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
3604	D-16798	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)10×133MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO(5CÁI)10×1	1.047.600		8%
3605	D-16807	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)10.5×133MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO(5CÁI)10.5	1.053.000		8%
3606	D-16813	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)11×142MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO(5CÁI)11×1	1.239.300		8%
3607	D-16829	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)11.5×142MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO(5CÁI)11.5	1.402.650		8%
3608	D-16835	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)12×151MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO(5CÁI)12×1	1.578.420		8%
3609	D-16841	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)12.5×151MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO(5CÁI)12.5	1.582.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
3610	D-16857	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)13×151MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO(5CÁI)13×1	1.821.960		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
3611	D-16863	BULL POINT 450	MŨI ĐỤC NHON 450	174.636		8%
3612	D-16879	COLD CHISEL 19*450	MŨI ĐỤC DẸP 19*450	174.636		8%
3613	D-16950	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 3.5X90MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 3.5X90MM	38.664		8%
3614	D-16994	BIM HOLE SAW 16X38MM	MŨI KHOẾT BIM 16X38MM	81.648		8%
3615	D-17005	BIM HOLE SAW 19X38MM	MŨI KHOẾT BIM 19X38MM	93.096		8%
3616	D-17011	BIM HOLE SAW 22X38MM	MŨI KHOẾT BIM 22X38MM	98.820		8%
3617	D-17027	BIM HOLE SAW 24X38MM	MŨI KHOẾT BIM 24X38MM	98.550		8%
3618	D-17033	BIM HOLE SAW 25X38MM	MŨI KHOẾT BIM 25X38MM	104.544		8%
3619	D-17049	BIM HOLE SAW 32X38MM	MŨI KHOẾT BIM 32X38MM	133.164		8%
3620	D-17055	BIM HOLE SAW 35X38MM	MŨI KHOẾT BIM 35X38MM	138.888		8%
3621	D-17061	BIM HOLE SAW 38X38MM	MŨI KHOẾT BIM 38X38MM	144.612		8%
3622	D-17077	BIM HOLE SAW 44X38MM	MŨI KHOẾT BIM 44X38MM	153.900		8%
3623	D-17083	BIM HOLE SAW 51X38MM	MŨI KHOẾT BIM 51X38MM	180.360		8%
3624	D-17099	BIM HOLE SAW 57X38MM	MŨI KHOẾT BIM 57X38MM	186.300		8%
3625	D-17108	BIM HOLE SAW 68X38MM	MŨI KHOẾT BIM 68X38MM	231.876		8%
3626	D-17114	BIM HOLE SAW 76X38MM	MŨI KHOẾT BIM 76X38MM	254.880		8%
3627	D-17120	BIM HOLE SAW 83X38MM	MŨI KHOẾT BIM 83X38MM	266.220		8%
3628	D-17136	BIM HOLE SAW 92X38MM	MŨI KHOẾT BIM 92X38MM	301.968		8%
3629	D-17142	BIM HOLE SAW 105X38MM	MŨI KHOẾT BIM 105X38MM	342.036		8%
3630	D-17158	BIM HOLE SAW 127X38MM	MŨI KHOẾT BIM 127X38MM	422.280		8%
3631	D-17164	BIM HOLE SAW 152X38MM	MŨI KHOẾT BIM 152X38MM	492.480		8%
3632	D-17170	9.5MM ADAPTER WITH PILOT DRILL	CỤC CHUYỀN VỚI KHOAN ĐỊNH TÂM 9.5MM	98.820		8%
3633	D-17186	11MM ADAPTER WITH PILOT DRILL	CỤC CHUYỀN VỚI KHOAN ĐỊNH TÂM 11MM	180.360		8%
3634	D-17192	71MM PILOT DRILL	KHOAN ĐỊNH TÂM 71MM	70.200		8%
3635	D-17251	BIM HOLE SAW 20X38MM	MŨI KHOẾT BIM 20X38MM	93.096		8%
3636	D-17267	BIM HOLE SAW 29X38MM	MŨI KHOẾT BIM 29X38MM	115.992		8%
3637	D-17273	BIM HOLE SAW 40X38MM	MŨI KHOẾT BIM 40X38MM	151.740		8%
3638	D-17289	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS) 1.5X40(1 C	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 1.5X40(1 C	27.216		8%
3639	D-17295	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)2X49MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 2X49(1 C	27.216		8%
3640	D-17304	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS) 2.5X57(1 C	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 2.5X57(1 C	27.216		8%
3641	D-17310	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS) 3X61MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 3X61(1 C	38.664		8%
3642	D-17326	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS) 3.2X65(1 C	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 3.2X65(1 C	38.664		8%
3643	D-17332	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)3.5X70(1 C	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 3.5X70(1 C	38.664		8%
3644	D-17348	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)4X75MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 4X75(1 C	44.388		8%
3645	D-17354	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)4.5X80(1 C	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 4.5X80(1 C	50.112		8%
3646	D-17360	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)5X86MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 5X86(1 C	55.836		8%
3647	D-17376	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)5.5X93(1 C	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 5.5X93(1 C	61.560		8%
3648	D-17382	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)6X93MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 6X93(1 C	70.200		8%
3649	D-17398	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)6.5X101(1 C	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 6.5X101(1 C	74.412		8%
3650	D-17407	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)7X109MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 7X109(1 C	93.096		8%
3651	D-17413	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)7.5X109(1 C	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 7.5X109(1 C	110.268		8%
3652	D-17429	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)8X117MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 8X117(1 C	135.972		8%
3653	D-17435	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)8.5X117(1 C	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 8.5X117(1 C	153.144		8%
3654	D-17441	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)9X125MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 9X125(1 C	160.272		8%
3655	D-17457	HSS-CO METAL DRILL BITS(1PCS)9.5X125(1 C	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 9.5X125(1 C	180.900		8%
3656	D-17463	HSS-CO METAL DRILL BITS(COBALT 5%) 10X133(1 C	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 10X133(1 C	214.704		8%
3657	D-17479	HSS-CO METAL DRILL BITS 10.5X133(1PC	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 10.5X133(1 C	224.100		8%
3658	D-17485	HSS-Co Metal Drill Bits(Cobalt 5%) 1pc 11x14	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 11X142(1 C	271.944		8%
3659	D-17491	HSS-CO METAL DRILL BITS 11.5X142(1PC	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 11.5X142(1 C	290.250		8%
3660	D-17500	HSS-Co Metal Drill Bits(Cobalt 5%) 1pc 12x15	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 12X151(1 C	330.588		8%
3661	D-17516	HSS-CO METAL DRILL BITS 12.5X151(1PC	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 12.5X151(1 C	353.484		8%
3662	D-17522	HSS-CO METAL DRILL BITS 13X151MM(1	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 13X151(1 C	393.552		8%
3663	D-17538	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 10X460MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 10X460MM	134.568		8%
3664	D-17544	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 14X460MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 14X460MM	147.420		8%
3665	D-17550	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 15X460MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 15X460MM	183.168		8%
3666	D-17566	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 18X460MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 18X460MM	201.852		8%
3667	D-17572	BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS 30X460MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 30X460MM	505.440		8%
3668	D-17588	21MM HEX SHANK COLD CHISEL 26*320	MŨI ĐỤC DẸP CHUỐI LỤC GIÁC 21MM 26*	151.740		8%
3669	D-17594	COLD CHISEL 26*450	MŨI ĐỤC DẸP 26*450	214.704		8%
3670	D-17603	SDS-PLUS ADP WITH PILOT DRILL 14 - 29	CỤC CHUYỀN VỚI MŨI KHOAN ĐỊNH VỊ S	127.440		8%
3671	D-17619	SDS-PLUS ADP WITH PILOT DRILL 32 - 76	CỤC CHUYỀN VỚI MŨI KHOAN ĐỊNH VỊ S	226.152		8%
3672	D-17625	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)1.75*46	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)1.75	109.350		8%
3673	D-17631	BULL POINT 410/HM1812	MŨI ĐỤC NHON 410/HM1812	509.760		8%
3674	D-17647	COLD CHISEL 28*410/HM1812	MŨI ĐỤC DẸP 28*410/HM1812	509.760		8%
3675	D-17675	BULL POINT 520/HM1812	MŨI ĐỤC NHON 520/HM1812	567.000		8%
3676	D-17681	COLD CHISEL 28*520/HM1812	MŨI ĐỤC DẸP 28*520/HM1812	567.000		8%
3677	D-17697	MASONRY BRILL BIT 12X400MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KEP 12X400	98.550		8%
3678	D-17706	MASONRY BRILL BIT 16X400MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KEP 16X400	147.420		8%
3679	D-17712	MASONRY BRILL BIT 20X400MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KEP 20X400	177.444		8%
3680	D-17728	MASONRY BRILL BIT 12X600MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KEP 12X600	140.292		8%
3681	D-17734	MASONRY BRILL BIT 16X600MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KEP 16X600	184.950		8%
3682	D-17740	MASONRY BRILL BIT 20X600MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KEP 20X600	229.500		8%
3683	D-17756	DRESSING STONE 150-1200 SET	ĐÁ MÀI 150-1200 SET	168.912		8%
3684	D-17784	SDS-PLUS BIT ASSORTMENT 5P/SET 6.6.5	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 5CÁI/BỘ	190.404		8%
3685	D-17902	TCT SAW BLADE FOR MDF 185MMX30MM	LƯỚI CỬA HỘP KIM CHO MDF 185MMX30	691.200		8%
3686	D-17918	TCT SAW BLADE FOR MDF 235MMX30X80	LƯỚI CỬA HỘP KIM CHO MDF 235MMX30	1.156.950		8%
3687	D-18465	GRINDING WHEEL A24R FOR METAL (125	ĐÁ MÀI A24R CHO KIM LOẠI (125 X 6 X 2	37.800		8%
3688	D-18471	GRINDING WHEEL A24R FOR METAL (180	ĐÁ MÀI A24R CHO KIM LOẠI (180 X 6 X 2	54.000		8%
3689	D-18487	GRINDING WHEEL A24R FOR METAL (230	ĐÁ MÀI A24R CHO KIM LOẠI (230 X 6 X 2	91.584		8%
3690	D-18552	CUTTING WHEEL OFF SET A30S FOR MET	ĐÁ CẮT A30S CHO KIM LOẠI 100X3X16	22.950		8%
3691	D-18574	CUTTING WHEEL OFF SET A30S FOR MET	ĐÁ CẮT A30S CHO KIM LOẠI 125X3X22.2	24.300		8%
3692	D-18580	CUTTING WHEEL OFF SET A30S FOR MET	ĐÁ CẮT A30S CHO KIM LOẠI 180X3X22.2	36.450		8%
3693	D-18596	CUTTING WHEEL OFF SET A30S FOR MET	ĐÁ CẮT A30S CHO KIM LOẠI 230X3X22.2	47.250		8%
3694	D-18655	CUTTING WHEEL A30S FOR MET 100x2.5x	ĐÁ CẮT A30S CHO KIM LOẠI 100X2.5X16	18.684		8%
3695	D-18677	CUTTING WHEEL A30S FOR MET 125x2.5x	ĐÁ CẮT A30S CHO KIM LOẠI 125X2.5X22	24.408		8%
3696	D-18683	CUTTING WHEEL A30S FOR MET 180x2.5x	ĐÁ CẮT A30S CHO KIM LOẠI 180X2.5X22	35.856		8%
3697	D-18699	CUTTING WHEEL A30S FOR MET 230x2.5x	ĐÁ CẮT A30S CHO KIM LOẠI 230X2.5X22	53.028		8%
3698	D-18758	THIN CUTTING WA60T FOR STA 100x1.0x	ĐÁ CẮT MÔNG CHO INOX/THÉP WA60T 10	24.408		8%
3699	D-18758-100	CUT-OFF WHEEL/STAINLESS/THIN THICK	ĐÁ CẮT MÔNG CHO INOX/THÉP 100X1.0X	1.375.650		8%
3700	D-18770	THIN CUTTING FLAT WA60T FOR STAINL	ĐÁ CẮT MÔNG CHO INOX/THÉPWA60TTEE	30.132		8%
3701	D-18786	THIN CUTTING WA36R FOR STA 180x2x22	ĐÁ CẮT MÔNG CHO INOX WA36R FOR 180	47.304		8%
3702	D-18792	THIN CUTTING FLAT WA36R FOR STAINL	ĐÁ CẮT MÔNG CHO INOX/THÉP WA36REH	75.924		8%
3703	D-18801	THIN CUTTING OFF SET WA60T FOR STA	ĐÁ CẮT MÔNG CHO INOX/THÉP WA60T 10	24.408		8%
3704	D-18823	THIN CUTTING OFF SET WA46S FOR STA	ĐÁ CẮT MÔNG CHO INOX/THÉP WA46S 12	30.132		8%
3705	D-18839	THIN CUTTING OFF SET WA36R FOR STA	ĐÁ CẮT MÔNG CHO INOX/THÉP WA36R 14	47.304		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
3706	D-18845	THIN CUTTING OFF SET WA36R FOR STA	ĐÁ CẮT MÔNG CHO INOX/THÉP WA36R	75.924		8%
3707	D-18960	MASONRY BRILL BIT 10X400MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KEP 10X400	93.150		8%
3708	D-18976	MASONRY BRILL BIT 14X400MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KEP 14X400	114.750		8%
3709	D-18982	MASONRY BRILL BIT 18X400MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KEP 18X400	171.720		8%
3710	D-19015	BULL POINT 400MM	MŨI ĐỤC NHON 400MM	95.904		8%
3711	D-19021	COLD CHISEL 20x400MM	MŨI ĐỤC DẸP 20X400MM	104.544		8%
3712	D-19037	TCT SAW BLADE 185MMX20MMX24T	LƯỠI CỬA HỘP KIM 185MMX20MMX24T	274.752		8%
3713	D-19043	SAW BLADE (2PCS/SET) 185MMX20MMX2	LƯỠI CỬA HỘP KIM (2CÁI/BỘ) 185MMX20	554.040		8%
3714	D-19152	BULL POINT 140	MŨI ĐỤC NHON 140	53.028		8%
3715	D-19168	COLD CHISEL 20*140	MŨI ĐỤC DẸP 20*140	53.028		8%
3716	D-19825	TCT SAW BLADE FOR WOOD 235MMX25M	LƯỠI CỬA HỘP KIM CHO GỖ 235MMX25M	591.084		8%
3717	D-20052	TCT SAW BLADE (2PCS/SET) 185MMX30M	LƯỠI CỬA HỘP KIM (2CÁI/BỘ) 185MMX30	450.792		8%
3718	D-20068	TCT SAW BLADE (2PCS/SET) 235MMX30M	LƯỠI CỬA HỘP KIM (2CÁI/BỘ) 235MMX30	1.006.020		8%
3719	D-20127	17MM HEX SHANK DRILL BIT 16X280	CHUỐI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ T	197.640		8%
3720	D-20133	17MM HEX SHANK DRILL BIT 16X505	CHUỐI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ T	277.668		8%
3721	D-20149	17MM HEX SHANK DRILL BIT 18X280	CHUỐI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ T	214.704		8%
3722	D-20155	TCT DRILL BIT 18X505MM	MŨI KHOAN HỘP KIM 18X505MM	313.416		8%
3723	D-20161	17MM HEX SHANK DRILL BIT 19X280	CHUỐI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ T	237.600		8%
3724	D-20177	17MM HEX SHANK DRILL 19X505	CHUỐI LỤC GIÁC 17MM DRILL 19X505	365.040		8%
3725	D-20183	17MM HEX SHANK DRILL BIT 20X280	CHUỐI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ T	243.324		8%
3726	D-20199	17MM HEX SHANK DRILL BIT 20X505	CHUỐI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ T	365.040		8%
3727	D-20208	17MM HEX SHANK DRILL BIT 22X 280	CHUỐI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ T	271.944		8%
3728	D-20214	17MM HEX SHANK DRILL BIT 22X505	CHUỐI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ T	405.000		8%
3729	D-20220	17MM HEX SHANK DRILL BIT 26X280	CHUỐI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ T	296.244		8%
3730	D-20236	17MM HEX SHANK DRILL BIT 25.5X505	CHUỐI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ T	416.448		8%
3731	D-20242	17MM HEX SHANK DRILL BIT 28X280	CHUỐI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ T	342.036		8%
3732	D-20258	17MM HEX SHANK DRILL BIT 28X505	CHUỐI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ T	520.884		8%
3733	D-20264	17MM HEX SHANK DRILL BIT 32X280	CHUỐI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ T	538.056		8%
3734	D-20270	17MM HEX SHANK DRILL BIT 32X505	CHUỐI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ T	741.312		8%
3735	D-20286	17MM HEX SHANK DRILL BIT 35X280	CHUỐI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ T	659.880		8%
3736	D-20292	17MM HEX SHANK DRILL BIT 35X505	CHUỐI LỤC GIÁC 17MM MŨI KHOAN BÊ T	804.600		8%
3737	D-20672	SCALING CHISEL 70*320	MŨI ĐỤC DẸP 70*320	277.668		8%
3738	D-20694	SCALING CHISEL 50*280	MŨI ĐỤC DẸP 50*280	147.420		8%
3739	D-20703	SDS-PLUS BIT ASSORTMENT5PC/SET 5,6,7	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 5CÁI/BỘ	168.480		8%
3740	D-20725	SCALING CHISEL 75*520/HM1812	MŨI ĐỤC DẸP 75*520/HM1812	654.480		8%
3741	D-20937	CUTTING WHEEL (FLAT) C30S FOR MASO	ĐÁ CẮT 100X3X160X3X16	24.408		8%
3742	D-20959	CUTTING WHEEL (FLAT) C30S FOR MASO	ĐÁ CẮT 125X3X22.25X3X22.2	30.132		8%
3743	D-21048	CUTTING WHEEL (OFF SET) C30S FOR MA	ĐÁ CẮT 115X3X22.2115X3X22.2	30.132		8%
3744	D-21060	CUTTING WHEEL (OFF SET) C30S FOR MA	ĐÁ CẮT 180X3X22.2180X3X22.2	47.304		8%
3745	D-21076	CUTTING WHEEL (OFF SET) C30S FOR MA	ĐÁ CẮT 230X3X22.2230X3X22.2	49.950		8%
3746	D-21319	TCT SAW BLADE FOR WOOD (2PCS/SET) 2	LƯỠI CỬA HỘP KIM CHO GỖ (2CÁI/BỘ) 23	1.036.800		8%
3747	D-21331	BIT FOR SDS PLUS HAMMERS 14X210MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 14X210M	74.412		8%
3748	D-21397	TCT SAW BLADE FOR WOOD (2PCS/SET) 1	LƯỠI CỬA HỘP KIM CHO GỖ (2CÁI/BỘ) 18	518.400		8%
3749	D-22816	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS) 1/16"X1	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)1/16	90.720	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3750	D-22838	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)3/32"X2	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)3/32	108.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3751	D-22844	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)7/64"X2	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)7/64	151.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3752	D-22866	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)9/64"X2	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)9/64	168.912		8%
3753	D-22894	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)3/16"X3	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)3/16	220.320	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
3754	D-22903	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)13/64"X3	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)13/64	254.880	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3755	D-22919	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)7/32"X3	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)7/32	254.880	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3756	D-22931	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)1/4"X4"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)1/4"	332.640	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3757	D-22947	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)1/764"X4"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)1/764	380.160	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3758	D-22953	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)9/32"X4"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)9/32	457.920	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3759	D-22969	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)19/64"X4"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)19/64	457.920	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3760	D-22975	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)5/16"X4"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)5/16	574.560	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3761	D-22981	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)21/64"X4"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)21/64	648.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3762	D-22997	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)11/32"X4"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)11/32	725.760	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3763	D-23008	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)23/64"X4"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)23/64	881.280	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3764	D-23014	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)3/8"X5"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)3/8"	881.280	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3765	D-23020	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)25/64"X4"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)25/64	993.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3766	D-23036	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)13/32"X4"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)13/32	1.049.760	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3767	D-23042	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)27/64"X4"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)27/64	1.235.520	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
3768	D-23058	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)7/16"X5"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)7/16	1.395.360	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3769	D-23064	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)29/64"X4"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)29/64	1.395.360	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3770	D-23070	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)15/32"X4"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)15/32	1.490.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3771	D-23086	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)31/64"X4"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)31/64	1.589.760	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3772	D-23092	HSS-CO METAL DRILL BITS(5PCS)1/2"X6"	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(5CÁI)1/2"	1.732.320	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3773	D-23466	AUGER BITS (1PCS.) 5/8"X10"	MŨI KHOAN XOĂN ỐC (1PC.) 5/8"x10"	112.320	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3774	D-23824	BULL POINT 450	MŨI ĐỤC NHON 450	226.152		8%
3775	D-23868	SCALING CHISEL 75*310	MŨI ĐỤC DẸP 75*310	567.000		8%
3776	D-24000	FLAT BITS (1/4"HEX SHANK) 7/8"X6"	MŨI KHOAN DẸT (CHUỐI LỤC GIÁC 1/4")7	58.752		8%
3777	D-24066	CUP BRUSH CRIMPED STEEL WIRE 60MM	CHỔI KIM LOẠI 60MMXM10	81.648		8%
3778	D-24072	CUP BRUSH CRIMPED STEEL WIRE 60MM	CHỔI KIM LOẠI 60MMXM14	81.648		8%
3779	D-24088	CUP BRUSH CRIMPED STEEL WIRE 75MM	CHỔI KIM LOẠI 75MMXM10	115.992		8%
3780	D-24094	CUP BRUSH CRIMPED STEEL WIRE 75MM	CHỔI KIM LOẠI 75MMXM14	115.992		8%
3781	D-24103	CUP BRUSH CRIMPED STEEL WIRE 60MM	CHỔI KIM LOẠI DẠNG XOĂN 60MMXM10	128.844		8%
3782	D-24119	CUP BRUSH CRIMPED STEEL WIRE 60MM	CHỔI KIM LOẠI DẠNG XOĂN 60MMXM14	128.844		8%
3783	D-24125	CUP BRUSH CRIMPED STEEL WIRE 75MM	CHỔI KIM LOẠI DẠNG XOĂN 75MMXM10	141.696		8%
3784	D-24131	CUP BRUSH CRIMPED STEEL WIRE 75MM	CHỔI KIM LOẠI DẠNG XOĂN 75MMXM14	180.360		8%
3785	D-24147	CUP BRUSH TWISTED WIRE 60MMXM10	CHỔI KIM LOẠI DẠNG XOĂN 60MMXM10	174.636		8%
3786	D-24153	CUP BRUSH TWISTED WIRE 60MMXM14	CHỔI KIM LOẠI DẠNG XOĂN 60MMXM14	168.912		8%
3787	D-24583	FLAT BIT 3/4"X6"	MŨI KHOÉT GỖ 3/4"X6"	34.560	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3788	D-24876	BIM HOLE SAW 54X38MM	MŨI KHOÉT 54X38MM	186.084		8%
3789	D-24882	BIM HOLE SAW 65X38MM	MŨI KHOÉT 65X38MM	214.704		8%
3790	D-25111	GLASS DRILL BIT 3X65MM	MŨI KHOAN KÍNH 3X65MM	44.550		8%
3791	D-25127	GLASS DRILL BIT 4X65MM	MŨI KHOAN KÍNH 4X65MM	58.752		8%
3792	D-25133	GLASS DRILL BIT 5X65MM	MŨI KHOAN KÍNH 5X65MM	58.752		8%
3793	D-25149	GLASS DRILL BIT 6X65MM	MŨI KHOAN KÍNH 6X65MM	64.476		8%
3794	D-25155	GLASS DRILL BIT 8X70MM	MŨI KHOAN KÍNH 8X70MM	70.200		8%
3795	D-25161	GLASS DRILL BIT 10X80MM	MŨI KHOAN KÍNH 10X80MM	87.372		8%
3796	D-25177	GLASS DRILL BIT 12X80MM	MŨI KHOAN KÍNH 12X80MM	104.544		8%
3797	D-25616	SCALING CHISEL 50*215	MŨI ĐỤC DẸP 50*215	134.568		8%
3798	D-25644	SDS-PLUS DRILL 24X260MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 24X260M	213.300		8%
3799	D-25666	SDS-PLUS DRILL 6X260MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS 6X260MM	55.836		8%
3800	D-25688	60MM BIM HOLE SAW	60X38MM MŨI KHOÉT	203.256		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
3801	D-25694	70MM BIM HOLE SAW	70X38MM MŨI KHOẾT	231.876		8%
3802	D-26163	GRINDING WHEEL A24R FOR METAL (150	ĐÁ MÀI A24R CHO KIM LOẠI (150 X 6 X 2	48.600		8%
3803	D-26303	BULL POINT 280	MŨI ĐỤC NHON 280	104.544		8%
3804	D-26587	COLD CHISEL 19*210	MŨI ĐỤC DẸP 19*210	84.456		8%
3805	D-29228	SCALING CHISEL 75*410/HM1812	MŨI ĐỤC DẸP 75*410/HM1812	597.240		8%
3806	D-29284	CUP BRUSH CRIMPED WIRE 100MMXM14	CHỖI KIM LOẠI 100MMXM14	157.464		8%
3807	D-29290	CUP BRUSH TWISTED WIRE 100MMXM14	CHỖI KIM LOẠI XOÀN TRÒN 100MMXM14	234.684		8%
3808	D-29402	CUTTING WHEEL A30S FOR MET 150x2.5x	ĐÁ CẮT A30S CHO KIM LOẠI 150X2.5X22	30.132		8%
3809	D-29424	THIN CUTTING FLAT WA36R FOR STAINL	ĐÁ CẮT MÔNG CHO INOX/THÉP WA36REH	41.580		8%
3810	D-29555	WHEEL BRUSH TWISTED 100MMXM14	CHỖI XOÀN TRÒN 100MMXM14	144.612		8%
3811	D-29561	WHEEL BRUSH TWISTED 115MMXM14	CHỖI XOÀN TRÒN 115MMXM14	144.612		8%
3812	D-29577	WHEEL BRUSH TWISTED 125MMXM14	CHỖI XOÀN TRÒN 125MMXM14	203.256		8%
3813	D-29614	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 2x	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 2X49MM	21.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3814	D-29620	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 2x	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 2.5X57MM	21.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3815	D-29636	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 3x	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 3X61MM	27.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3816	D-29686	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 5x	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 5.5X93MM	59.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3817	D-29701	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 6x	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 6.5X101MM	64.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3818	D-29717	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 7x	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 7X109MM	81.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3819	D-29723	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 7x	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 7.5X109MM	86.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3820	D-29739	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 8x	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 8X117MM	108.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3821	D-29745	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 8x	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 8.5X117MM	108.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3822	D-29751	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 9x	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 9X125MM	135.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3823	D-29767	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 9x	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 9.5X125MM	151.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3824	D-29773	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 10x	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 10X133MM	172.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3825	D-29789	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 10x	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 10.5X133MM	183.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3826	D-29795	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 11x	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 11X142MM	205.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3827	D-29804	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 11x	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 11.5X142MM	221.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3828	D-29810	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 12x	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 12X151MM	253.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3829	D-29826	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 12x	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 12.5X151MM	259.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3830	D-29832	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT 13x	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 13X151MM	297.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3831	D-29860	BULL POINT 350	MŨI ĐỤC NHON 350	138.888		8%
3832	D-29985	SELF FEED BIT(1PCS) 38MM	MŨI KHOẾT GỖ CHUỐI LỤC GIÁC 38MM	313.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
3833	D-30106	5PCS METER DRILL SETS ASSORT 5MM(1	BỘ MŨI KHOAN 5 CẠI 5MM(1PCS), 6MM (	151.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
3834	D-30140	64MM BIM HOLE SAW	64X38MM MŨI KHOẾT	208.980		8%
3835	D-30287	OMNIBOHRER 3X60MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 3X60MM	24.408		8%
3836	D-30293	OMNIBOHRER 4X70MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 4X70MM	24.408		8%
3837	D-30302	OMNIBOHRER 5X85MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 5X85MM	24.408		8%
3838	D-30318	MULTI PURPOSE DRILL BIT 6X100MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 6x100MM	24.408		8%
3839	D-30324	OMNIBOHRER 6X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 6X150MM	24.408		8%
3840	D-30330	OMNIBOHRER 7X100MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 7X100MM	24.408		8%
3841	D-30346	OMNIBOHRER 7X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 7X150MM	30.132		8%
3842	D-30352	OMNIBOHRER 8X110MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 8X110MM	24.408		8%
3843	D-30368	OMNIBOHRER 8X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 8X150MM	30.132		8%
3844	D-30374	OMNIBOHRER 9X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 9X150MM	41.580		8%
3845	D-30380	OMNIBOHRER 10X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 10X150MM	41.580		8%
3846	D-30396	OMNIBOHRER 10X400MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 10X400MM	98.820		8%
3847	D-30405	OMNIBOHRER 11X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 11X150MM	44.550		8%
3848	D-30411	OMNIBOHRER 12X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 12X150MM	47.304		8%
3849	D-30427	OMNIBOHRER 12X400MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 12X400MM	104.544		8%
3850	D-30433	OMNIBOHRER 12X600MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 12X600MM	130.950	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
3851	D-30449	OMNIBOHRER 13X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 13X150MM	58.752		8%
3852	D-30455	OMNIBOHRER 14X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 14X150MM	64.476		8%
3853	D-30461	OMNIBOHRER 14X400MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 14X400MM	130.950		8%
3854	D-30994	BULL POINT FOR 21MM HEX SHANK HAM	MŨI ĐỤC NHON CHUỐI LỤC GIÁC 21MMX	433.620		8%
3855	D-31011-12	SCREW BIT IN COUNTER DISPLAY 12 SET	HỘP MŨI VẠN VÍT 12 BỘ	1.827.360	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
3856	D-31027	OMNIBOHRER 5.5X85	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 5.5X85	22.950		8%
3857	D-31033	OMNIBOHRER 5.5X100	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 5.5X100	24.408		8%
3858	D-31049	OMNIBOHRER 5.5X150	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 5.5X150	22.950		8%
3859	D-31055	OMNIBOHRER 6.5X85	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 6.5X85	22.950		8%
3860	D-31061	OMNIBOHRER 6.5X100	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 6.5X100	22.950		8%
3861	D-31077	OMNIBOHRER 6.5X150	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 6.5X150	28.350		8%
3862	D-31114	HSS-TIN METAL DRILL BITS (HEX SHANK	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN (CHUỐI L	31.536		8%
3863	D-31120	HSS METAL DRILL BITS (1PCS.HEX SHAN	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS(1CẠI, CHUỐI	35.856		8%
3864	D-31136	HSS METAL DRILL BITS(1PCS.HEX SHANK	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS(1CẠI, CHUỐI	35.856		8%
3865	D-31142	HSS METAL DRILL BITS(1PCS.HEX SHANK	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN (CHUỐI L	41.580		8%
3866	D-31158	HSS-TIN METAL DRILL BITS (1/4" HEX SH	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN (CHUỐI L	41.580		8%
3867	D-31164	HSS METAL DRILL BITS(1PCS.HEX SHANK	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS(1CẠI,CHUỐI L	41.580		8%
3868	D-31170	HSS- TIN METAL DRILL BITS (HEX SHANK	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS- TIN (CHUỐI L	47.304		8%
3869	D-31186	HSS- TIN METAL DRILL BITS (HEX SHANK	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS- TIN (CHUỐI L	58.752		8%
3870	D-31192	HSS- TIN METAL DRILL BITS(HEX SHANK	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS- TIN (CHUỐI L	75.924		8%
3871	D-31201	HSS- TIN METAL DRILL BITS (HEX SHANK	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS- TIN (CHUỐI L	127.440		8%
3872	D-31217	HSS- TIN METAL DRILL BITS (HEX SHANK	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS- TIN (CHUỐI L	174.636		8%
3873	D-31223	HSS- TIN METAL DRILL BITS (HEX SHANK	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS- TIN (CHUỐI L	269.028		8%
3874	D-31239	HSS- TIN METAL DRILL BITS (HEX SHANK	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS- TIN (CHUỐI L	312.120		8%
3875	D-31245	BRAD POINT WOOD DRILLS(1PCS) 3X78MM	MŨI KHOAN GỖ CHUỐI LỤC GIÁC(1 CẠI)	30.132		8%
3876	D-31251	BRAD POINT WOOD DRILLS (1/4" HEX SH	MŨI KHOAN GỖ CHUỐI LỤC GIÁC (1/4") 4	35.856		8%
3877	D-31267	BRAD POINT WOOD DRILLS (1/4" HEX SH	MŨI KHOAN GỖ CHUỐI LỤC GIÁC (1/4") 5	35.856		8%
3878	D-31273	BRAD POINT WOOD DRILLS(1PCS) 6X110MM	MŨI KHOAN GỖ CHUỐI LỤC GIÁC(1 CẠI)	41.580		8%
3879	D-31289	BRAD POINT WOOD DRILLS (1/4" HEX SH	MŨI KHOAN GỖ CHUỐI LỤC GIÁC (1/4") 8	47.304		8%
3880	D-31295	BRAD POINT WOOD DRILLS(1PCS) 10X133	MŨI KHOAN GỖ CHUỐI LỤC GIÁC(1 CẠI)	53.028		8%
3881	D-31304	BRAD POINT WOOD DRILLS(1PCS) 12X151	MŨI KHOAN GỖ CHUỐI LỤC GIÁC(1 CẠI)	70.200		8%
3882	D-31310	BRAD POINT WOOD DRILLS(1PCS) 15X162	MŨI KHOAN GỖ CHUỐI LỤC GIÁC(1 CẠI)	87.372		8%
3883	d-31326	AUGER BITS (1PCS)6MM	MŨI KHOAN XOÀN ỐC(1CẠI) 6MM	87.372		8%
3884	D-31332	AUGER BITS(1PCS) 8MM	MŨI KHOAN XOÀN ỐC (1CẠI) 8MM	87.750		8%
3885	D-31348	AUGER BITS(1PCS) 10MM	MŨI KHOAN XOÀN ỐC (1CẠI) 10MM	98.550		8%
3886	D-31354	AUGER BITS(1PCS) 12MM	MŨI KHOAN XOÀN ỐC (1CẠI) 12MM	109.350		8%
3887	D-31360	AUGER BITS(1PCS) 14MM	MŨI KHOAN XOÀN ỐC (1CẠI) 14MM	121.716		8%
3888	D-31376	AUGER BITS(1PCS) 16MM	MŨI KHOAN XOÀN ỐC (1CẠI) 16MM	114.750		8%
3889	D-31382	AUGER BITS(1PCS) 18MM	MŨI KHOAN XOÀN ỐC (1CẠI) 18MM	144.612		8%
3890	D-31398	AUGER BITS(1PCS) 20MM	MŨI KHOAN XOÀN ỐC (1CẠI) 20MM	148.500		8%
3891	D-31407	AUGER BITS (1/4" HEX SHANK) 21X200MM	MŨI KHOAN XOÀN ỐC(CHUỐI LỤC GIÁC)	153.900		8%
3892	D-31413	GLASS BITS(1PCS) 4X65MM	MŨI KHOAN KÍNH(1PCS) 4X65MM	70.200		8%
3893	D-31429	GLASS BITS(1PCS) 5X65MM	MŨI KHOAN KÍNH(1PCS) 5X65MM	70.200		8%
3894	D-31435	GLASS BITS(1PCS) 6X65MM	MŨI KHOAN KÍNH(1PCS) 6X65MM	74.412		8%
3895	D-31441	GLASS BITS(1PCS) 8X70MM	MŨI KHOAN KÍNH(1PCS) 8X70MM	75.924		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
3896	D-31457	GLASS BITS(1PCS) 10X80MM	MŨI KHOAN KÍNH(1PCS) 10X80MM	93.096		8%
3897	D-31463	MASONRY DRILL BITS (1/4"3X80)	MŨI KHOAN BÊ TÔNG (CHUỐI LỤC GIÁC)	44.388		8%
3898	D-31479	MASONRY DRILL BITS (1/4" 4X80)	MŨI KHOAN BÊ TÔNG (CHUỐI LỤC GIÁC)	50.112		8%
3899	D-31485	MASONRY DRILL BITS (1/4" 5*90)	MŨI KHOAN BÊ TÔNG (CHUỐI LỤC GIÁC)	50.112		8%
3900	D-31491	TCT DRILL BIT 6X100	MŨI KHOAN TƯỜNG (CHUỐI LỤC GIÁC) 6	50.112		8%
3901	D-31500	MASONRY DRILL BITS (1/4" HEX SHANK)	MŨI KHOAN BÊ TÔNG (CHUỐI LỤC GIÁC)	61.560		8%
3902	D-31516	DRILL BIT ASSORTMENT 5,6.8MM (5PCS)	BỘ MŨI KHOAN GỖ, KIM LOẠI (CHUỐI LL	280.800		8%
3903	D-31522	DRILL BIT ASSORTMENT M/S 5,6.8MM(5P	BỘ MŨI KHOAN GỖ, KIM LOẠI (CHUỐI LL	216.000		8%
3904	D-31653	DOUBLE HEAD SCREW BIT WITH MAGNET	MŨI VÍT 2 ĐẦU CỎ NAM CHÂM (NZ) 100C	1.399.680		8%
3905	D-33679	DOUBLE HEAD SCREW BIT SET PH2 65MM	BỘ MŨI VÍT 2 ĐẦU PH2 65MM(10 CÁI)	223.236		8%
3906	D-33869	BIM HOLE SAW 80MM	MŨI KHOẾT 80X38MM	260.496		8%
3907	D-33875	SDS-MAX TCT DRILL 12X340MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 12X340M	266.220		8%
3908	D-33881	SDS-MAX TCT DRILL 12X540MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 12X540M	382.320		8%
3909	D-33897	SDS-MAX TCT DRILL 14X340MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 14X340M	296.244		8%
3910	D-33906	SDS-MAX TCT DRILL 14X540MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 14X540M	405.000		8%
3911	D-33912	SDS-MAX TCT DRILL 15X340MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 15X340M	325.080		8%
3912	D-33928	SDS-MAX TCT DRILL 15X540MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 15X540M	433.620		8%
3913	D-33934	SDS-MAX TCT DRILL 16X340MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 16X340M	325.080		8%
3914	D-33940	SDS-MAX TCT DRILL 16X540MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 16X540M	433.620		8%
3915	D-33956	SDS-MAX TCT DRILL 18X340MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 18X340M	353.484		8%
3916	D-33962	SDS-MAX TCT DRILL 18X540MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 18X540M	437.400		8%
3917	D-33978	SDS-MAX TCT DRILL 20X340MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 20X340M	393.552		8%
3918	D-33984	SDS-MAX TCT DRILL 20X540MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 20X540M	538.056		8%
3919	D-33990	SDS-MAX TCT DRILL 22X340MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 22X340M	433.620		8%
3920	D-34001	SDS-MAX TCT DRILL 22X540MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 22X540M	585.360		8%
3921	D-34017	SDS-MAX TCT DRILL 24X340MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 24X340M	457.920		8%
3922	D-34023	SDS-MAX TCT DRILL 24X540MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 24X540M	608.256		8%
3923	D-34039	SDS-MAX TCT DRILL 25X340MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 25X340M	457.920		8%
3924	D-34045	SDS-MAX TCT DRILL 25X540MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 25X540M	608.256		8%
3925	D-34051	SDS-MAX TCT DRILL 28X370MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 28X370M	538.056		8%
3926	D-34067	SDS-MAX TCT DRILL 28X570MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 28X570M	821.880		8%
3927	D-34073	SDS-MAX TCT DRILL 30X370MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 30X370M	631.152		8%
3928	D-34089	SDS-MAX TCT DRILL 30X570MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 30X570M	1.011.960		8%
3929	D-34095	SDS-MAX TCT DRILL 32X370MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 32X370M	880.200		8%
3930	D-34104	SDS-MAX TCT DRILL 32X570MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 32X570M	1.122.120		8%
3931	D-34110	SDS-MAX TCT DRILL 35X370MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 35X370M	1.058.940		8%
3932	D-34126	SDS-MAX TCT DRILL 35X570MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 35X570M	1.243.620		8%
3933	D-34132	SDS-MAX TCT DRILL 38X370MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 38X370M	1.239.300		8%
3934	D-34148	SDS-MAX TCT DRILL 38X570MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 38X570M	1.578.420		8%
3935	D-34154	SDS-MAX TCT DRILL 40X370MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 40X370M	1.459.080		8%
3936	D-34160	SDS-MAX TCT DRILL 40X570MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-MAX 40X570M	1.560.600		8%
3937	D-34176	SDS-MAX BULL POINT 300MM	SDS-MAX MŨI ĐỤC NHỌN 300MM	160.272		8%
3938	D-34182	SDS-MAX BULL POINT 400MM	SDS-MAX MŨI ĐỤC NHỌN 400MM	175.500		8%
3939	D-34198	SDS-MAX BULL POINT 600MM	SDS-MAX MŨI ĐỤC NHỌN 600MM	271.944		8%
3940	D-34207	SDS-MAX COLD CHISEL 300MM	SDS-MAX MŨI ĐỤC ĐEP 300MM	160.272		8%
3941	D-34213	SDS-MAX COLD CHISEL 400MM	MŨI ĐỤC ĐEP 400MM	186.084		8%
3942	D-34213-10	SDS MAX COLO CHISEL 10PCS/SET 25X40	MŨI ĐỤC ĐEP CHUỐI SDS-MAX 10CÁI/BỘ	1.503.360		8%
3943	D-34229	SDS-MAX COLD CHISEL 600MM/HM1812	SDS-MAX MŨI ĐỤC ĐEP 600MM	271.944		8%
3944	D-34235	SDS-MAX SCALING CHISEL 50MM	SDS-MAX MŨI ĐỤC ĐEP 50MM	208.980		8%
3945	D-34241	SDS-MAX SCALING CHISEL 80MM	SDS-MAX MŨI ĐỤC ĐEP 80MM	342.036		8%
3946	D-34279	T.C.T. SAW BLADE FOR WOOD 185MMX20	LƯỖI CỬA HỘP KIM CHO GỖ 185MMX20M	509.760		8%
3947	D-34285	TCT SAW BLADE (3PC/SET) 185MMX20MM	LƯỖI CỬA HỘP KIM (3 CÁI/BỘ) 185MMX2	797.148		8%
3948	D-34316	TCT SAW BLADE FOR WOOD (2PCS/SET) 2	LƯỖI CỬA HỘP KIM CHO GỖ (2CÁI/BỘ) 23	885.816		8%
3949	D-34394	TCT SAW BLADE 260MMX25.4MMX100T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 260MMX25.4MMX100	1.309.500		8%
3950	D-34811	30MM HEX SHANK SCALING CHISEL	MŨI ĐỤC ĐEP CHUỐI LỤC GIÁC 30MM	463.644		8%
3951	D-34827	DOUBLE HEAD SCREW BIT (NZ) 10 X PH2	BỘ MŨI VÍT 2 ĐẦU (NZ) 10 X PH2-45 BIT H	191.700		8%
3952	D-34833	DOUBLE HEAD SCREW BIT SET PH2 110MM	BỘ MŨI VÍT 2 ĐẦU PH2 110MM(10 CÁI)	343.440		8%
3953	D-34877	ECONOMY TYPE JIG SAW BLADE WOOD/IR	LƯỖI CỬA LONG GỖ/CỎ BÀN(5 CÁI/BỘ)	41.580		8%
3954	D-34883	ECONOMY TYPE JIG SAW BLADE WOOD/IR	LƯỖI CỬA LONG GỖ/NHANH(5 CÁI/BỘ)	61.560		8%
3955	D-34899	ECONOMY TYPE JIG SAW BLADE WOOD/IR	LƯỖI CỬA LONG GỖ/NHANH/CẮT CÔNG(5	61.560		8%
3956	D-34908	ECONOMY TYPE JIG SAW BLADE METAL	LƯỖI CỬA LONG KIM LOẠI/CỎ BÀN(5CÁI	81.648		8%
3957	D-34958	HSS-CO METAL DRILL BITS(COBALT 5%)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN (COBALT	229.500		8%
3958	D-34992	HSS-CO METAL DRILL BITS(COBALT 5%)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN (COBALT	267.300		8%
3959	D-35003	ELECTROPLATED CORE DRILL 35MM	MŨI KHOAN LỎI MÀ ĐIỆN 35MM	688.500		8%
3960	D-35019	ELECTROPLATED CORE DRILL 30MM	MŨI KHOAN LỎI MÀ ĐIỆN 30MM	633.150		8%
3961	D-35025	ELECTROPLATED CORE DRILL 25MM	MŨI KHOAN LỎI MÀ ĐIỆN 25MM	545.400		8%
3962	D-35053	OMNIBOHRER 3X60MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 3X60MM	24.408		8%
3963	D-35069	OMNIBOHRER 4X70MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 4X70MM	24.408		8%
3964	D-35075	OMNIBOHRER 5X85MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 5X85MM	24.408		8%
3965	D-35081	OMNIBOHRER 5.5X85MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 5.5X85MM	24.408		8%
3966	D-35097	OMNIBOHRER 5.5X100MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 5.5X100MM	24.408		8%
3967	D-35106	OMNIBOHRER 5.5X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 5.5X150MM	24.408		8%
3968	D-35112	OMNIBOHRER 6X100MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 6X100MM	24.408		8%
3969	D-35128	OMNIBOHRER 6X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 6X150MM	24.408		8%
3970	D-35134	OMNIBOHRER 6.5X85MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 6.5X85MM	24.408		8%
3971	D-35140	OMNIBOHRER 6.5X100MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 6.5X100MM	24.408		8%
3972	D-35156	OMNIBOHRER 6.5X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 6.5X150MM	24.408		8%
3973	D-35162	OMNIBOHRER 7X100MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 7X100MM	24.408		8%
3974	D-35178	OMNIBOHRER 7X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 7X150MM	24.408		8%
3975	D-35184	OMNIBOHRER 8X110MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 8X110MM	24.408		8%
3976	D-35209	OMNIBOHRER 9X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 9X150MM	30.132		8%
3977	D-35215	OMNIBOHRER 10X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 10X150MM	30.132		8%
3978	D-35221	OMNIBOHRER 10X400MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 10X400MM	80.136		8%
3979	D-35237	OMNIBOHRER 11X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 11X150MM	35.856		8%
3980	D-35243	OMNIBOHRER 12X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 12X150MM	41.580		8%
3981	D-35259	OMNIBOHRER 12X400MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 12X400MM	85.860		8%
3982	D-35265	OMNIBOHRER 12X600MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 12X600MM	114.480		8%
3983	D-35271	OMNIBOHRER 13X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 13X150MM	47.304		8%
3984	D-35287	OMNIBOHRER 14X150MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 14X150MM	47.304		8%
3985	D-35293	OMNIBOHRER 14X400MM	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 14X400MM	103.032		8%
3986	D-35368	BIM HOLE SAW 14X38MM	MŨI KHOẾT 14X38MM	81.648		8%
3987	D-35374	BIM HOLE SAW 17X38MM	MŨI KHOẾT 17X38MM	82.350		8%
3988	D-35380	BIM HOLE SAW 21X38MM	MŨI KHOẾT 21X38MM	93.096		8%
3989	D-35396	BIM HOLE SAW 27X38MM	MŨI KHOẾT 27X38MM	115.992		8%
3990	D-35405	BIM HOLE SAW 30X38MM	MŨI KHOẾT 30X38MM	121.716		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
3991	D-35411	BIM HOLE SAW 33X38MM	MŨI KHOÉT 33X38MM	133.164		8%
3992	D-35427	BIM HOLE SAW 37X38MM	MŨI KHOÉT 37X38MM	130.950		8%
3993	D-35433	BIM HOLE SAW 41X38MM	MŨI KHOÉT 41X38MM	151.740		8%
3994	D-35449	BIM HOLE SAW 43X38MM	MŨI KHOÉT 43X38MM	163.188		8%
3995	D-35455	BIM HOLE SAW 46X38MM	MŨI KHOÉT 46X38MM	168.912		8%
3996	D-35461	BIM HOLE SAW 48X38MM	MŨI KHOÉT 48X38MM	174.636		8%
3997	D-35477	BIM HOLE SAW 52X38MM	MŨI KHOÉT 52X38MM	186.084		8%
3998	D-35483	BIM HOLE SAW 56X38MM	MŨI KHOÉT 56X38MM	191.808		8%
3999	D-35499	BIM HOLE SAW 59X38MM	MŨI KHOÉT 59X38MM	197.640		8%
4000	D-35508	BIM HOLE SAW 67X38MM	MŨI KHOÉT 67X38MM	226.152		8%
4001	D-35514	BIM HOLE SAW 73X38MM	MŨI KHOÉT 73X38MM	249.048		8%
4002	D-35520	BIM HOLE SAW 79X38MM	MŨI KHOÉT 79X38MM	254.880		8%
4003	D-35536	BIM HOLE SAW 86X38MM	MŨI KHOÉT 86X38MM	271.944		8%
4004	D-35542	BIM HOLE SAW 89X38MM	MŨI KHOÉT 89X38MM	272.700		8%
4005	D-35558	BIM HOLE SAW 95X38MM	MŨI KHOÉT 95X38MM	313.416		8%
4006	D-35564	BIM HOLE SAW 98X38MM	MŨI KHOÉT 98X38MM	313.416		8%
4007	D-35570	BIM HOLE SAW 102X38MM	MŨI KHOÉT 102X38MM	325.080		8%
4008	D-35586	BIM HOLE SAW 108X38MM	MŨI KHOÉT 108X38MM	359.208		8%
4009	D-35592	BIM HOLE SAW 111X38MM	MŨI KHOÉT 111X38MM	370.656		8%
4010	D-35601	BIM HOLE SAW 114X38MM	MŨI KHOÉT 114X38MM	382.320		8%
4011	D-35617	BIM HOLE SAW 121X38MM	MŨI KHOÉT 121X38MM	399.600		8%
4012	D-35623	BIM HOLE SAW 140X38MM	MŨI KHOÉT 140X38MM	452.520		8%
4013	D-36049	SDS PLUS DRILL ASSORTMENT (4PCS) 6,8	BỘ MŨI KHOAN TCT CHUỐI SDS PLUS (4	180.360		8%
4014	D-36055	SHIP AUGER BIT 10X165MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC	213.300		8%
4015	D-36061	SHIP AUGER BIT 12X165MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC	254.880		8%
4016	D-36077	SHIP AUGER BIT 14X165MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC	271.944		8%
4017	D-36083	SHIP AUGER BIT 16X165MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC	267.300		8%
4018	D-36099	SHIP AUGER BIT 18X165MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC	290.250		8%
4019	D-36108	SHIP AUGER BIT 20X165MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC	325.080		8%
4020	D-36114	SHIP AUGER BIT 22X165MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC	344.250		8%
4021	D-36120	SHIP AUGER BIT 24X165MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC	393.552		8%
4022	D-36136	SHIP AUGER BIT 26X165MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC	416.448		8%
4023	D-36142	SHIP AUGER BIT 28X165MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC	457.920		8%
4024	D-36158	SHIP AUGER BIT 30X165MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC	480.600		8%
4025	D-36164	SHIP AUGER BIT 32X165MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC	518.400		8%
4026	D-36170	SHIP AUGER BIT 35X165MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC	671.220		8%
4027	D-36186	SHIP AUGER BIT 38X165MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC	726.300		8%
4028	D-36192	SHIP AUGER BIT 10X470MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC	322.650		8%
4029	D-36201	SHIP AUGER BIT 12X470MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC	382.320		8%
4030	D-36217	SHIP AUGER BIT 14X470MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC	432.000		8%
4031	D-36223	SHIP AUGER BIT 16X470MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC	475.200		8%
4032	D-36239	SHIP AUGER BIT 18X470MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC	527.040		8%
4033	D-36245	SHIP AUGER BIT 20X470MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC	567.000		8%
4034	D-36251	SHIP AUGER BIT 22X470MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC	597.240		8%
4035	D-36267	SHIP AUGER BIT 24X470MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC	682.668		8%
4036	D-36273	SHIP AUGER BIT 26X470MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC	735.588		8%
4037	D-36289	SHIP AUGER BIT 28X470MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC	844.560		8%
4038	D-36295	SHIP AUGER BIT 30X470MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC	835.650		8%
4039	D-36304	SHIP AUGER BIT 32X470MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC	1.019.520		8%
4040	D-36310	SHIP AUGER BIT 35X470MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC	1.074.600		8%
4041	D-36326	SHIP AUGER BIT 38X470MM	MŨI KHOAN XOĂN ỐC CHUỐI LỤC GIÁC	1.388.880		8%
4042	D-36728	MASONRY DRILL BIT 5.5X100MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KEP 5.5X100	25.812		8%
4043	D-36734	MASONRY DRILL BIT 5.5X150MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KEP 5.5X150	25.812		8%
4044	D-36740	MASONRY DRILL BIT 6.5X150MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KEP 6.5X150	24.300		8%
4045	D-36756	MASONRY DRILL BIT 6.5X150MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KEP 6.5X150	25.812		8%
4046	D-36974	T.C.T DRILL BIT 5 PCS SET WITH STRAIGHT	BỘ MŨI KHOAN ĐA NĂNG CHUỐI THẲNG	145.800		8%
4047	D-37306	COUNTERSINK 7CUTTING EDGES 13.0MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 7LƯỚI CẮT 13X50M	93.096		8%
4048	D-37312	COUNTERSINK 6.3X31MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 6.3X31MM	104.544		8%
4049	D-37328	COUNTERSINK 8.3X31MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 8.3X31MM	127.440		8%
4050	D-37334	COUNTERSINK 10.4X34MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 10.4X34MM	151.740		8%
4051	D-37340	COUNTERSINK 12.4X35MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 12.4X35MM	174.636		8%
4052	D-37356	COUNTERSINK 16.5X40MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 16.5X40MM	249.048		8%
4053	D-37362	COUNTERSINK 20.5X41MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 20.5X41MM	330.588		8%
4054	D-37378	COUNTERSINK 6X48MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 6X48MM	98.820		8%
4055	D-37384	COUNTERSINK 8X48MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 8X48MM	115.992		8%
4056	D-37390	COUNTERSINK 10X40MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 10X40MM	138.888		8%
4057	D-37409	COUNTERSINKC 12X40MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 12X40MM	186.084		8%
4058	D-37415	COUNTERSINK 16X43MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 16X43MM	208.980		8%
4059	D-37421	COUNTERSINK 20X45MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 20X45MM	296.244		8%
4060	D-37437	COUNTERSINK 6.3X45MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 6.3X45MM	104.544		8%
4061	D-37443	COUNTERSINK 8.3X50MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 8.3X50MM	133.164		8%
4062	D-37459	COUNTERSINK 10.4X50MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 10.4X50MM	163.188		8%
4063	D-37465	COUNTERSINK 12.4X56MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 12.4X56MM	180.360		8%
4064	D-37471	COUNTERSINK 16.5X60MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 16.5X60MM	229.500		8%
4065	D-37487	COUNTERSINK 20.5X63MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 20.5X63MM	325.080		8%
4066	D-37493	COUNTERSINK 25X67MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ 25X67MM	422.280		8%
4067	D-37502	COUNTERSINK (2-5)X45MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ (2-5)X45MM	203.256		8%
4068	D-37518	COUNTERSINK (5-10)X48MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ (5-10)X48MM	405.000		8%
4069	D-37524	COUNTERSINK (10-15)X65MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ (10-15)X65MM	625.428		8%
4070	D-37530	COUNTERSINK (15-20)X85MM	MŨI KHOAN RỘNG LỖ (15-20)X85MM	1.156.950		8%
4071	D-37568	DIAMOND WHEEL SEGMENTED 125MM	LƯỚI CẮT KIM CƯƠNG PHÂN ĐOẠN 125M	231.876		8%
4072	D-37580	DIAMOND WHEEL SEGMENTED 230MM	LƯỚI CẮT KIM CƯƠNG PHÂN ĐOẠN 230M	491.400		8%
4073	D-37605	DIAMOND WHEEL SEGMENTED 125MM	LƯỚI CẮT KIM CƯƠNG PHÂN ĐOẠN 125M	231.876		8%
4074	D-37611	DIAMOND WHEEL SEGMENTED 180MM	LƯỚI CẮT KIM CƯƠNG PHÂN ĐOẠN 180M	376.380		8%
4075	D-37627	DIAMOND WHEEL SEGMENTED 230MM	LƯỚI CẮT KIM CƯƠNG PHÂN ĐOẠN 230M	496.800		8%
4076	D-37633	MULT POINT HSS DRILL BIT 3.5X65	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 3.5X65MM	37.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4077	D-37649	MULT POINT HSS DRILL BIT 1PCS 4.2X75	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 4.2X75MM	43.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4078	D-37655	MULT POINT HSS DRILL BIT 5.2X86	MŨI KHOAN ĐA NĂNG 5.2X86MM	59.400		8%
4079	D-37661	HANGER DISPLAY	KỆ TRƯNG BÀY	2.453.760	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4080	D-37677	HANGER DISPLAY	KỆ TRƯNG BÀY	2.795.040	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4081	D-37683	DRILL BITS	MŨI KHOAN	1.447.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4082	D-38283	HSS-R METAL DRILL BIT 2PC/SET 1MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 2CÁI/BỘ 1M	24.408		8%
4083	D-38299	HSS-R METAL DRILL BIT 2PC/SET 1.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 2CÁI/BỘ 1.5	24.408		8%
4084	D-38308	HSS-R METAL DRILL BIT 2PC/SET 2MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 2CÁI/BỘ 2M	24.408		8%
4085	D-38314	HSS-R METAL DRILL BIT 2PC/SET 2.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 2CÁI/BỘ 2.5	24.408		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
4086	D-38320	HSS-R METAL DRILL BIT 2PC/SET 2.6MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 2CÁI/BỘ 2.6	22.950		8%
4087	D-38336	HSS-R METAL DRILL BIT 2PC/SET 3MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 2CÁI/BỘ 3M	24.408		8%
4088	D-38342	HSS-R METAL DRILL BIT 2PC/SET 3.2MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 2CÁI/BỘ 3.2	24.408		8%
4089	D-38358	HSS-R METAL DRILL BIT 2PC/SET 3.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 2CÁI/BỘ 3.5	24.408		8%
4090	D-38364	HSS-R METAL DRILL BIT 2PC/SET 4MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 2CÁI/BỘ 4M	24.408		8%
4091	D-38370	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 4.2MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÔI 4.	24.408		8%
4092	D-38386	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 4.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÔI 4.	24.408		8%
4093	D-38392	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 4.8MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÔI 4.	22.950		8%
4094	D-38401	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÔI 5	24.408		8%
4095	D-38417	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 5.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÔI 5.	24.408		8%
4096	D-38423	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 6MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÔI 6	24.408		8%
4097	D-38439	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 6.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÔI 6.	24.408		8%
4098	D-38445	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 7MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÔI 7	24.408		8%
4099	D-38451	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 7.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÔI 7.	30.132		8%
4100	D-38467	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 8MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÔI 8	35.856		8%
4101	D-38473	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 8.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÔI 8.	35.856		8%
4102	D-38489	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 9MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÔI 9	41.580		8%
4103	D-38495	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 10MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÔI 10	47.304		8%
4104	D-38504	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 11MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÔI 11	53.028		8%
4105	D-38510	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 12MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÔI 12	64.476		8%
4106	D-38526	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PK 13MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 1CÁI/GÔI 13	64.476		8%
4107	D-38532	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 1MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ 1	33.750		8%
4108	D-38548	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 1.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ 1.	41.580		8%
4109	D-38554	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 2MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ 2	41.580		8%
4110	D-38560	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 2.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ 2.	44.550		8%
4111	D-38576	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 3MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ 3	58.752		8%
4112	D-38582	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 3.2MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ 3.	60.750		8%
4113	D-38598	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 3.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ 3.	60.750		8%
4114	D-38607	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 4MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ 4	70.200		8%
4115	D-38613	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 4.2MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ 4.	71.550		8%
4116	D-38629	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 4.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ 4.	71.550		8%
4117	D-38635	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 4.8MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ 4.	76.950		8%
4118	D-38641	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ 5	81.648		8%
4119	D-38663	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 6MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ 6	104.544		8%
4120	D-38679	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 6.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ 6.	162.000		8%
4121	D-38685	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 7MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ 7	125.550		8%
4122	D-38691	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 7.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ 7.	136.350		8%
4123	D-38700	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 8MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ 8	180.360		8%
4124	D-38716	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 8.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ 8.	207.900		8%
4125	D-38722	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 9MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ 9	224.100		8%
4126	D-38738	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 9.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ 9.	240.300		8%
4127	D-38744	HSS-R METAL DRILL BIT 10PC/SE 10MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/BỘ 10	330.588		8%
4128	D-38750	HSS-R METAL DRILL BIT 5PC/SET 10.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 5CÁI/BỘT 1	175.500		8%
4129	D-38766	HSS-R METAL DRILL BIT 5PC/SET 11MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 5CÁI/BỘ 11	191.700		8%
4130	D-38772	HSS-R METAL DRILL BIT 5PC/SET 11.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 5CÁI/BỘ 11.	202.500		8%
4131	D-38788	HSS-R METAL DRILL BIT 5PC/SET 12MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 5CÁI/BỘ 12	240.300		8%
4132	D-38794	HSS-R METAL DRILL BIT 5PC/SET 12.5MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 5CÁI/BỘ 12.	251.100		8%
4133	D-38803	HSS-R METAL DRILL BIT 5PC/SET 13MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 5CÁI/BỘ 13	324.000		8%
4134	D-39746	CUP BRUSH CRIMPED 60MM X M14	CHỖI ĐÁNH GI (DẠNG CỐC) 60MM X M14	81.648		8%
4135	D-39768	CUP BRUSH CRIMPED 75MM X M14	CHỖI ĐÁNH GI (DẠNG CỐC) 75MM X M14	93.096		8%
4136	D-39780	CUP BRUSH CRIMPED 90MM X M14	CHỖI ĐÁNH GI (DẠNG CỐC) 90MM X M14	115.992		8%
4137	D-39805	CUP BRUSH CRIMPED 100MM X M14	CHỖI ĐÁNH GI (DẠNG CỐC) 100MM X M14	183.168		8%
4138	D-39827	BEVEL BRUSH CRIMPED 100MM X M14	CHỖI ĐÁNH GI (DẠNG VÁT MÉP) 100MM	104.544		8%
4139	D-39849	BEVEL BRUSH CRIMPED 115MM X M14	CHỖI ĐÁNH GI (DẠNG VÁT MÉP) 115MM	115.992		8%
4140	D-39861	BEVEL BRUSH CRIMPED 100MM X M14	CHỖI ĐÁNH GI (DẠNG VÁT MÉP) 100MM	115.992		8%
4141	D-39883	BEVEL BRUSH CRIMPED 115MM X M14	CHỖI ĐÁNH GI (DẠNG VÁT MÉP) 115MM	127.440		8%
4142	D-39908	CUP BRUSH SHANK 38MM X(6MM SHANK	CHỖI ĐÁNH GI (DẠNG TRỤ) 38MMX(CHU	47.304		8%
4143	D-39914	CUP BRUSH SHANK 50MMX(6MM SHANK	CHỖI ĐÁNH GI (DẠNG TRỤ) 50MMX(6MM	49.950		8%
4144	D-39920	CUP BRUSH SHANK 63MMX(6MM SHANK	CHỖI ĐÁNH GI (DẠNG TRỤ) 63MMX(CHU	53.028		8%
4145	D-39936	CUP BRUSH SHANK 75MMX(6MM SHANK	CHỖI ĐÁNH GI (DẠNG TRỤ) 75MMX(CHU	58.752		8%
4146	D-39942	CUP BRUSH SHANK 80MMX(6MM SHANK	CHỖI ĐÁNH GI (DẠNG TRỤ) 80MMX(CHU	68.850		8%
4147	D-39958	WHEEL BRUSH SHANK 38MMX(6MM SHA	CHỖI ĐÁNH GI (DẠNG TRÓN) 38MMX(CH	47.304		8%
4148	D-39964	WHEEL BRUSH SHANK 50MMX(6MM SHA	CHỖI ĐÁNH GI (DẠNG TRÓN) 50MMX(CH	47.304		8%
4149	D-39970	WHEEL BRUSH SHANK 63MMX(6MM SHA	CHỖI ĐÁNH GI (DẠNG TRÓN) 63MMX(CH	47.304		8%
4150	D-39986	WHEEL BRUSH SHANK 75MMX(6MM SHA	CHỖI ĐÁNH GI (DẠNG TRÓN) 75MMX(CH	53.028		8%
4151	D-39992	WHEEL BRUSH SHANK 100MMX(6MM SH	CHỖI ĐÁNH GI (DẠNG TRÓN) 100MMX(CH	58.752		8%
4152	D-40004	END BRUSH SHANK 12MMX(6MM SHANK	CHỖI ĐÁNH GI (DẠNG TRỤ) 12MMX(CHU	35.856		8%
4153	D-40010	END BRUSH SHANK 19MMX(6MM SHANK	CHỖI ĐÁNH GI (DẠNG TRỤ) 19MMX(CHU	47.304		8%
4154	D-40026	END BRUSH SHANK 25MMX(6MM SHANK	CHỖI ĐÁNH GI (DẠNG TRỤ) 25MMX(CHU	55.836		8%
4155	D-40032	END BRUSH SHANK 30MMX(6MM SHANK	CHỖI ĐÁNH GI (DẠNG TRỤ) 30MMX(CHU	58.752		8%
4156	D-40048	CONE DRILL BIT	MŨI KHOAN HÌNH CHÓP	376.380		8%
4157	D-40054	CONE DRILL BIT	MŨI KHOAN HÌNH CHÓP	625.428		8%
4158	D-40060	CONE DRILL BIT	MŨI KHOAN HÌNH CHÓP	1.200.150		8%
4159	D-40076	CONE DRILL BIT	MŨI KHOAN HÌNH CHÓP	2.116.800		8%
4160	D-40107	STEP DRILL BIT	MŨI KHOAN BẮC	1.620.000		8%
4161	D-40135	STEP DRILL BIT	MŨI KHOAN BẮC	1.688.580		8%
4162	D-40163	STEP DRILL BIT	MŨI KHOAN BẮC	1.411.020		8%
4163	D-40191	STEP DRILL BIT 4-32MM	MŨI KHOAN BẮC 4-32MM	1.481.760		8%
4164	D-40587	SDS-MAX TCT DRILL 3PC ASSORTMENT (	BỘ MŨI KHOAN SDS-MAX TCT (Φ16, Φ18,	1.019.520		8%
4165	D-40674	SDS-PLUS DRILL ASSORTMENT (10PC.)	MŨI KHOAN BỀ TÔNG SDS-PLUS (10PC.)	254.880		8%
4166	D-40680	SDS-PLUS DRILL ASSORTMENT (25PC.)	MŨI KHOAN BỀ TÔNG SDS-PLUS (25PC.)	602.640		8%
4167	D-40727	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 3X60MM	MŨI KHOAN BỀ TÔNG CHUỐI KÉP CHO G.	18.684		8%
4168	D-40733	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 3.5X75M	MŨI KHOAN BỀ TÔNG CHUỐI KÉP CHO G.	22.950		8%
4169	D-40749	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 4X75MM	MŨI KHOAN BỀ TÔNG CHUỐI KÉP CHO G.	17.550		8%
4170	D-40755	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 4.5X85M	MŨI KHOAN BỀ TÔNG CHUỐI KÉP CHO G.	17.550	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4171	D-40761	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 5X85MM	MŨI KHOAN BỀ TÔNG CHUỐI KÉP CHO G.	17.550		8%
4172	D-40777	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 5X150M	MŨI KHOAN BỀ TÔNG CHUỐI KÉP CHO G.	24.408		8%
4173	D-40783	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 5.5X85M	MŨI KHOAN BỀ TÔNG CHUỐI KÉP CHO G.	17.550	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 45% và số lượng có hạn.	8%
4174	D-40799	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 5.5X150	MŨI KHOAN BỀ TÔNG CHUỐI KÉP CHO G.	24.408		8%
4175	D-40808	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 6X100M	MŨI KHOAN BỀ TÔNG CHUỐI KÉP CHO G.	24.408		8%
4176	D-40814	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 6X150M	MŨI KHOAN BỀ TÔNG CHUỐI KÉP CHO G.	24.408		8%
4177	D-40820	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 6X200M	MŨI KHOAN BỀ TÔNG CHUỐI KÉP CHO G.	28.350		8%
4178	D-40836	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 6X400M	MŨI KHOAN BỀ TÔNG CHUỐI KÉP CHO G.	47.304		8%
4179	D-40842	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 6.5X100	MŨI KHOAN BỀ TÔNG CHUỐI KÉP CHO G.	22.950		8%
4180	D-40858	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 6.5X150	MŨI KHOAN BỀ TÔNG CHUỐI KÉP CHO G.	24.408		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
4181	D-40864	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 6.5X400	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP CHO G.	64.476		8%
4182	D-40870	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 7X100M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP CHO G.	22.950	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4183	D-40886	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 7X150M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP CHO G.	24.408		8%
4184	D-40892	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 7X400M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP CHO G.	64.476		8%
4185	D-40901	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 8X120M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP CHO G.	22.950		8%
4186	D-40917	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 8X150M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP CHO G.	24.408		8%
4187	D-40923	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 8X200M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP CHO G.	35.856		8%
4188	D-40939	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 8X400M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP CHO G.	60.750		8%
4189	D-40945	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 9X120M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP CHO G.	22.950	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4190	D-40951	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 10X120M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP CHO G.	30.132		8%
4191	D-40967	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 10X150M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP CHO G.	30.132		8%
4192	D-40973	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 10X200M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP CHO G.	44.550		8%
4193	D-40989	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 10X400M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP CHO G.	70.200		8%
4194	D-40995	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 11X150M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP CHO G.	41.580		8%
4195	D-41006	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 12X150M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP CHO G.	41.580		8%
4196	D-41012	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 12X200M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP CHO G.	49.950		8%
4197	D-41028	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 12X400M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP CHO G.	81.648		8%
4198	D-41034	MASONRY DRILL BIT FOR BIRCK 3PCS/SE	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KẸP CHO G.	48.600		8%
4199	D-41517	IMPACT SOCKET SET 9PCS/1/2"8-24MM	BỘ ĐẦU TUÝP 9 CÁI/1/2"8-24MM	1.015.200		8%
4200	D-41791	MASONRY DRILL BIT 8PCS/SET 3->10MM	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUỐI KẸP 8CÁI/BỘ	177.120		8%
4201	D-42531	DIAMOND WHEEL 105MM	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG 105MM	93.096		8%
4202	D-42553	DIAMOND WHEEL 105MM	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG 105MM	110.268		8%
4203	D-42581	DIAMOND WHEEL 105MM	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG 105MM	104.544		8%
4204	D-42606	DIAMOND WHEEL 110MM	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG 110MM	104.544		8%
4205	D-42628	DIAMOND WHEEL 110MM	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG 110MM	115.992		8%
4206	D-42634	DIAMOND WHEEL 105MM	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG 105MM	81.000		8%
4207	D-42955	HSS-TIN METAL DRILL BIT 2PCS 1X34MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 2CÁI 1X3	37.800		8%
4208	D-42961	HSS-TIN METAL DRILL BIT 2PCS 1.5X40M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 2CÁI 1.5X	37.800		8%
4209	D-42977	HSS-TIN METAL DRILL BIT 2PCS 2X49MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 2CÁI 2X4	43.200		8%
4210	D-42983	HSS-TIN METAL DRILL BIT 2PCS 2.5X57M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 2CÁI 2.5X	43.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 50% và số lượng có hạn.	8%
4211	D-43016	HSS-TIN METAL DRILL BIT 2PCS 3.2X65M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 2CÁI 3.2X	54.000		8%
4212	D-43038	HSS-TIN METAL DRILL BIT 2PCS 3.5X70M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 2CÁI 3.5X	54.000		8%
4213	D-43044	HSS-TIN METAL DRILL BIT 2PCS 4X75MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 2CÁI 4X7	64.800		8%
4214	D-43066	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 4.2X75M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 4.2X	43.200		8%
4215	D-43072	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 4.5X80M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 4.5X	43.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 45% và số lượng có hạn.	8%
4216	D-43094	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 5X86MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 5X8	43.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4217	D-43119	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 5.5X93M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 5.5X	48.600		8%
4218	D-43125	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 6X93MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 6X9	54.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4219	D-43131	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 6.5X101M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 6.5X	59.400		8%
4220	D-43147	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 7X109M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 7X1	64.800		8%
4221	D-43181	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 9X125M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 9X1	108.000		8%
4222	D-43206	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 10X133M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 10X	135.000		8%
4223	D-43212	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 11X142M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 11X	167.400		8%
4224	D-43228	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 12X151M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 12X	199.800		8%
4225	D-43234	HSS-TIN METAL DRILL BIT 1PCS 13X151M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1CÁI 13X	232.200		8%
4226	D-43240	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 1X34MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 10CÁI 1X	86.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4227	D-43256	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 1.5X40M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 10CÁI 1.5	86.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4228	D-43290	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 3.2X65M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 10CÁI 3.2	162.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4229	D-43321	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 4X75M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 10CÁI 4X	205.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4230	D-43343	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 4.2X75M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 10CÁI 4.2	237.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4231	D-43393	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 5.5X93M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 10CÁI 5.5	334.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4232	D-43424	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 7X109M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 10CÁI 7X	583.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4233	D-43468	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 9X125M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 10CÁI 9X	1.026.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4234	D-43474	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 9.5X125M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 10CÁI 9.5	1.123.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4235	D-43496	HSS-TIN METAL DRILL BIT 5PCS 10.5X133M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 5CÁI 10.5	718.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4236	D-43505	HSS-TIN METAL DRILL BIT 5PCS 11X142M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 5CÁI 11X	804.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4237	D-43511	HSS-TIN METAL DRILL BIT 5PCS 11.5X142M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 5CÁI 11.5	880.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4238	D-43533	HSS-TIN METAL DRILL BIT 5PCS 12.5X151M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 5CÁI 12.5	1.063.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4239	D-43549	HSS-TIN METAL DRILL BIT 5PCS 13X151M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 5CÁI 13X	1.166.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4240	D-43555	HSS-TIN METAL DRILL BIT 6PCS 2.3,4,5,6	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 6CÁI 2.3,	270.000		8%
4241	D-44258	DIAMOND WHEEL 110MM	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG 110MM	108.000		8%
4242	D-44286	DIAMOND WHEEL 180MM	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG 180MM	256.176		8%
4243	D-44292	DIAMOND WHEEL 230MM	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG 230MM	400.680		8%
4244	D-44317	DIAMOND WHEEL 180MM	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG 180MM	325.080		8%
4245	D-44323	DIAMOND WHEEL 230MM	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG 230MM	502.200		8%
4246	D-44339	DIAMOND WHEEL CONCRETE GRANITE S	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG PHẦN ĐOẠN CHO	339.228		8%
4247	D-44345	DIAMOND WHEEL CONCRETE GRANITE S	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG PHẦN ĐOẠN CHO	520.884		8%
4248	D-44351	DIAMOND WHEEL 105MM	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG 105MM	93.096		8%
4249	D-44367	DIAMOND WHEEL 105MM	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG 105MM	82.350		8%
4250	D-45004	ECTROPLATED DIAMOND WHEEL FOR M	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG CẮT ĐÁ CẨM TH	370.656		8%
4251	D-45509	NYLON CUP BRUSH (50MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH CHÉN (50MM, #	87.750		8%
4252	D-45515	NYLON CUP BRUSH (63MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH CHÉN (63MM, #	127.440		8%
4253	D-45521	NYLON CUP BRUSH (75MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH CHÉN (75MM, #	136.350		8%
4254	D-45537	NYLON CUP BRUSH (50MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH CHÉN (50MM, #	93.096		8%
4255	D-45543	NYLON CUP BRUSH (63MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH CHÉN (63MM, #	120.150		8%
4256	D-45559	NYLON CUP BRUSH (75MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH CHÉN (75MM, #	144.612		8%
4257	D-45565	NYLON WHEEL BRUSH (38MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON DẠNG BÀNH XE (38M	70.200		8%
4258	D-45571	NYLON WHEEL BRUSH (50MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON DẠNG BÀNH XE (50M	87.372		8%
4259	D-45587	NYLON WHEEL BRUSH (63MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON DẠNG BÀNH XE (63M	98.820		8%
4260	D-45593	NYLON WHEEL BRUSH (75MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON DẠNG BÀNH XE (75M	120.150		8%
4261	D-45602	NYLON WHEEL BRUSH (100MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON DẠNG BÀNH XE (100	144.612		8%
4262	D-45618	NYLON WHEEL BRUSH (38MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON DẠNG BÀNH XE (38M	70.200		8%
4263	D-45624	NYLON WHEEL BRUSH (50MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON DẠNG BÀNH XE (50M	87.372		8%
4264	D-45630	NYLON WHEEL BRUSH (63MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON DẠNG BÀNH XE (63M	93.150		8%
4265	D-45646	NYLON WHEEL BRUSH (75MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON DẠNG BÀNH XE (75M	120.150		8%
4266	D-45652	NYLON WHEEL BRUSH (100MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON DẠNG BÀNH XE (100	136.350		8%
4267	D-45668	NYLON END BRUSH (12MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH ĐUÔI (12MM, #	55.350		8%
4268	D-45674	NYLON END BRUSH (19MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH ĐUÔI (19MM, #	70.200		8%
4269	D-45680	NYLON END BRUSH (25MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH ĐUÔI (25MM, #	81.648		8%
4270	D-45696	NYLON END BRUSH (30MM, #80)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH ĐUÔI (30MM, #	109.350		8%
4271	D-45705	NYLON END BRUSH (12MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH ĐUÔI (12MM, #	55.350		8%
4272	D-45711	NYLON END BRUSH (19MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH ĐUÔI (19MM, #	70.200		8%
4273	D-45727	NYLON END BRUSH (25MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH ĐUÔI (25MM, #	76.950		8%
4274	D-45733	NYLON END BRUSH (30MM, #240)	CHỔI ĐÁNH NYLON HÌNH ĐUÔI (30MM, #	115.992		8%
4275	D-45749	NYLON FLAP BRUSH (100MM, #80)	CHỔI NYLON DẸ VÀNH (100MM, #80)	175.500		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
4276	D-45755	NYLON FLAP BRUSH (100MM, #240)	CHỖI NYLON ĐỀ VÀNH (100MM, #240)	175.500		8%
4277	D-45761	WIRE WHEEL BRUSH 150MMXM14	CHỖI KIM LOẠI 150MMXM14	220.428		8%
4278	D-45777	WIRE WHEEL BRUSH 175MMXM14	CHỖI KIM LOẠI 175MMXM14	306.450		8%
4279	D-46202	DRILL BIT 18PCS SET IN METAL CASE	BỘ MŨI KHOAN 18 CÁI/BỘ(CHỨA TRONG	464.400		8%
4280	D-46414	STEP DRILL BIT STANDARD NZ	MŨI KHOAN BẮC NZ	405.000		8%
4281	D-46420	STEP DRILL BIT STANDARD NZ	MŨI KHOAN BẮC NZ	694.440		8%
4282	D-46436	STEP DRILL BIT STANDARD NZ	MŨI KHOAN BẮC NZ	422.280		8%
4283	D-46442	STEP DRILL BIT STANDARD NZ	MŨI KHOAN BẮC NZ	722.736		8%
4284	D-46458	STEP DRILL BIT SPIRAL NZ	MŨI KHOAN BẮC NZ	520.884		8%
4285	D-46464	STEP DRILL BIT SPIRAL NZ	MŨI KHOAN BẮC NZ	699.840		8%
4286	D-46470	STEP DRILL BIT SPIRAL NZ	MŨI KHOAN BẮC NZ	532.440		8%
4287	D-46486	STEP DRILL BIT SPIRAL NZ	MŨI KHOAN BẮC NZ	735.588		8%
4288	D-46492	DISPLAY FOR MULTI TOOL BLADE	KỆ TRƯNG BÀY CHO LƯỖI MẪY ĐA NĂNG	2.164.320	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4289	D-46539	HSS-TIN METAL DRILL BITS (1/4" HEX SH	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(CHUỖI L	30.132		8%
4290	D-46545	HSS-TIN METAL DRILL BITS (1/4" HEX SH	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(CHUỖI L	53.028		8%
4291	D-46567	HSS METAL DRILL BITS (10PCS/PKG) 3.3	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS (10CÁI/HỘP)	130.950		8%
4292	D-46589	HSS METAL DRILL BITS 1PC 3.2X65(36)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 1PC3.2X65(36	21.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4293	D-46595	HSS METAL DRILL BITS 1PC 3.3X65(36)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 1PC3.3X65(36	21.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4294	D-46604	HSS METAL DRILL BITS 1PC 4.2X75(43)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 1PC4.2X75(43	32.400		8%
4295	D-46610	HSS METAL DRILL BITS 1PC 5.2X86(52)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 1PC5.2X86(52	39.150		8%
4296	D-46626	MULTIFACETED POINT HSS DRILL BIT (1	MŨI KHOAN ĐA NĂNG (1PC/HỘP)3.3X653	32.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4297	D-46648	HSS METAL DRILL BITS (10PCS/PKG) 2.9	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS (10CÁI/HỘP)2	109.350		8%
4298	D-46654	HSS METAL DRILL BITS (10PCS/PKG) 5.3	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS (10CÁI/HỘP)5	284.850		8%
4299	D-46660	HSS-CO METAL DRILL BITS(COBALT 5%)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1PC3.3X6	38.664		8%
4300	D-46676	HSS-CO METAL DRILL BITS(COBALT 5%)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(COBALT)	50.112		8%
4301	D-46682	HSS-CO METAL DRILL BITS(COBALT 5%)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN(COBALT)	61.560		8%
4302	D-46698	HSS-R METAL DRILL BIT 10PCS/PKG 3.3X	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/HỘP3	60.750		8%
4303	D-46707	HSS-R METAL DRILL BIT 10PCS/PKG 5.2X	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10CÁI/HỘP5	82.350	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4304	D-46713	HSS-R METAL DRILL BIT 2PCS/PKG 3.3X6	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 2CÁI/HỘP3	22.950		8%
4305	D-46729	HSS-R METAL DRILL BIT 5.2X86MM(1PCS	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 5.2X86MM(	24.408		8%
4306	D-46779	HSS METAL DRILL BITS (10PCS/PKG) 6.8	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS (10CÁI/HỘP)6	486.000		8%
4307	D-46785	HSS METAL DRILL BITS (5PCS/PKG) 8.8X	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS (5CÁI/HỘP)8	437.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4308	D-46791	HSS METAL DRILL BITS (5PCS/PKG) 10.3	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS (5CÁI/HỘP)10	611.550		8%
4309	D-46800	HSS METAL DRILL BITS (5PCS/PKG) 10.8	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS (5CÁI/HỘP)10	681.750		8%
4310	D-46816	HSS METAL DRILL BITS 1PC 2.9X61(33)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 1PC2.9X61(33	22.950		8%
4311	D-46822	HSS METAL DRILL BITS 1PC 5.3X86(52)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 1PC5.3X86(52	39.150		8%
4312	D-46838	HSS METAL DRILL BITS 1PC 6.8X109(69)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 1PC6.8X109(6	55.350		8%
4313	D-46844	HSS METAL DRILL BITS 1PC 8.8X125(81)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 1PC8.8X125(8	93.150	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4314	D-46850	HSS METAL DRILL BITS 1PC 10.3X133(87)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 1PC10.3X133(	130.950		8%
4315	D-46866	HSS METAL DRILL BITS 1PC 10.8X142(94)	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS 1PC10.8X142(	148.500		8%
4316	D-46872	HSS-R METAL DRILL BIT 10PCS/PKG 2.9X	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R10CÁI/HỘP 2	55.350	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4317	D-46888	HSS-R METAL DRILL BIT 10PCS/PKG 5.3X	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R10CÁI/HỘP 5	82.350	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4318	D-46894	HSS-R METAL DRILL BIT 10PCS/PKG 6.8X	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R10CÁI/HỘP 6	120.150		8%
4319	D-46903	HSS-R METAL DRILL BIT 10PCS/PKG 8.8X	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R10CÁI/HỘP 8	218.700	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4320	D-46919	HSS-R METAL DRILL BIT 5PCS/PKG 10.3X	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R5CÁI/HỘP 10	175.500	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4321	D-46925	HSS-R METAL DRILL BIT 5PCS/PKG 10.8X	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R5CÁI/HỘP 10	186.300	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4322	D-46931	HSS-R METAL DRILL BIT 2.9x61MM(2PCS	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 2.9X61MM(	22.950	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4323	D-46947	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PKG 5.3X8	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R1CÁI/HỘP 5	24.408		8%
4324	D-46953	HSS-R METAL DRILL BIT 6.8x109MM(1PC	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 6.8X109MM	24.408		8%
4325	D-46969	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PKG 8.8X1	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R1CÁI/HỘP 8	39.150		8%
4326	D-46975	HSS-R METAL DRILL BIT 10.3x133MM(1P	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R 10.3X133MM	44.550		8%
4327	D-46981	HSS-R METAL DRILL BIT 1PCS/PKG 10.8X	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-R1CÁI/HỘP 10	49.950		8%
4328	D-49264	TCT ROUTER BIT 3/8"	MŨI PHAY THĂNG 2 RÁNH 3/8"	203.256		8%
4329	D-49317	TCT ROUTER BIT 1/4"	MŨI PHAY 1/4"	167.400		8%
4330	D-49426	TCT ROUTER BIT 3/4"	MŨI PHAY 3/4"	322.650	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4331	D-49507	TCT ROUTER BIT 3/4"	MŨI PHAY 3/4"	267.300		8%
4332	D-49535	TCT ROUTER BIT 3/8"	MŨI PHAY 3/8"	180.900		8%
4333	D-49638	TCT ROUTER BIT 1"	MŨI PHAY 1"	322.650		8%
4334	D-49666	TCT ROUTER BIT 1-15/64"	MŨI PHAY 1-15/64"	390.150		8%
4335	D-49694	TCT ROUTER BIT 1"	MŨI PHAY 1"	360.450	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4336	D-49797	TCT ROUTER BIT 1-1/8"	MŨI PHAY 1-1/8"	382.320		8%
4337	D-49909	TCT ROUTER BIT 1-1/8"	MŨI PHAY 1-1/8"	338.850	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4338	D-50033	TCT ROUTER BIT 1-5/8"	MŨI PHAY 1-5/8"	585.360		8%
4339	D-50061	TCT ROUTER BIT 1-1/4"	MŨI PHAY 1-1/4"	384.750		8%
4340	D-50099	TCT ROUTER BIT 1-1/2"	MŨI PHAY 1-1/2"	504.900	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4341	D-50457	HSS-G METAL DRILL BIT 25PC INDEX SET	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 25 CÁI/T	1.602.720		8%
4342	D-50485	TCT SAW BLADE 165MMX20MMX16T	LƯỖI CUA HỘP KIM 165MMX20MMX16T	136.350		8%
4343	D-50491	TCT SAW BLADE 165MMX20MMX24T	LƯỖI CUA HỘP KIM 165MMX20MMX24T	159.300		8%
4344	D-50500	TCT SAW BLADE 165MMX20MMX40T	LƯỖI CUA HỘP KIM 165MMX20MMX40T	197.100		8%
4345	D-50516	TCT SAW BLADE 185MMX25.4MMX16T	LƯỖI CUA HỘP KIM 185MMX25.4MMX16T	191.700		8%
4346	D-50522	TCT SAW BLADE 185MMX25.4MMX24T	LƯỖI CUA HỘP KIM 185MMX25.4MMX24T	207.900		8%
4347	D-50538	TCT SAW BLADE 185mmx25.4mmx40T	LƯỖI CUA HỘP KIM 185mmx25.4mmx40T	245.700		8%
4348	D-50544	TCT SAW BLADE 235MMX25.4MMX20T	LƯỖI CUA HỘP KIM 235MMX25.4MMX20T	353.484		8%
4349	D-50550	TCT SAW BLADE 235MMX25.4MMX40T	LƯỖI CUA HỘP KIM 235MMX25.4MMX40T	373.950		8%
4350	D-50566	TCT SAW BLADE 235MMX25.4MMX60T	LƯỖI CUA HỘP KIM 235MMX25.4MMX60T	432.000		8%
4351	D-51188	TC GRIT HOLES AW 33MM	MŨI KHOẾT HẠT TC 33MM	203.256		8%
4352	D-51194	TC GRIT HOLES AW 43MM	MŨI KHOẾT HẠT TC 43MM	243.324		8%
4353	D-51203	TC GRIT HOLES AW 53MM	MŨI KHOẾT HẠT TC 53MM	296.244		8%
4354	D-51219	TC GRIT HOLES AW 63MM	MŨI KHOẾT HẠT TC 63MM	342.036		8%
4355	D-51225	TC GRIT HOLES AW 67MM	MŨI KHOẾT HẠT TC 67MM	359.208		8%
4356	D-51231	TC GRIT HOLES AW 73MM	MŨI KHOẾT HẠT TC 73MM	393.552		8%
4357	D-51247	TUNGSTEN CARBIDE GRIT HOLE SAW 83	MŨI KHOẾT GẠCH 83X64MM	492.480		8%
4358	D-51253	TUNGSTEN CARBIDE GRIT HOLE SAW	BỘ CHUYỂN ĐỔI VÀ MŨI KHOAN ĐỊNH T	231.876		8%
4359	D-51269	TUNGSTEN CARBIDE GRIT HOLE SAW	MŨI KHOAN ĐỊNH TÂM	110.268		8%
4360	D-51699	ABRASIVE PAPER 50PCS/SET (GRAIN 60)	GIẤY CHÀ NHẢM 50CÁI/BỘ (CỖ HẠT 60)	232.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4361	D-51708	ABRASIVE PAPER 50PCS/SET (GRAIN 80)	GIẤY CHÀ NHẢM 50CÁI/BỘ (CỖ HẠT 80)	221.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4362	D-51714	ABRASIVE PAPER 50PCS/SET (GRAIN 100)	GIẤY CHÀ NHẢM 50CÁI/BỘ (CỖ HẠT 100)	221.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4363	D-51720	ABRASIVE PAPER 50PCS/SET (GRAIN 120)	GIẤY CHÀ NHẢM 50CÁI/BỘ (CỖ HẠT 120)	221.400		8%
4364	D-51736	ABRASIVE PAPER 50PCS/SET (GRAIN 150)	GIẤY CHÀ NHẢM 50CÁI/BỘ (CỖ HẠT 150)	189.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4365	D-51742	ABRASIVE PAPER 50PCS/SET (GRAIN 180)	GIẤY CHÀ NHẢM 50CÁI/BỘ (CỖ HẠT 180)	189.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4366	D-51758	ABRASIVE PAPER 50PCS/SET (GRAIN 240)	GIẤY CHÀ NHẢM 50CÁI/BỘ (CỖ HẠT 240)	189.000		8%
4367	D-52548	SCALING CHISEL FOR 17MM HEX SHANK	MŨI ĐỤC ĐEP TỪ MÃI CHUỖI LỤC GIÁC 1	237.600		8%
4368	D-52766	DIAMOND WHEEL CONCRETE MARBLE S	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG PHẦN ĐOÀN CHO	191.808		8%
4369	D-52772	DIAMOND WHEEL CONCRETE MARBLE S	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG PHẦN ĐOÀN CHO	378.000		8%
4370	D-52788	DIAMOND WHEEL CONCRETE MARBLE S	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG PHẦN ĐOÀN CHO	436.536		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
4371	D-52803	DIAMOND WHEEL CONCRETE MARBLE C	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG GỖN SÓNG CHO B	208.980		8%
4372	D-52819	DIAMOND WHEEL CONCRETE MARBLE C	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG GỖN SÓNG CHO B	403.650		8%
4373	D-52825	DIAMOND WHEEL CONCRETE MARBLE C	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG GỖN SÓNG CHO B	523.800		8%
4374	D-53453	WOOD DRILL BITS 13×151MM	MŨI KHOAN GỖ 13X151MM	55.836		8%
4375	D-53469	WOOD DRILL BITS 15×160MM	MŨI KHOAN GỖ 15X160MM	68.688		8%
4376	D-53475	SINGLE SPUR AUGER BIT 13X250MM	MŨI KHOAN GỖ XOĂN ỐC CHUỐI THĂNG	104.544		8%
4377	D-53481	SINGLE SPUR AUGER BIT 15X250MM	MŨI KHOAN GỖ XOĂN ỐC CHUỐI THĂNG	109.350		8%
4378	D-53497	SINGLE SPUR AUGER BIT 13X450MM	MŨI KHOAN GỖ XOĂN ỐC CHUỐI THĂNG	217.512		8%
4379	D-53506	SINGLE SPUR AUGER BIT 15X450MM	MŨI KHOAN GỖ XOĂN ỐC CHUỐI THĂNG	226.800		8%
4380	D-53687	COMBINATION SET (NZ) 50 PCS	HỘP MŨI TÔNG HỘP 50 CÁI (NZ)	977.400		8%
4381	D-53702	COMBINATION SET (NZ) 30 PCS	HỘP MŨI TÔNG HỘP 30 CÁI (NZ)	469.800		8%
4382	D-54075	HSS-R METAL DRILL BIT 13PC METAL BO	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 13 CÁI/H	135.000		8%
4383	D-54134	WOOD ABRASIVE DISC 125MM-A40 -8 HO	ĐĨA NHẠM TRƠN CHO GỖ 125MM-A40-8 I	87.372		8%
4384	D-54140	WOOD ABRASIVE DISC 125MM-A60 -8 HO	ĐĨA NHẠM TRƠN CHO GỖ 125MM-A60-8	87.372		8%
4385	D-54156	WOOD ABRASIVE DISC 125MM-A80 -8 HO	ĐĨA NHẠM TRƠN CHO GỖ 125MM-A80-8	87.372		8%
4386	D-54162	WOOD ABRASIVE DISC 125MM-A100 -8 H	ĐĨA NHẠM TRƠN CHO GỖ 125MM-A100-	87.372		8%
4387	D-54178	WOOD ABRASIVE DISC 125MM-A120 -8 H	ĐĨA NHẠM TRƠN CHO GỖ 125MM-A120-8	87.372		8%
4388	D-54184	WOOD ABRASIVE DISC 125MM-A150 -8 H	ĐĨA NHẠM TRƠN CHO GỖ 125MM-A150-8	87.372		8%
4389	D-54190	WOOD ABRASIVE DISC 125MM-A180 -8 H	ĐĨA NHẠM TRƠN CHO GỖ 125MM-A180-8	87.372		8%
4390	D-54209	WOOD ABRASIVE DISC 125MM-A240 -8 H	ĐĨA NHẠM TRƠN CHO GỖ 125MM-A240-8	87.372		8%
4391	D-54215	WOOD ABRASIVE DISC 125MM-A320 -8 H	ĐĨA NHẠM TRƠN CHO GỖ 125MM-A320-8	87.372		8%
4392	D-54570	ABRASIVE DISC 125-320(10PCS/SET)	GIẤY CHÀ NHẠM DÁN 125-320(10CÁI/BỘ)	93.150		8%
4393	D-54586	WOOD ABRASIVE DISC 150MM-140-15 HO	GIẤY CHÀ NHẠM TRƠN CHO GỖ 150MM-	138.888		8%
4394	D-54592	WOOD ABRASIVE DISC 150MM-A60-15 H	ĐĨA NHẠM TRƠN CHO GỖ 150MM-A60-15	138.888		8%
4395	D-54601	WOOD ABRASIVE DISC 150MM-A80 -15 H	ĐĨA NHẠM TRƠN CHO GỖ 150MM-A80-15	138.888		8%
4396	D-54617	WOOD ABRASIVE DISC 150MM-A100-15 I	ĐĨA NHẠM TRƠN CHO GỖ 150MM-A100-1	138.888		8%
4397	D-54623	WOOD ABRASIVE DISC 150MM-A120 -15	ĐĨA NHẠM TRƠN CHO GỖ 150MM-A120-1	138.888		8%
4398	D-54639	WOOD ABRASIVE DISC 150MM-A150-15 I	ĐĨA NHẠM TRƠN CHO GỖ 150MM-A150-1	138.888		8%
4399	D-54645	WOOD ABRASIVE DISC 150MM-A180-15 I	ĐĨA NHẠM TRƠN CHO GỖ 150MM-A180-1	138.888		8%
4400	D-54651	WOOD ABRASIVE DISC 150MM-A240 -15	ĐĨA NHẠM TRƠN CHO GỖ 150MM-A240-1	138.888		8%
4401	D-54667	ABRASIVE DISC 150-320(10PCS/SET)	ĐĨA NHẠM TRƠN CHO GỖ 150MM-A320-1	138.888		8%
4402	D-54994	T.C.T DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS	MŨI KHOAN TƯỜNG T.C.T CHUỐI SDS-M	319.140		8%
4403	D-55011	T.C.T DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS	MŨI KHOAN TƯỜNG T.C.T CHUỐI SDS-M	317.250		8%
4404	D-55033	T.C.T DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS	MŨI KHOAN TƯỜNG T.C.T CHUỐI SDS-M	492.480		8%
4405	D-55055	T.C.T DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS	MŨI KHOAN TƯỜNG T.C.T CHUỐI SDS-M	573.750		8%
4406	D-55061	MASONRY BIT WITH 1/4"HEX. SHANK(MN	MŨI KHOAN TƯỜNG CHUỐI LỤC GIÁC 1/4	52.650		8%
4407	D-56530	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X23	GIẤY CHÀ NHẠM CHO VỮA 230X280MM	205.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4408	D-56546	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X23	GIẤY CHÀ NHẠM CHO VỮA 230X280MM	189.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4409	D-56552	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X23	GIẤY CHÀ NHẠM CHO VỮA 230X280MM	189.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4410	D-56568	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X23	GIẤY CHÀ NHẠM CHO VỮA 230X280MM	189.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4411	D-56574	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X23	GIẤY CHÀ NHẠM CHO VỮA 230X280MM	191.700		8%
4412	D-56580	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X23	GIẤY CHÀ NHẠM CHO VỮA 230X280MM	189.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4413	D-56596	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X23	GIẤY CHÀ NHẠM CHO VỮA 230X280MM	189.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4414	D-56677	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X280	GIẤY CHÀ NHẠM CHO KIM LOẠI 230X280	464.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4415	D-56683	ABRASIVE PAPER FOR METAL 50PCS/SET	GIẤY CHÀ NHẠM CHO KIM LOẠI 50CÁI/B	464.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4416	D-56699	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X280	GIẤY CHÀ NHẠM CHO KIM LOẠI 230X280	367.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4417	D-56708	ABRASIVE PAPER FOR METAL 50PCS/SET	GIẤY CHÀ NHẠM CHO KIM LOẠI 50CÁI/B	367.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4418	D-56714	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X280	GIẤY CHÀ NHẠM CHO KIM LOẠI 230X280	371.250		8%
4419	D-56720	ABRASIVE PAPER FOR METAL 50PCS/SET	GIẤY CHÀ NHẠM CHO KIM LOẠI 50CÁI/B	371.250		8%
4420	D-56736	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X280	GIẤY CHÀ NHẠM CHO KIM LOẠI 230X280	371.250		8%
4421	D-56742	ABRASIVE PAPER FOR METAL 50PCS/SET	GIẤY CHÀ NHẠM CHO KIM LOẠI 50CÁI/B	371.250		8%
4422	D-56758	ABRASIVE PAPER FOR METAL 50PCS/SET	GIẤY CHÀ NHẠM CHO KIM LOẠI 50CÁI/B	371.250		8%
4423	D-56873	ABRASIVE PAPER FOR WOOD 230X280MM	GIẤY NHẠM GỖ 230X280 CỖ HẠT 320	189.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4424	D-56889	ABRASIVE PAPER FOR WOOD 230X280MM	GIẤY NHẠM GỖ 230X280 CỖ HẠT 400	189.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4425	D-56960	ADAPTER FOR WOOL BONNET DOUBLE S	BỘ CHUYỂN ĐỔI CHO ĐEM LÔNG CƯỜI 2	47.304		8%
4426	D-56982	DIAMOND WHEEL LASER WELDING 300M	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG HÀN LASER 300M	1.787.400		8%
4427	D-56998	DIAMOND WHEEL LASER WELDING 350M	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG HÀN LASER 350M	1.989.360		8%
4428	D-57009	DIAMOND WHEEL LASER WELDING 400M	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG HÀN LASER 400M	2.181.600		8%
4429	D-57043	ADAPTER FOR WOOL BONNET DOUBLE S	BỘ CHUYỂN ĐỔI CHO ĐEM LÔNG CƯỜI 2	35.856		8%
4430	D-57093	ADJUSTABLE CIRCLE CUTTER 30-120MM	MŨI KHOẾT LỎ TRƠN 30-120MM	286.200		8%
4431	D-57102	ADJUSTABLE CIRCLE CUTTER 30-200MM	MŨI KHOẾT LỎ TRƠN 30-200MM	347.760		8%
4432	D-57118	ADJUSTTABLE CIRCLE CUTTER BLADE 23	LƯỠI CUA MŨI KHOẾT LỎ TRƠN 2 CÁI/BỘ	53.028		8%
4433	D-57146	WOOL BONNET DOUBLE SIDE YELLOW 23	TAM ĐEM ĐANH BÓNG HAI MẶT 230MM	572.400		8%
4434	D-57196	HSS-G METAL DRILL ASSORTMENT 6 PCS	HSS-G BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI 6PCS 2,3	194.400		8%
4435	D-58578	ABRASIVE DELTA PAPER FOR WOOD #40	GIẤY CHÀ NHẠM TAM GIÁC CHO GỖ #40	53.028		8%
4436	D-58584	ABRASIVE DELTA PAPER FOR WOOD #60	GIẤY CHÀ NHẠM TAM GIÁC CHO GỖ #60	53.028		8%
4437	D-58590	ABRASIVE DELTA PAPER FOR WOOD #80	GIẤY CHÀ NHẠM TAM GIÁC CHO GỖ #80	53.028		8%
4438	D-58609	ABRASIVE DELTA PAPER FOR WOOD #100	GIẤY CHÀ NHẠM TAM GIÁC CHO GỖ #10	53.028		8%
4439	D-58615	ABRASIVE DELTA PAPER FOR WOOD #120	GIẤY CHÀ NHẠM TAM GIÁC CHO GỖ #12	53.028		8%
4440	D-58621	ABRASIVE DELTA PAPER FOR WOOD #150	GIẤY CHÀ NHẠM TAM GIÁC CHO GỖ #15	53.028		8%
4441	D-58637	ABRASIVE DELTA PAPER FOR WOOD #180	GIẤY CHÀ NHẠM TAM GIÁC CHO GỖ #18	53.028		8%
4442	D-58643	ABRASIVE DELTA PAPER FOR WOOD #240	GIẤY CHÀ NHẠM TAM GIÁC CHO GỖ #24	53.028		8%
4443	D-58659	ABRASIVE DELTA PAPER FOR WOOD #320	GIẤY CHÀ NHẠM TAM GIÁC CHO GỖ #32	53.028		8%
4444	D-58665	ABRASIVE SHEET PAPER (HOOK&LOOP T	GIẤY CHÀ NHẠM CHO GỖ 114X102MM(CO	58.752		8%
4445	D-58671	ABRASIVE SHEET PAPER (HOOK&LOOP T	GIẤY CHÀ NHẠM CHO GỖ 114X102MM(CO	58.752		8%
4446	D-58687	ABRASIVE SHEET PAPER (HOOK&LOOP T	GIẤY CHÀ NHẠM CHO GỖ 114X102MM(CO	58.752		8%
4447	D-58693	ABRASIVE SHEET PAPER (HOOK&LOOP T	GIẤY CHÀ NHẠM CHO GỖ 114X102MM(CO	58.752		8%
4448	D-58702	ABRASIVE SHEET PAPER (HOOK&LOOP T	GIẤY CHÀ NHẠM CHO GỖ 114X102MM(CO	58.752		8%
4449	D-58718	ABRASIVE SHEET PAPER (HOOK&LOOP T	GIẤY CHÀ NHẠM CHO GỖ 114X102MM(CO	58.752		8%
4450	D-58724	ABRASIVE SHEET PAPER (HOOK&LOOP T	GIẤY CHÀ NHẠM CHO GỖ 114X102MM(CO	58.752		8%
4451	D-58730	ABRASIVE SHEET PAPER (HOOK&LOOP T	GIẤY CHÀ NHẠM CHO GỖ 114X102MM(CO	58.752		8%
4452	D-58746	ABRASIVE SHEET PAPER (HOOK&LOOP T	GIẤY CHÀ NHẠM CHO GỖ 114X102MM(CO	58.752		8%
4453	D-58752	LED PEN LIGHT	ĐÈN PIN MINI	171.720		8%
4454	D-58833	RATCHET SCREWDRIVER	MŨI VẠN VẬT ĐA NĂNG	140.292		8%
4455	D-58899	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL(180	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG(180MM)	681.750		8%
4456	D-58908	VACUUM BRAZED DIAMOND WHEEL(230	LƯỠI CẮT KIM CƯƠNG(230MM)	810.000		8%
4457	D-58964	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X	GIẤY CHÀ NHẠM CHO ÔTÔ 230X280MM	502.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4458	D-58986	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X	GIẤY CHÀ NHẠM CHO ÔTÔ 230X280MM	496.800		8%
4459	D-58992	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X	GIẤY CHÀ NHẠM CHO ÔTÔ 230X280MM	453.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4460	D-59003	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X	GIẤY CHÀ NHẠM CHO ÔTÔ 230X280MM	496.800		8%
4461	D-59019	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X	GIẤY CHÀ NHẠM CHO ÔTÔ 230X280MM	496.800		8%
4462	D-59025	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X	GIẤY CHÀ NHẠM CHO ÔTÔ 230X280MM	453.600		8%
4463	D-59031	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X	GIẤY CHÀ NHẠM CHO ÔTÔ 230X280MM	453.600		8%
4464	D-59047	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X	GIẤY CHÀ NHẠM CHO ÔTÔ 230X280MM	453.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4465	D-59053	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X	GIẤY CHÀ NHẠM CHO ÔTÔ 230X280MM	453.600		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
4466	D-59069	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM	GIẤY CHÀ NHĂM CHO OTO 230X280MM	453.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4467	D-59075	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM	GIẤY CHÀ NHĂM CHO OTO 230X280MM	453.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4468	D-59162	TCT SAW BLADE FOR ALUMINUM 260X250MM	LƯỖI CỬA HỘP KIM DUNG CHO NHÓM 26	764.640		8%
4469	D-59190	SANDING BELT 3PCS/SET(GRAIN 60)	NHĂM BĂNG 3CÁI/SET(CỎ HẠT 60)	54.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 20% và số lượng có hạn.	8%
4470	D-59221	SANDING BELT 3PCS/SET(GRAIN 120)	NHĂM BĂNG 3CÁI/SET(CỎ HẠT 120)	58.752		8%
4471	D-59265	SANDING BELT 76X533MM A40 3PCS/SET	GIẤY NHĂM BĂNG 76X533MM A40 3CÁI/SET	91.584		8%
4472	D-59287	SANDING BELT 76X533MM A80 3PCS/SET	GIẤY NHĂM BĂNG 76X533MM A80 3CÁI/SET	91.584		8%
4473	D-59293	SANDING BELT 76X533MM A100 3PCS/SET	GIẤY NHĂM BĂNG 76X533MM A100 3CÁI/SET	91.584		8%
4474	D-59302	SANDING BELT 76X533MM A120 3PCS/SET	GIẤY NHĂM BĂNG 76X533MM A120 3CÁI/SET	91.584		8%
4475	D-59318	SANDING BELT 76X533MM A150 3PCS/SET	GIẤY NHĂM BĂNG 76X533MM A150 3CÁI/SET	91.584		8%
4476	D-59346	SANDING BELT 100X610 A40 3PCS/SET	GIẤY NHĂM BĂNG CỎ HẠT 100X610 A40	133.164		8%
4477	D-59352	SANDING BELT 3PCS/SET(GRAIN 60)	NHĂM BĂNG 3CÁI/SET(CỎ HẠT 60)	98.820		8%
4478	D-59380	SANDING BELT 3PCS/SET(GRAIN 120)	NHĂM BĂNG 3CÁI/SET(CỎ HẠT 120)	104.544		8%
4479	D-59405	SANDING BELT 3PCS/SET(GRAIN 180)	NHĂM BĂNG 3CÁI/SET(CỎ HẠT 180)	98.820		8%
4480	D-59411	SANDING BELT 3PCS/SET(GRAIN 240)	NHĂM BĂNG 3CÁI/SET(CỎ HẠT 240)	98.820		8%
4481	D-60682	OFFSET DIAMOND WHEEL(125MM)	ĐÁ MÀI KIM CƯƠNG CHO BỀ TÔNG(125MM)	437.400		8%
4482	D-60698	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280MM	GIẤY CHÀ NHĂM CHO SƠN 230X280MM	1.193.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4483	D-60707	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280MM	GIẤY CHÀ NHĂM CHO SƠN 230X280MM	1.193.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4484	D-60713	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280MM	GIẤY CHÀ NHĂM CHO SƠN 230X280MM	1.205.550		8%
4485	D-60729	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280MM	GIẤY CHÀ NHĂM CHO SƠN 230X280MM	1.193.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4486	D-60735	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280MM	GIẤY CHÀ NHĂM CHO SƠN 230X280MM	1.063.800		8%
4487	D-60741	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280MM	GIẤY CHÀ NHĂM CHO SƠN 230X280MM	972.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4488	D-60757	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280MM	GIẤY CHÀ NHĂM CHO SƠN 230X280MM	1.063.800		8%
4489	D-60791	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280MM	GIẤY CHÀ NHĂM CHO SƠN 230X280MM	1.053.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4490	D-60800	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280MM	GIẤY CHÀ NHĂM CHO SƠN 230X280MM	972.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4491	D-60816	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280MM	GIẤY CHÀ NHĂM CHO SƠN 230X280MM	972.000		8%
4492	D-60822	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280MM	GIẤY CHÀ NHĂM CHO SƠN 230X280MM	1.080.000		8%
4493	D-61020	SDS-PLUS SCALING CHISEL 40X250MM	MÙI ĐỤC ĐEP 80X250MM	353.484		8%
4494	D-61042	SCALING CHISEL FOR SDS-PLUS HAMMER	MÙI ĐỤC ĐEP CHUỐI SDS-PLUS 80X150MM	382.320		8%
4495	D-61058	TCT SAW BLADE FOR ALUMINUM 260X250MM	LƯỖI CỬA HỘP KIM DUNG CHO NHÓM 26	815.724		8%
4496	D-61064	DIAMOND CORE BIT/DDF484	MÙI KHOAN KIM CƯƠNG/DDF484	307.800		8%
4497	D-61466	TCT SAW BLADE 185MM X 20MM X 60T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 185MM X 20MM X 60T	372.060		8%
4498	D-62088-5	CUT-OFF WHEEL 14 INCH 355x325.4 (SPCS/SET)	ĐÁ CẮT 14 INCH 355X325.4 (SPCS/SET)	486.540		8%
4499	D-62119	TCT SAW BLADE FOR ALUMINUM 185X20MM	LƯỖI CỬA HỘP KIM DUNG CHO NHÓM 18	259.200		8%
4500	D-62240	TCT SAW BLADE 260MMX30MMX120T	LƯỖI CỬA ĐÁ GÓC 260MMX30MMX120T	846.450		8%
4501	D-62284	OFFSET DIAMOND WHEEL SINGLE TYPE(100MMX22.23MM)	LƯỖI BAO BÊ TÔNG CỤC THỎ(100MMX22.23MM)	375.300	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4502	D-62309	OFFSET DIAMOND WHEEL DOUBLE TYPE(100MMX22.23MM)	LƯỖI BAO BÊ TÔNG THỎ(100MMX22.23MM)	491.400		8%
4503	D-62321	OFFSET DIAMOND WHEEL DOUBLE TYPE(180MMX22.23MM)	LƯỖI BAO BÊ TÔNG THỎ(180MMX22.23MM)	1.058.400		8%
4504	D-62337	OFFSET DIAMOND WHEEL TURBO TYPE(100MMX22.23MM)	LƯỖI BAO BÊ TÔNG MÍN(100MMX22.23MM)	486.000		8%
4505	D-62359	OFFSET DIAMOND WHEEL TURBO TYPE(180MMX22.23MM)	LƯỖI BAO BÊ TÔNG MÍN(180MMX22.23MM)	1.188.000		8%
4506	D-62511	POLISHING SPONGE ORANGE (FLAT TYPE)	BƠT BIẾN ĐANH BÓNG MÀU CAM(LOẠI PHẪNG)	157.464		8%
4507	D-62549	POLISHING SPONGE BLUE (FLAT TYPE)	BƠT BIẾN ĐANH BÓNG MÀU XANH(LOẠI PHẪNG)	157.464		8%
4508	D-62577	POLISHING SPONGE BLACK (FLAT TYPE)	BƠT BIẾN ĐANH BÓNG MÀU ĐEN(LOẠI PHẪNG)	157.464		8%
4509	D-62608	POLISHING SPONGE ORANGE (WAVE TYPE)	BƠT BIẾN ĐANH BÓNG MÀU CAM(LOẠI SÓC)	157.464		8%
4510	D-62636	POLISHING SPONGE BLUE (WAVE TYPE)	BƠT BIẾN ĐANH BÓNG MÀU XANH(LOẠI SÓC)	148.500		8%
4511	D-62664	POLISHING SPONGE BLACK (WAVE TYPE)	BƠT BIẾN ĐANH BÓNG MÀU ĐEN(LOẠI SÓC)	148.500		8%
4512	D-62723	T.C.T DRILL BIT 12 PCS (6,8,10,12) SET FOR ALUMINUM	MÙI KHOAN TUỒNG T.C.T CHUỐI SDS-PLUS	469.368		8%
4513	D-63395	FLAP DISC A40 100MMX16MM	Đĩa nhám xếp A40 100MMX16MM	30.132		8%
4514	D-63404	FLAP DISC A60 100MMX16MM	Đĩa nhám xếp A60 100MMX16MM	30.132		8%
4515	D-63410	FLAP DISC A80 100MMX16MM	Đĩa nhám xếp A80 100MMX16MM	30.132		8%
4516	D-63426	FLAP DISC A120 100MMX16MM	Đĩa nhám xếp A120 100MMX16MM	30.132		8%
4517	D-63476	FIBERGLASS BACKING/ANGLED 125MM X 22.23MM	Đĩa nhám xếp sợi thủy tinh 125X22.23MM	47.304		8%
4518	D-63482	FIBERGLASS BACKING/ANGLED 125MM X 22.23MM	Đĩa nhám xếp sợi thủy tinh 125X22.23MM	47.304		8%
4519	D-63498	FIBERGLASS BACKING/ANGLED 125MM X 22.23MM	Đĩa nhám xếp sợi thủy tinh 125X22.23MM	47.304		8%
4520	D-63507	FIBERGLASS BACKING/ANGLED 125MM X 22.23MM	Đĩa nhám xếp sợi thủy tinh 125X22.23MM	47.304		8%
4521	D-63513	FLAP DISC 180MM A40	NHĂM XẾP 180MM A40	66.150		8%
4522	D-63529	FLAP DISC 180MM A60	NHĂM XẾP 180MM A60	70.200		8%
4523	D-63535	FLAP DISC 180MM A80	NHĂM XẾP 180MM A80	66.150		8%
4524	D-63541	FLAP DISC 180MM A120	NHĂM XẾP 180MM A120	70.200		8%
4525	D-63557	CURCULAR SAW 235MMX30MMX60T	LƯỖI CỬA Đĩa 235MMX30MMX60T	523.800		8%
4526	D-63563	TCT SAW BLADE 260MMX30MMX80T	LƯỖI CỬA ĐÁ GÓC 260MMX30MMX80T	723.600		8%
4527	D-63579	TCT SAW BLADE 305MMX30MMX80T	LƯỖI CỬA ĐÁ GÓC 305MMX30MMX80T	972.000		8%
4528	D-63585	TCT SAW BLADE 305MMX30MMX100T	LƯỖI CỬA ĐÁ GÓC 305MMX30MMX100T	1.124.550		8%
4529	D-63591	TCT SAW BLADE 305MMX30MMX120T	LƯỖI CỬA ĐÁ GÓC 305MMX30MMX120T	1.337.400		8%
4530	D-63616	TCT SAW BLADE 165MMX30MMX60T	LƯỖI CỬA ĐÁ GÓC 165MMX30MMX60T	422.280		8%
4531	D-63622	DIAMOND SAW 185MMX30MMX60T	LƯỖI CỬA Đĩa 185MMX30MMX60T	437.400		8%
4532	D-63688	DIAMOND WHEEL GRANITE MARBLE SEGMENT	LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG PHẦN ĐOẠN CHO ĐÁ GRANITE	85.860		8%
4533	D-63694	MASONRY BIT WITH 1/4" HEX. SHANK(MM)	MÙI KHOAN TUỒNG CHUỐI LỤC GIÁC 1/4"	44.388		8%
4534	D-63703	FLAP DISC 100MM Z40	NHĂM XẾP 100MM Z40	35.856		8%
4535	D-63719	FLAP DISC 100MM Z60	NHĂM XẾP 100MM Z60	35.856		8%
4536	D-63725	FLAP DISC 100MM Z80	NHĂM XẾP 100MM Z80	35.856		8%
4537	D-63731	FLAP DISC 100MM Z120	NHĂM XẾP 100MM Z120	35.856		8%
4538	D-63781	FLAP DISC 125MM Z40	NHĂM XẾP 125MM Z40	53.028		8%
4539	D-63797	FLAP DISC 125MM Z60	NHĂM XẾP 125MM Z60	49.950		8%
4540	D-63806	FLAP DISC 125MM Z80	NHĂM XẾP 125MM Z80	48.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 40% và số lượng có hạn.	8%
4541	D-63812	FLAP DISC 125MM Z120	NHĂM XẾP 125MM Z120	53.028		8%
4542	D-63828	FLAP DISC 180MM Z40	NHĂM XẾP 180MM Z40	98.550		8%
4543	D-63834	FLAP DISC 180MM Z60	NHĂM XẾP 180MM Z60	98.550		8%
4544	D-63840	FLAP DISC 180MM Z80	NHĂM XẾP 180MM Z80	98.550		8%
4545	D-63856	FLAP DISC 180MM Z120	NHĂM XẾP 180MM Z120	98.550		8%
4546	D-63862	PLASTIC CASE FOR DIAMOND WHEEL	HỘP ĐUNG LƯỖI CẮT KIM CƯƠNG	138.888		8%
4547	D-64004	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 1.5MM	MÙI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH THƯỜNG)	24.408		8%
4548	D-64010	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 1.8MM	MÙI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN LOẠI KINH THƯỜNG	24.408		8%
4549	D-64026	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 2.0MM	MÙI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH THƯỜNG)	24.408		8%
4550	D-64032	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 2.5MM	MÙI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH THƯỜNG)	24.408		8%
4551	D-64048	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 3.0MM	MÙI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH THƯỜNG)	30.132		8%
4552	D-64054	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 3.5MM	MÙI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH THƯỜNG)	30.132		8%
4553	D-64060	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 4.0MM	MÙI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH THƯỜNG)	30.132		8%
4554	D-64076	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 4.5MM	MÙI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH THƯỜNG)	30.132		8%
4555	D-64082	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 5.0MM	MÙI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH THƯỜNG)	30.132		8%
4556	D-64098	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 5.5MM	MÙI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH THƯỜNG)	30.132		8%
4557	D-64107	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 6.0MM	MÙI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH THƯỜNG)	30.132		8%
4558	D-64113	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 6.5MM	MÙI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH THƯỜNG)	35.856		8%
4559	D-64129	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 7.0MM	MÙI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH THƯỜNG)	35.856		8%
4560	D-64135	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 7.5MM	MÙI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH THƯỜNG)	41.580		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
4561	D-64141	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 8X	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ	47.304		8%
4562	D-64157	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 8.5	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ	47.304		8%
4563	D-64163	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 9X	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ	47.304		8%
4564	D-64179	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 9.5	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ	58.752		8%
4565	D-64185	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 10	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ	64.476		8%
4566	D-64191	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 10	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ	64.476		8%
4567	D-64200	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 11	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ	68.688		8%
4568	D-64216	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 11	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ	75.924		8%
4569	D-64222	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 12	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ	87.372		8%
4570	D-64238	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 12	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ	87.372		8%
4571	D-64244	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 13	MŨI KHOAN SẮT HSS-TIN (LOẠI KINH TẾ	87.372		8%
4572	D-64250	HSS-TIN METAL DRILL 1.0X34X12 BIT10P	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1.0X34X1	93.096		8%
4573	D-64266	HSS-TIN METAL DRILL 1.5X40X18 BIT10P	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 1.5X40X1	93.096		8%
4574	D-64272	HSS-TIN METAL DRILL BIT (2X49MM) 100	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN LOẠI KIN	93.096		8%
4575	D-64288	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 2.5X57	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 2.5X57MM	93.096		8%
4576	D-64294	HSS-TIN METAL DRILL 3.0X61X33 BIT10P	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 3.0X61X3	98.820		8%
4577	D-64303	HSS-TIN METAL DRILL BIT (3.5X70MM) 1	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN LOẠI KIN	98.820		8%
4578	D-64319	HSS-TIN METAL DRILL BIT 10PCS 4X75M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN (CHUỖI L	98.820		8%
4579	D-64325	HSS-TIN METAL DRILL 4.5X80X47 BIT10P	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 4.5X80X4	127.440		8%
4580	D-64331	HSS-TIN METAL DRILL 5.0X86X52 BIT10P	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 5.0X86X5	163.188		8%
4581	D-64347	HSS-TIN METAL DRILL 5.5X93X57 BIT10P	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 5.5X93X5	191.808		8%
4582	D-64353	HSS-TIN METAL DRILL BIT (6X93MM) 100	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN LOẠI KIN	231.876		8%
4583	D-64369	HSS-TIN METAL DRILL 6.5X101X63 BIT10P	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 6.5X101X	231.876		8%
4584	D-64375	HSS-TIN METAL DRILL 7.0X109X69 BIT10P	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 7.0X109X	243.324		8%
4585	D-64381	HSS-TIN METAL DRILL 7.5X109X69 BIT10P	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 7.5X109X	243.324		8%
4586	D-64397	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 8X	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 8X117	254.880		8%
4587	D-64406	HSS-TIN METAL DRILL 8.5X117X75 BIT5P	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 8.5X117X	163.188		8%
4588	D-64412	HSS-TIN METAL DRILL 9.0X125X81 BIT5P	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 9.0X125X	186.084		8%
4589	D-64428	HSS-TIN METAL DRILL 9.5X125X81 BIT5P	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 9.5X125X	203.256		8%
4590	D-64434	HSS-TIN METAL DRILL BIT 5PCS 10X133M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN (CHUỖI L	226.152		8%
4591	D-64440	HSS-TIN METAL DRILL 10.5X133X87 BIT5P	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 10.5X133	266.220		8%
4592	D-64456	HSS-TIN METAL DRILL 11X142X94 BIT5P	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 11X142X9	289.116		8%
4593	D-64462	HSS-TIN METAL DRILL 11.5X142X94 BIT5P	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 11.5X142	325.080		8%
4594	D-64478	HSS-TIN METAL DRILL BIT ECONOMY 12	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 12X15	365.040		8%
4595	D-64484	HSS-TIN METAL DRILL 12.5X151X101 BIT5P	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 12.5X151	376.380		8%
4596	D-64490	HSS-TIN METAL DRILL 13X151X101 BIT5P	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-TIN 13X151X	393.552		8%
4597	D-65034	HEX SHANK 350MM BULL POINT 28.6MM	MŨI ĐỤC NHON 350MM CHUỖI LỤC GIÁC	440.748		8%
4598	D-65121	SDS-PLUS HAMMERS 25PCS/SET 8X210MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS-PLUS	868.050		8%
4599	D-65252	ABRASIVE PAPER 93X228 #60	GIẤY CHÀ NHĂM 93X228 (CỖ HẠT 60)	53.028		8%
4600	D-65268	ABRASIVE PAPER 93X228 #100	GIẤY CHÀ NHĂM 93X228 (CỖ HẠT 100)	53.028		8%
4601	D-65274	ABRASIVE PAPER 93X228 #120	GIẤY CHÀ NHĂM 93X228 (CỖ HẠT 120)	53.028		8%
4602	D-65280	ABRASIVE PAPER 93X228 #180	GIẤY CHÀ NHĂM 93X228 (CỖ HẠT 180)	53.028		8%
4603	D-65296	ABRASIVE PAPER 93X228 #240	GIẤY CHÀ NHĂM 93X228 (CỖ HẠT 240)	53.028		8%
4604	D-65305	ABRASIVE PAPER 93X228 #320	GIẤY CHÀ NHĂM 93X228 (CỖ HẠT 320)	53.028		8%
4605	D-65311	ABRASIVE PAPER114 X140#80	GIẤY CHÀ NHĂM 114X140 (CỖ HẠT 80)	44.550		8%
4606	D-65327	ABRASIVE PAPER114 X140#100	GIẤY CHÀ NHĂM 114X140 (CỖ HẠT100)	44.550		8%
4607	D-65333	ABRASIVE PAPER114 X140#120	GIẤY CHÀ NHĂM 114X140 (CỖ HẠT120)	44.550		8%
4608	D-65349	ABRASIVE PAPER114 X140#180	GIẤY CHÀ NHĂM 114X140 (CỖ HẠT180)	44.550		8%
4609	D-65355	ABRASIVE PAPER114 X140#240	GIẤY CHÀ NHĂM 114X140 (CỖ HẠT 240)	44.550		8%
4610	D-65361	ABRASIVE PAPER114 X140#320	GIẤY CHÀ NHĂM 114X140 (CỖ HẠT 320)	44.550		8%
4611	D-65414	TCT SAW BLADE FOR WOOD 260X25.4X40	LƯỖI CỬA TCT DÙNG CHO GỖ 260X25.4X	387.828		8%
4612	D-65551	"DOUBLE-END(C-FORM)"	MŨI VÍT HAI ĐẦU (DANG C)	307.800		8%
4613	D-65713	SNAP-OFF KNIFE (BLUE)	ĐÀO RỌC (XANH)	168.912		8%
4614	D-65729	SHANK WIRE BRUSH 4PCS. 6MM(1/4INCH)	CHỖI ĐÁNH SỢI KIM LOẠI CHUỖI 6MM C	210.600		8%
4615	D-65735	WOOL BONNET 150MM	ĐỆM LÔNG CỬU 150MM	240.300		8%
4616	D-65816	ABRASIVE PAPER DISC10PCS. WITH 8 HOLES/GR	Đĩa NHĂM TRÒN CHO SƠN 125MM-A40-8	87.372		8%
4617	D-65822	ABRASIVE PAPER DISC(WITH 8 HOLES/GR	Đĩa NHĂM TRÒN CHO SƠN 125MM-A60-8	70.200		8%
4618	D-65838	ABRASIVE PAPER DISC(WITH 8 HOLES/GR	Đĩa NHĂM TRÒN CHO SƠN125MM-A80-8	70.200		8%
4619	D-65844	ABRASIVE PAPER DISC(WITH 8 HOLES/GR	Đĩa NHĂM TRÒN CHO SƠN 125MM-A100-	70.200		8%
4620	D-65850	ABRASIVE PAPER DISC(WITH 8 HOLES/GR	Đĩa NHĂM TRÒN CHO SƠN 125MM-A120-	70.200		8%
4621	D-65866	ABRASIVE PAPER DISC(WITH 8 HOLES/GR	Đĩa NHĂM TRÒN CHO SƠN 125MM-A150-	70.200		8%
4622	D-65872	ABRASIVE PAPER DISC(WITH 8 HOLES/GR	Đĩa NHĂM TRÒN CHO SƠN 125MM-A180-	70.200		8%
4623	D-65888	ABRASIVE PAPER DISC(WITH 8 HOLES/GR	Đĩa NHĂM TRÒN CHO SƠN 125MM-A240-	70.200		8%
4624	D-65894	ABRASIVE PAPER DISC(WITH 8 HOLES/GR	Đĩa NHĂM TRÒN CHO SƠN 125MM-A320-	70.200		8%
4625	D-65903	ABRASIVE PAPER DISC(WITH 8 HOLES/GR	Đĩa NHĂM TRÒN CHO SƠN 125MM-A400-	70.200		8%
4626	D-65947	THIN CUT-OFF WHEEL FOR INOX 100X1.0	ĐÁ CẮT INOX MÔNG 100X1.0X16/WA46R	12.960		8%
4627	D-65947-10	THIN CUTTING/FLAT/100X1.0X16MM/WA	ĐÁ CẮT INOX MÔNG 100X1.0X16/WA46R	107.352		8%
4628	D-65969	THIN CUT-OFF WHEEL FOR INOX 125X1.0	ĐÁ CẮT INOX MÔNG 125X1.0X22.2345076	24.408		8%
4629	D-65969-10	THIN CUTTING/FLAT/125X1.0X22.23MM/V	ĐÁ CẮT INOX MÔNG 125X1.0X22.23/WA46	191.808		8%
4630	D-65975	THIN CUT-OFF WHEEL FOR INOX 180X2.0	ĐÁ CẮT INOX MÔNG 180X2.0X22.23	38.664		8%
4631	D-65981	BRUSH CUTTER BLADE TCT (230MMX25.4	LƯỖI CẮT CỎ TCT (230MMX25.4X36T)	295.650		8%
4632	D-65997	BRUSH CUTTER BLADE TCT (255MMX25.4	LƯỖI CẮT CỎ TCT (255MMX25.4X40T)	349.650		8%
4633	D-66008	BRUSH CUTTER BLADE (230MMX25.4X4T	LƯỖI CẮT CỎ (230MMX25.4X4T)	214.704		8%
4634	D-66014	BRUSH CUTTER BLADE (255MMX25.4X4T	LƯỖI CẮT CỎ (255MMX25.4X4T)	220.428		8%
4635	D-66020	BRUSH CUTTER BLADE (230MMX25.4X3T	LƯỖI CẮT CỎ (230MMX25.4X3T)	254.880		8%
4636	D-66036	BRUSH CUTTER BLADE (255MMX25.4X3T	LƯỖI CẮT CỎ (255MMX25.4X3T)	260.496		8%
4637	D-66042	BRUSH CUTTER BLADE (305MMX25.4X3T	LƯỖI CẮT CỎ (305MMX25.4X3T)	283.392		8%
4638	D-66058	BRUSH CUTTER BLADE 230X25.4X2T	LƯỖI CẮT CỎ (230MMX25.4X2T)	174.636		8%
4639	D-66064	BRUSH CUTTER BLADE (255MMX25.4X2T	LƯỖI CẮT CỎ (255MMX25.4X2T)	186.084		8%
4640	D-66092	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280M	GIẤY CHÀ NHĂM CHO SƠN 230X280MM I	129.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4641	D-66101	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280M	GIẤY CHÀ NHĂM CHO SƠN 230X280MM I	130.950		8%
4642	D-66117	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280M	GIẤY CHÀ NHĂM CHO SƠN 230X280MM I	129.600		8%
4643	D-66123	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280M	GIẤY CHÀ NHĂM CHO SƠN 230X280MM I	121.500		8%
4644	D-66139	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280M	GIẤY CHÀ NHĂM CHO SƠN 230X280MM I	128.844		8%
4645	D-66145	ABRASIVE PAPER SHEET PAINT 230X280M	GIẤY CHÀ NHĂM CHO SƠN 230X280MM I	125.550		8%
4646	D-66189	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X	GIẤY CHÀ NHĂM CHO OTO 230X280MM I	126.900	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4647	D-66204	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X	GIẤY CHÀ NHĂM CHO OTO 230X280MM I	120.150		8%
4648	D-66210	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X	GIẤY CHÀ NHĂM CHO OTO 230X280MM I	108.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4649	D-66226	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X	GIẤY CHÀ NHĂM CHO OTO 230X280MM I	120.150		8%
4650	D-66232	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X	GIẤY CHÀ NHĂM CHO OTO 230X280MM I	120.150		8%
4651	D-66248	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X	GIẤY CHÀ NHĂM CHO OTO 230X280MM I	108.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4652	D-66254	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X	GIẤY CHÀ NHĂM CHO OTO 230X280MM I	108.000		8%
4653	D-66260	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X	GIẤY CHÀ NHĂM CHO OTO 230X280MM I	108.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4654	D-66276	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X	GIẤY CHÀ NHĂM CHO OTO 230X280MM I	108.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4655	D-66298	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X	GIẤY CHÀ NHĂM CHO OTO 230X280MM I	108.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
4656	D-66307	ABRASIVE PAPER SHEET CARBODY 230X280MM	GIẤY CHÀ NHĂM CHO OTO 230X280MM 1	108.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4657	D-66313	ABRASIVE PAPER SHEET WOOD 230X280MM	GIẤY CHÀ NHĂM CHO GỖ 230X280MM 10	59.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4658	D-66329	ABRASIVE PAPER SHEET WOOD 230X280MM	GIẤY CHÀ NHĂM CHO GỖ 230X280MM 10	59.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4659	D-66335	ABRASIVE PAPER SHEET WOOD 230X280MM	GIẤY CHÀ NHĂM CHO GỖ 230X280MM 10	48.600		8%
4660	D-66341	ABRASIVE PAPER SHEET WOOD 230X280MM	GIẤY CHÀ NHĂM CHO GỖ 230X280MM 10	48.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4661	D-66357	ABRASIVE PAPER SHEET WOOD 230X280MM	GIẤY CHÀ NHĂM CHO GỖ 230X280MM 10	48.600		8%
4662	D-66363	ABRASIVE PAPER SHEET WOOD 230X280MM	GIẤY CHÀ NHĂM CHO GỖ 230X280MM 10	43.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4663	D-66379	ABRASIVE PAPER SHEET WOOD 230X280MM	GIẤY CHÀ NHĂM CHO GỖ 230X280MM 10	43.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4664	D-66385	ABRASIVE PAPER SHEET WOOD 230X280MM	GIẤY CHÀ NHĂM CHO GỖ 230X280MM 10	43.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4665	D-66391	ABRASIVE PAPER SHEET WOOD 230X280MM	GIẤY CHÀ NHĂM CHO GỖ 230X280MM 10	43.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4666	D-66416	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X280MM	GIẤY CHÀ NHĂM CHO VỮA 230X280MM	54.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4667	D-66422	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X280MM	GIẤY CHÀ NHĂM CHO VỮA 230X280MM	48.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4668	D-66438	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X280MM	GIẤY CHÀ NHĂM CHO VỮA 230X280MM	48.600		8%
4669	D-66444	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X280MM	GIẤY CHÀ NHĂM CHO VỮA 230X280MM	48.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4670	D-66450	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X280MM	GIẤY CHÀ NHĂM CHO VỮA 230X280MM	52.650		8%
4671	D-66466	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X280MM	GIẤY CHÀ NHĂM CHO VỮA 230X280MM	48.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4672	D-66472	ABRASIVE PAPER SHEET MORTAR 230X280MM	GIẤY CHÀ NHĂM CHO VỮA 230X280MM	48.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4673	D-66488	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X280MM	GIẤY CHÀ NHĂM CHO KIM LOẠI 230X280MM	108.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4674	D-66494	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X280MM	GIẤY CHÀ NHĂM CHO KIM LOẠI 230X280MM	108.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4675	D-66503	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X280MM	GIẤY CHÀ NHĂM CHO KIM LOẠI 230X280MM	86.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4676	D-66519	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X280MM	GIẤY CHÀ NHĂM CHO KIM LOẠI 230X280MM	97.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4677	D-66525	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X280MM	GIẤY CHÀ NHĂM CHO KIM LOẠI 230X280MM	93.150		8%
4678	D-66531	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X280MM	GIẤY CHÀ NHĂM CHO KIM LOẠI 230X280MM	93.150		8%
4679	D-66547	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X280MM	GIẤY CHÀ NHĂM CHO KIM LOẠI 230X280MM	87.750		8%
4680	D-66553	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X280MM	GIẤY CHÀ NHĂM CHO KIM LOẠI 230X280MM	87.750		8%
4681	D-66569	ABRASIVE PAPER SHEET METAL 230X280MM	GIẤY CHÀ NHĂM CHO KIM LOẠI 230X280MM	87.750		8%
4682	D-66612	TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS 4X160MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS 4X160MM	44.388		8%
4683	D-66628	TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS 5X210MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS 5X210MM	47.250		8%
4684	D-66634	TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS 6.5X260MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS 6.5X260MM	52.650		8%
4685	D-66640	TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS 8X310MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS 8X310MM	74.412		8%
4686	D-66656	TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS 10X350MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS 10X350MM	74.412		8%
4687	D-66662	TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS 11X410MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS 11X410MM	52.650		8%
4688	D-66678	TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS 11X260MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS 11X260MM	64.800		8%
4689	D-66684	TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS 12X310MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS 12X310MM	74.412		8%
4690	D-66690	TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS 13X410MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS 13X410MM	74.412		8%
4691	D-66709	TCT DRILL FOR SDS-PLUS HAMMERS 14X410MM	MŨI KHOAN SDS-PLUS 14X310MM	98.820		8%
4692	D-66715	OFFSET DIAMOND WHEEL (125MMX22.23MM)	LƯỚI BAO BÊ TỔNG THỎ (125MMX22.23MM)	680.400		8%
4693	D-66999	T.C.T.SAW BLADE 125X40T	LƯỚI CUA HỘP KIM 125X40T	148.500		8%
4694	D-67359	ROUND FILE4.0MM(5/32")X246MM 2PCS	DỪA TRƠN4.0MM(5/32")X246MM 2 CÁI	104.544		8%
4695	D-67365	ROUND FILE4.0MM(5/32")X246MM 12PCS	DỪA TRƠN4.0MM(5/32")X246MM 12 CÁI	486.540		8%
4696	D-67371	ROUND FILE4.5MM(11/64")X246MM 2PCS	DỪA TRƠN4.5MM(11/64")X246MM 2 CÁI	104.544		8%
4697	D-67387	ROUND FILE4.5MM(11/64")X246MM 12PCS	DỪA TRƠN4.5MM(11/64")X246MM 12 CÁI	486.540		8%
4698	D-67393	ROUND FILE 4.8MM	DỪA TRƠN 4.8MM	138.888		8%
4699	D-67402	ROUND FILE 4.8MM 12PCS/SET	DỪA TRƠN 4.8MM 12PCS/SET	613.980		8%
4700	D-67418	ROUND FILE 5.2MM	DỪA TRƠN 5.2MM	138.888		8%
4701	D-67424	ROUND FILE 5.2MM 12PCS/SET	DỪA TRƠN 5.2MM 12PCS/SET	613.980		8%
4702	D-67430	ROUND FILE 5.5MM	DỪA TRƠN 5.5MM	138.888		8%
4703	D-67446	ROUND FILE 5.5MM 12PCS/SET	DỪA TRƠN 5.5MM 12PCS/SET	613.980		8%
4704	D-67452	FLAT FILE 1PC	DỪA ĐẸP 1PC	98.820		8%
4705	D-67468	FLAT FILE 12 PCS/SET	DỪA ĐẸP 12 CÁI/BỘ	735.588		8%
4706	D-67480	LOGGER'S FILING VISE	ÉTÔ DỪA XÍCH	226.152		8%
4707	D-67549	HSS METAL DRILL BIT SET(19PCS)	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G(19 CÁI)	874.800		8%
4708	D-67555	HSS-G METAL DRILL BIT 25PCS. SET	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 25CÁI/B	1.620.000		8%
4709	D-67577	HSS-CO METAL DRILL BIT 25PCS. SET	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-CO 25CÁI/B	2.505.600		8%
4710	D-67608	WIRE BRUSH FOR DRILL FOR WOOD 80MM	CHỔI KIM LOẠI DÀNH CHO GỖ 80MMX(C	153.900		8%
4711	D-67614	FLAT BIT 13X150MM	MŨI KHOAN DET 13X150MM	44.388		8%
4712	D-67620	SCREW BIT SET(10PCS/SET)	BỘ MŨI VÍT(10 CÁI/BỘ)	159.300		8%
4713	D-68862	STRAIGHT BIT 1 FLUTE1/4" (6.35MM) 1/8"	MŨI PHAY THẲNG 1 CẠNH 1/4" (6.35MM)	130.950		8%
4714	D-68878	STRAIGHT BIT 1 FLUTE1/4" (6.35MM) 5/32"	MŨI PHAY THẲNG 1 CẠNH 1/4" (6.35MM)	133.650	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4715	D-68884	STRAIGHT BIT 1 FLUTE1/4" (6.35MM) 3/16"	MŨI PHAY THẲNG 1 CẠNH 1/4" (6.35MM)	125.550		8%
4716	D-68890	STRAIGHT BIT 1 FLUTE1/4" (6.35MM) 1/4"	MŨI PHAY THẲNG 1 CẠNH 1/4" (6.35MM)	125.550		8%
4717	D-68909	STRAIGHT BIT 1 FLUTE1/2" (12.7MM) 1/4"	MŨI PHAY THẲNG 1 CẠNH 1/2" (12.7MM)	143.100	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4718	D-68915	STRAIGHT BIT 1 FLUTE1/2" (12.7MM) 3/8"	MŨI PHAY THẲNG 1 CẠNH 1/2" (12.7MM)	167.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4719	D-68921	STRAIGHT BIT 2 FLUTE 1/4" (6.35MM) 1/4"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM)	133.650		8%
4720	D-68937	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 5/16"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM)	157.464		8%
4721	D-68943	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 3/8"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM)	143.100		8%
4722	D-68959	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 1/2"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM)	197.100		8%
4723	D-68965	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 1/4"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM)	130.950		8%
4724	D-68971	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 1/4"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM)	141.696		8%
4725	D-68987	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 5/16"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM)	153.900		8%
4726	D-68993	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 3/8"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM)	153.900	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4727	D-69004	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 1/2"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM)	148.500	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4728	D-69010	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 9/16"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM)	172.800		8%
4729	D-69026	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 5/8"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM)	203.256		8%
4730	D-69032	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 23/32"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM)	224.100		8%
4731	D-69048	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 3/4"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM)	237.600		8%
4732	D-69054	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 1/4"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM)	159.300		8%
4733	D-69060	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 5/16"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM)	167.400		8%
4734	D-69076	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 3/8"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM)	177.444		8%
4735	D-69082	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 1/2"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM)	207.900		8%
4736	D-69098	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 1/2"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM)	220.428		8%
4737	D-69107	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 1/2"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM)	290.250		8%
4738	D-69113	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 9/16"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM)	224.100		8%
4739	D-69129	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 5/8"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM)	240.300		8%
4740	D-69135	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 3/4"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM)	306.450		8%
4741	D-69141	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 3/4"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM)	295.650	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4742	D-69157	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 3/4"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM)	448.200		8%
4743	D-69163	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 7/8"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM)	382.050		8%
4744	D-69179	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 7/8"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM)	342.036		8%
4745	D-69185	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 1"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM)	370.656		8%
4746	D-69191	STRAIGHT BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 1/2"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM)	507.600		8%
4747	D-69200	STRAIGHT BIT-SUPER1/2" (12.7MM) 1/2"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM)	427.896		8%
4748	D-69216	STRAIGHT BIT – PATTERN1/2" (12.7MM) 3/4"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM)	480.600		8%
4749	D-69222	HINGE MORTISING1/4" (6.35MM) 1/2"X2-1"	MŨI PHAY BĂNG LÊ 1/4" (6.35MM) 1/2"X2	183.168		8%
4750	D-69238	FLUSH TRIM BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 3/4"	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM)	171.720		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
4751	D-69244	FLUSH TRIM BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 1/	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM)	172.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4752	D-69250	FLUSH TRIM BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 1/	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM)	180.900		8%
4753	D-69266	FLUSH TRIM BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 1/	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM)	177.444		8%
4754	D-69272	FLUSH TRIM BIT 2 FLUTE1/4" (6.35MM) 3/	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/4" (6.35MM)	180.900	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4755	D-69288	FLUSH TRIM BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 1/	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM)	237.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4756	D-69294	FLUSH TRIM BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 1/	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM)	311.850	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4757	D-69303	FLUSH TRIM BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 1/	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM)	469.800		8%
4758	D-69319	FLUSH TRIM BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 3/	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM)	317.250		8%
4759	D-69325	FLUSH TRIM BIT 2 FLUTE1/2" (12.7MM) 3/	MŨI PHAY THẲNG 2 CẠNH 1/2" (12.7MM)	415.800		8%
4760	D-69331	FLUSH TRIM BIT 3 FLUTE1/4" (6.35MM) 1/	MŨI PHAY THẲNG 3 CẠNH 1/4" (6.35MM)	261.900	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4761	D-69347	FLUSH TRIM BIT 3 FLUTE1/2" (12.7MM) 1/	MŨI PHAY THẲNG 3 CẠNH 1/2" (12.7MM)	328.050		8%
4762	D-69353	TOP BEARING STRAIGHT1/4" (6.35MM) 1/2	MŨI PHAY RÀNH TRÊN 1/4" (6.35MM) 1/2"	290.250		8%
4763	D-69369	TOP BEARING STRAIGHT1/4" (6.35MM) 1/2	MŨI PHAY RÀNH TRÊN 1/4" (6.35MM) 1/2"	355.050		8%
4764	D-69375	PANEL PILOT BIT1/4" (6.35MM) 1/4"X2-9/16	MŨI PHAY BÀN 1/4" (6.35MM) 1/4"X2-9/16	133.650	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4765	D-69381	PANEL PILOT BIT1/2" (12.7MM) 3/8"X3"	MŨI PHAY BÀN 1/2" (12.7MM) 3/8"X3"	180.900		8%
4766	D-69397	ROUND NOSE BIT1/4" (6.35MM) 1/2"X2"	MŨI PHAY LỖI TRÒN 1/4" (6.35MM) 1/2"X2"	224.100		8%
4767	D-69406	ROUND NOSE BIT1/4" (6.35MM) 1/4"X1-3/4	MŨI PHAY LỖI TRÒN 1/4" (6.35MM) 1/4"X1-	130.950		8%
4768	D-69412	ROUND NOSE BIT1/4" (6.35MM) 3/8"X1-3/4	MŨI PHAY LỖI TRÒN 1/4" (6.35MM) 3/8"X1-	148.500		8%
4769	D-69428	ROUND NOSE BIT1/2" (12.7MM) 3/8"X2-1/4	MŨI PHAY LỖI TRÒN 1/2" (12.7MM) 3/8"X2-	162.000		8%
4770	D-69434	ROUND NOSE BIT1/2" (12.7MM) 1/2"X2-3/8	MŨI PHAY LỖI TRÒN 1/2" (12.7MM) 1/2"X2-	251.100		8%
4771	D-69440	ROUND NOSE BIT1/2" (12.7MM) 3/4"X2-5/8	MŨI PHAY LỖI TRÒN 1/2" (12.7MM) 3/4"X2-	475.200		8%
4772	D-69456	V GROOVE BIT1/4" (6.35MM) 1/2"X1-7/8"	MŨI PHAY LỖI CHỮ V 1/4" (6.35MM) 1/2"	162.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4773	D-69462	V GROOVE BIT1/4" (6.35MM) 3/4"X1-7/8"	MŨI PHAY LỖI CHỮ V 1/4" (6.35MM) 3/4"	191.700		8%
4774	D-69478	V GROOVE BIT1/4" (6.35MM) 1/2"X1-3/4"	MŨI PHAY LỖI CHỮ V 1/4" (6.35MM) 1/2"	153.900		8%
4775	D-69484	V GROOVE BIT1/4" (6.35MM) 5/8"X1-3/4"	MŨI PHAY LỖI CHỮ V 1/4" (6.35MM) 5/8"	167.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4776	D-69490	V GROOVE BIT1/2" (12.7MM) 1/2"X2-1/8"	MŨI PHAY LỖI CHỮ V 1/2" (12.7MM) 1/2"	159.300	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4777	D-69509	V GROOVE BIT1/2" (12.7MM) 5/8"X2"	MŨI PHAY LỖI CHỮ V 1/2" (12.7MM) 5/8"	172.800		8%
4778	D-69515	V GROOVE BIT1/2" (12.7MM) 7/8"X2-1/4"	MŨI PHAY LỖI CHỮ V 1/2" (12.7MM) 7/8"	311.850		8%
4779	D-69521	V GROOVE BIT1/2" (12.7MM) 3/4"X2-1/4"	MŨI PHAY LỖI CHỮ V 1/2" (12.7MM) 3/4"	295.650		8%
4780	D-69537	V GROOVE BIT1/2" (12.7MM) 1-1/8"X2-3/8"	MŨI PHAY LỖI CHỮ V 1/2" (12.7MM) 1-1/8	421.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4781	D-69543	CORE BOX BIT1/4" (6.35MM) 1/4"X1-1/2"	MŨI PHAY LỖI TRÒN 1/4" (6.35MM) 1/4"X1-	133.164		8%
4782	D-69559	CORE BOX BIT1/4" (6.35MM) 5/16"X1-3/76"	MŨI PHAY LỖI TRÒN 1/4" (6.35MM) 5/16"X1-	141.696		8%
4783	D-69565	CORE BOX BIT1/4" (6.35MM) 3/8"X1-5/8"	MŨI PHAY LỖI TRÒN 1/4" (6.35MM) 3/8"X1-	151.740		8%
4784	D-69571	CORE BOX BIT1/4" (6.35MM) 1/2"X1-5/8"	MŨI PHAY LỖI TRÒN 1/4" (6.35MM) 1/2"X1-	157.464		8%
4785	D-69587	CORE BOX BIT1/4" (6.35MM) 5/8"X1-3/4"	MŨI PHAY LỖI TRÒN 1/4" (6.35MM) 5/8"X1-	203.256		8%
4786	D-69593	CORE BOX BIT1/2" (12.7MM) 3/4"X2"	MŨI PHAY LỖI TRÒN 1/2" (12.7MM) 3/4"X2-	246.240		8%
4787	D-69602	CORE BOX BIT1/2" (12.7MM) 1"X2-1/4"	MŨI PHAY LỖI TRÒN 1/2" (12.7MM) 1"X2-	382.320		8%
4788	D-69618	CORE BOX BIT1/2" (12.7MM) 1-1/4"X2-3/8"	MŨI PHAY LỖI TRÒN 1/2" (12.7MM) 1-1/4"	613.980		8%
4789	D-69624	DOVETAIL BIT1/4" (6.35MM) 1/4"X2-1/2"	MŨI PHAY LỖI ĐUÔI ÈN 1/4" (6.35MM) 1/4"	151.740		8%
4790	D-69630	DOVETAIL BIT1/4" (6.35MM) 3/8"X1-9/16"	MŨI PHAY LỖI ĐUÔI ÈN 1/4" (6.35MM) 3/8"	157.464		8%
4791	D-69646	DOVETAIL BIT1/4" (6.35MM) 1/2"X1-3/4"	MŨI PHAY LỖI ĐUÔI ÈN 1/4" (6.35MM) 1/2"	163.188		8%
4792	D-69652	DOVETAIL BIT1/2" (12.7MM) 3/8"X2-1/8"	MŨI PHAY LỖI ĐUÔI ÈN 1/2" (12.7MM) 3/8"	163.188		8%
4793	D-69668	BALL GROOVE BIT1/4" (6.35MM) 1/2"X1-3	MŨI PHAY LỖI TRÒN 1/4" (6.35MM) 1/2"X1-	172.800		8%
4794	D-69674	PLUNGE CUT ROUNDOVER BIT1/4" (6.35M	MŨI PHAY RÀNH 1/4" (6.35MM) 3/4"X1-3/4	237.600		8%
4795	D-69680	PLUNGE CUT ROUNDOVER BIT1/4" (6.35M	MŨI PHAY RÀNH 1/4" (6.35MM) 1"X1-7/8"	290.250		8%
4796	D-69696	OGEET BIT1/4" (6.35MM) 3/4"X1-11/16"	MŨI PHAY RÀNH CONG 1/4" (6.35MM) 3/4"	240.300	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4797	D-69705	CLASSIC PANEL BIT1/4" (6.35MM) 1/2"X1-	MŨI PHAY RÀNH 1/4" (6.35MM) 1/2"X1-21	162.000		8%
4798	D-69711	CLASSIC PANEL BIT1/2" (12.7MM) 1"X2-1/	MŨI PHAY RÀNH 1/2" (12.7MM) 1"X2-1/8"	322.650		8%
4799	D-69727	CLASSICAL PLUNGE BIT1/4" (6.35MM) 3/4	MŨI PHAY RÀNH 1/4" (6.35MM) 3/4"-1-11/	240.300		8%
4800	D-69733	OVOLO BIT1/4" (6.35MM) 1/4"X1-11/16"	MŨI PHAY CẠNH CONG 1/4" (6.35MM) 1/4"	162.000		8%
4801	D-69749	"ROUNDROVER BIT- WITH BEARING -1/4"	MŨI PHAY TRÒN GÓC Ồ BI 1/4" (6.35MM)	213.300		8%
4802	D-69755	"ROUNDROVER BIT- WITH BEARING -1/4"	MŨI PHAY TRÒN GÓC Ồ BI 1/4" (6.35MM)	267.300		8%
4803	D-69761	"ROUNDROVER BIT- WITH BEARING -1/4"	MŨI PHAY TRÒN GÓC Ồ BI 1/4" (6.35MM)	295.650		8%
4804	D-69777	"ROUNDROVER BIT- WITH BEARING -1/4"	MŨI PHAY TRÒN GÓC Ồ BI 1/4" (6.35MM)	317.250		8%
4805	D-69783	"ROUNDROVER BIT- WITH BEARING -1/4"	MŨI PHAY TRÒN GÓC Ồ BI 1/4" (6.35MM)	376.650		8%
4806	D-69799	"ROUNDROVER BIT- WITH BEARING -1/4"	MŨI PHAY TRÒN GÓC Ồ BI 1/4" (6.35MM)	480.816		8%
4807	D-69808	"ROUNDROVER BIT- WITH BEARING -1/2"	MŨI PHAY TRÒN GÓC Ồ BI 1/2" (12.7MM)	480.600		8%
4808	D-69814	"ROUNDROVER BIT- WITH BEARING -1/2"	MŨI PHAY TRÒN GÓC Ồ BI 1/2" (12.7MM)	758.484		8%
4809	D-69820	"BEADING BIT- WITH BEARING -1/4"	MŨI PHAY TRÒN GÓC Ồ BI 1/4" (6.35MM)	213.300	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4810	D-69836	"BEADING BIT- WITH BEARING -1/4"	MŨI PHAY TRÒN GÓC Ồ BI 1/4" (6.35MM)	283.392		8%
4811	D-69842	"BEADING BIT- WITH BEARING -1/4"	MŨI PHAY TRÒN GÓC Ồ BI 1/4" (6.35MM)	313.416		8%
4812	D-69858	"BEADING BIT- WITH BEARING -1/4"	MŨI PHAY TRÒN GÓC Ồ BI 1/4" (6.35MM)	399.600		8%
4813	D-69864	"BEADING BIT- WITH BEARING -1/4"	MŨI PHAY TRÒN GÓC Ồ BI 1/4" (6.35MM)	480.816		8%
4814	D-69870	DOUBLE ROUNDOVER BIT1/4" (6.35MM) 1	MŨI PHAY TRÒN 2 GÓC Ồ BI 1/4" (6.35MM)	303.750		8%
4815	D-69886	"COVE BIT - WITH BEARING -1/4"	MŨI PHAY CẠNH CONG 1/4" (6.35MM) 5/8"	283.392		8%
4816	D-69892	"COVE BIT - WITH BEARING -1/4"	MŨI PHAY CẠNH CONG 1/4" (6.35MM) 3/4"	232.200		8%
4817	D-69901	"COVE BIT - WITH BEARING -1/4"	MŨI PHAY CẠNH CONG 1/4" (6.35MM) 7/8"	263.520		8%
4818	D-69917	"COVE BIT - WITH BEARING -1/4"	MŨI PHAY CẠNH CONG 1/4" (6.35MM) 1-1-	322.650	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4819	D-69923	"COVE BIT - WITH BEARING -1/4"	MŨI PHAY CẠNH CONG 1/4" (6.35MM) 1-1-	392.850		8%
4820	D-69939	"COVE BIT - WITH BEARING -1/4"	MŨI PHAY CẠNH CONG 1/4" (6.35MM) 1-1-	475.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4821	D-69945	"CHAMFER BIT - WITH BEARING -1/4"	MŨI PHAY VẬT CẠNH 1/4" (6.35MM) 1"X2	307.800		8%
4822	D-69951	"CHAMFER BIT - WITH BEARING -1/4"	MŨI PHAY VẬT CẠNH XIÊN Ồ BI 1/4" (6.35	254.880		8%
4823	D-69967	"CHAMFER BIT - WITH BEARING -1/4"	MŨI PHAY VẬT CẠNH XIÊN Ồ BI 1/4" (6.35	359.208		8%
4824	D-69973	"CHAMFER BIT - WITH BEARING -1/4"	MŨI PHAY VẬT CẠNH XIÊN Ồ BI 1/4" (6.35	382.320		8%
4825	D-69989	"CHAMFER BIT - WITH BEARING -1/4"	MŨI PHAY VẬT CẠNH XIÊN Ồ BI 1/4" (6.35	567.000		8%
4826	D-69995	RABBETING BIT - WITH BEARING 1/4" (6.3	MŨI GHÉP Ồ BI 1/4" (6.35MM) 1-1/4"X2-1/8	355.050		8%
4827	D-70007	RABBETING BIT - WITH BEARING 1/2" (12.7	MŨI GHÉP Ồ BI 1/2" (12.7MM) 1-1/4"X2-3/1	360.450		8%
4828	D-70013	ROMAN OGEE BIT - WITH BEARING 1/4" (6	MŨI PHAY CẠNH HÌNH CHỮ S 1/4" (6.35M	290.250	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4829	D-70029	ROMAN OGEE BIT - WITH BEARING 1/4" (6	MŨI PHAY CẠNH HÌNH CHỮ S 1/4" (6.35M	469.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4830	D-70035	OGEE BIT - WITH BEARING 1/4" (6.35MM)	MŨI PHAY CẠNH HÌNH CHỮ S 1/4" (6.35M	496.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4831	D-70041	MULTI EDGE BEADING BIT1/2" (12.7MM)	MŨI PHAY CẠNH CHỮ S 1/2" (12.7MM) 2-1	1.189.350		8%
4832	D-70057	REVERSIBLE RAIL & STILE BIT1/2" (12.7M	MŨI PHAY GHÉP MỘNG 1/2" (12.7MM) 1-5	993.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4833	D-70063	KEYHOLE BIT1/4" (6.35MM) 3/8"X1-7/8"	MŨI PHAY LỖ KHÓA 1/4" (6.35MM) 3/8"X1	130.950		8%
4834	D-70079	"REVERSIBLE GLUE JOINT BIT- STRAIGHT	MŨI PHAY GHÉP MỘNG 1/2" (12.7MM) 1-5	704.700		8%
4835	D-70085	TONGUE & GROOVE ASSEMBLY1/2" (12.7	MŨI PHAY GHÉP MỘNG 1/2" (12.7MM) 1-3	821.880		8%
4836	D-70091	"SLOTING CUTTER - 3 WING SLOT CUTT	MŨI PHAY RÀNH 3 CẠNH CẮT 1/4" (6.35M	382.050		8%
4837	D-70100	"SLOTING CUTTER - 3 WING SLOT CUTT	MŨI PHAY RÀNH 3 CẠNH CẮT 1/4" (6.35M	382.050	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4838	D-70116	"SLOTING CUTTER - 3 WING SLOT CUTT	MŨI PHAY RÀNH 3 CẠNH CẮT 1/4" (6.35M	382.050	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4839	D-70122	"SLOTING CUTTER - 3 WING SLOT CUTT	MŨI PHAY RÀNH 3 CẠNH CẮT 1/4" (6.35M	371.250	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4840	D-70138	"SLOTING CUTTER - 3 WING SLOT CUTT	MŨI PHAY RÀNH 3 CẠNH CẮT 1/4" (6.35M	371.250	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4841	D-70144	"SLOTING CUTTER - 3 WING SLOT CUTT	MŨI PHAY RÀNH 3 CẠNH CẮT 1/4" (6.35M	392.850	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
4842	D-70150	CLASSICAL BIT1/2" (12.7MM) 1-3/8"X2-9/1	MŨI PHAY CẠNH 1/2" (12.7MM) 1-3/8"X2-9	469.368		8%
4843	D-70786	SPONGE PAD (LOW REPULSION) 190MM(C	TÀM BƠT BIẾN 190MM (MAU VÀNG)	453.600		8%
4844	D-70792	SPONGE PAD (LOW REPULSION) 190MM(C	TÀM BƠT BIẾN 190MM (MAU TRẮNG)	453.600		8%
4845	D-70801	SPONGE PAD 190MM(SOFT/BLACK)	TÀM ĐỂ BƠT BIẾN 190MM(NGÃN/ MÀU Đ	313.416		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
4846	D-70823	MINI PLANER BLADE TC 82MM	LƯỖI BẢO MINI 82MM	214.704		8%
4847	D-70867	WOOL BONNET 125MM	ĐỆM LÔNG CỬU 125MM	231.876		8%
4848	D-70873	WOOL BONNET DOUBLE SIDE 230MM	ĐỆM LÔNG CỬU 230MM (MÀU TRẮNG)	497.988		8%
4849	D-70889	WOOL BONNET DOUBLE SIDE 230MM	ĐỆM LÔNG CỬU 230MM (MÀU VÀNG)	497.988		8%
4850	D-70910	PLANER BLADE 155MM/1805N	LƯỖI BẢO 155MM/1805N	416.448		8%
4851	D-70926	T.C.T.SAW BLADE 125X24T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 125X24T	144.612		8%
4852	D-70948	ROUND FILE & GUIDE SET 4MM	CÂY GIỮA HẦU XÍCH 4MM	289.116		8%
4853	D-70954	ROUND FILE & GUIDE SET 4.5MM	CÂY GIỮA HẦU XÍCH 4.5MM	289.116		8%
4854	D-70960	ROUND FILE & GUIDE SET 4.8MM	CÂY GIỮA HẦU XÍCH 4.8MM	249.048		8%
4855	D-70976	ROUND FILE & GUIDE SET 5.2MM	CÂY GIỮA HẦU XÍCH 5.2MM	271.944		8%
4856	D-70982	ROUND FILE & GUIDE SET 5.5MM	CÂY GIỮA HẦU XÍCH 5.5MM	249.048		8%
4857	D-70998	FLAT FILE & DEPTH GAUGE TOOLS SET	CÂY GIỮA DÂY XÍCH VÀ THUỐC CANH	203.256		8%
4858	D-71009	DIAMOND WHEEL FOR CONCRETE 105X2	LƯỖI CÁT KIM CƯƠNG 105X20X9	56.700		8%
4859	D-71021	DIAMOND WHEEL FOR CONCRETE 125X2	LƯỖI CÁT KIM CƯƠNG 125X22.23X9	91.800		8%
4860	D-71093	TCT HINGE CUTTING BIT 15X77MM	MŨI KHOẾT GỖ 15X77MM	39.150		8%
4861	D-71102	TCT HINGE CUTTING BIT 19X77MM	MŨI KHOẾT GỖ 19X77MM	50.112		8%
4862	D-71118	TCT HINGE CUTTING BIT 20X77MM	MŨI KHOẾT GỖ 20X77MM	55.836		8%
4863	D-71124	TCT HINGE CUTTING BIT 25X77MM	MŨI KHOẾT GỖ 25X77MM	61.560		8%
4864	D-71130	TCT HINGE CUTTING BIT 26X77MM	MŨI KHOẾT GỖ 26X77MM	64.800		8%
4865	D-71146	TCT HINGE CUTTING BIT 30X77MM	MŨI KHOẾT GỖ 30X77MM	75.600		8%
4866	D-71152	TCT HINGE CUTTING BIT 32X77MM	MŨI KHOẾT GỖ 32X77MM	75.600		8%
4867	D-71168	TCT HINGE CUTTING BIT 35X77MM	MŨI KHOẾT GỖ 35X77MM	87.372		8%
4868	D-71211	HSS PLANER BLADE 110MM/1911B	LƯỖI BẢO 110MM/1911B	336.312		8%
4869	D-71227	HSS PLANER BLADE 136MM/1804N	LƯỖI BẢO 136MM/1804N	413.640		8%
4870	D-71249	BULL POINT FOR SDS-PLUS HAMMERS 23	MŨI ĐỤC NHON SDS-PLUS 230MM	74.412		8%
4871	D-71255	COLD CHISEL FOR SDS-PLUS HAMMERS 2	MŨI ĐỤC DẸP SDS-PLUS 20X160MM	41.580		8%
4872	D-71261	COLD CHISEL FOR SDS-PLUS HAMMERS 2	MŨI ĐỤC DẸP SDS-PLUS 20X230MM	78.732		8%
4873	D-71277	SCALING CHISEL FOR SDS-PLUS HAMMER	MŨI ĐỤC DẸP SDS-PLUS 40X230MM	104.544		8%
4874	D-71283	BULL POINT FOR 17MM HEX SHANK HAM	MŨI ĐỤC NHON 17MM 255MM	81.000		8%
4875	D-71299	COLD CHISEL FOR 17MM HEX SHANK HA	MŨI ĐỤC DẸP 17MM 22X255MM	93.096		8%
4876	D-71308	SCALING CHISEL FOR 17MM HEX SHANK	MŨI ĐỤC DẸP 17MM 40X255MM	128.844		8%
4877	D-71364	T.C.T. SAW BLADE FOR METAL 305X25.4X	LƯỖI CỬA T.C.T DÙNG CHO KIM LOẠI 30	1.995.840		8%
4878	D-71788	MASONRY DRILL BIT 5PCS SET 3X60MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KEP 5PCS/B	109.350		8%
4879	D-71794	MASONRY DRILL BIT 5PCS SET 4X70MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KEP 5PCS/B	109.350		8%
4880	D-71819	MASONRY DRILL BIT 5PCS SET 6X100MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KEP 5PCS/B	109.350		8%
4881	D-71825	MASONRY DRILL BIT 5PCS SET 6X150MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KEP 5PCS/B	109.350	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4882	D-71831	MASONRY DRILL BIT 5PCS SET 6.5X100M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KEP 5PCS/B	109.350	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4883	D-71847	MASONRY DRILL BIT ASSY 5PCS/SET 8X1	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KEP 5 CẢI H	120.150		8%
4884	D-71853	MASONRY DRILL BIT 5PCS SET 8X150MM	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KEP 5PCS/B	125.550	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4885	D-71869	MASONRY DRILL BIT 5PCS SET 10X150M	MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUỐI KEP 5PCS/B	153.900	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4886	D-71978	DRILL BITS ASSORTMENT 9PCS/SET	BỘ MŨI KHOAN TƯỜNG/GỖ/KIM LOẠI 9 C	259.200		8%
4887	D-72104	P.C.D. SAW BLADE 165X20X4T	LƯỖI CỬA XI MĂNG SỢI 165X20X4T	792.828		8%
4888	D-72154	TEXTILE SHARPENING SET 4MM	BỘ Dũa HẦU XÍCH 4MM	775.656		8%
4889	D-72160	TEXTILE SHARPENING SET 4.5MM	BỘ Dũa HẦU XÍCH 4.5MM	775.656		8%
4890	D-72176	TEXTILE SHARPENING SET 4.8MM	BỘ Dũa HẦU XÍCH 4.8MM	604.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 50% và số lượng có hạn.	8%
4891	D-72182	TEXTILE SHARPENING SET 5.2MM	BỘ Dũa HẦU XÍCH 5.2MM	669.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4892	D-72198	TEXTILE SHARPENING SET 5.5MM	BỘ Dũa HẦU XÍCH 5.5MM	669.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
4893	D-72207	TC PLANER BLADE 82MM	LƯỖI BẢO 82MM	277.668		8%
4894	D-72241	GRINDING WHEEL/METAL 100X6.0X16MM	ĐÁ MÀI KIM LOẠI 100X6.0X16MM	20.088		8%
4895	D-72279	T.C.T. SAW BLADE FOR MDF WITH LAMIN	LƯỖI CỬA GỖ VÁN ÉP 255X25.4X100T	914.760		8%
4896	D-72366	T.C.T. SAW BLADE FOR WOOD 305X25.4X	LƯỖI CỬA GỖ 305X25.4X60T	801.900		8%
4897	D-72372	T.C.T. SAW BLADE FOR WOOD 305X25.4X	LƯỖI CỬA GỖ 305X25.4X80T	889.650		8%
4898	D-72388	T.C.T. SAW BLADE FOR WOOD 305X25.4X	LƯỖI CỬA GỖ 305X25.4X100T	993.600		8%
4899	D-72718	ECONOMY TYPE JIG SAW BLADE FOR WO	BỘ LƯỖI CỬA LONG LOẠI KINH TẾ CHO C	98.550		8%
4900	D-72877	T.C.T. DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK	MŨI KHOAN T.C.T CHUỐI THẮNG(5 CẢI/B	118.800		8%
4901	D-72914	GROUT RAKES FOR TILE	ĐẠO CAO RƠN GẠCH	140.400		8%
4902	D-73047	TCT SAW BLADE FOR ALUMINUM 185X20	LƯỖI CỬA HỘP KIM DÙNG CHO NHÔM 18	437.400		8%
4903	D-73069	TCT SAW BLADE FOR ALUMINUM 235X25	LƯỖI CỬA HỘP KIM DÙNG CHO NHÔM 23	649.350		8%
4904	D-73081	TCT SAW BLADE FOR ALUMINUM 305X25	LƯỖI CỬA HỘP KIM DÙNG CHO NHÔM 30	988.200		8%
4905	D-73209	DRILL & DRIVE BIT 2.4MM	PHỤ KIỆN KHOAN MỎI VÀ MŨI VẠN VÍT	226.152		8%
4906	D-73215	DRILL & DRIVE BIT 2.8MM	PHỤ KIỆN KHOAN MỎI VÀ MŨI VẠN VÍT	226.152		8%
4907	D-73221	DRILL & DRIVE BIT 3.2MM	PHỤ KIỆN KHOAN MỎI VÀ MŨI VẠN VÍT	226.152		8%
4908	D-73237	COUNTERSINK WITH DRILL BIT 2.4MM	PHỤ KIỆN KHOAN MỎI 2.4MM	64.476		8%
4909	D-73243	COUNTERSINK WITH DRILL BIT 2.8MM	PHỤ KIỆN KHOAN MỎI 2.8MM	64.476		8%
4910	D-73259	COUNTERSINK WITH DRILL BIT 3.2MM	PHỤ KIỆN KHOAN MỎI 3.2MM	70.200		8%
4911	D-73324	8-TOOTH CUTTER BLADE 230MMX25.4MM	LƯỖI CÁT CỎ 8 RĂNG 230MMX25.4MMX1	432.000		8%
4912	D-73330	WIRE CUP BRUSHES (KNOTTED) 80 (STAIN	CHƠI KIM LOẠI DẠNG XOÀN 80MM (I-NÔ	376.380		8%
4913	D-73346	WIRE CUP BRUSHES (CRIMPED) 75 (STAIN	CHƠI KIM LOẠI DẠNG XOÀN 75MM (I-NÔ	274.752		8%
4914	D-73352	WIRE WHEEL BRUSHES (FULL KNOTTED)	CHƠI XOÀN TRƠN (SỢI DÂY) 115MM (I-NÔ	409.050		8%
4915	D-73368	WIRE WHEEL BRUSHES(STRINGER KNOT)	CHƠI XOÀN TRƠN (SỢI NHỎ) 115MM (I-NÔ	480.600		8%
4916	D-73374	WIRE CUP BRUSHES (KNOTTED) 80 (STEEL	CHƠI KIM LOẠI DẠNG XOÀN 80MM (THÉP	191.700		8%
4917	D-73380	WIRE CUP BRUSHES (KNOTTED) 80 (STAIN	CHƠI KIM LOẠI DẠNG XOÀN 80MM (I-NÔ	191.700		8%
4918	D-73396	WIRE CUP BRUSHES (CRIMPED) 75 (STEEL	CHƠI KIM LOẠI DẠNG XOÀN 75MM (THÉP	180.360		8%
4919	D-73405	WIRE WHEEL BRUSHES(FULL KNOTTED)	CHƠI XOÀN TRƠN (SỢI DÂY) 115MM (THÉP	207.900		8%
4920	D-73411	WIRE WHEEL BRUSHES (STRINGER KNOT	CHƠI XOÀN TRƠN (SỢI NHỎ) 115MM (THÉP	311.850		8%
4921	D-73427	WIRE WHEEL BRUSHES(CRIMPED) 115 (STE	CHƠI XOÀN TRƠN 115MM (THÉP)/ X-LOC	243.324		8%
4922	D-73433	WIRE CUP BRUSHES (CRIMPED) 75 (BRASS	CHƠI KIM LOẠI DẠNG XOÀN 75MM (MÀU	189.000		8%
4923	D-73449	WIRE BEVEL BRUSHES (CRIMPED) 100 (STE	CHƠI KIM LOẠI HÌNH NÓN 100MM (THÉP	174.636		8%
4924	D-73483	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 1	BỘ MŨI KHOAN TƯỜNG CHUỐI KEP 12 C	277.668		8%
4925	D-73570	WIRE WHEEL BRUSH 100X120MM(BRASS)	BÀNH XE ĐÁNH GI 100X120(DÂY ĐỒNG T	676.350		8%
4926	D-73586	NYLON WHEEL BRUSH 100X120MM(NYLON)	BÀNH XE CHÀ NHẢM 100X120(DÂY NYLON	873.450		8%
4927	D-73592	NYLON WHEEL BRUSH100X120MM(NYLON)	BÀNH XE CHÀ NHẢM 100X120(DÂY NYLON	873.450		8%
4928	D-73798	WIRE CUP BRUSH (KNOTTED)63MM(2-1/2	CHƠI SỢI KIM (LOẠI HÌNH CHÉN) 63MM(2	110.268		8%
4929	D-73807	WIRE CUP BRUSH (KNOTTED)75MM(3")	CHƠI SỢI KIM (LOẠI HÌNH CHÉN) 75MM(3	109.350		8%
4930	D-73813	WIRE WHEEL BRUSH (KNOTTED)75MM(3")	CHƠI SỢI KIM (LOẠI ĐÁNH MÉP) 75MM(3	104.544		8%
4931	D-73829	WIRE WHEEL BRUSH (KNOTTED)100MM(4	CHƠI SỢI KIM (LOẠI ĐÁNH MÉP) 100MM(4	110.268		8%
4932	D-73835	WIRE END BRUSH (KNOTTED)12MM(1/2")	CHƠI KIM (LOẠI HÌNH ĐUÔI) 12MM(1/2")	53.028		8%
4933	D-73841	WIRE END BRUSH (KNOTTED)19MM(3/4")	CHƠI KIM (LOẠI HÌNH ĐUÔI) 19MM(3/4")	66.150		8%
4934	D-73857	WIRE END BRUSH (KNOTTED)24MM(1")	CHƠI KIM (LOẠI HÌNH ĐUÔI) 24MM(1")	76.950		8%
4935	D-73863	WIRE END BRUSH (KNOTTED)28MM(1-1/8	CHƠI KIM (LOẠI HÌNH ĐUÔI) 28MM(1-1/8	98.820		8%
4936	D-73879	BRUSHCUTTER BLADE 230X80TX25.4MM	LƯỖI CÁT CỎ 230X80TX25.4MM	307.800		8%
4937	D-73885	BRUSHCUTTER BLADE 255X80TX25.4MM	LƯỖI CÁT CỎ 255X80TX25.4MM	365.040		8%
4938	D-73891	CORE CUTTERØ30MM	MŨI KHOẾT TƯỜNGØ30MM	163.188		8%
4939	D-73900	CORE CUTTERØ35MM	MŨI KHOẾT TƯỜNGØ35MM	174.636		8%
4940	D-73916	CORE CUTTERØ40MM	MŨI KHOẾT TƯỜNGØ40MM	186.084		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
4941	D-73922	CORE CUTTERΦ50MM	MŨI KHOÉT TƯỜNGΦ50MM	208.980		8%
4942	D-73938	CORE CUTTERΦ68MM	MŨI KHOÉT TƯỜNGΦ68MM	277.668		8%
4943	D-73944	CORE CUTTERΦ82MM	MŨI KHOÉT TƯỜNGΦ82MM	370.656		8%
4944	D-73950	CORE CUTTERΦ90MM	MŨI KHOÉT TƯỜNGΦ90MM	463.644		8%
4945	D-73966	CORE CUTTERΦ100MM	MŨI KHOÉT TƯỜNGΦ100MM	503.712		8%
4946	D-73972	PILOT DRILL FOR CORE CUTTER 8X110MM	MŨI ĐINH TÂM CHO MŨI KHOÉT TƯỜNG	41.580		8%
4947	D-73988	ADAPTER FOR CORE CUTTER 110MM	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI MŨI KHOÉT TƯỜNG S	93.096		8%
4948	D-73994	ADAPTER FOR CORE CUTTER 200MM	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI MŨI KHOÉT TƯỜNG 2	133.164		8%
4949	D-74005	ADAPTER FOR CORE CUTTER 350MM	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI MŨI KHOÉT TƯỜNG 35	180.360		8%
4950	D-74011	CORE CUTTER SETΦ68MM	BỘ MŨI KHOÉT TƯỜNG 68MM	422.280		8%
4951	D-74027	CORE CUTTER SETΦ82MM	BỘ MŨI KHOÉT TƯỜNG 82MM	520.884		8%
4952	D-74083	DIAMOND WHEEL FOR UNIVERSAL 105X	LƯỚI KIM CƯƠNG 105X12X20(16)	148.500		8%
4953	D-74108	DIAMOND WHEEL FOR UNIVERSAL 125X	LƯỚI KIM CƯƠNG 125X12X22.23(20)	186.300		8%
4954	D-74114	DIAMOND WHEEL FOR UNIVERSAL 180X	LƯỚI KIM CƯƠNG 180X12X25.4(22.23)	392.850		8%
4955	D-74120	DIAMOND WHEEL FOR UNIVERSAL 230X	LƯỚI KIM CƯƠNG 230X12X22.23	513.000		8%
4956	D-74304	SELF FEEDING BIT 25MMX127MM	MŨI KHOÉT GỖ 25MMX127MM	237.600		8%
4957	D-74310	SELF FEEDING BIT 28MMX127MM	MŨI KHOÉT GỖ 28MMX127MM	296.244		8%
4958	D-74326	SELF FEEDING BIT 32MMX127MM	MŨI KHOÉT GỖ 32MMX127MM	319.140		8%
4959	D-74332	SELF FEEDING BIT 35MMX127MM	MŨI KHOÉT GỖ 35MMX127MM	336.312		8%
4960	D-74348	SELF FEEDING BIT 38MMX127MM	MŨI KHOÉT GỖ 38MMX127MM	370.656		8%
4961	D-74354	SELF FEEDING BIT 45MMX127MM	MŨI KHOÉT GỖ 45MMX127MM	440.748		8%
4962	D-74360	SELF FEEDING BIT 51MMX127MM	MŨI KHOÉT GỖ 51MMX127MM	486.540		8%
4963	D-74376	SELF FEEDING BIT 54MMX127MM	MŨI KHOÉT GỖ 54MMX127MM	538.056		8%
4964	D-74382	SELF FEEDING BIT 57MMX127MM	MŨI KHOÉT GỖ 57MMX127MM	648.324		8%
4965	D-74398	SELF FEEDING BIT 65MMX127MM	MŨI KHOÉT GỖ 65MMX127MM	717.120		8%
4966	D-74407	SELF FEEDING BIT 76MMX127MM	MŨI KHOÉT GỖ 76MMX127MM	1.134.000		8%
4967	D-74413	SELF FEEDING BIT 92MMX127MM	MŨI KHOÉT GỖ 92MMX127MM	1.272.240		8%
4968	D-74429	SELF FEEDING BIT 117MMX127MM	MŨI KHOÉT GỖ 117MMX127MM	1.620.000		8%
4969	D-74435	SCREW POINT FOR SELF FEEDING BITS FC	ĐẦU ĐINH TÂM DÙNG CHO MŨI KHOÉT C	30.132		8%
4970	D-74441	SCREW POINT FOR SELF FEEDING BITS FC	ĐẦU ĐINH TÂM DÙNG CHO MŨI KHOÉT C	30.132		8%
4971	D-74457	EXTENSION BAR FOR SELF FEEDING BITS	THANH NỐI DÀI DÙNG CHO MŨI KHOÉT C	259.490		10%
4972	D-74463	EXTENSION BAR FOR SELF FEEDING BITS	THANH NỐI DÀI DÙNG CHO MŨI KHOÉT C	307.560		10%
4973	D-74479	EXTENSION BAR FOR SELF FEEDING BITS	THANH NỐI DÀI DÙNG CHO MŨI KHOÉT C	371.690		10%
4974	D-74491	GRINDING WHEEL/METAL/A24P125X6.0X	ĐÁ MÀI KIM LOẠI A24P 125X6.0X22.23	35.856		8%
4975	D-74516	GRINDING WHEEL/METAL/A24P180X6.0X	ĐÁ MÀI KIM LOẠI A24P 180X6.0X22.23	50.112		8%
4976	D-74572	SPONGE PAD 190MM(SOFT/ORANGE)	TĂM ĐỆ BỌT BIẾN 190MM(NGÂN/MAU CA	313.416		8%
4977	D-74588	SPONGE PAD 190MM(SOFT/BLUE)	TĂM ĐỆ BỌT BIẾN 190MM(NGÂN/MAU X	313.416		8%
4978	D-74594	WOOL BONNET 180MM	ĐỆM LÔNG CỬU DẠNG CHỤP 180MM	347.760		8%
4979	D-74625	FELT 180MM	ĐỆ NỈ 180MM	277.668		8%
4980	D-74631	FELT 125MM	ĐỆ NỈ 125MM	168.912		8%
4981	D-74653	SPONGE PAD 125MM(YELLOW)	TĂM ĐỆ BỌT BIẾN 125MM(MÀU VÀNG)	243.324		8%
4982	D-74681	TCT HINGE CUTTING BIT 16X77MM	MŨI KHOÉT GỖ 16X77MM	47.304		8%
4983	D-74697	TCT HINGE CUTTING BIT 18X77MM	MŨI KHOÉT GỖ 18X77MM	47.250		8%
4984	D-74706	TCT HINGE CUTTING BIT 22X77MM	MŨI KHOÉT GỖ 22X77MM	61.560		8%
4985	D-74712	TCT HINGE CUTTING BIT 23X77MM	MŨI KHOÉT GỖ 23X77MM	66.150		8%
4986	D-74728	TCT DRILL BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS	BỘ MŨI KHOAN SDS-PLUS 4 CÁI (6.5.8.10.	151.200		8%
4987	D-74734	SNAP OFF KNIFE BLADWS 100X18X0.5MM	LƯỚI ĐAO RỌC GIẤY 100X18X5MM 10 CÁ	58.752		8%
4988	D-74815-5	CUT-OFF WHEEL STAINLESS THIN THICK	ĐÁ CẮT INOX 76X1.0X10MM WA60T(5 CÁ	93.096		8%
4989	D-74930	SCREW BIT 50MM H3 3PCS	MŨI VÍT LỤC GIÁC H3-50MM (3 CÁI/BỘ)	50.112		8%
4990	D-74946	SCREW BIT 50MM H4 3PCS	MŨI VÍT LỤC GIÁC H4-50MM (3 CÁI/BỘ)	50.112		8%
4991	D-74952	SCREW BIT 50MM H5 3PCS	MŨI VÍT LỤC GIÁC H5-50MM (3 CÁI/BỘ)	50.112		8%
4992	D-74968	SCREW BIT 50MM H6 3PCS	MŨI VÍT LỤC GIÁC H6-50MM (3 CÁI/BỘ)	50.112		8%
4993	D-74974	SCREW BIT 90MM H3 1PC	MŨI VÍT LỤC GIÁC H3-90MM (1 CÁI)	38.664		8%
4994	D-74980	SCREW BIT 90MM H4 1PC	MŨI VÍT LỤC GIÁC H4-90MM (1 CÁI)	38.664		8%
4995	D-74996	SCREW BIT 90MM H5 1PC	MŨI VÍT LỤC GIÁC H5-90MM (1 CÁI)	38.664		8%
4996	D-75007	SCREW BIT 90MM H6 1PC	MŨI VÍT LỤC GIÁC H6-90MM (1 CÁI)	38.664		8%
4997	D-75013	SCREW BIT 150MM H3 1PC	MŨI VÍT LỤC GIÁC H3-150MM (1 CÁI)	55.836		8%
4998	D-75029	SCREW BIT 150MM H4 1PC	MŨI VÍT LỤC GIÁC H4-150MM (1 CÁI)	55.836		8%
4999	D-75035	SCREW BIT 150MM H5 1PC	MŨI VÍT LỤC GIÁC H5-150MM (1 CÁI)	55.836		8%
5000	D-75041	SCREW BIT 150MM H6 1PC	MŨI VÍT LỤC GIÁC H6-150MM (1 CÁI)	55.836		8%
5001	D-75063	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT 5	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG DÙNG CHO MÁY	183.600		8%
5002	D-75085	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT 8	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG DÙNG CHO MÁY	189.000		8%
5003	D-75091	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT 10	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG DÙNG CHO MÁY	189.000		8%
5004	D-75100	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT 12	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG DÙNG CHO MÁY	194.400		8%
5005	D-75203	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT 5	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG DÙNG CHO MÁY	583.200		8%
5006	D-75415	EARTH AUGER DRILL BIT 30X600X200MM	MŨI KHOAN ĐẤT 30X600X200MM	410.724		8%
5007	D-75421	EARTH AUGER DRILL BIT 45X600X200MM	MŨI KHOAN ĐẤT 45X600X200MM	452.520		8%
5008	D-75437	EARTH AUGER DRILL BIT 70X600X200MM	MŨI KHOAN ĐẤT 70X600X200MM	503.712		8%
5009	D-75443	EARTH AUGER DRILL BIT 100X600X240MM	MŨI KHOAN ĐẤT 100X600X200MM	560.952		8%
5010	D-75459	EARTH AUGER DRILL BIT 130X600X280MM	MŨI KHOAN ĐẤT 130X600X200MM	631.152		8%
5011	D-75605	ANGLE PLATE	THƯỚC CANH GÓC	127.440		8%
5012	D-75611	ANGLE PLATE & FILE BIT 4.0MM 1/4" HEX	THƯỚC CANH GÓC VÀ DÙA XÍCH 1/4"CH	307.800		8%
5013	D-75627	ANGLE PLATE & FILE BIT 4.5MM 1/4"HEX	THƯỚC CANH GÓC VÀ DÙA XÍCH 1/4"CH	307.800		8%
5014	D-75758	METAL DRILL BIT HSS-G ASSORTMENT 6	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G 6PCS/S	318.600		8%
5015	D-75998	FLAP DISC Z36 125MM/X-LOCK	Đĩa NHẠM XẾP 125MM Z36/X-LOCK	144.612		8%
5016	D-76009	FLAP DISC Z40 125MM/X-LOCK	Đĩa NHẠM XẾP 125MM Z40/X-LOCK	133.164		8%
5017	D-76015	FLAP DISC Z60 125MM/X-LOCK	Đĩa NHẠM XẾP 125MM Z60/X-LOCK	127.440		8%
5018	D-76021	FLAP DISC Z80 125MM/X-LOCK	Đĩa NHẠM XẾP 125MM Z80/X-LOCK	127.440		8%
5019	D-76037	FLAP DISC Z120 125MM/X-LOCK	Đĩa NHẠM XẾP 125MM Z120/X-LOCK	127.440		8%
5020	D-77198	DIAMOND WHEEL FOR CERAMIC TITILE 1	LƯỚI CÁT KIM CƯƠNG CHO SỬ 105MM	110.268		8%
5021	D-77229	ABRASIVE PAPER ASSORTMENT SET 125M	BỘ Đĩa NHẠM TRƠN Đa Nặng 125MM-8	162.000		8%
5022	D-77241	METAL DRILL BIT HSS-G FLUTE COATED	BỘ MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-G PHÙ TIN	232.200		8%
5023	D-77263	DIAMOND WHEEL FOR TILE 76X10MM	LƯỚI CÁT KIM CƯƠNG DÙNG ĐỂ CẮT GÁ	138.888		8%
5024	D-77338	T.C.T. SAW BLADE FOR WOOD 260MMX25	LƯỚI CUA GỖ TCT 260MMX25.4X40T	453.708		8%
5025	D-77350	T.C.T SAW BLADE FOR WOOD 216MMX25	LƯỚI CUA GỖ TCT 216MMX25.4X40T	385.020		8%
5026	D-77372	VACUUM BRAZED DIAMOND PIN DRILL B	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG HÚT BỤI 6MM	191.808		8%
5027	D-77388	VACUUM BRAZED DIAMOND PIN DRILL B	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG HÚT BỤI 8MM	203.256		8%
5028	D-77394	VACUUM BRAZED DIAMOND PIN DRILL B	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG HÚT BỤI 10MM	214.704		8%
5029	D-77403	VACUUM BRAZED DIAMOND PIN DRILL B	MŨI KHOÉT KIM CƯƠNG HÚT BỤI 12MM	220.428		8%
5030	D-77425	CUP WIRE BRUSH CRIMPED 65MM X M10-	CHỖI SỢI KIM LOẠI HÌNH CHÉN 65MM X	163.188		8%
5031	D-77431	CUP WIRE BRUSH CRIMPED 65MM X M14-	CHỖI SỢI KIM LOẠI HÌNH CHÉN 65MM X	163.188		8%
5032	D-77447	CUP WIRE BRUSH CRIMPED 75MM X M10-	CHỖI SỢI KIM LOẠI HÌNH CHÉN 75MM X	203.256		8%
5033	D-77453	CUP WIRE BRUSH CRIMPED 75MM X M14-	CHỖI SỢI KIM LOẠI HÌNH CHÉN 75MM X	203.256		8%
5034	D-77469	CUP WIRE BRUSH KNOTTED 65MM X M10-	CHỖI SỢI KIM LOẠI HÌNH CHÉN 65MM X	260.496		8%
5035	D-77475	CUP WIRE BRUSH KNOTTED 65MM X M14-	CHỖI SỢI KIM LOẠI HÌNH CHÉN 65MM X	260.496		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
5036	D-77481	CUP WIRE BRUSH KNOTTED 75MM X M10	CHỖI SỢI KIM LOẠI HÌNH CHÉN 75MM X	289.116		8%
5037	D-77497	CUP WIRE BRUSH KNOTTED 75MM X M14	CHỖI SỢI KIM LOẠI HÌNH CHÉN 75MM X	289.116		8%
5038	D-77506	BEVEL WIRE BRUSH CRIMPED 100MMXM	CHỖI SỢI KIM LOẠI(DẠNG VẬT MỀP/DÂY	191.808		8%
5039	D-77512	WHEEL WIRE BRUSH CRIMPED 115MM X	CHỖI KIM LOẠI DẠNG XOÀN 115MM X M	260.496		8%
5040	D-77528	BEVEL WIRE BRUSH KNOTTED 100MMXM	CHỖI SỢI KIM LOẠI(DẠNG VẬT MỀP/DÂY	237.600		8%
5041	D-77534	WHEEL WIRE BRUSH KNOTTED 115MM X	CHỖI KIM LOẠI DẠNG XOÀN 115MM X M	313.416		8%
5042	D-77540	WHEEL WIRE BRUSH KNOTTED 125MM X	CHỖI KIM LOẠI DẠNG XOÀN 125MM X M	370.656		8%
5043	D-77556	CUP WIRE BRUSH CRIMPED 100MMXM10	CHỖI SỢI KIM LOẠI(HÌNH CHÉN/DÂY XO	186.084		8%
5044	D-77562	BEVEL WIRE BRUSH CRIMPED 115MM X	CHỖI ĐÁNH GI ẠNG VẬT MỀP 115MM X	237.600		8%
5045	D-77578	CUP WIRE BRUSH KNOTTED 100MMXM10	CHỖI SỢI KIM LOẠI(HÌNH CHÉN/DÂY TH	223.236		8%
5046	D-77584	BEVEL WIRE BRUSH KNOTTED 115MM X	CHỖI KIM LOẠI DẠNG XOÀN 115MM X M	313.416		8%
5047	D-77687	METAL DRILL BIT HSS-GS 2PCS1.0X34MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 2PCS1.0X3	27.216		8%
5048	D-77693	METAL DRILL BIT HSS-GS 2PCS1.5X40MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 2PCS1.5X4	32.940		8%
5049	D-77702	METAL DRILL BIT HSS-GS 2PCS2X49MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 2PCS2X49	35.856		8%
5050	D-77718	METAL DRILL BIT HSS-GS 2PCS2.5X57MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 2PCS2.5X5	38.664		8%
5051	D-77724	METAL DRILL BIT HSS-GS 2PCS3X61MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 2PCS3X61	38.664		8%
5052	D-77730	METAL DRILL BIT HSS-GS 2PCS3.2X65MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 2PCS3.2X6	50.112		8%
5053	D-77746	METAL DRILL BIT HSS-GS 2PCS3.3X65MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 2PCS3.3X6	50.112		8%
5054	D-77752	METAL DRILL BIT HSS-GS 2PCS3.5X70MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 2PCS3.5X7	50.112		8%
5055	D-77768	METAL DRILL BIT HSS-GS 2PCS4X75MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 2PCS4X75	55.836		8%
5056	D-77774	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC4.2X75MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC4.2X75	35.856		8%
5057	D-77780	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC4.5X80MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC4.5X80	35.856		8%
5058	D-77796	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PCS5X86MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PCS5X86M	41.580		8%
5059	D-77805	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC5.5X93MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC5.5X93	47.304		8%
5060	D-77811	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC6X93MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC6X93M	50.112		8%
5061	D-77827	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC6.5X101MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC6.5X10	61.560		8%
5062	D-77833	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC7X109MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC7X109	67.284		8%
5063	D-77849	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC7.5X109MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC7.5X10	75.924		8%
5064	D-77855	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC8X117MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC8X117	87.372		8%
5065	D-77861	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC8.5X117MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC8.5X11	90.180		8%
5066	D-77877	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC9X125MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC9X125	107.352		8%
5067	D-77883	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC9.5X125MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC9.5X12	115.992		8%
5068	D-77899	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC10X133MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC10X13	133.164		8%
5069	D-77908	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC10.5X133M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC10.5X1	144.612		8%
5070	D-77914	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC11X142MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC11X14	163.188		8%
5071	D-77920	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC11.5X142M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC11.5X1	168.912		8%
5072	D-77936	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC12X151MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC12X15	194.616		8%
5073	D-77942	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC12.5X151M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC12.5X1	200.340		8%
5074	D-77958	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC13X151MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC13X15	223.236		8%
5075	D-77964	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC14X160MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC14X16	387.828		8%
5076	D-77970	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC15X169MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC15X16	440.748		8%
5077	D-77986	METAL DRILL BIT HSS-GS 1PC16X178MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 1PC16X17	497.988		8%
5078	D-77992	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS1.0x34MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS1.0x	58.752		8%
5079	D-78003	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS1.5x40MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS1.5x	64.476		8%
5080	D-78019	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS2x49MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS2x49	70.200		8%
5081	D-78025	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS2.5x57MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS2.5x	87.372		8%
5082	D-78031	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS3x61MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS3x61	104.544		8%
5083	D-78047	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS3.2x65MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS3.2x	127.440		8%
5084	D-78053	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS3.3x70MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS3.3x	133.164		8%
5085	D-78069	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS4x75MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS4x75	157.464		8%
5086	D-78075	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS4.2x75MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS4.2x	180.360		8%
5087	D-78081	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS4.5x80MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS4.5x	186.084		8%
5088	D-78097	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS5x86MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS5x86	220.428		8%
5089	D-78106	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS5.5x93MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS5.5x	254.880		8%
5090	D-78112	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS6x93MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS6x9	296.244		8%
5091	D-78128	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS6.5x101M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS6.5x	347.760		8%
5092	D-78134	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS7x109MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS7x10	422.280		8%
5093	D-78140	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS7.5x109M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS7.5x	475.200		8%
5094	D-78156	METAL DRILL BIT HSS-GS 10PCS8x117MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 10PCS8x11	549.720		8%
5095	D-78162	METAL DRILL BIT HSS-GS 5PCS8.5x117MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 5PCS8.5x1	325.080		8%
5096	D-78178	METAL DRILL BIT HSS-GS 5PCS9x125MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 5PCS9x125	365.040		8%
5097	D-78184	METAL DRILL BIT HSS-GS 5PCS9.5x125MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 5PCS9.5x1	393.552		8%
5098	D-78190	METAL DRILL BIT HSS-GS 5PCS10x133MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 5PCS10x13	452.520		8%
5099	D-78209	METAL DRILL BIT HSS-GS 5PCS10.5x133M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 5PCS10.5x	497.988		8%
5100	D-78215	METAL DRILL BIT HSS-GS 5PCS11x142MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 5PCS11x14	555.228		8%
5101	D-78221	METAL DRILL BIT HSS-GS 5PCS11.5x142M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 5PCS11.5x	602.640		8%
5102	D-78237	METAL DRILL BIT HSS-GS 5PCS12x151MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 5PCS12x15	677.160		8%
5103	D-78243	METAL DRILL BIT HSS-GS 5PCS12.5x151M	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 5PCS12.5x	722.736		8%
5104	D-78259	METAL DRILL BIT HSS-GS 5PCS13x151MM	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 5PCS13x1	770.040		8%
5105	D-78271	DIAMOND WHEEL TILE CONTINUOUS RIN	LƯỚI CÁT KIM CƯƠNG MỀP LIÊN TỤC 10	110.268		8%
5106	D-78293	DIAMOND WHEEL TILE CONTINUOUS RIN	LƯỚI CÁT KIM CƯƠNG MỀP LIÊN TỤC 18	226.152		8%
5107	D-78302	DIAMOND WHEEL TILE CONTINUOUS RIN	LƯỚI CÁT KIM CƯƠNG MỀP LIÊN TỤC 23	296.244		8%
5108	D-78324	SCALING CHISEL FOR SDS-PLUS HAMME	MŨI ĐỤC ĐEP CHUỐI SDS-PLUS CHO GÁC	191.808		8%
5109	D-78330	SCALING CHISEL FOR SDS-MAX HAMME	MŨI ĐỤC ĐEP CHUỐI SDS-MAX CHO GÁC	301.968		8%
5110	D-78346	METAL DRILL BIT HSS-GS ASSORTMENT	MŨI KHOAN KIM LOẠI HSS-GS 6PCS/SET	237.600		8%
5111	D-78374	TUNGSTEN CARBIDE GRIT BLADE 76X10	LƯỚI CÁT KIM CƯƠNG ĐA NĂNG 76X10M	157.464		8%
5112	D-78564	WHEEL WIRE BRUSH CRIMPED 100MMXM	CHỖI SỢI KIM LOẠI(DẠNG ĐÁNH MỀP/D	271.944		8%
5113	D-78570	WHEEL WIRE BRUSH KNOTTED 100MMXM	CHỖI SỢI KIM LOẠI(DẠNG ĐÁNH MỀP/D	467.964		8%
5114	D-78617	NUTSETTER E-FORM(NZ) 8X50MM	ĐẦU TUYP VÁN VÍT CỎ NAM CHÂM 8X50	50.112		8%
5115	D-78623	NUTSETTER E-FORM(NZ) 10X50MM	ĐẦU TUYP VÁN VÍT CỎ NAM CHÂM 8X50	50.112		8%
5116	D-78639	NUTSETTER E-FORM(NZ) 12X50MM	ĐẦU TUYP VÁN VÍT CỎ NAM CHÂM 12X5	55.836		8%
5117	D-78645	NUTSETTER E-FORM(NZ) 13X50MM	ĐẦU TUYP VÁN VÍT CỎ NAM CHÂM 13X5	55.836		8%
5118	D-79099	TCT DRILL BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BỂ TỔNG TCT SDS-PLUS 6X1	35.640		8%
5119	D-79108	TCT DRILL BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BỂ TỔNG TCT SDS-PLUS 6X1	44.280		8%
5120	D-79142	TCT DRILL BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BỂ TỔNG TCT SDS-PLUS 8X1	44.280		8%
5121	D-79158	TCT DRILL BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BỂ TỔNG TCT SDS-PLUS 8X1	44.280		8%
5122	D-79186	TCT DRILL BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BỂ TỔNG TCT SDS-PLUS 10X	44.280		8%
5123	D-79192	TCT DRILL BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BỂ TỔNG TCT SDS-PLUS 10X	44.280		8%
5124	D-79239	TCT DRILL BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BỂ TỔNG TCT SDS-PLUS 12X	52.920		8%
5125	D-79295	TCT DRILL BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BỂ TỔNG TCT SDS-PLUS 14X	71.280		8%
5126	D-79348	TCT DRILL BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS	MŨI KHOAN BỂ TỔNG TCT SDS-PLUS 16X	88.560		8%
5127	D-79566	DIAMOND WHEEL FOR CONCRETE 105X2	LƯỚI CÁT KIM CƯƠNG CHO BỂ TỔNG 105	84.456		8%
5128	D-79865	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT 3	MŨI KHOẾT KIM CƯƠNG DỪNG CHO MÁY	469.368		8%
5129	D-79871	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT 3	MŨI KHOẾT KIM CƯƠNG DỪNG CHO MÁY	538.056		8%
5130	D-79887	VACUUM BRAZED DIAMOND CORE BIT 4	MŨI KHOẾT KIM CƯƠNG DỪNG CHO MÁY	584.280		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
5131	D-80298	RECIPRO SAW BLADE METAL 150MMX0.9	LƯỖI CỬA KIỂM DÀNH CHO KIM LOẠI 15	108.756		8%
5132	D-80307	RECIPRO SAW BLADE METAL 225MMX0.9	LƯỖI CỬA KIỂM DÀNH CHO KIM LOẠI 22	151.740		8%
5133	D-80313	RECIPRO SAW BLADE METAL 150MMX0.9	LƯỖI CỬA KIỂM DÀNH CHO KIM LOẠI 15	108.756		8%
5134	D-80329	RECIPRO SAW BLADE METAL 225MMX0.9	LƯỖI CỬA KIỂM DÀNH CHO KIM LOẠI 22	148.824		8%
5135	D-80335	RECIPRO SAW BLADE METAL 150MMX0.9	LƯỖI CỬA KIỂM DÀNH CHO KIM LOẠI 15	108.756		8%
5136	D-80341	RECIPRO SAW BLADE METAL 225MMX0.9	LƯỖI CỬA KIỂM DÀNH CHO KIM LOẠI 22	148.824		8%
5137	D-80628	OFFSET DIAMOND WHEEL TURBO TYPE(1	LƯỖI BẢO KIM CƯỜNG TURBO 100MMX2	515.160		8%
5138	D-80640	OFFSET DIAMOND WHEEL TURBO TYPE(1	LƯỖI BẢO BỀ TÔNG MÍN(125MMX22.23M	709.776		8%
5139	D-81228	TCT SAW BLADE 185MMX25.4MMX16T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 185MMX25.4MMX16	203.256		8%
5140	D-81262	TCT SAW BLADE 185MMX25.4MMX24T	LƯỖI CỬA Đĩa 185MMX25.4MMX24T	207.900		8%
5141	D-81284	TCT SAW BLADE 185MMX25.4MMX40T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 185MMX25.4MMX40	260.496		8%
5142	D-81496	TCT SAW BLADE 235MMX25.4MMX40T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 235MMX25.4MMX40	396.468		8%
5143	D-81505	TCT SAW BLADE FOR ALUMINUM 185X20	LƯỖI CỬA HỘP KIM DÙNG CHO NHÔM 18	274.752		8%
5144	D-81533	TCT SAW BLADE 235MMX25.4MMX60T	LƯỖI CỬA Đĩa 235MMX25.4MMX60T	464.400		8%
5145	D-81804	TCT SAW BLADE 260MMX30MMX100T	LƯỖI CỬA ĐA GÓC 260MMX30MMX100T	841.428		8%
5146	D-81848	TCT SAW BLADE 305X25.4X60T	LƯỖI CỬA HỘP KIM 305X25.4X60T	842.400		8%
5147	D-81963	TCT SAW BLADE FOR ALUMINUM 305X25	LƯỖI CỬA HỘP KIM 305X25.4X100T	1.146.150		8%
5148	D-81979	T.C.T. SAW BLADE 305MMX30MMX100T	LƯỖI CỬA ĐA NĂNG TCT 305MMX30MM	1.192.320		8%
5149	DA00000169	CUTTER/EM2500U	LƯỖI CẮT/EM2500U	302.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
5150	DA00000454	NYLON CORD SET/EM2500U	ĐAU CẮT CỎ DẠNG CƯỚC/EM2500U	394.200		8%
5151	DA00001274	BLADE/PLM4631N2	LƯỖI CẮT/PLM4631N2	442.800		8%
5152	DML805	CORDED AND CORDLESS LED WORKLIGHT	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DÙNG PIN (18V/14.4V	4.874.040		8%
5153	DML807	CORDLESS LED WORKLIGHT (18V, 14.4V)	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DÙNG PIN (18V, 14.4	2.909.520		8%
5154	DML808	LED FLASHLIGHT(14.4V-18V)	ĐÈN LED DÙNG PIN(14.4V-18V)	1.795.500		8%
5155	DML812	CORDLESS FLASHLIGHT(18V/14.4V)	ĐÈN DÙNG PIN(18V/14.4V)	4.857.840		8%
5156	DML813	CORDLESS WORKLIGHT(18V/14.4V)	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DÙNG PIN(18V/14.4V	10.724.400		8%
5157	DML814	CORDLESS WORKLIGHT(18V/14.4V)	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DÙNG PIN(18V/14.4V	11.539.800		8%
5158	DML815	CORDLESS FLASHLIGHT(14.4V/18V)	ĐÈN LED DÙNG PIN(14.4V/18V)	1.099.440		8%
5159	DML816X	CORDLESS FLASHLIGHT(18V/14.4V)	ĐÈN LED DÙNG PIN(18V/14.4V)	2.266.920		8%
5160	DML817	CORDLESS WORKLIGHT(18V)	ĐÈN LED DÙNG PIN(18V)	1.702.350		8%
5161	DML818	CORDLESS WORKLIGHT(18V/14.4V)	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DẠNG THANH DÙNG	12.141.360		8%
5162	DX17	DUST COLLECTION SYSTEM DX17/HR011	HỆ THỐNG HÚT BỤI DX17/HR011G	2.527.200		8%
5163	E-00393	GRINDING WHEEL FOR METAL(X-LOCK)/1	ĐÁ MÀI CHO KIM LOẠI(X-LOCK 125X6X2	70.200		8%
5164	E-00402	GRINDING WHEEL(X-LOCK/125X6X22.23/	ĐÁ MÀI CHO INOX(X-LOCK 125X6X22.23/	87.372		8%
5165	E-00418	CUTTING WHEEL(X-LOCK/125X1.2X22.23	ĐÁ CẮT(X-LOCK 125X1.2X22.23/A60T)	70.200		8%
5166	E-00480	GRINDING WHEEL FOR METAL(X-LOCK)/1	ĐÁ MÀI CHO KIM LOẠI(X-LOCK/100X6X2	35.856		8%
5167	E-00496	GRINDING WHEEL FOR STAINLESS(X-LOCK	ĐÁ MÀI CHO INOX(X-LOCK/100X6X22.23/	47.304		8%
5168	E-00505	CUTTING WHEEL(X-LOCK/100X1.2X22.23	ĐÁ CẮT(X-LOCK 100X1.2X22.23/A60T)	51.516		8%
5169	E-01731	FOUR-LEAF NYLON CORD(BLUE)1.65MMX	ĐÂY CƯỚC CẮT CỎ(MÀU XANH DƯƠNG)	104.544		8%
5170	E-01747	FOUR-LEAF NYLON CORD(BLUE)1.65MMX	ĐÂY CƯỚC CẮT CỎ(MÀU XANH DƯƠNG)	197.640		8%
5171	E-01753	FOUR-LEAF NYLON CORD(BLUE)1.65MMX	ĐÂY CƯỚC CẮT CỎ(MÀU XANH DƯƠNG)	1.620.000		8%
5172	E-01769	FOUR-LEAF NYLON CORD(GREEN)2.0MM	ĐÂY CƯỚC CẮT CỎ(MÀU XANH LÁ)2.0MM	121.716		8%
5173	E-01775	FOUR-LEAF NYLON CORD(GREEN)2.0MM	ĐÂY CƯỚC CẮT CỎ(MÀU XANH LÁ)2.0MM	231.876		8%
5174	E-01781	FOUR-LEAF NYLON CORD(GREEN)2.0MM	ĐÂY CƯỚC CẮT CỎ(MÀU XANH LÁ)2.0MM	1.492.560		8%
5175	E-01797	FOUR-LEAF NYLON CORD(ORANGE)2.4MM	ĐÂY CƯỚC CẮT CỎ(MÀU CAM)2.4MMX15	144.612		8%
5176	E-01806	FOUR-LEAF NYLON CORD(ORANGE)2.4MM	ĐÂY CƯỚC CẮT CỎ(MÀU CAM)2.4MMX30	280.476		8%
5177	E-01812	FOUR-LEAF NYLON CORD(ORANGE)2.4MM	ĐÂY CƯỚC CẮT CỎ(MÀU CAM)2.4MMX22	1.492.560		8%
5178	E-01828	FOUR-LEAF NYLON CORD(RED)2.7MMX15	ĐÂY CƯỚC CẮT CỎ(MÀU ĐỎ)2.7MMX15M	153.144		8%
5179	E-01834	FOUR-LEAF NYLON CORD(RED)2.7MMX30	ĐÂY CƯỚC CẮT CỎ(MÀU ĐỎ)2.7MMX30M	317.736		8%
5180	E-01840	FOUR-LEAF NYLON CORD(RED)2.7MMX18	ĐÂY CƯỚC CẮT CỎ(MÀU ĐỎ)2.7MMX180	1.492.560		8%
5181	E-01959	TCT SAW BLADE EFFICUT 235X25X24T	LƯỖI CỬA EFFICUT 235X25X24T	918.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
5182	E-02054	DIAMOND WHEEL FOR X-LOCK GRINDER	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG X-LOCK 100MM	801.900		8%
5183	E-02076	DIAMOND WHEEL FOR X-LOCK GRINDER	LƯỖI CẮT KIM CƯỜNG X-LOCK 125MM	977.400		8%
5184	E-02375	ABRASIVE PAPER DISC 150X225MM(25PC	Đĩa NHẠM 150X225MM(25CÁI)/DSL800	999.000		8%
5185	E-02381	ABRASIVE PAPER DISC 220X225MM(25PC	Đĩa NHẠM 220X225MM(25CÁI)/DSL800	999.000		8%
5186	E-02705	ROUND TRIM NYLON CORD(GREEN)2.0-1	ĐÂY CƯỚC CẮT CỎ TRÒN(MÀU XANH)2.0	93.096		8%
5187	E-02711	ROUND TRIM NYLON CORD(GREEN)2.0-1	ĐÂY CƯỚC CẮT CỎ TRÒN(MÀU XANH)2.0	405.000		8%
5188	E-02727	ROUND TRIM NYLON CORD(WHITE)1.3-1	ĐÂY CƯỚC CẮT CỎ TRÒN(MÀU TRẮNG)1	87.372		8%
5189	E-02733	ROUND TRIM NYLON CORD(BLUE)1.6-15N	ĐÂY CƯỚC CẮT CỎ TRÒN(MÀU XANH)1.6	87.372		8%
5190	E-02749	ROUND TRIM PLUS NYLON CORD(YELLOW	ĐÂY CƯỚC CẮT CỎ TRÒN(MÀU VÀNG)2.4	127.440		8%
5191	E-02761	ROUND TRIM PLUS NYLON CORD(YELLOW	ĐÂY CƯỚC CẮT CỎ TRÒN(MÀU VÀNG)2.4	433.620		8%
5192	E-02783	ROUND TRIM PLUS NYLON CORD(YELLLO	ĐÂY CƯỚC CẮT CỎ TRÒN(MÀU VÀNG)2.4	1.082.160		8%
5193	E-02808	SQUARE TRIM PLUS NYLON CORD(YELLOW	ĐÂY CƯỚC CẮT CỎ VUÔNG(MÀU VÀNG)2	133.164		8%
5194	E-02814	SQUARE TRIM PLUS NYLON CORD(YELLOW	ĐÂY CƯỚC CẮT CỎ VUÔNG(MÀU VÀNG)2	405.000		8%
5195	E-02820	SQUARE TRIM PLUS NYLON CORD(YELLOW	ĐÂY CƯỚC CẮT CỎ VUÔNG(MÀU VÀNG)2	1.082.160		8%
5196	E-02836	ROUND TRIM PRO NYLON CORD(YELLOW	ĐÂY CƯỚC CẮT CỎ TRÒN ĐỎI(MÀU VÀNG	186.084		8%
5197	E-02842	ROUND TRIM PRO NYLON CORD(YELLOW	ĐÂY CƯỚC CẮT CỎ TRÒN ĐỎI(MÀU VÀNG	503.712		8%
5198	E-02858	ROUND TRIM PRO NYLON CORD(YELLOW	ĐÂY CƯỚC CẮT CỎ TRÒN ĐỎI(MÀU VÀNG	1.249.560		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
5199	E-02870	SQUARE TRIM PRO NYLON CORD(YELLO	DÂY CƯỚC CẮT CỎ VUÔNG ĐỎ(MÀU VÀ	197.640		8%
5200	E-02886	SQUARE TRIM PRO NYLON CORD(YELLO	DÂY CƯỚC CẮT CỎ VUÔNG ĐỎ(MÀU VÀ	475.200		8%
5201	E-02892	SQUARE TRIM PRO NYLON CORD(YELLO	DÂY CƯỚC CẮT CỎ VUÔNG ĐỎ(MÀU VÀ	1.249.560		8%
5202	E-02967	DIAMOND WHEEL 230X13X22.23MM	LƯỚI CẮT KIM CƯƠNG 230X13X22.23MM	3.256.200		8%
5203	E-02989	SOCKET IN ROLL UP POUCH 8PCS/SET/1/2	BỘ ĐẦU TUÝP SIẾT BÚ LÔNG 8CÁI/BỘ 1/2	777.600		8%
5204	E-03006	CUTTING WHEEL (230X2.0X22.23MM)	ĐÁ CẮT KIM LOẠI (230X2.0X22.23MM)	70.200		8%
5205	E-03006-25	CUT-OFF WHEEL STAINLESS THIN THICK	BỘ ĐÁ CẮT KIM LOẠI 230X2.0X22.23MM(	1.468.800		8%
5206	E-03274	TORSION SCREW BIT(E-FORM)	MŨI VÍT TORSION PH2	133.164		8%
5207	E-03442	MAG BOOSTER IMPACT PREMIER	NAM CHẠM TĂNG LỰC HÚT IMPACT PRE	114.480		8%
5208	E-03632	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 16X44	MŨI KHOẸT HSS 16X44MM	266.220		8%
5209	E-03648	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 17X44	MŨI KHOẸT HSS 8%CO 17X44MM	266.220		8%
5210	E-03654	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 19X44	MŨI KHOẸT HSS 8%CO 19X44MM	271.944		8%
5211	E-03660	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 20X44	MŨI KHOẸT HSS 8%CO 20X44MM	277.668		8%
5212	E-03676	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 22X44	MŨI KHOẸT HSS 8%CO 22X44MM	289.116		8%
5213	E-03682	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 24X44	MŨI KHOẸT HSS 8%CO 24X44MM	289.116		8%
5214	E-03698	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 25X44	MŨI KHOẸT HSS 8%CO 25X44MM	283.392		8%
5215	E-03707	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 27X44	MŨI KHOẸT HSS 8%CO 27X44MM	289.116		8%
5216	E-03713	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 29X44	MŨI KHOẸT HSS 29X44MM	289.116		8%
5217	E-03729	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 30X44	MŨI KHOẸT HSS 8%CO 30X44MM	283.392		8%
5218	E-03735	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 32X44	MŨI KHOẸT HSS 8%CO 32X44MM	313.416		8%
5219	E-03741	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 35X44	MŨI KHOẸT HSS 8%CO 35X44MM	307.800		8%
5220	E-03757	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 37X44	MŨI KHOẸT HSS 8%CO 37X44MM	319.140		8%
5221	E-03763	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 38X44	MŨI KHOẸT HSS 8%CO 38X44MM	319.140		8%
5222	E-03779	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 40X44	MŨI KHOẸT HSS 8%CO 40X44MM	319.140		8%
5223	E-03785	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 41X44	MŨI KHOẸT HSS 8%CO 41X44MM	353.484		8%
5224	E-03791	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 44X44	MŨI KHOẸT HSS 8%CO 44X44MM	347.760		8%
5225	E-03800	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 46X44	MŨI KHOẸT HSS 8%CO 46X44MM	359.208		8%
5226	E-03816	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 48X44	MŨI KHOẸT HSS 8%CO 48X44MM	365.040		8%
5227	E-03822	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 51X44	MŨI KHOẸT HSS 8%CO 51X44MM	365.040		8%
5228	E-03838	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 52X44	MŨI KHOẸT HSS 8%CO 52X44MM	433.620		8%
5229	E-03844	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 54X44	MŨI KHOẸT HSS 8%CO 54X44MM	433.620		8%
5230	E-03850	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 56X44	MŨI KHOẸT HSS 8%CO 56X44MM	433.620		8%
5231	E-03866	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 57X44	MŨI KHOẸT HSS 8%CO 57X44MM	457.920		8%
5232	E-03872	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 60X44	MŨI KHOẸT HSS 8%CO 60X44MM	475.200		8%
5233	E-03888	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 64X44	MŨI KHOẸT HSS 8%CO 64X44MM	475.200		8%
5234	E-03894	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 65X44	MŨI KHOẸT HSS 8%CO 65X44MM	492.480		8%
5235	E-03903	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 68X44	MŨI KHOẸT HSS 8%CO 68X44MM	492.480		8%
5236	E-03919	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 70X44	MŨI KHOẸT HSS 8%CO 70X44MM	492.480		8%
5237	E-03925	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 73X44	MŨI KHOẸT HSS 8%CO 73X44MM	509.760		8%
5238	E-03931	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 76X44	MŨI KHOẸT HSS 8%CO 76X44MM	509.760		8%
5239	E-03947	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 79X44	MŨI KHOẸT HSS 8%CO 79X44MM	532.440		8%
5240	E-03953	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 83X44	MŨI KHOẸT HSS 8%CO 83X44MM	532.440		8%
5241	E-03969	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 86X44	MŨI KHOẸT HSS 8%CO 86X44MM	555.228		8%
5242	E-03975	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 92X44	MŨI KHOẸT HSS 8%CO 92X44MM	585.360		8%
5243	E-03981	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 95X44	MŨI KHOẸT HSS 8%CO 95X44MM	677.160		8%
5244	E-03997	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 102X4	MŨI KHOẸT HSS 8%CO 102X44MM	792.828		8%
5245	E-04008	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 105X4	MŨI KHOẸT HSS 8%CO 105X44MM	821.880		8%
5246	E-04014	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 111X4	MŨI KHOẸT HSS 8%CO 111X44MM	1.006.020		8%
5247	E-04020	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 114X4	MŨI KHOẸT HSS 8%CO 114X44MM	1.054.080		8%
5248	E-04036	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 121X4	MŨI KHOẸT HSS 8%CO 121X44MM	1.192.320		8%
5249	E-04042	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 127X4	MŨI KHOẸT HSS 8%CO 127X44MM	1.256.040		8%
5250	E-04058	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 140X4	MŨI KHOẸT HSS 8%CO 140X44MM	1.325.160		8%
5251	E-04064	EZYCHANGE BIM HOLES AW 8%CO 152X4	MŨI KHOẸT HSS 8%CO 152X44MM	1.377.000		8%
5252	E-04070	ADAPTER-PILOT DRILL BIT 85MM	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI VÀ MŨI KHOAN ĐINH	730.080		8%
5253	E-04086	PILOT DRILL HSS-G 85MM	MŨI KHOAN ĐINH TÂM HSS-G 85MM	214.704		8%
5254	E-04092	PILOT DRILL HSS-CO 85MM	MŨI KHOAN ĐINH TÂM HSS-CO 85MM	283.392		8%
5255	E-04101	BANDSAW BLADE 0.5X13X730MM(14T/1I	LƯỚI CỬA VÒNG 0.5X13X730MM(14T/1IN	1.331.100		8%
5256	E-04117	BANDSAW BLADE 0.5X13X730MM(18T/1I	LƯỚI CỬA VÒNG 0.5X13X730MM(18T/1IN	1.411.020		8%
5257	E-04123	BANDSAW BLADE 0.5X13X730MM(24T/1I	LƯỚI CỬA VÒNG 0.5X13X730MM(24T/1IN	1.331.100		8%
5258	E-04933	GO THROUGH SCREW DRIVER SL5.5X75	TUA VÍT 2 CANH SL 5.5X75	121.716		8%
5259	E-04949	GO THROUGH SCREW DRIVER SL6.5X150	TUA VÍT 2 CANH SL 6.5X150	160.272		8%
5260	E-04955	GO THROUGH SCREW DRIVER SL8X200	TUA VÍT 2 CANH SL 8X200	228.960		8%
5261	E-05094	DRILL HOLSTER UNIVERSAL L/R HANDE	TÚI ĐŨNG MÁY KHOAN ĐA NĂNG 170x85	729.000		8%
5262	E-05119	IMPACT DRIVER HOLSTER UNIVERSAL L	TÚI ĐŨNG MÁY KHOAN VÀ MŨI VÍT 155	502.200		8%
5263	E-05125	UNIVERSAL POUCH & DRILL HOLSTER L	TÚI ĐŨNG MÁY KHOAN VÀ PHỤ KIỆN ĐA	1.382.400		8%
5264	E-05131	ULTIMATE 2 POCKET FIXING POUCH 260	TÚI ĐŨNG ĐA NĂNG 2 NGĂN 260x145x27	955.800		8%
5265	E-05147	ULTIMATE 3 POCKET FIXING POUCH 320	TÚI ĐŨNG ĐA NĂNG 3 NGĂN 320x145x27	1.274.400		8%
5266	E-05181	ULTIMATE ELECTRICIANS POUCH 250X1	TÚI ĐŨNG DÀNH CHO THỢ ĐIỆN 250x125	999.000		8%
5267	E-05197	FIXING POUCH & HAMMER HOLDER 180x	TÚI ĐŨNG DỤNG CỤ VÀ GIỮ Búa 180x10	642.600		8%
5268	E-05206	ZIP TOP POUCH - DUAL BATTERY OR FIX	TÚI ĐŨNG PIN ĐA NĂNG CÓ NẠP KHÓA I	637.200		8%
5269	E-05228	ULTIMATE 3-WAY HAMMER & TOOL HO	TÚI GIỮ Búa VÀ DỤNG CỤ 185x85x205MM	626.400		8%
5270	E-05278	TAPE MEASURE HOLDER 110X80X165MM	TÚI ĐŨNG THUỐC KÉO 110x80x165MM	318.600		8%
5271	E-05290	QUICK RELEASE BELT & SHOULDER STR	ĐAI LƯNG, QUAI ĐEO VAI CỎ CHÓT THAY	302.400		8%
5272	E-05315	BELT LOOP - 6 PACK	ĐĨA DÂY (6 CÁI/BỘ)	279.450		8%
5273	E-05321	ULTIMATE PADDED BELT WITH BELT LO	ĐAI LƯNG THẢO NHANH CÓ ĐỆM VÀ ĐĨA	1.166.400		8%
5274	E-05337	QUICK RELEASE BELT & BELT LOOP 155	ĐAI LƯNG THẢO NHANH CÓ ĐĨA DÂY 15	446.472		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
5275	E-05359	LEATHER BELT BLACK M 1130x38MM	THẮT LƯNG MÀU ĐEN M 1130x38MM	804.600		8%
5276	E-05365	LEATHER BELT BLACK L 1330x38MM	THẮT LƯNG MÀU ĐEN L 1330x38MM	758.700		8%
5277	E-05371	LEATHER BELT BROWN M 1130x38MM	THẮT LƯNG MÀU NÀU M 1130x38MM	804.600		8%
5278	E-05387	LEATHER BELT BROWN L 1330x38MM	THẮT LƯNG MÀU NÀU L 1330x38MM	804.600		8%
5279	E-05424	REINFORCED ADJUSTABLE TOOL CASE 510x240	TÚI ĐŨNG MÁY, PIN SẠC VÀ ĐŨNG CỤ 510x240	2.851.200		8%
5280	E-05446	ULTIMATE COVERED TOOL TOTE 510x240	TÚI ĐŨNG MÁY VÀ ĐŨNG CỤ CÓ NẠP ĐÁ	2.786.400		8%
5281	E-05452	ULTIMATE GATE MOUTH TOOL BAG 510x240	TÚI XÁCH CỎ KHUNG 510x295x280MM	1.900.800		8%
5282	E-05468	ULTIMATE WIDE MOUTH TOOL BAG 440x240	TÚI XÁCH CỎ KHUNG 440x240x250MM	1.641.600		8%
5283	E-05496	SEMI-RIGID TOOL BAG 520x250x270MM	TÚI ĐŨNG ĐÁ NẶNG 520x250x270MM	2.224.800		8%
5284	E-05583	ULTIMATE SMARTPHONE HOLDER 90X40	TÚI ĐŨNG ĐIỆN THOẠI 90x40x165MM	496.800		8%
5285	E-05599	THERMAL FLASK & HOLDER 90X85X200MM	BÌNH GIỮ NHIỆT 90x85x200MM	912.600		8%
5286	E-05608	THERMAL MUG & HOLDER 125X100X170	LY GIỮ NHIỆT 125x100x170MM	475.200		8%
5287	E-05636	WORK VEST - ADJUSTABLE POCKETS 510x240	ÁO GILE CÔNG TRÌNH 510x640MM	1.771.200		8%
5288	E-05664	1.4M / 1.5M GUIDE RAIL PROTECTIVE HO	TÚI BẢO VỆ THANH DẪN HƯỚNG 1.4M / 1.5M	1.411.020		8%
5289	E-05670	1M GUIDE RAIL BAG 1070X45X220MM	TÚI BẢO VỆ THANH DẪN HƯỚNG 1M(1070X45X220MM)	1.272.240		8%
5290	E-06345	T.C.T. SAW BLADE EFFICUT ALUMINUM 260MMX25.4MM	LƯỚI CẮT NHÔM EFFICUT 260MMX 25.4MM	2.059.560		8%
5291	E-06367	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 4X70MM	Mũi khoan tuồng chuôi kẹp 4X70MM	33.750		8%
5292	E-06373	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 5X85MM	Mũi khoan tuồng chuôi kẹp 5X85MM	33.750		8%
5293	E-06389	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 5X150MM	Mũi khoan tuồng chuôi kẹp 5X150MM	33.750		8%
5294	E-06395	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 5.5X100MM	Mũi khoan tuồng chuôi kẹp 5.5X100MM	33.750		8%
5295	E-06404	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 6X100MM	Mũi khoan tuồng TCT chuôi thẳng 6X100MM	35.856		8%
5296	E-06410	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 6X150MM	Mũi khoan tuồng chuôi kẹp 6X150MM	35.856		8%
5297	E-06426	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 6X150MM	Mũi khoan tuồng chuôi kẹp 6X150MM	35.856		8%
5298	E-06432	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 6X150MM	Mũi khoan tuồng TCT chuôi thẳng 6X150MM	53.028		8%
5299	E-06448	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 6X150MM	Mũi khoan tuồng TCT chuôi thẳng 6X150MM	35.856		8%
5300	E-06454	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 6X150MM	Mũi khoan tuồng TCT chuôi thẳng 6X150MM	35.856		8%
5301	E-06460	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 7X100MM	Mũi khoan tuồng chuôi kẹp 7X100MM	35.856		8%
5302	E-06476	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 7X150MM	Mũi khoan tuồng chuôi kẹp 7X150MM	35.856		8%
5303	E-06482	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 8X110MM	Mũi khoan tuồng chuôi kẹp 8X110MM	35.856		8%
5304	E-06498	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 8X150MM	Mũi khoan tuồng chuôi kẹp 8X150MM	35.856		8%
5305	E-06507	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 8X150MM	Mũi khoan tuồng TCT chuôi thẳng 8X150MM	58.752		8%
5306	E-06513	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 9X150MM	Mũi khoan tuồng chuôi kẹp 9X150MM	41.580		8%
5307	E-06529	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 10X150MM	Mũi khoan tuồng chuôi kẹp 10X150MM	41.580		8%
5308	E-06535	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 10X150MM	Mũi khoan tuồng TCT chuôi thẳng 10X150MM	70.200		8%
5309	E-06541	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 12X150MM	Mũi khoan tuồng chuôi kẹp 12X150MM	47.304		8%
5310	E-06557	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 12X250MM	Mũi khoan tuồng chuôi kẹp 12X250MM	75.924		8%
5311	E-06563	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 14X150MM	Mũi khoan tuồng chuôi kẹp 14X150MM	64.476		8%
5312	E-06579	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 14X250MM	Mũi khoan tuồng chuôi kẹp 14X250MM	93.096		8%
5313	E-06585	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 16X150MM	Mũi khoan tuồng chuôi kẹp 16X150MM	70.200		8%
5314	E-06591	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 18X200MM	Mũi khoan tuồng chuôi kẹp 18X200MM	103.950		8%
5315	E-06600	T.C.T DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK 20X200MM	Mũi khoan tuồng chuôi kẹp 20X200MM	114.750		8%
5316	E-06638	IMPACT BLACK 35PCS SET	BỘ Mũi VIT IMPACT BLACK (35 CÁI/ BỘ)	769.500		8%
5317	E-06644	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLE 20X60MM	Mũi khoét đá nặng T.C.T 20X60MM	585.360		8%
5318	E-06650	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLE 22X60MM	Mũi khoét đá nặng T.C.T 22X60MM	619.920		8%
5319	E-06666	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLE 25X60MM	Mũi khoét đá nặng T.C.T 25X60MM	585.360		8%
5320	E-06672	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLE 32X60MM	Mũi khoét đá nặng T.C.T 32X60MM	671.220		8%
5321	E-06688	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLE 35X60MM	Mũi khoét đá nặng T.C.T 35X60MM	671.220		8%
5322	E-06694	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLE 38X60MM	Mũi khoét đá nặng T.C.T 38X60MM	711.720		8%
5323	E-06703	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLE 40X60MM	Mũi khoét đá nặng T.C.T 40X60MM	711.720		8%
5324	E-06719	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLE 44X60MM	Mũi khoét đá nặng T.C.T 44X60MM	752.760		8%
5325	E-06725	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLE 51X60MM	Mũi khoét đá nặng T.C.T 51X60MM	799.200		8%
5326	E-06731	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLE 54X60MM	Mũi khoét đá nặng T.C.T 54X60MM	948.780		8%
5327	E-06747	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLE 60X60MM	Mũi khoét đá nặng T.C.T 60X60MM	989.280		8%
5328	E-06753	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLE 64X60MM	Mũi khoét đá nặng T.C.T 64X60MM	994.680		8%
5329	E-06769	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLE 67X60MM	Mũi khoét đá nặng T.C.T 67X60MM	1.024.920		8%
5330	E-06775	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLE 68X60MM	Mũi khoét đá nặng T.C.T 68X60MM	1.024.920		8%
5331	E-06781	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLE 70X60MM	Mũi khoét đá nặng T.C.T 70X60MM	1.047.600		8%
5332	E-06797	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLE 73X60MM	Mũi khoét đá nặng T.C.T 73X60MM	1.076.760		8%
5333	E-06806	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLE 76X60MM	Mũi khoét đá nặng T.C.T 76X60MM	1.076.760		8%
5334	E-06812	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLE 83X60MM	Mũi khoét đá nặng T.C.T 83X60MM	1.116.180		8%
5335	E-06828	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLE 102X60MM	Mũi khoét đá nặng T.C.T 102X60MM	1.729.080		8%
5336	E-06834	EZYCHANGE MULTI PURPOSE TCT HOLE 127X60MM	Mũi khoét đá nặng T.C.T 127X60MM	3.638.520		8%
5337	E-06840	HSS-G PILOT DRILL BIT(105MM)	Mũi khoan định tâm HSS-G(105MM)	271.944		8%
5338	E-06856	HSS-CO PILOT DRILL BIT(105MM)	Mũi khoan định tâm HSS-CO(105MM)	382.320		8%
5339	E-06862	TCT PILOT DRILL BIT(105MM)	Mũi khoan định tâm TCT(105MM)	353.484		8%
5340	E-06878	EZYCHANGE EXTENSION BAR(150MM)	BỘ CHUYỂN ĐỔI NƠI DÀI(150MM)	813.340		10%
5341	E-06884	EZYCHANGE EXTENSION BAR(300MM)	BỘ CHUYỂN ĐỔI NƠI DÀI(300MM)	859.980		10%
5342	E-06937	T.C.T. SAW BLADE EFFICUT 150MM X 20MM	LƯỚI CUA GỖ EFFICUT 150MMX20MMX2	682.668		8%
5343	E-06959	EZYCHANGE ADAPTER 3/8" SHANK+TCT	BỘ CHUYỂN ĐỔI NHANH 3/8" VÀ Mũi KH	880.200		8%
5344	E-07010	T.C.T. SAW BLADE EFFICUT 216MM X 25.4MM	LƯỚI CUA T.C.T EFFICUT 216MM X 25.4MM	1.319.760		8%
5345	E-07082	BIT SET WITH CLEAR CASE(18PCS)	BỘ Mũi KHOAN VÀ Mũi VIT(18 CÁI)	611.550		8%
5346	E-07107	BIT SET WITH CLEAR CASE(28PCS)	BỘ Mũi VIT(28 CÁI)	518.400		8%
5347	E-07129	BIT SET WITH CLEAR CASE(30PCS)	BỘ Mũi VIT(30 CÁI)	681.750		8%
5348	E-07135	BIT SET WITH CLEAR CASE(32PCS)	BỘ Mũi VIT(32 CÁI)	518.400		8%
5349	E-07294	EARTH AUGER BIT 100X800MM	Mũi khoan đất 100X800MM	1.985.850		8%
5350	E-07303	EARTH AUGER BIT 150X800MM	Mũi khoan đất 150X800MM	2.335.500		8%
5351	E-07319	EARTH AUGER BIT 200X800MM	Mũi khoan đất 200X800MM	2.771.550		8%
5352	E-07325	EXTENSION BAR 540MM	THANH NƠI DÀI Mũi KHOAN ĐẤT 540MM	712.250		10%
5353	E-07331	PIN FOR EARTH AUGER DRILL BIT	CHÓT GÀI Mũi KHOAN ĐẤT	78.375		10%
5354	E-07412	FIBER SANDING DISC 50MM (A60)	Đĩa chà nhám 50MM (A60)	1.169.640		8%
5355	E-07428	FIBER SANDING DISC 50MM (A80)	Đĩa chà nhám 50MM (A80)	1.169.640		8%
5356	E-07434	FIBER SANDING DISC 50MM (A120)	Đĩa chà nhám 50MM (A120)	1.122.120		8%
5357	E-07440	FIBER SANDING DISC 50MM (Z60)	Đĩa chà nhám 50MM (Z60)	1.122.120		8%
5358	E-07456	FIBER SANDING DISC 50MM (Z80)	Đĩa chà nhám 50MM (Z80)	1.122.120		8%
5359	E-07462	SURFACE CONDITIONING DISC COARSE/HT	Đĩa cườc đánh gi (THỎ/CỨNG) 50MM	2.106.000		8%
5360	E-07478	SURFACE CONDITIONING DISC MEDIUM/HT	Đĩa cườc đánh gi (VỪA/CỨNG) 50MM	2.106.000		8%
5361	E-07484	SURFACE CONDITIONING DISC FINE/HAR	Đĩa cườc đánh gi (MỊN/CỨNG) 50MM	2.106.000		8%
5362	E-07490	SURFACE CONDITIONING DISC MEDIUM/HT	Đĩa cườc đánh gi (VỪA/MỀM) 50MM	1.828.440		8%
5363	E-07509	SURFACE CONDITIONING DISC FINE/SOF	Đĩa cườc đánh gi (MỊN/MỀM) 50MM	1.828.440		8%
5364	E-07515	SURFACE CONDITIONING DISC VERY FIN	Đĩa cườc đánh gi (RẤT MỊN/MỀM) 50MM	1.828.440		8%
5365	E-07630	BLADE FOR EARTH AUGER BIT 100MM/DDG	LƯỚI CHO Mũi KHOAN ĐẤT 100MM/DDG	229.500		8%
5366	E-07646	BLADE FOR EARTH AUGER BIT 150MM/DDG	LƯỚI CUA Mũi KHOAN ĐẤT 150MM/DDG	251.100		8%
5367	E-07652	BLADE FOR EARTH AUGER BIT 200MM/DDG	LƯỚI CUA Mũi KHOAN ĐẤT 200MM/DDG	295.650		8%
5368	E-07733	TCT SAW BLADE EFFICUT 260MMX25MM	LƯỚI CUA EFFICUT 260MMX25MMX24T	1.319.760		8%
5369	E-07755	3D WOOD LONG DRILL BIT 6X400MM	Mũi khoan gỗ dài 3D 6X400MM	710.100		8%
5370	E-07761	3D WOOD LONG DRILL BIT 8X400MM	Mũi khoan gỗ dài 3D 8X400MM	710.100		8%
5371	E-07777	3D WOOD LONG DRILL BIT 9X400MM	Mũi khoan gỗ dài 3D 9X400MM	752.760		8%
5372	E-07783	3D WOOD LONG DRILL BIT 10X400MM	Mũi khoan gỗ dài 3D 10X400MM	710.100		8%
5373	E-07799	3D WOOD LONG DRILL BIT 10.5MMX400MM	Mũi khoan gỗ dài 3D 10.5MMX400MM	682.668		8%
5374	E-07808	3D WOOD LONG DRILL BIT 11X400MM	Mũi khoan gỗ dài 3D 11X400MM	752.760		8%
5375	E-07814	3D WOOD LONG DRILL BIT 12X400MM	Mũi khoan gỗ dài 3D 12X400MM	710.100		8%
5376	E-07820	3D WOOD LONG DRILL BIT 13X400MM	Mũi khoan gỗ dài 3D 13X400MM	884.250		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
5377	E-07836	3D WOOD LONG DRILL BIT 13.5MMX400M	Mũi khoan gỗ dài 3D 13.5MMX400MM	856.440		8%
5378	E-07842	3D WOOD LONG DRILL BIT 15X400MM	Mũi khoan gỗ dài 3D 15X400MM	884.250		8%
5379	E-07858	3D WOOD LONG DRILL BIT 16X400MM	Mũi khoan gỗ dài 3D 16X400MM	1.058.400		8%
5380	E-07864	3D WOOD LONG DRILL BIT 18X400MM	Mũi khoan gỗ dài 3D 18X400MM	1.058.400		8%
5381	E-07870	3D WOOD LONG DRILL BIT 21X400MM	Mũi khoan gỗ dài 3D 21X400MM	1.266.300		8%
5382	E-07886	3D WOOD LONG DRILL BIT 22X400MM	Mũi khoan gỗ dài 3D 22X400MM	1.528.200		8%
5383	E-07892	3D WOOD LONG DRILL BIT 24X400MM	Mũi khoan gỗ dài 3D 24X400MM	1.528.200		8%
5384	E-07901	3D WOOD LONG DRILL BIT 27X400MM	Mũi khoan gỗ dài 3D 27X400MM	1.702.350		8%
5385	E-07917	3D WOOD LONG DRILL BIT 30X400MM	Mũi khoan gỗ dài 3D 30X400MM	1.898.100		8%
5386	E-07923	3D WOOD LONG DRILL BIT 10.5X500MM	Mũi khoan gỗ dài 3D 10.5X500MM	770.040		8%
5387	E-07939	3D WOOD LONG DRILL BIT 12X500MM	Mũi khoan gỗ dài 3D 12X500MM	770.040		8%
5388	E-07945	3D WOOD LONG DRILL BIT 13.5MMX500M	Mũi khoan gỗ dài 3D 13.5MMX500MM	920.160		8%
5389	E-07951	3D WOOD LONG DRILL BIT 15X500MM	Mũi khoan gỗ dài 3D 15X500MM	954.720		8%
5390	E-07967	3D WOOD LONG DRILL BIT 18.0MMX500M	Mũi khoan gỗ dài 3D 18.0MMX500MM	1.104.840		8%
5391	E-07973	3D WOOD LONG DRILL BIT 21.0MMX500M	Mũi khoan gỗ dài 3D 21.0MMX500MM	1.319.760		8%
5392	E-07989	3D WOOD LONG DRILL BIT 24X500MM	Mũi khoan gỗ dài 3D 24X500MM	1.597.320		8%
5393	E-07995	3D WOOD LONG DRILL BIT 27.0MMX500M	Mũi khoan gỗ dài 3D 27.0MMX500MM	1.804.680		8%
5394	E-08006	3D WOOD LONG DRILL BIT 30X500MM	Mũi khoan gỗ dài 3D 30X500MM	1.989.360		8%
5395	E-08707	FLAT BIT SET(8PCS)	Mũi khoan DEP(8 cái)	480.600		8%
5396	E-08763	IMPACT BLACK PH2-50MM,2PCS	Mũi vít PH2-50MM IMPACT BLACK (2 C	61.560		8%
5397	E-08779	IMPACT BLACK PH3-50MM,2PCS	Mũi vít PH3-50MM IMPACT BLACK (2 C	61.560		8%
5398	E-08785	IMPACT BLACK MAGNETIC BITHOLDER,1	Đầu giữ mũi vít có nam châm IMPAC	87.372		8%
5399	E-08791	IMPACT BLACK SLEEVE CHUCK BITHOLD	Đầu giữ mũi vít có khóa IMPACT BLA	110.268		8%
5400	E-08800	IMPACT BLACK MAGNET NUTSETTER 6M	Đầu tuýp vắn ốc IMPACT BLACK 6MM	55.836		8%
5401	E-08816	IMPACT BLACK MAGNET NUTSETTER 8M	Đầu tuýp vắn ốc IMPACT BLACK 8MM	55.836		8%
5402	E-08822	IMPACT BLACK MAGNET NUTSETTER 10	Đầu tuýp vắn ốc IMPACT BLACK 10MM	61.560		8%
5403	E-08838	IMPACT BLACK MAGNET NUTSETTER 13	Đầu tuýp vắn ốc IMPACT BLACK 13MM	61.560		8%
5404	E-08844	IMPACT BLACK 3/8"SOCKET ADAPTER,1P	Đầu chuyển vắn vít sang bu lông 1	55.350		8%
5405	E-08850	IMPACT BLACK 1/2"SOCKET ADAPTER,1P	Đầu chuyển vắn vít sang bu lông 1	75.924		8%
5406	E-08969	T.C.T. SAW BLADE EFFICUT 216MM X 25.4	Lưỡi của T.C.T EFFICUT 216MM X 25.4M	1.573.560		8%
5407	E-08975	T.C.T. SAW BLADE EFFICUT 216MM X 25.4	Lưỡi của T.C.T EFFICUT 216MM X 25.4M	1.851.120		8%
5408	E-10702	CUT-OFF WHEEL/MULTI MATERIAL/THIN	Đĩa cắt mỏng đa năng 100X1.2X16MM	41.580		8%
5409	E-10724	CUT-OFF WHEEL/MULTI MATERIAL/THIN	Đĩa cắt mỏng đa năng 125X1.2X22.23N	47.304		8%
5410	E-10855	CUTTING WHEEL/THIN THICKNESS/INOX	Đĩa cắt mỏng INOX 100X0.8X16MM Z60	37.800		8%
5411	E-10877	CUTTING WHEEL/THIN THICKNESS/INOX	Đĩa cắt mỏng INOX 125X0.8X22.23MM Z	45.900		8%
5412	E-10958	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK F	Mũi khoan đa năng TCT(CHUỐI THẲN	41.580		8%
5413	E-10964	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK F	Mũi khoan đa năng TCT(CHUỐI THẲN	41.580		8%
5414	E-10970	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK F	Mũi khoan đa năng TCT(CHUỐI THẲN	41.580		8%
5415	E-10986	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK F	Mũi khoan đa năng TCT(CHUỐI THẲN	47.304		8%
5416	E-10992	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK F	Mũi khoan đa năng TCT(CHUỐI THẲN	47.304		8%
5417	E-11003	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK F	Mũi khoan đa năng TCT(CHUỐI THẲN	53.028		8%
5418	E-11019	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK F	Mũi khoan đa năng TCT(CHUỐI THẲN	47.304		8%
5419	E-11025	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK F	Mũi khoan đa năng TCT(CHUỐI THẲN	58.752		8%
5420	E-11031	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK F	Mũi khoan đa năng TCT(CHUỐI THẲN	53.028		8%
5421	E-11047	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK F	Mũi khoan đa năng TCT(CHUỐI THẲN	64.476		8%
5422	E-11053	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK F	Mũi khoan đa năng TCT(CHUỐI THẲN	70.200		8%
5423	E-11069	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK F	Mũi khoan đa năng TCT(CHUỐI THẲN	81.648		8%
5424	E-11075	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK F	Mũi khoan đa năng TCT(CHUỐI THẲN	93.096		8%
5425	E-11081	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK F	Mũi khoan đa năng TCT(CHUỐI THẲN	110.268		8%
5426	E-11097	TCT SAW BLADE EFFICUT METAL 110MM	Lưỡi cắt kim loại EFFICUT 110MMX34	1.411.020		8%
5427	E-11265	TCT SAW BLADE EFFICUT FOR WOOD 190	Lưỡi cắt gỗ EFFICUT 190MMX20MMX2	723.600		8%
5428	E-11271	TCT SAW BLADE EFFICUT FOR WOOD 190	Lưỡi cắt gỗ EFFICUT 190MMX20MMX4	1.090.800		8%
5429	E-11287	TCT SAW BLADE EFFICUT FOR WOOD 190	Lưỡi cắt gỗ EFFICUT 190MMX20MMX6	1.231.200		8%
5430	E-11324	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS	Mũi khoan 4 cạnh SDS-MAX 12X340MM	283.392		8%
5431	E-11330	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS	Mũi khoan 4 cạnh SDS-MAX 12X540MM	387.828		8%
5432	E-11346	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS	Mũi khoan 4 cạnh SDS-MAX 14X340MM	347.760		8%
5433	E-11352	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS	Mũi khoan 4 cạnh SDS-MAX 14X540MM	440.748		8%
5434	E-11368	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS	Mũi khoan 4 cạnh SDS-MAX 16X340MM	416.448		8%
5435	E-11374	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS	Mũi khoan 4 cạnh SDS-MAX 16X540MM	509.760		8%
5436	E-11380	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS	Mũi khoan 4 cạnh SDS-MAX 18X340MM	560.952		8%
5437	E-11396	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS	Mũi khoan 4 cạnh SDS-MAX 18X540MM	648.324		8%
5438	E-11405	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS	Mũi khoan 4 cạnh SDS-MAX 20X340MM	659.880		8%
5439	E-11411	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS	Mũi khoan 4 cạnh SDS-MAX 20X540MM	787.320		8%
5440	E-11427	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS	Mũi khoan 4 cạnh SDS-MAX 22X340MM	764.640		8%
5441	E-11433	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS	Mũi khoan 4 cạnh SDS-MAX 22X540MM	897.480		8%
5442	E-11449	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS	Mũi khoan 4 cạnh SDS-MAX 24X340MM	861.840		8%
5443	E-11455	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS	Mũi khoan 4 cạnh SDS-MAX 24X540MM	994.680		8%
5444	E-11461	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS	Mũi khoan 4 cạnh SDS-MAX 25X340MM	897.480		8%
5445	E-11477	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS	Mũi khoan 4 cạnh SDS-MAX 25X540MM	1.024.920		8%
5446	E-11483	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS	Mũi khoan 4 cạnh SDS-MAX 28X370MM	1.111.320		8%
5447	E-11499	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS	Mũi khoan 4 cạnh SDS-MAX 28X570MM	1.366.200		8%
5448	E-11508	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS	Mũi khoan 4 cạnh SDS-MAX 30X370MM	1.366.200		8%
5449	E-11514	TCT DRILL BIT FOR SDS-MAX HAMMERS	Mũi khoan 4 cạnh SDS-MAX 30X570MM	1.688.580		8%
5450	E-11558	DRIVE RATCHET HANDLE 1/4"	Cần siết tuốc động tay 1/4"	410.400		8%
5451	E-11564	DRIVE RATCHET HANDLE 3/8"	Cần siết tuốc động tay 3/8"	518.400		8%
5452	E-11570	DRIVE RATCHET HANDLE 1/2"	Cần siết tuốc động tay 1/2"	669.600		8%
5453	E-11601	COMBINATION WRENCH 12MM	Cờ lê vông 12MM	93.150		8%
5454	E-11617	COMBINATION WRENCH 13MM	Cờ lê vông 13MM	98.550		8%
5455	E-11623	COMBINATION WRENCH 14MM	Cờ lê vông 14MM	120.150		8%
5456	E-11651	COMBINATION WRENCH 17MM	Cờ lê vông 17MM	143.100		8%
5457	E-11667	COMBINATION WRENCH 18MM	Cờ lê vông 18MM	143.100		8%
5458	E-11673	COMBINATION WRENCH 19MM	Cờ lê vông 19MM	153.900		8%
5459	E-11972	TCT SAW BLADE EFFICUT COMPOSITE DR	Lưỡi của TCT DUNG CHO GỖ NHỰA185N	943.056		8%
5460	E-11988	TCT SAW BLADE EFFICUT COMPOSITE DR	Lưỡi của TCT DUNG CHO GỖ NHỰA260N	1.758.780		8%
5461	E-12083	TCT SAW BLADE EFFICUT METAL305MM	Lưỡi cắt kim loại EFFICUT 305X25.4X6	4.380.750		8%
5462	E-12354	IMPACT DEEP SOCKET FOR WHEEL NUT 3	Bộ đầu tuýp 3 cái(17X86,19X86,21X86)	676.350		8%
5463	E-12790-5	CUT-OFF WHEEL METAL FOR DC POWER	Đĩa cắt kim loại phù hợp cho máy DC	1.666.440		8%
5464	E-12918	TCT SAW BLADE EFFICUT METAL185MM	Lưỡi cắt kim loại EFFICUT 185X20X45	1.966.680		8%
5465	E-12924	TCT SAW BLADE EFFICUT METAL185MM	Lưỡi cắt kim loại EFFICUT 185X20X60	2.451.600		8%
5466	E-12974	TCT SAW BLADE EFFICUT 270MMX25.4M	Lưỡi của gỗ EFFICUT 270X25.4X24T	1.319.760		8%
5467	E-13029	GROUND ROD DRIVER FOR SDS-MAX HAM	Mũi đóng cọc tiếp đất SDS-MAX 13.3N	1.058.400		8%
5468	E-13035	GROUND ROD DRIVER FOR SDS-MAX HAM	Mũi đóng cọc tiếp đất SDS-MAX 16.5N	1.080.000		8%
5469	E-13041	GROUND ROD DRIVER FOR SDS-MAX HAM	Mũi đóng cọc tiếp đất SDS-MAX 22.2N	1.289.520		8%
5470	E-13172	SELF SHARPENING BULL POINT SDS-MAX	Mũi đục tuốc mài chuôi SDS-MAX 400MM	829.980		8%
5471	E-13281	TCT SAW BLADE EFFICUT ALUMINUM 30	Lưỡi cắt nhôm EFFICUT 305X25.4X81T	2.845.800		8%
5472	E-13340	TCT SAW BLADE EFFICUT ALUMINUM 30	Lưỡi cắt nhôm EFFICUT 305X25.4X96T	3.187.080		8%
5473	E-13611	EARTH AUGER BIT 50X800MM	Mũi khoan đất 50X800MM	1.833.300		8%
5474	E-13627	EARTH AUGER BIT 60X800MM	Mũi khoan đất 60X800MM	1.942.650		8%
5475	E-13633	EARTH AUGER BIT 80X800MM	Mũi khoan đất 80X800MM	1.964.250		8%
5476	E-13649	BLADE FOR EARTH AUGER BIT 50MM	Lưỡi cho mũi khoan đất 50MM	197.100		8%
5477	E-13655	BLADE FOR EARTH AUGER BIT 60MM	Lưỡi cho mũi khoan đất 60MM	213.300		8%
5478	E-13661	BLADE FOR EARTH AUGER BIT 80MM	Lưỡi cho mũi khoan đất 80MM	224.100		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
5479	E-13742	THIN CUT-OFF WHEEL/ STAINLESS/ FLAT	ĐÁ CẮT MÔNG CHO INOX/150X1.6X22.23M	50.112		8%
5480	E-13758	THIN CUT-OFF WHEEL/ STAINLESS/ FLAT	ĐÁ CẮT MÔNG CHO INOX/180X1.6X22.23M	61.560		8%
5481	E-13764	THIN CUT-OFF WHEEL/ STAINLESS/ FLAT	ĐÁ CẮT MÔNG CHO INOX/230X1.9X22.23M	93.096		8%
5482	E-14152	EZYCHANGE BIM HOLESAW 67MM	MŨI KHOẸT EZYCHANGE 67MM	555.228		8%
5483	E-14168	EZYCHANGE BIM HOLESAW 89MM	MŨI KHOẸT EZYCHANGE 89MM	637.200		8%
5484	E-14174	EZYCHANGE BIM HOLESAW 133MM	MŨI KHOẸT EZYCHANGE 133MM	1.452.600		8%
5485	E-14255	TCT DRILL BIT WITH STRAIGHT SHANK N	BỘ MŨI KHOAN ĐA NĂNG CHUỐI THẰNG	237.600		8%
5486	E-14320	TCT SAW BLADE 185MMFOR THICK MET	LƯỚI CẮT TCT CHO KIM LOẠI 185MM	1.734.480		8%
5487	E-14336	IMPACT SOCKET 1/4" 8PCS WITH SOCKET	BỘ ĐẦU TUÝP SIẾT BÚ LÔNG 1/4" CỎ ĐÀU	319.140		8%
5488	E-14495	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 11X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS	208.980		8%
5489	E-14504	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 11X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS	249.048		8%
5490	E-14510	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 11X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS	289.116		8%
5491	E-14526	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 11X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS	387.828		8%
5492	E-14532	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 12X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS	220.428		8%
5493	E-14548	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 12X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS	254.880		8%
5494	E-14554	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 12X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS	301.968		8%
5495	E-14560	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 12X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS	399.600		8%
5496	E-14576	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 12X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS	555.228		8%
5497	E-14582	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 12X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS	711.720		8%
5498	E-14598	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 13X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS	266.220		8%
5499	E-14607	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 13X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS	433.620		8%
5500	E-14613	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 13X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS	492.480		8%
5501	E-14629	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 13X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS	527.040		8%
5502	E-14635	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 14X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS	283.392		8%
5503	E-14641	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 14X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS	446.472		8%
5504	E-14657	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 14X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS	503.712		8%
5505	E-14663	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 14X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS	549.720		8%
5506	E-14679	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 14X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS	578.124		8%
5507	E-14685	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 14X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS	775.656		8%
5508	E-14691	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 15X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS	433.620		8%
5509	E-14700	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 15X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS	486.540		8%
5510	E-14716	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 15X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS	532.440		8%
5511	E-14722	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 15X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS	711.720		8%
5512	E-14738	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 16X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS	452.520		8%
5513	E-14744	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 16X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS	503.712		8%
5514	E-14750	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 16X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS	560.952		8%
5515	E-14766	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 16X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS	597.240		8%
5516	E-14772	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 16X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS	730.080		8%
5517	E-14788	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 16X	MŨI KHOAN NEMESIS II CHUỐI SDS-PLUS	954.720		8%
5518	E-15110	DRILL & SCREW BIT 75PCS/SET(NZ)	BỘ MŨI KHOAN VÀ MŨI VÍT 75 CẢI/BỘ(N	853.200		8%
5519	E-15827	DOUBLE ENDED SCREW BIT PH2-65MM 14	BỘ MŨI VÍT 2 ĐẦU IMPACT BLACK PH2-6	283.392		8%
5520	E-15833	DOUBLE ENDED SCREW BIT PH2-110MM	BỘ MŨI VÍT 2 ĐẦU IMPACT BLACK PH2-1	433.620		8%
5521	E-15877	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMP	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 6MM	104.544		8%
5522	E-15883	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMP	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 7MM	104.544		8%
5523	E-15899	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMP	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 8MM	104.544		8%
5524	E-15908	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMP	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 9MM	104.544		8%
5525	E-15914	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMP	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 10MM	104.544		8%
5526	E-15920	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMP	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 11MM	104.544		8%
5527	E-15936	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMP	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 12MM	107.352		8%
5528	E-15942	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMP	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 13MM	121.716		8%
5529	E-15958	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMP	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 14MM	121.716		8%
5530	E-15964	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMP	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 15MM	121.716		8%
5531	E-15970	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMP	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 16MM	121.716		8%
5532	E-15986	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMP	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 17MM	127.440		8%
5533	E-15992	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMP	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 18MM	138.888		8%
5534	E-16003	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMP	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 19MM	138.888		8%
5535	E-16019	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMP	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 20MM	144.612		8%
5536	E-16025	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMP	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 21MM	144.612		8%
5537	E-16031	IMPACT SOCKET 3/8" SQUARE DRIVE IMP	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 3/8" 22MM	157.464		8%
5538	E-16047	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMP	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 8MM	121.716		8%
5539	E-16053	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMP	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 9MM	121.716		8%
5540	E-16069	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMP	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 10MM	121.716		8%
5541	E-16075	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMP	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 11MM	121.716		8%
5542	E-16081	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMP	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 12MM	121.716		8%
5543	E-16097	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMP	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 13MM	121.716		8%
5544	E-16106	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMP	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 14MM	121.716		8%
5545	E-16112	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMP	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 15MM	121.716		8%
5546	E-16128	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMP	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 16MM	133.164		8%
5547	E-16134	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMP	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 17MM	133.164		8%
5548	E-16140	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMP	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 18MM	138.888		8%
5549	E-16156	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMP	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 19MM	138.888		8%
5550	E-16162	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMP	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 20MM	144.612		8%
5551	E-16178	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMP	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 21MM	144.612		8%
5552	E-16184	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMP	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 22MM	168.912		8%
5553	E-16190	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMP	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 23MM	203.256		8%
5554	E-16209	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMP	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 24MM	208.980		8%
5555	E-16215	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMP	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 27MM	220.428		8%
5556	E-16221	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMP	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 30MM	249.048		8%
5557	E-16237	IMPACT SOCKET 1/2" SQUARE DRIVE IMP	ĐẦU TUÝP IMPACT BLACK 1/2" 32MM	342.036		8%
5558	E-16243	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DRIV	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 3/8" 7MM	127.440		8%
5559	E-16259	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DRIV	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 3/8" 8MM	127.440		8%
5560	E-16265	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DRIV	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 3/8" 9MM	127.440		8%
5561	E-16271	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DRIV	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 3/8" 10MM	127.440		8%
5562	E-16287	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DRIV	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 3/8" 11MM	127.440		8%
5563	E-16293	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DRIV	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 3/8" 12MM	127.440		8%
5564	E-16302	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DRIV	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 3/8" 13MM	127.440		8%
5565	E-16318	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DRIV	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 3/8" 14MM	127.440		8%
5566	E-16324	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DRIV	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 3/8" 15MM	157.464		8%
5567	E-16330	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DRIV	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 3/8" 16MM	157.464		8%
5568	E-16346	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DRIV	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 3/8" 17MM	163.188		8%
5569	E-16352	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DRIV	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 3/8" 18MM	180.360		8%
5570	E-16368	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DRIV	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 3/8" 19MM	180.360		8%
5571	E-16374	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DRIV	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 3/8" 20MM	186.084		8%
5572	E-16380	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DRIV	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 3/8" 21MM	203.256		8%
5573	E-16396	IMPACT DEEP SOCKET 3/8" SQUARE DRIV	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 3/8" 22MM	220.428		8%
5574	E-16405	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DRIV	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 1/2" 8MM	144.612		8%
5575	E-16411	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DRIV	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 1/2" 10MM	144.612		8%
5576	E-16427	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DRIV	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 1/2" 11MM	144.612		8%
5577	E-16433	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DRIV	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 1/2" 12MM	144.612		8%
5578	E-16449	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DRIV	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 1/2" 13MM	144.612		8%
5579	E-16455	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DRIV	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 1/2" 14MM	163.188		8%
5580	E-16461	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DRIV	ĐẦU TUÝP DÀI IMPACT BLACK 1/2" 16MM	163.188		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
5581	E-16477	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DRIV	ĐẦU TUYP DÀI IMPACT BLACK 1/2" 17MM	180.360		8%
5582	E-16483	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DRIV	ĐẦU TUYP DÀI IMPACT BLACK 1/2" 18MM	191.808		8%
5583	E-16499	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DRIV	ĐẦU TUYP DÀI IMPACT BLACK 1/2" 19MM	197.640		8%
5584	E-16508	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DRIV	ĐẦU TUYP DÀI IMPACT BLACK 1/2" 21MM	226.152		8%
5585	E-16514	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DRIV	ĐẦU TUYP DÀI IMPACT BLACK 1/2" 22MM	249.048		8%
5586	E-16520	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DRIV	ĐẦU TUYP DÀI IMPACT BLACK 1/2" 24MM	271.944		8%
5587	E-16536	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DRIV	ĐẦU TUYP DÀI IMPACT BLACK 1/2" 27MM	296.244		8%
5588	E-16542	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DRIV	ĐẦU TUYP DÀI IMPACT BLACK 1/2" 30MM	325.080		8%
5589	E-16558	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" SQUARE DRIV	ĐẦU TUYP DÀI IMPACT BLACK 1/2" 32MM	359.208		8%
5590	E-16564	IMPACT SOCKET 1/2" IN PLASTIC CASE 9	BỘ ĐẦU TUYP IMPACT BLACK 1/2" 9PCS/S	1.261.440		8%
5591	E-16570	IMPACT SOCKET 1/2" IN PLASTIC CASE 9	BỘ ĐẦU TUYP IMPACT BLACK 1/2" 9PCS/S	1.156.680		8%
5592	E-16586	IMPACT DEEP SOCKET 1/2" IN PLASTIC C	BỘ ĐẦU TUYP SIẾT BU LÔNG IMPACT BL	2.949.480		8%
5593	E-16601	IMPACT SOCKET 1/2" IN ROLL UP POUCH	BỘ ĐẦU TUYP SIẾT BU LÔNG IMPACT BL	1.164.240		8%
5594	E-16617	IMPACT SOCKET 1/2" IN ROLL UP POUCH	BỘ ĐẦU TUYP SIẾT BU LÔNG IMPACT BL	1.377.000		8%
5595	E-16623	IMPACT SOCKET 1/2" WITH SOCKET ADA	BỘ ĐẦU TUYP SIẾT BU LÔNG IMPACT BL	874.800		8%
5596	E-16966-5	CUT-OFF WHEEL 355 FOR MASONRY	ĐÀ CẮT 355 DÀNH CHO XÂY DỰNG	2.568.240		8%
5597	E-19598	TCT DRILL BIT FOR SDS-PLUS HAMMER N	Mũi khoan TCT CHUỐI SDS PLUS NEME	1.711.800		8%
5598	E-19607	TCT DRILL BIT FOR SDS-PLUS HAMMER N	Mũi khoan TCT CHUỐI SDS PLUS NEME	1.758.780		8%
5599	E-19613	TCT DRILL BIT FOR SDS-PLUS HAMMER N	Mũi khoan TCT CHUỐI SDS PLUS NEME	2.012.400		8%
5600	E-19788	TCT SAW BLADE EFFICUT METAL 305MM	LƯỚI CUA EFFICUT 305MMX25.4MMX96T	8.442.360		8%
5601	E-19794	IMPACT BIT SOCKET IMPACT BLACK 1/2"	Mũi bản vít CHUỐI ĐẦU TUYP SIẾT BU	246.240		8%
5602	E-19803	IMPACT BIT SOCKET IMPACT BLACK 1/2"	Mũi bản vít CHUỐI ĐẦU TUYP SIẾT BU	246.240		8%
5603	E-19819	IMPACT BIT SOCKET IMPACT BLACK 1/2"	Mũi bản vít CHUỐI ĐẦU TUYP SIẾT BU	246.240		8%
5604	E-19825	IMPACT BIT SOCKET IMPACT BLACK 1/2"	Mũi bản vít CHUỐI ĐẦU TUYP SIẾT BU	246.240		8%
5605	E-19831	IMPACT BIT SOCKET IMPACT BLACK 1/2"	Mũi bản vít CHUỐI ĐẦU TUYP SIẾT BU	246.240		8%
5606	E-19847	IMPACT BIT SOCKET IMPACT BLACK 1/2"	Mũi bản vít CHUỐI ĐẦU TUYP SIẾT BU	246.240		8%
5607	E-19853	IMPACT BIT SOCKET IMPACT BLACK 1/2"	Mũi bản vít CHUỐI ĐẦU TUYP SIẾT BU	246.240		8%
5608	E-22224	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRIVE	ĐẦU TUYP SIẾT BU LÔNG 3/4" 17X51MM	440.748		8%
5609	E-22230	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRIVE	ĐẦU TUYP SIẾT BU LÔNG 3/4" 19X51MM	440.748		8%
5610	E-22246	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRIVE	ĐẦU TUYP SIẾT BU LÔNG 3/4" 21X51MM	440.748		8%
5611	E-22252	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRIVE	ĐẦU TUYP SIẾT BU LÔNG 3/4" 22X51MM	440.748		8%
5612	E-22268	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRIVE	ĐẦU TUYP SIẾT BU LÔNG 3/4" 24X51MM	440.748		8%
5613	E-22274	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRIVE	ĐẦU TUYP SIẾT BU LÔNG 3/4" 26X53MM	452.520		8%
5614	E-22280	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRIVE	ĐẦU TUYP SIẾT BU LÔNG 3/4" 27X53MM	452.520		8%
5615	E-22296	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRIVE	ĐẦU TUYP SIẾT BU LÔNG 3/4" 30X53MM	469.368		8%
5616	E-22305	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRIVE	ĐẦU TUYP SIẾT BU LÔNG 3/4" 32X57MM	469.368		8%
5617	E-22311	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRIVE	ĐẦU TUYP SIẾT BU LÔNG 3/4" 35X57MM	532.440		8%
5618	E-22327	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRIVE	ĐẦU TUYP SIẾT BU LÔNG 3/4" 36X57MM	532.440		8%
5619	E-22333	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRIVE	ĐẦU TUYP SIẾT BU LÔNG 3/4" 19X90MM	637.200		8%
5620	E-22349	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRIVE	ĐẦU TUYP SIẾT BU LÔNG 3/4" 21X90MM	637.200		8%
5621	E-22355	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRIVE	ĐẦU TUYP SIẾT BU LÔNG 3/4" 24X90MM	637.200		8%
5622	E-22361	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRIVE	ĐẦU TUYP SIẾT BU LÔNG 3/4" 27X90MM	671.220		8%
5623	E-22377	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRIVE	ĐẦU TUYP SIẾT BU LÔNG 3/4" 30X90MM	730.080		8%
5624	E-22383	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRIVE	ĐẦU TUYP SIẾT BU LÔNG 3/4" 32X90MM	735.588		8%
5625	E-22399	IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUARE DRIVE	ĐẦU TUYP SIẾT BU LÔNG 3/4" 36X90MM	821.880		8%
5626	E-22408	O RING FOR IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQ	VÒNG ĐỆM CHỮ O DÙNG CHO ĐẦU TUYP	24.408		8%
5627	E-22414	PIN FOR IMPACT SOCKET FOR 3/4" SQUAR	CHÓT GAI DÙNG CHO ĐẦU TUYP 3/4"	19.030		10%
5628	E-22420	IMPACT SOCKET FOR 1" SQUARE DRIVE4	ĐẦU TUYP SIẾT BU LÔNG 1" 41X90MM	1.296.000		8%
5629	E-22436	O RING FOR IMPACT SOCKET FOR 1" SQU	VÒNG ĐỆM CHỮ O DÙNG CHO ĐẦU TUYP	30.132		8%
5630	E-22442	PIN FOR IMPACT SOCKET FOR 1" SQUARE	CHÓT GAI DÙNG CHO ĐẦU TUYP 1"	24.860		10%
5631	E-22458	THIN CUT-OFF WHEEL/STAINLESS/FLAT/	ĐÀ CẮT MONG CHO INOX/150X1.6X22.23	61.560		8%
5632	E-22464	THIN CUT-OFF WHEEL/STAINLESS/FLAT/	ĐÀ CẮT MONG CHO INOX/180X1.6X22.23	61.560		8%
5633	E-22470	THIN CUT-OFF WHEEL/STAINLESS/FLAT/	ĐÀ CẮT MONG CHO INOX/230X1.9X22.23	107.352		8%
5634	E-22931	ULTRA THIN CUT-OFF WHEEL/STAINLESS	ĐÀ CẮT MONG CHO INOX Z60V 100X0.8X	53.028		8%
5635	E-22953	ULTRA THIN CUT-OFF WHEEL/STAINLESS	ĐÀ CẮT MONG CHO INOX Z60V 125X0.8X	58.752		8%
5636	E-24511	IMPACT SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 27MM	ĐẦU TUYP SIẾT BU LÔNG 1" 27MM	608.256		8%
5637	E-24527	IMPACT SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 30MM	ĐẦU TUYP SIẾT BU LÔNG 1" 30MM	608.256		8%
5638	E-24533	IMPACT SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 32MM	ĐẦU TUYP SIẾT BU LÔNG 1" 32MM	608.256		8%
5639	E-24549	IMPACT SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 33MM	ĐẦU TUYP SIẾT BU LÔNG 1" 33MM	608.256		8%
5640	E-24555	IMPACT SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 34MM	ĐẦU TUYP SIẾT BU LÔNG 1" 34MM	608.256		8%
5641	E-24561	IMPACT SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 36MM	ĐẦU TUYP SIẾT BU LÔNG 1" 36MM	682.668		8%
5642	E-24599	IMPACT SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 41MM	ĐẦU TUYP SIẾT BU LÔNG 1" 41MM	792.828		8%
5643	E-24620	IMPACT SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 46MM	ĐẦU TUYP SIẾT BU LÔNG 1" 46MM	885.816		8%
5644	E-24636	IMPACT SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 50MM	ĐẦU TUYP SIẾT BU LÔNG 1" 50MM	937.440		8%
5645	E-24642	IMPACT SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 55MM	ĐẦU TUYP SIẾT BU LÔNG 1" 55MM	1.070.388		8%
5646	E-24664	IMPACT SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 65MM	ĐẦU TUYP SIẾT BU LÔNG 1" 65MM	1.416.960		8%
5647	E-24670	IMPACT SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 70MM	ĐẦU TUYP SIẾT BU LÔNG 1" 70MM	2.064.960		8%
5648	E-24686	IMPACT DEEP SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 2	ĐẦU TUYP DÀI SIẾT BU LÔNG 1" 27MM	897.480		8%
5649	E-24692	IMPACT DEEP SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 3	ĐẦU TUYP DÀI SIẾT BU LÔNG 1" 30MM	897.480		8%
5650	E-24701	IMPACT DEEP SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 3	ĐẦU TUYP DÀI SIẾT BU LÔNG 1" 32MM	897.480		8%
5651	E-24717	IMPACT DEEP SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 3	ĐẦU TUYP DÀI SIẾT BU LÔNG 1" 33MM	897.480		8%
5652	E-24723	IMPACT DEEP SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 3	ĐẦU TUYP DÀI SIẾT BU LÔNG 1" 34MM	897.480		8%
5653	E-24739	IMPACT DEEP SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 3	ĐẦU TUYP DÀI SIẾT BU LÔNG 1" 36MM	1.278.720		8%
5654	E-24773	IMPACT DEEP SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 4	ĐẦU TUYP DÀI SIẾT BU LÔNG 1" 46MM	1.504.440		8%
5655	E-24789	IMPACT DEEP SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 5	ĐẦU TUYP DÀI SIẾT BU LÔNG 1" 50MM	1.590.840		8%
5656	E-24795	IMPACT DEEP SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 5	ĐẦU TUYP DÀI SIẾT BU LÔNG 1" 55MM	1.671.840		8%
5657	E-24810	IMPACT DEEP SOCKET FOR 1" SQ DRIVE 6	ĐẦU TUYP DÀI SIẾT BU LÔNG 1" 65MM	2.042.280		8%
5658	E-24832	TCT SAW BLADE FOR CIRCULAR SAW EFF	LƯỚI CÁT EFFICUT TCT CHO MÁY CUA B	3.194.640		8%
5659	E-24860	TCT DRILL BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS	Mũi khoan BÊ TÔNG NEMESIS2 TCT CH	870.480		8%
5660	E-24876	TCT DRILL BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS	Mũi khoan BÊ TÔNG NEMESIS2 TCT CH	984.960		8%
5661	E-24882	TCT DRILL BIT FOR SDS-PLUS HAMMERS	Mũi khoan BÊ TÔNG NEMESIS2 TCT CH	944.460		8%
5662	E-24898	NEMESISII FOR SDS-PLUS HAMMERS 20X	Mũi khoan BÊ TÔNG NEMESIS2 TCT CH	1.134.000		8%
5663	E-24941	SLEEVE CHUCK BIT HOLDER FOR NZ 76M	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI CHO Mũi khoan 76M	217.512		8%
5664	E-24957	SLEEVE CHUCK BIT HOLDER FOR NZ 152	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI CHO Mũi khoan 152M	320.760		8%
5665	E-24963	SLEEVE CHUCK BIT HOLDER FOR NZ 304	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI CHO Mũi khoan 304M	378.000		8%
5666	F-01729	BRAD NAIL 50(2021PCS/BOX)	ĐINH GHIM 50MM (2021 ĐINH/HỘP)	1.094.500		10%
5667	F-31825	PIN NAIL 18MM(10000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 18MMMM (ĐINH/HỘP)	395.010		10%
5668	F-31838	PIN NAIL 25MM(10000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 25MM(10.000 ĐINH/HỘP)	495.550		10%
5669	F-31841	PIN NAIL 30MM 10000PC/BOX	ĐINH 30MM 10000CAI/HỘP	553.850		10%
5670	F-31854	PIN NAIL 35MM 10000PC/BOX	ĐINH 35MM 10000CAI/HỘP	631.180		10%
5671	F-31867	BRAD NAIL 15MM 5000PC/BOX	ĐINH CHỈ 15MM 5000CAI/HỘP	291.500		10%
5672	F-31870	18 GA BRAD NAIL 20MM(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 18GA 20MM(5000 GHIM/HỘP)	368.500		10%
5673	F-31883	BRAD NAIL 25MM 5000PC/BOX	ĐINH CHỈ 25MM 5000CAI/HỘP	423.500		10%
5674	F-31902	18 GA BRAD NAIL 32MM(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 18GA 32MM(5000 GHIM/HỘP)	528.000		10%
5675	F-31931	18 GA BRAD NAIL 40MM(5000PCS/BOX)	ĐINH GHIM 18GA 40MM(5000 GHIM/HỘP)	638.000		10%
5676	F-31957	BRAD NAIL 50MM 5000PC/BOX	ĐINH CHỈ 50MM 5000CAI/HỘP	781.000		10%
5677	F-32142	STAINLESS PIN NAIL 18MM 10000PC/BOX	ĐINH KHÔNG GỈ 18MM 10000CAI/HỘP	913.880		10%
5678	F-32155	STAINLESS PIN NAIL 25MM 10000PC/BOX	ĐINH KHÔNG GỈ 25MM 10000CAI/HỘP	1.202.520		10%
5679	F-32168	STAINLESS PIN NAIL 30MM 10000PC/BOX	ĐINH KHÔNG GỈ 30MM 10000CAI/HỘP	1.343.870		10%
5680	F-32171	STAINLESS PIN NAIL 35MM 10000PC/BOX	ĐINH KHÔNG GỈ 35MM 10000CAI/HỘP	1.555.180		10%
5681	F-32245	FLAT TAPE COLLATED SCREWS 3.9X30M	VIT CƯỜNG 3.9X30MM(1000CAI)	462.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	10%
5682	F-33218	YELLOW ZINC 4.2X50 SQ2 (800PCS/SET)	ĐINH MA KẼM VANG 4.2X50 SQ2 (800CAI)	629.640		10%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
5683	GB00000042	BLADE 330/DLM330	LƯỚI CẮT CỎ 330/DLM330	226.152		8%
5684	GB00000165	WIDE NOZZLE/DUB187	ĐẦU THỜI RỘNG/DUB187	191.808		8%
5685	GB00000198	SHOULDER HARNESS ASSY/DUB187	BỘ DÂY ĐEO/DUB187	163.188		8%
5686	GM00001028	SHOULDER HOOK SET/ML105	DÂY TREO/ML105	41.580		8%
5687	GM00001288	SHOULDER HOOK SET/ML006G/ML006G	BỘ MOC TREO/ML006G	35.856		8%
5688	GM00001326	LAMP SHADE/ML006G	CHUP ĐÈN CHỐNG LỎA/ML006G	168.912		8%
5689	GM00001369	UNDER STAND FOR LED WORKLIGHT	GIÁ ĐÓ 3 CHÂN CHO ĐÈN CÔNG TRƯỜNG	208.980		8%
5690	GM00001396	VISE FOR LED WORKLIGHT	KẸP CHO ĐÈN CÔNG TRƯỜNG	489.500		10%
5691	GM00001499	DUST COVER	NÁP TÚI BỤI	462.240	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
5692	GM00001683	MAGNET ATTACHMENT/ML105	NAM CHÂM/ML105	390.960		8%
5693	GM00002073	TRIPOD FOR DML809/DML811	GIÁ ĐÓ 3 CHÂN CHO DML809/DML811	5.594.400		8%
5694	GM00002239	STRAP HOOK ASSY/DML812	DÂY ĐEO/DML812	82.350		8%
5695	GM00002283	TRIPOD/DML805	BỘ CHÂN ĐÓ MÁY/DML805	2.260.980		8%
5696	GM00002286	LAMP SHADE/DML809	CHUP CHỐNG CHOI MẶT/DML809	513.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
5697	GM00002287	LAMP SHADE/DML811	CHUP CHỐNG CHOI MẶT/DML811	324.000		8%
5698	GM00002312	LAMP SHADE/ML003G	TAM CHỐNG CHOI/ML003G	168.912		8%
5699	GM00002358	LAMP SHADE/ML005G	CHUP ĐÈN CHỐNG CHOI/ML005G	370.656		8%
5700	GM00002359	ANTI-GLARE FILM/ML005G	MÀN CHỐNG CHOI/ML005G	214.704		8%
5701	GM00002376	ANTI-GLARE FILM/ML009G	MÀN CHỐNG CHOI/ML009G	353.484		8%
5702	GM00002377	LAMP SHADE/ML009G	CHUP ĐÈN CHỐNG CHOI/ML009G	560.952		8%
5703	GM00002378	TRIPOD/ML009G	GIÁ ĐÓ 3 CHÂN CHO ĐÈN CÔNG TRƯỜNG	5.795.020		10%
5704	GM00002379	FLAT BAR/ML005G/ML003G	ĐÈ ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DÙNG PIN/ML005	1.181.520		8%
5705	HY00000212	WHEEL KITS	BÀNH XE	4.763.880		8%
5706	JM00000445	HEX WRENCH/LS0816F	CỖ LÊ LỤC GIÁ/LS0816F	18.684		8%
5707	JM00000535	DUST BAG ASSY/LS0816F	TÚI CHỨA BỤI/LS0816F	93.096		8%
5708	JM00000624	DUST BAG ASSY/LS1110F	TÚI CHỨA BỤI/LS1110F	97.308		8%
5709	JM00000674	HAMMER CARRIER/HM004G	XE ĐẠY CHO MÁY ĐỤC/HM004G	5.320.080		8%
5710	JM21000300	EXTENSION TABLE SET/LB1200F	BÀN TRƯỢT/LB1200F	1.782.000		8%
5711	JM21000320	CIRCULAR CUTTING ATTACHMENT/LB1200F	KẸP LƯỚI/LB1200F	518.870		10%
5712	JM21000330	BELT SANDING ATTACHMENT SET/LB1200F	THANH THÉP GIỮ CỖ ĐỊNH GIẤY NHẢM/	313.390		10%
5713	JM21080230	RIP FENCE ASSY/LB1200F	THANH CỬ/LB1200F	452.520		8%
5714	JM21080293	DUST COLLECTOR PORT A/LB1200F	ÔNG HÚT BỤI A/LB1200F	24.408		8%
5715	JM21080294	SAW BLADE 6/LB1200F	LƯỚI CỬA 6/LB1200F	715.500		8%
5716	JM21080295	SAW BLADE 13/LB1200F	LƯỚI CỬA VÒNG 13/LB1200F	688.392		8%
5717	JM21080296	SAW BLADE 16/LB1200F	LƯỚI CỬA VÒNG 16/LB1200F	688.392		8%
5718	JM21080297	SAW BLADE 16/LB1200F	LƯỚI CỬA 16/LB1200F	715.500		8%
5719	JM23000065	FLANGE/MT230	MẶT BÍCH/MT230	71.500		10%
5720	JM23010003	DUST BAG ASSEMBLY/M2300B	TÚI CHỨA BỤI/M2300B	75.924		8%
5721	JM23100124	BLADE FLANGE/LS1018L	MẶT BÍCH LƯỚI CẮT/LS1018L	100.650		10%
5722	JM23500038	BLADE FLANGE/LS0815FL	MẶT BÍCH NGOÀI/LS0815FL	112.310		10%
5723	JM23510009	VISE ASSEMBLY	THANH KẸP VẬT LIỆU	208.980		8%
5724	JM23510010	DUST BAG/LS0815FL	TÚI CHỨA BỤI/LS0815FL	104.544		8%
5725	JM23610050	BRACKET SET/WST06	KHUNG ĐÓ/WST06	2.116.800		8%
5726	JM27000086	PUSH STICK	GÂY ĐẦY	53.028		8%
5727	JM27000087	WRENCH B	CỖ LÊ B	70.200		8%
5728	JM27000090	DUST POINT/MLT100	ĐẦU NỔI HÚT BỤI/MLT100	30.132		8%
5729	JM27000171	INNER FLANGE/MLT100	MẶT BÍCH TRONG/MLT100	42.350		10%
5730	JM27000179	OUTER FLANGE/MLT100	MẶT BÍCH NGOÀI/MLT100	42.350		10%
5731	JM27000300	STAND SET(WST03)/MLT100	GIÁ ĐÓ MÁY CỬA BÀN(WST03)/MLT100	13.875.840		8%
5732	JM27000329	WRENCH	CỖ LÊ	24.408		8%
5733	JPA122194	NOZZLE ASS""Y	VỎI HÚT	342.036		8%
5734	JPA122197	NOZZLE ASS""Y	VỎI HÚT	1.576.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
5735	JPA122275	JOINT 55 ASS""Y	KHOP NỔI 55	159.840	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
5736	KF00000020	STAINLESS CUP/DCM501	CỐC ĐUNG CÀFÊ/DCM501	312.125		10%
5737	KF00000066	FILTER SET/DCM501	PHIEU LỌC/DCM501	70.200		8%
5738	KF00000068	SPOON/DCM501	MUÔNG NHỰA/DCM501	30.132		8%
5739	KF00000069	CUP COVER/DCM501	NÁP ĐẦY CỐC/DCM501	44.550		8%
5740	LE00855702	LASER RECEIVER/LDX1	THIỆT BỊ THỤ TIA LAZER/LDX1	8.325.720		8%
5741	LE00870137	WALL MOUNT/SK105	GIÁ ĐÓ/SK105	3.006.720		8%
5742	LX00000001	FOAM NOZZLE/HW180D	BÌNH CHỨA XÀ PHÒNG/HW180D	337.716		8%
5743	LX00000002	ANGLE NOZZLE/HW180D	ĐẦU XỊT GÓC/HW180D	527.040		8%
5744	LX00000003	WHEEL BRUSH/HW180D	ĐẦU XỊT DẠNG CHOI/HW180D	399.600		8%
5745	LX00000004	PLASTIC BOTTLE ADAPTER/HW180D	ĐẦU CHUYỂN ĐỔI CHAI NHỰA/HW180D	186.084		8%
5746	ML001G	CORDLESS FLASHLIGHT(40V MAX)	ĐÈN LED DÙNG PIN(40V MAX)	1.481.760		8%
5747	ML002G	CORDLESS WORKLIGHT(40V MAX)	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DÙNG PIN(40V MAX)	3.499.200		8%
5748	ML003G	CORDLESS WORKLIGHT(40V MAX/18V/14	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DÙNG PIN(40V MAX)	6.395.220		8%
5749	ML005G	CORDLESS WORKLIGHT(40V MAX/18V/14	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DÙNG PIN(40V MAX)	10.032.120		8%
5750	ML005GX	CORDLESS WORKLIGHT(40V MAX/18V/14	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DÙNG PIN(40V MAX)	9.931.140		8%
5751	ML006GX	CORDLESS FLASHLIGHT(40V MAX)	ĐÈN LED DÙNG PIN(40V MAX)	2.428.920		8%
5752	ML007G	CORDLESS FLASHLIGHT(40V MAX)	ĐÈN DÙNG PIN(40V MAX)	5.373.000		8%
5753	ML009GX	CORDLESS WORKLIGHT(40V MAX/18V/14	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DÙNG PIN(40V MAX)	16.188.120		8%
5754	ML010G	CORDLESS AREA WORKLIGHT(40V MAX/	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DÙNG PIN(40V MAX)	16.907.400		8%
5755	ML011G	CORDLESS WORKLIGHT(40V MAX)	ĐÈN LED DÙNG PIN(40V MAX)	2.052.000		8%
5756	ML012G	CORDLESS WORKLIGHT(40V MAX)	ĐÈN CÔNG TRƯỜNG DẠNG THANH DÙNG	15.176.160		8%
5757	ML104	CORDLESS LED FLASHLIGHT (12V MAX)	ĐÈN LED DÙNG PIN(12V MAX)	2.890.620		8%
5758	ML106	CORDLESS LED FLASHLIGHT(12V MAX)	ĐÈN LED DÙNG PIN(12V MAX)	1.904.040		8%
5759	ML107	CORDLESS WORKLIGHT(12V MAX)	ĐÈN LED DÙNG PIN(12V MAX)	1.504.440		8%
5760	ML187	RECHARGEABLE FLASH LIGHT(G-BATTE	ĐÈN LED DÙNG PIN(PIN TIẾT KIỂM(14.4	1.156.680		8%
5761	P-32954	CRD S/N MM 93X228 NON FOR #100 X10 S	GIẤY CHÀ NHAM 93X228 NON FOR #100 X	64.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
5762	P-32960	CRD S/N MM 93X228 NON FOR #150 X10 S	GIẤY CHÀ NHAM 93X228 NON FOR #150 X	64.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
5763	P-33102	KE5 S/N MM 114X102 VEL 6F #80X10 SCA	GIẤY CHÀ NHAM MM 114X102 VEL 6F #8	97.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
5764	P-33146	KE5 S/N MM 114X102 VEL 6F #180X10 SCA	GIẤY CHÀ NHAM MM 114X102 VEL 6F #1	97.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
5765	P-33277	E28 S/N DELTA C.94 VEL/FOR #80X10 SCA	GIẤY CHÀ NHAM TAM GIÁC C.94 VEL/FO	86.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
5766	P-33320	E28 S/N DELTA C.94 VEL/FOR #240X10 SCA	GIẤY CHÀ NHAM TAM GIÁC C.94 VEL/FO	86.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
5767	P-35988	CRD S/N VELL MM 93X185 8F #150X50	GIẤY CHÀ NHAM 93X185MM 8F #150X50	406.080	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
5768	P-35994	CRD S/N VELL MM 93X185 8F #180X50	GIẤY CHÀ NHAM 93X185MM 8F #180X50	406.080	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
5769	P-36005	CRD S/N VELL MM 93X185 8F #240X50	GIẤY CHÀ NHAM 93X185MM 8F #240X50	410.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
5770	P-36164	CRD S/N VELL MM 93X228 NON FOR #180	GIẤY CHÀ NHAM 93X228 #180 X10SCAT	64.800	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
5771	P-36239	CRD S/N VELL MM 93X230 #150X50 SCAT	GIẤY CHÀ NHAM 93X230 #150X50	205.200		8%
5772	P-36245	CRD S/N VELL MM 93X230 #180X50 SCAT	GIẤY CHÀ NHAM 93X230 #180X50	203.040	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
5773	P-36479	KE5 S/N MM 114X140 #120X50	GIẤY CHÀ NHAM MM 114X140 #120X50	224.640	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
5774	P-36485	KE5 S/N MM 114X140 #150X50	GIẤY CHÀ NHAM MM 114X140 #150X50	224.640	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
5775	P-36500	KE5 S/N MM 114X140 #240X50	GIẤY CHÀ NHAM MM 114X140 #240X50	224.640	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
5776	P-36516	D24 S/N MM 114X140 #40X10	GIẤY CHÀ NHAM MM 114X140 #40X10	104.544		8%
5777	P-36522	D24 S/N MM 114X140 #60X10	GIẤY CHÀ NHAM MM 114X140 #60X10	98.820		8%
5778	P-36538	D24 S/N MM 114X140 #80X10	GIẤY CHÀ NHAM MM 114X140 #80X10	98.820		8%
5779	P-36544	D24 S/N MM 114X140 #100X10	GIẤY CHÀ NHAM MM 114X140 #100X10	98.820		8%
5780	P-36550	D24 S/N MM 114X140 #120X10	GIẤY CHÀ NHAM MM 114X140 #120X10	98.820		8%
5781	P-36566	D24 S/N MM 114X140 #150X10	GIẤY CHÀ NHAM MM 114X140 #150X10	98.820		8%
5782	P-36572	D24 S/N MM 114X140 #180X10	GIẤY CHÀ NHAM 114X140/A180X10	98.820		8%
5783	P-36588	D24 S/N MM 114X140 #240X10	GIẤY CHÀ NHAM MM 114X140 #240X10	98.820		8%
5784	P-36594	D24 S/N MM 114X140 #40X50	GIẤY CHÀ NHAM MM 114X140 #40X50	452.520		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
5785	P-36603	D24 S/N MM 114X140 #60X50	GIẤY CHÀ NHAM MM 114X140 #60X50	405.000		8%
5786	P-36619	D24 S/N MM 114X140 #80X50	GIẤY CHÀ NHAM MM 114X140 #80X50	336.312		8%
5787	P-36625	D24 S/N MM 114X140 #100X50	GIẤY CHÀ NHAM MM 114X140 #100X50	325.080		8%
5788	P-36631	D24 S/N MM 114X140 #120X50	GIẤY CHÀ NHAM MM 114X140 #120X50	325.080		8%
5789	P-36647	D24 S/N MM 114X140 #150X50	GIẤY CHÀ NHAM MM 114X140 #150X50	325.080		8%
5790	P-36653	D24 S/N MM 114X140 #180X50	GIẤY CHÀ NHAM MM 114X140 #180X50	325.080		8%
5791	P-36669	D24 S/N MM 114X140 #240X50	GIẤY CHÀ NHAM MM 114X140 #240X50	325.080		8%
5792	P-36968	IMX S/N MM 100X610 #60 X25	GIẤY CHÀ NHAM 100X610 #60 X25	1.249.560		8%
5793	P-36974	IMX S/N MM 100X610 #80 X25	GIẤY CHÀ NHAM 100X610 #80 X25	1.226.880		8%
5794	P-36980	IMX S/N MM 100X610 #100 X25	GIẤY CHÀ NHAM 100X610 #100 X25	1.226.880		8%
5795	P-36996	IMX S/N MM 100X610 #120 X25	GIẤY CHÀ NHAM 100X610 #120 X25	1.226.880		8%
5796	P-42488	KE5 S/N MM 102X114 VEL 6 FORI GR.240X	GIẤY CHÀ NHAM MM 102X114 VEL 6 FOR	371.520	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
5797	P-42846	D24 S/N DELTA C.94 VEL/FOR GR.240X50	GIẤY CHÀ NHAM D24 S/N DELTA C.94 V	275.400	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
5798	P-67885	T.C.T SAW BLADE 255MMX25.4MMX40T	LƯỚI CUA HỘP KIM 255MMX25.4MMX40	486.540		8%
5799	P-67957	T.C.T SAW BLADE 185MMX20MMX40T	LƯỚI CUA HỘP KIM 185MMX20MMX40T	325.080		8%
5800	P-67963	T.C.T SAW BLADE 185MMX20MMX60T	LƯỚI CUA HỘP KIM 185MMX20MMX60T	334.908		8%
5801	P-67979	T.C.T SAW BLADE 230MMX25.4MMX60T	LƯỚI CUA HỘP KIM 230MMX25.4MMX60	602.640		8%
5802	P-67991	T.C.T SAW BLADE 255MM25.4MMX60T	LƯỚI CUA HỘP KIM 255MM25.4MMX60T	578.124		8%
5803	P-68002	T.C.T SAW BLADE 255MMX25.4MMX100T	LƯỚI CUA HỘP KIM 255MMX25.4MMX10	902.988		8%
5804	P-70219	FILTER ELEMENT/VC2000L	BỘ LỌC/VC2000L	835.650		8%
5805	P-70297	DISPOSAL BAG(5PCS)/VC2000L	TÚI CHỮA BỤI NHƯA(5CÁI)/VC2000L	988.200		8%
5806	P-70421	ADAPTER 35-38/VC2000L	KHỚP NỐI 35-38/VC2000L	550.800		8%
5807	P-71071	T.C.T SAW BLADE 230MMX25.4MMX40T	LƯỚI CUA HỘP KIM 230MMX25.4MMX40	486.540		8%
5808	P-72899	FILTER BAG(5PCS)/VC2000L	TÚI CHỮA BỤI GIẤY(5CÁI)/VC2000L	731.700		8%
5809	P-72942	SUCTION TUBE 35X520MM 2PCS/VC2000L	ỐNG THĂNG 35X520MM 2CÁI/VC2000L	730.290		10%
5810	P-81739	SUCTION HOSE D32X3500 W/TUBE/VC2000	ỐNG MỀM 32X3500/VC2000L	922.050		8%
5811	P-81745	TOOL ADAPTER 24/VC2000L	ĐẦU CHUYỂN 24/VC2000L	560.952		8%
5812	P-83901	T.C.T SAW BLADE 185MMX20MMX40T	LƯỚI CUA HỘP KIM 185MMX20MMX40T	365.040		8%
5813	P-83917	T.C.T SAW BLADE 185MMX20MMX60T	LƯỚI CUA HỘP KIM 185MMX20MMX60T	366.336		8%
5814	P-84355	TCT SAW BLADE 255X25.4X120T FOR ALU	LƯỚI CUA HỘP KIM 255X25.4X120T(NHỎ	973.080		8%
5815	PDCI1200A02	BACKPACK BATTERY(CONNECTOR TYPE	BỘ TRÚ PİN ĐEO VAI(BỘ CÁP NGUỒN/40V	49.743.720		8%
5816	PDCI1500A01	BACKPACK BATTERY(CONNECTOR TYPE	BỘ TRÚ PİN ĐEO VAI(BỘ CÁP NGUỒN/40V	80.937.360		8%
5817	PF400MP	PUMP ATTACHMENT/PF400MP	PHỤ KIỆN BƠM NƯỚC/PF400MP	7.796.250		10%
5818	PILOT L	PILOT L FOR HSS BLADE 11MM/HB350	Mũi khoan định tâm đường kính 11m	208.980		8%
5819	PILOTS	PILOT S FOR HSS BLADE 11MM/HB350	Mũi khoan định tâm đường kính 11m	174.636		8%
5820	PILOTU1A	S/R PILOT TCT CUTTERS UPTO 17MM DIA	Mũi khoan định tâm S/R TCT khoan t	138.888		8%
5821	PILOTU1B	S/R PILOT TCT CUTTERS OVER 17MM DIA	Mũi khoan định tâm S/R TCT khoan t	180.360		8%
5822	PILOTU2A	L/R PILOT TCT CUTTERS UPTO 17MM DIA	Mũi khoan định tâm L/R TCT khoan t	138.888		8%
5823	PILOTU2B	L/R PILOT TCT CUTTERS OVER 17MM DIA	Mũi khoan định tâm L/R TCT khoan t	180.360		8%
5824	PR00000028	GLASS PROTECTION NOZZLE	ĐẦU THỜI NONG CHO KINH	154.550		10%
5825	PR00000029	WIDE SLOT NOZZLE	ĐẦU THỜI NONG DANG KHE RONG	147.290		10%
5826	PR00000030	REFLECTOR NOZZLE	ĐẦU THỜI NONG DANG PHAN XA NHIE	189.530		10%
5827	PR00000031	REDUCTION NOZZLE	ĐẦU THỜI NONG DANG HOI TU	166.210		10%
5828	PR00000032	OVERLAP WELDING NOZZLE	ĐẦU THỜI NONG DANG DEP	342.540		10%
5829	PR00000033	SOLDER SLEEVES REFLECTOR	ĐẦU THỜI NONG CHO HAN PHAN XA NHI	406.670		10%
5830	PR00000034	WELDING NOZZLE	ĐẦU THỜI NONG CHO HAN	154.550		10%
5831	PR00000035	PRESSURE ROLLER	CON LÀN AP LUC	247.830		10%
5832	PR00000036	WELDING RODS ABS	QUE HAN ABS	243.324		8%
5833	PR00000037	WELDING RODS HDPE	QUE HAN HDPE	220.428		8%
5834	PR00000038	WELDING RODS PP	QUE HAN PP	220.428		8%
5835	PR00000039	SPEED WELDING NOZZLE	ĐẦU HAN NHANH CHO MÁY THỜI NONG	177.870		10%
5836	PR00000040	SCRAPER	ĐẦU NAO	242.000		10%
5837	PR00000041	SCRAPER SET	BỘ ĐẦU NAO	212.850		10%
5838	PR00000042	SCRAPER	ĐẦU NAO	172.040		10%
5839	PR00000128	SHOULDER STRAP/DUS054	DÂY ĐEO/DUS054	163.188		8%
5840	PR00000142	TOW HEAD NOZZLE/DUS054	ĐẦU VỚI PHUN/DUS054	93.096		8%
5841	PR00000144	HOOK/DUS054	MỐC TREO/DUS054	18.684		8%
5842	PR00000145	SPRAY WAND/DUS054	ỐNG CÁN PHUN/DUS054	294.470		10%
5843	PR00000255	TWIN HEAD MIST NOZZLE ASSY/DUS108	ĐẦU BÉT PHUN ĐÔI/DUS108	163.188		8%
5844	PR00000314	HOOK FOR SPRAY WAND/DUS108/DUS158	GIỮ ĐẦU PHUN/DUS108/DUS158	24.408		8%
5845	PR00000317	MEASURING CUP/DUS158	LỖ ĐINH LƯÔNG/DUS158	81.648		8%
5846	QY00000093	POWER SUPPLY CORD/ML010G	DÂY ĐIỆN/ML010G	486.540		8%
5847	SC00000103	HEX. WRENCH M3/DSC163	ỚC LỤC GIÁC M3/DSC163	30.132		8%
5848	SC00000104	HEX. WRENCH M4/DSC163	ỚC LỤC GIÁC M4/DSC163	30.132		8%
5849	SC00000105	HEX. WRENCH M5/DSC163	ỚC LỤC GIÁC M5/DSC163	41.580		8%
5850	SC00000107	WRENCH 17-14/DSC163	CỖ LÊ 14-17/DSC163	243.324		8%
5851	SC00000130	CUTTER BLADE SET	BỘ LƯỚI CÁT	2.683.800		8%
5852	SC00000202	DIE SA6(ROUND)/PP001G	KHUÔN ĐÓT TRƠN SA6/PP001G	2.731.320		8%
5853	SC00000203	DIE SB-6(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐÓT TRƠN SB-6/DPP200	2.868.480		8%
5854	SC00000204	DIE SA6.5(ROUND)/PP001G	KHUÔN ĐÓT TRƠN SA6.5/PP001G	2.731.320		8%
5855	SC00000205	DIE SB-6.5(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐÓT TRƠN SB-6.5/DPP200	2.868.480		8%
5856	SC00000206	DIE SA8(ROUND)/PP001G	KHUÔN ĐÓT TRƠN SA8/PP001G	2.731.320		8%
5857	SC00000207	DIE SB-8(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐÓT 8(HÌNH TRƠN)/DPP200	2.637.360		8%
5858	SC00000208	DIE SA8.5(ROUND)/PP001G	KHUÔN ĐÓT TRƠN SA8.5/PP001G	2.731.320		8%
5859	SC00000209	DIE SB-8.5(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐÓT TRƠN SB-8.5/DPP200	2.868.480		8%
5860	SC00000210	DIE SA10(ROUND)/PP001G	KHUÔN ĐÓT TRƠN SA10/PP001G	2.731.320		8%
5861	SC00000211	DIE SB-10(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐÓT 10(HÌNH TRƠN)/DPP200	2.637.360		8%
5862	SC00000212	DIE SA11(ROUND)/PP001G	KHUÔN ĐÓT TRƠN SA11/PP001G	2.731.320		8%
5863	SC00000213	DIE SB-11(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐÓT TRƠN SB-11/DPP200	2.868.480		8%
5864	SC00000214	DIE SA12(ROUND)/PP001G	KHUÔN ĐÓT TRƠN SA12/PP001G	2.731.320		8%
5865	SC00000215	DIE SB-12(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐÓT 12(HÌNH TRƠN)/DPP200	2.488.050		8%
5866	SC00000216	DIE SA13(ROUND)/PP001G	KHUÔN ĐÓT TRƠN SA13/PP001G	2.731.320		8%
5867	SC00000217	DIE SB-13(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐÓT TRƠN SB-13/DPP200	2.868.480		8%
5868	SC00000218	DIE SA14(ROUND)/PP001G	KHUÔN ĐÓT TRƠN SA14/PP001G	2.731.320		8%
5869	SC00000219	DIE SB-14(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐÓT 14(HÌNH TRƠN)/DPP200	2.637.360		8%
5870	SC00000220	DIE SA15(ROUND)/PP001G	KHUÔN ĐÓT TRƠN SA15/PP001G	2.731.320		8%
5871	SC00000221	DIE SB-15(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐÓT TRƠN SB-15/DPP200	2.868.480		8%
5872	SC00000222	DIE SA18(ROUND)/PP001G	KHUÔN ĐÓT TRƠN SA18/PP001G	2.731.320		8%
5873	SC00000223	DIE SB-18(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐÓT TRƠN SB-18/DPP200	2.868.480		8%
5874	SC00000243	OBLONG DIE A6.5X10/PP001G	KHUÔN ĐÓT HÌNH BẬU DUC A6.5X10/PP0	2.988.360		8%
5875	SC00000244	OBLONG DIE B6.5X10/DPP200	KHUÔN ĐÓT BẬU DUC B6.5X10/DPP200	2.868.480		8%
5876	SC00000245	OBLONG DIE A6.5X13/PP001G	KHUÔN ĐÓT HÌNH BẬU DUC A6.5X13/PP0	2.988.360		8%
5877	SC00000246	OBLONG DIE B6.5X13/DPP200	KHUÔN ĐÓT BẬU DUC B6.5X13/DPP200	2.868.480		8%
5878	SC00000247	OBLONG DIE A8.5X13/PP001G	KHUÔN ĐÓT HÌNH BẬU DUC A8.5X13/PP0	2.988.360		8%
5879	SC00000248	OBLONG DIE B8.5X13(OVAL)/DPP200	KHUÔN ĐÓT 8.5X13(HÌNH BẬU DUC)/DPP	2.637.360		8%
5880	SC00000249	OBLONG DIE A8.5X17/PP001G	KHUÔN ĐÓT HÌNH BẬU DUC A8.5X17/PP0	2.988.360		8%
5881	SC00000250	OBLONG DIE B8.5X17/DPP200	KHUÔN ĐÓT BẬU DUC B8.5X17/DPP200	2.868.480		8%
5882	SC00000251	OBLONG DIE A9X13.5/PP001G	KHUÔN ĐÓT HÌNH BẬU DUC A9X13.5/PP0	2.988.360		8%
5883	SC00000252	OBLONG DIE B9X13.5/DPP200	KHUÔN ĐÓT BẬU DUC B9X13.5/DPP200	2.868.480		8%
5884	SC00000253	OBLONG DIE A9X18/PP001G	KHUÔN ĐÓT HÌNH BẬU DUC A9X18/PP001	2.988.360		8%
5885	SC00000254	OBLONG DIE B9X18/DPP200	KHUÔN ĐÓT BẬU DUC B9X18/DPP200	2.868.480		8%
5886	SC00000255	OBLONG DIE A10X15/PP001G	KHUÔN ĐÓT HÌNH BẬU DUC A10X15/PP00	2.988.360		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
5887	SC00000256	OBLONG DIE B10X15(OVAL)/DPP200	KHUÔN ĐÓT 10X15(HÌNH BẦU DỤC)/DPP2	2.488.050		8%
5888	SC00000257	OBLONG PUNCH A10X20/PP001G	KHUÔN ĐÓT HÌNH BẦU DỤC A10X20/PP00	2.988.360		8%
5889	SC00000258	OBLONG DIE B10X20/DPP200	KHUÔN ĐÓT BẦU DỤC B10X20/DPP200	2.868.480		8%
5890	SC00000259	OBLONG DIE A11X16.5/PP001G	KHUÔN ĐÓT HÌNH BẦU DỤC A11X16.5/PP	2.988.360		8%
5891	SC00000260	OBLONG DIE B11X16.5/DPP200	KHUÔN ĐÓT BẦU DỤC B11X16.5/DPP200	2.868.480		8%
5892	SC00000261	OBLONG DIE A12X18/PP001G	KHUÔN ĐÓT HÌNH BẦU DỤC A12X18/PP00	2.988.360		8%
5893	SC00000262	OBLONG DIE B12X18(OVAL)/DPP200	KHUÔN ĐÓT 12X18(HÌNH BẦU DỤC)/DPP2	2.488.050		8%
5894	SC00000263	OBLONG DIE A13X19.5/PP001G	KHUÔN ĐÓT HÌNH BẦU DỤC A13X19.5/PP	2.988.360		8%
5895	SC00000264	OBLONG DIE B13X19.5/DPP200	KHUÔN ĐÓT BẦU DỤC B13X19.5/DPP200	2.868.480		8%
5896	SC00000265	OBLONG DIE A14X21/PP001G	KHUÔN ĐÓT HÌNH BẦU DỤC A14X21/PP00	2.988.360		8%
5897	SC00000266	OBLONG DIE B14X21(OVAL)/DPP200	KHUÔN ĐÓT 14X21(HÌNH BẦU DỤC)/DPP2	2.488.050		8%
5898	SC00000508	CUTTER 8MM SET	BỘ LƯỚI CẮT 8MM	3.863.160		8%
5899	SC00000510	CUTTER 10MM SET	BỘ LƯỚI CẮT 10MM	3.863.160		8%
5900	SC00000512	CUTTER 12MM SET	BỘ LƯỚI CẮT 12MM	3.863.160		8%
5901	SC00000514	STAINLESS STEEL CUTTRES 8MM	BỘ LƯỚI CẮT KHÔNG GI 8MM	3.863.160		8%
5902	SC00000515	STAINLESS STEEL CUTTER 10MM	BỘ LƯỚI CẮT KHÔNG GI 10MM	3.863.160		8%
5903	SC00000562	CUTTER 6MM SET	BỘ LƯỚI CẮT 6MM	3.863.160		8%
5904	SC00000580	CUTTER BLADE SET	BỘ LƯỚI CẮT	6.846.120		8%
5905	SC03300790	SLIDE STOPPER/DPP200	THƯỚC CẠNH CHỖNG TRƯỢT/DPP200	2.074.050		10%
5906	SC03801080	WORK STAND/DPP200	GIÁ ĐÓ/DPP200	2.521.800		8%
5907	SC05332710	DIE SB16(ROUND)/PP001G	KHUÔN ĐÓT TRÒN SB16/PP001G	2.868.480		8%
5908	SC05332740	DIE SB-19(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐÓT 20(HÌNH TRÒN)/DPP200	2.661.120		8%
5909	SC05340040	PUNCH 6MM(ROUND)/DPP200	MŨI ĐÓT TRÒN 6MM/DPP200	2.845.800		8%
5910	SC05340050	PUNCH 6.5MM(ROUND)/DPP200	MŨI ĐÓT TRÒN 6.5MM/DPP200	2.845.800		8%
5911	SC05340060	PUNCH 8(ROUND)/DPP200	MŨI ĐÓT 8(HÌNH TRÒN)/DPP200	2.637.360		8%
5912	SC05340070	PUNCH 8.5MM(ROUND)/DPP200	MŨI ĐÓT TRÒN 8.5MM/DPP200	2.845.800		8%
5913	SC05340080	PUNCH 10(ROUND)/DPP200	MŨI ĐÓT 10(HÌNH TRÒN)/DPP200	2.637.360		8%
5914	SC05340090	PUNCH 11MM(ROUND)/DPP200	MŨI ĐÓT TRÒN 11MM/DPP200	2.845.800		8%
5915	SC05340100	PUNCH 12(ROUND)/DPP200	MŨI ĐÓT 12(HÌNH TRÒN)/DPP200	2.488.050		8%
5916	SC05340110	PUNCH 13MM(ROUND)/DPP200	MŨI ĐÓT TRÒN 13MM/DPP200	2.845.800		8%
5917	SC05340120	PUNCH 14(ROUND)/DPP200	MŨI ĐÓT 14(HÌNH TRÒN)/DPP200	2.637.360		8%
5918	SC05340130	PUNCH 15MM(ROUND)/DPP200	MŨI ĐÓT TRÒN 15MM/DPP200	2.845.800		8%
5919	SC05340140	PUNCH 16MM(ROUND)/DPP200	MŨI ĐÓT TRÒN 16MM/DPP200	2.845.800		8%
5920	SC05340150	PUNCH 18MM(ROUND)/DPP200	MŨI ĐÓT TRÒN 18MM/DPP200	2.845.800		8%
5921	SC05340160	PUNCH 20(ROUND)/DPP200	MŨI ĐÓT 20(HÌNH TRÒN)/DPP200	2.637.360		8%
5922	SC05340170	PUNCH 19(ROUND)/DPP200	MŨI ĐÓT 19(HÌNH TRÒN)/DPP200	2.661.120		8%
5923	SC05340200	OBLONG PUNCH 6.5X10/DPP200	MŨI ĐÓT BẦU DỤC 6.5X10/DPP200	3.885.840		8%
5924	SC05340210	OBLONG PUNCH 6.5X13/DPP200	MŨI ĐÓT BẦU DỤC 6.5X13/DPP200	3.885.840		8%
5925	SC05340220	OBLONG PUNCH 8.5X13(OVAL)/DPP200	MŨI ĐÓT 8.5X13(HÌNH BẦU DỤC)/DPP200	3.585.600		8%
5926	SC05340230	OBLONG PUNCH 8.5X17/DPP200	MŨI ĐÓT BẦU DỤC 8.5X17/DPP200	3.885.840		8%
5927	SC05340240	OBLONG PUNCH 9X13.5/DPP200	MŨI ĐÓT BẦU DỤC 9X13.5/DPP200	3.885.840		8%
5928	SC05340250	OBLONG PUNCH 9X18/DPP200	MŨI ĐÓT BẦU DỤC 9X18/DPP200	3.885.840		8%
5929	SC05340260	OBLONG PUNCH 10X15(OVAL)/DPP200	MŨI ĐÓT 10X15(HÌNH BẦU DỤC)/DPP200	3.585.600		8%
5930	SC05340270	OBLONG PUNCH 10X20/DPP200	MŨI ĐÓT BẦU DỤC 10X20/DPP200	3.885.840		8%
5931	SC05340280	OBLONG PUNCH 11X16.5/DPP200	MŨI ĐÓT BẦU DỤC 11X16.5/DPP200	3.885.840		8%
5932	SC05340290	OBLONG PUNCH 12X18(OVAL)/DPP200	MŨI ĐÓT 12X18(HÌNH BẦU DỤC)/DPP200	3.585.600		8%
5933	SC05340300	OBLONG PUNCH 13X19.5/DPP200	MŨI ĐÓT BẦU DỤC 13X19.5/DPP200	3.885.840		8%
5934	SC05340310	OBLONG PUNCH 14X21(OVAL)/DPP200	MŨI ĐÓT 14X21(HÌNH BẦU DỤC)/DPP200	3.585.600		8%
5935	SC05340400	PUNCH 12MM(ROUND)/PP001G	MŨI ĐÓT TRÒN 12MM/PP001G	2.896.560		8%
5936	SC05340410	PUNCH 13MM(ROUND)/PP001G	MŨI ĐÓT TRÒN 13MM/PP001G	2.896.560		8%
5937	SC05340420	PUNCH 14MM(ROUND)/PP001G	MŨI ĐÓT TRÒN 14MM/PP001G	2.896.560		8%
5938	SC05340430	PUNCH 15MM(ROUND)/PP001G	MŨI ĐÓT TRÒN 15MM/PP001G	2.896.560		8%
5939	SC05340440	PUNCH 16MM(ROUND)/PP001G	MŨI ĐÓT TRÒN 16MM/PP001G	2.896.560		8%
5940	SC05340450	PUNCH 18MM(ROUND)/PP001G	MŨI ĐÓT TRÒN 18MM/PP001G	2.913.840		8%
5941	SC05340460	PUNCH 19MM(ROUND)/PP001G	MŨI ĐÓT TRÒN 19MM/PP001G	2.896.560		8%
5942	SC05340510	OBLONG DIE B20X12/PP001G	KHUÔN ĐÓT HÌNH BẦU DỤC B20X12/PP00	2.976.480		8%
5943	SC05340530	OBLONG DIE B20X14/PP001G	KHUÔN ĐÓT HÌNH BẦU DỤC B20X14/PP00	2.976.480		8%
5944	SC05340550	OBLONG DIE B15X21/PP001G	KHUÔN ĐÓTHÌNH BẦU DỤC B15X21/PP00	3.142.800		8%
5945	SC05352500	DIE SA20(ROUND)/PP001G	KHUÔN ĐÓT TRON SA20/PP001G	2.731.320		8%
5946	SC05352510	DIE SB-20(ROUND)/DPP200	KHUÔN ĐÓT 20(HÌNH TRÒN)/DPP200	2.637.360		8%
5947	SC09002450	CUTTER BLADE SET	BỘ LƯỚI CẮT	3.863.160		8%
5948	SC09002470	CUTTER BLADE SET/DSC163	LƯỚI CẮT/DSC163	6.106.320		8%
5949	SC09002700	CUTTER M8/DSC121	LƯỚI CẮT M8/DSC121	4.162.860		8%
5950	SC09002710	CUTTER M10/DSC121	LƯỚI CẮT M10/DSC121	4.162.860		8%
5951	SC09002720	CUTTER M12/DSC121	LƯỚI CẮT M12/DSC121	4.162.860		8%
5952	SE00000679	AC ADAPTER/DMR114	BỘ CHUYỂN ĐỔI NGUỒN ĐIỆN/DMR114	654.750		8%
5953	SE00000792	AC ADAPTER/DMR203	BỘ CHUYỂN ĐỔI ĐIỆN NGUỒN ĐIỆN/DMR	284.850		8%
5954	SH00000027	CUP FILTER ASSY/DCL500	BỘ LỌC KHÍ LY TÂM/DCL500	816.480	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
5955	SH00000034	P SUC-HOSE 1ST ASSY	TAY CẠM HÚT BỤI	1.897.560		8%
5956	SH00000042	T CREVICE NOZZLE/DCL501	ĐẦU HÚT KHE/DCL501	296.244		8%
5957	SH00000058	FLOOR NOZZLE ASSY/DCL501	ĐẦU HÚT BỤI/DCL501	717.120		8%
5958	SH00000059	DRIVE PIPE ASSY/DCL500	ỐNG HÚT BỤI/DCL500	407.916		8%
5959	SH00000060	SCREW PIPE ASSY/DCL501	ỐNG HÚT BỤI/DCL501	2.049.300		10%
5960	SH00000064	BOTTOM PLATE ASSY	NÁP ĐÁY TRỤC LẤN	799.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
5961	SH00000065	SIDE BRUSH 2PCS(STANDARD)/DRC200	CHỔI QUÉT BỤI 2CÁI(TIÊU CHUẨN)/DRC2	1.249.560		8%
5962	SH00000213	FILTER UNIT'S ASSY/DRC200	LỌC BỤI/DRC200	1.804.680		8%
5963	SH00000231	SENSOR WALL TAPE 15M ROLL/DRC200	BĂNG KEO CẠM ỨNG KHOANH VÙNG 15M	1.549.800		8%
5964	SH00000240	SENSOR WALL TAPE 15M ROLL/DRC200	BĂNG KEO CẠM ỨNG KHOANH VÙNG 15M	1.360.800		8%
5965	SH00000286	CUP FILTER ASSY/DCL501	BỘ LỌC KHÍ LY TÂM/DCL501	960.228		8%
5966	SH00000313	POWER BRUSH(STANDARD)/DRC200	TRỤC LẤN QUÉT BỤI(TIÊU CHUẨN)/DRC2	2.359.800		8%
5967	SH00000314	BOTTOM PLATE ASSY	NÁP ĐÁY TRỤC LẤN	972.000		8%
5968	SH00000319	POWER BRUSH (COMBINATION)/DRC200	TRỤC LẤN QUÉT BỤI (KẾT HỢP)/DRC200	3.119.850		8%
5969	SH00000320	POWER BRUSH (SOFT)/DRC200	TRỤC LẤN QUÉT BỤI (MỀM)/DRC200	2.771.550		8%
5970	SH00000321	SIDE BRUSHES 2 PCS (SOFT)/DRC200	CHỔI QUÉT BỤI 2 PCS (MỀM)/DRC200	1.767.150		8%
5971	STEX122177	ANGLE ATTACHEMENT/DS4011	PHỤ KIỆN GÓC/DS4011	5.322.240		8%
5972	STEX122198	NOZZLE ASSY	ĐẦU HÚT BỤI	1.771.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
5973	STEX122299	BELT SANDER STAND	BỘ CHÀ NHẠM BĂNG ĐỨNG	3.909.600		8%
5974	STEX122390	TRIMMER BASE ASSY	ĐỀ MÁY ĐẠNH CÀNH	988.200		8%
5975	SY00146013	UPPER BLADE(BULK)/EM407MP	LƯỚI CẮT TRÊN/EM407MP	948.780		8%
5976	SY00146014	LOWER BLADE(BULK)/EM407MP	LƯỚI CẮT DƯỚI/EM407MP	861.840		8%
5977	T-90009	ROLLING TOOL CHEST 998X565X295MM	TỦ Đựng DỤNG CỤ CỎ BANH XE VÀ TAY	14.941.800		8%
5978	T-90015	LARGE TOOL BOX 802X565X252MM	HỘP ĐỰNG DỤNG CỤ 802X565X252MM	9.828.000		8%
5979	T-90021	EXTRA LARGE EXTENSION TOOLBOX 565	HỘP ĐỰNG DỤNG CỤ DẠNG MÔ RỘNG 56	6.858.000		8%
5980	T-90037	MEDIUM TOOL BOX 561X387X161MM	HỘP ĐỰNG DỤNG CỤ 561X387X161MM	5.076.000		8%
5981	T-90043	DEEP MEDIUM ORGANIZER 562X387X163	HỘP ĐỰNG DỤNG CỤ CHIA NGĂN DẠNG S	3.780.000		8%
5982	T-90059	LOW-PROFILE MEDIUM ORGANIZER 596X	HỘP ĐỰNG DỤNG CỤ CHIA NGĂN DẠNG S	4.438.800		8%
5983	T-90065	DEEP COMPACT ORGANIZER 389X278X16	HỘP ĐỰNG DỤNG CỤ CHIA NGĂN DẠNG S	3.461.400		8%
5984	TD00000110	BATTERY HOLDER 12V MAX	BỘ GIỮ PIN 12V MAX	1.355.400		8%
5985	TD00000111	BATTERY HOLDER 18V	BỘ GIỮ PIN 18V	1.393.200		8%
5986	TD00000112	CABLE UNIT B	ĐÂY CÁP B	108.000		8%
5987	TE00000242	AC ADAPTER/CF100D	BỘ CHUYỂN ĐỔI NGUỒN ĐIỆN/CF100D	416.448		8%
5988	TE00000333	SWIM RING ADAPTER/MP100D	ĐẦU NỐI/MP100D	30.132		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
5989	TE00000334	FRENCH ADAPTER/MP100D	ĐẦU NỐI/MP100D	21.600	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
5990	TE00000335	BALL ADAPTER/MP100D	ĐẦU NỐI/MP100D	22.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	10%
5991	TE00000440	ADAPT0R(FRA)/DCF203	BỘ CHUYỂN ĐỔI NGUỒN AC/DCF203	602.640		8%
5992	TE00000442	AC ADAPTER/DCF301	BỘ CHUYỂN ĐỔI AC/DCF301	897.480		8%
5993	TE00000594	FRENCH ADAPTER/MP100D	ĐẦU NỐI ỒNG BƠM HƠI/MP100D	30.690		10%
5994	TE00000691	AIR CHUCK/MP001G	TAY CÀM BƠM HƠI NỐI DAI/MP001G	712.800		10%
5995	TE00000779	POWER SUPPLY CORD/CF003G	DÂY ĐIỆN/CF003G	254.880		8%
5996	TE00000793	AC ADAPTER/CF003G	BỘ CHUYỂN ĐỔI/CF003G	1.332.720		8%
5997	TE00000796	0 DEGREES AIR CHUCK/MP001G	TAY CÀM BƠM HƠI NỐI DAI/MP001G	730.290		10%
5998	TK00SB0001	SHOULDER BELT/SK312GD	DÂY ĐEO VAI/SK312GD	208.980		8%
5999	TK02100200	GLASSES LASER VISIBILITY/SK312GD	PHỤ KIỆN KÍNH HIỂN THỊ LAZE/SK312GD	393.552		8%
6000	TK0219UNIM	CD-ROM/SK312GD	Đĩa CD/SK312GD	492.480		8%
6001	TK0LDG301F	LASER RECEIVER LDG-3/SK312GD	THIẾT BỊ THU TIA LAZER LDG-3/SK312GD	8.208.000		8%
6002	TK0LDG501F	LASER RECEIVER LDG-5/SK10GD	PHỤ KIỆN THU TIA LAZER/SK10GD	5.551.200		8%
6003	TK0LM2000F	MINI TRIPOD/SK312GD	GIÁ 3 CHÂN NHỎ/SK312GD	1.413.830		10%
6004	TK0LM4001F	TRIPOD 1800	CHÂN MÁY	3.794.040		8%
6005	TK0LM5030F	TRIPOD 2900/SK312GD	CHÂN MÁY/SK312GD	5.700.310		10%
6006	TK0LVE3062	CABLE GCX(F)/SK312GD	CÁP GCX(F)/SK312GD	330.588		8%
6007	TK219UNQSG	OPERATION GUIDE/SK312GD	SÁCH HƯỚNG DẪN/SK312GD	115.992		8%
6008	TKAK400MUN	STORAGE CASE/SK312GD	THÙNG MÁY/SK312GD	6.029.760		10%
6009	TKERW219UN	LEAD UNIT/SK312GD	DÂY CÁP GHIM ĐIỆN/SK312GD	214.704		8%
6010	TKLM400117	STORAGE BAG/TK0LM4001F	TÚI BẢO QUẢN/TK0LM4001F	781.380		8%
6011	TKLM503023	STORAGE BAG/TK0LM5030F	TÚI BẢO QUẢN/TK0LM5030F	914.760		8%
6012	TP00000153	NOZZLE A	VỎ ĐEP THỜI NONG A	43.200	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	8%
6013	TP00000159	FISHTAIL SPREADER	PHỤ KIỆN MÁY THỜI NONG C	22.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 80% và số lượng có hạn.	10%
6014	TP00000164	BATTERY 4.8V / 6723DW	PIN 4.8V / 6723DW	378.000		8%
6015	TR000000001	TROLLEY	XE KÉO BẢNG TAY ĐỂ CHỖ HÀNG	5.563.080		8%
6016	UD00UPC14L	CUTTER TCT(LONG)14X55MM	MÙI KHOAN TỦ TCT(DAI)14X55MM	986.040		8%
6017	UD00UPC14S	CUTTER TCT(SHORT)14X35MM	MÙI KHOAN TỦ TCT(NGĂN)14X35MM	927.720		8%
6018	UD00UPC15L	CUTTER TCT(LONG)15X55MM	MÙI KHOAN TỦ TCT(DAI)15X55MM	986.040		8%
6019	UD00UPC15S	CUTTER TCT(SHORT)15X35MM	MÙI KHOAN TỦ TCT(NGĂN)15X35MM	927.720		8%
6020	UD00UPC16L	CUTTER TCT(LONG)16X55MM	MÙI KHOAN TỦ TCT(DAI)16X55MM	986.040		8%
6021	UD00UPC16S	CUTTER TCT(SHORT)16X35MM	MÙI KHOAN TỦ TCT(NGĂN)16X35MM	927.720		8%
6022	UD00UPC17L	CUTTER TCT(LONG)17X55MM	MÙI KHOAN TỦ TCT(DAI)17X55MM	986.040		8%
6023	UD00UPC17S	CUTTER TCT(SHORT)17X35MM	MÙI KHOAN TỦ TCT(NGĂN)17X35MM	927.720		8%
6024	UD00UPC18L	CUTTER TCT(LONG)18X55MM	MÙI KHOAN TỦ TCT(DAI)18X55MM	986.040		8%
6025	UD00UPC18S	CUTTER TCT(SHORT)18X35MM	MÙI KHOAN TỦ TCT(NGĂN)18X35MM	927.720		8%
6026	UD00UPC19L	CUTTER TCT(LONG)19X55MM	MÙI KHOAN TỦ TCT(DAI)19X55MM	986.040		8%
6027	UD00UPC19S	CUTTER TCT(SHORT)19X35MM	MÙI KHOAN TỦ TCT(NGĂN)19X35MM	927.720		8%
6028	UD00UPC20L	CUTTER TCT(LONG)20X55MM	MÙI KHOAN TỦ TCT(DAI)20X55MM	1.008.936		8%
6029	UD00UPC20S	CUTTER TCT(SHORT)20X35MM	MÙI KHOAN TỦ TCT(NGĂN)20X35MM	927.720		8%
6030	UD00UPC21L	CUTTER TCT(LONG)21X55MM	MÙI KHOAN TỦ TCT(DAI)21X55MM	1.008.936		8%
6031	UD00UPC21S	CUTTER TCT(SHORT)21X35MM	MÙI KHOAN TỦ TCT(NGĂN)21X35MM	927.720		8%
6032	UD00UPC22L	CUTTER TCT(LONG)22X55MM	MÙI KHOAN TỦ TCT(DAI)22X55MM	1.008.936		8%
6033	UD00UPC22S	CUTTER TCT(SHORT)22X35MM	MÙI KHOAN TỦ TCT(NGĂN)22X35MM	927.720		8%
6034	UD00UPC23L	CUTTER TCT(LONG)23X55MM	MÙI KHOAN TỦ TCT(DAI)23X55MM	1.134.000		8%
6035	UD00UPC23S	CUTTER TCT(SHORT)23X35MM	MÙI KHOAN TỦ TCT(NGĂN)23X35MM	955.908		8%
6036	UD00UPC24L	CUTTER TCT(LONG)24X55MM	MÙI KHOAN TỦ TCT(DAI)24X55MM	1.134.000		8%
6037	UD00UPC24S	CUTTER TCT(SHORT)24X35MM	MÙI KHOAN TỦ TCT(NGĂN)24X35MM	955.908		8%
6038	UD00UPC25L	CUTTER TCT(LONG)25X55MM	MÙI KHOAN TỦ TCT(DAI)25X55MM	1.134.000		8%
6039	UD00UPC25S	CUTTER TCT(SHORT)25X35MM	MÙI KHOAN TỦ TCT(NGĂN)25X35MM	955.908		8%
6040	UD00UPC26L	CUTTER TCT(LONG)26X55MM	MÙI KHOAN TỦ TCT(DAI)26X55MM	1.134.000		8%
6041	UD00UPC26S	CUTTER TCT(SHORT)26X35MM	MÙI KHOAN TỦ TCT(NGĂN)26X35MM	1.051.920		8%
6042	UD00UPC27L	CUTTER TCT(LONG)27X55MM	MÙI KHOAN TỦ TCT(DAI)27X55MM	1.134.000		8%
6043	UD00UPC27S	CUTTER TCT(SHORT)27X35MM	MÙI KHOAN TỦ TCT(NGĂN)27X35MM	1.051.920		8%
6044	UD00UPC28L	CUTTER TCT(LONG)28X55MM	MÙI KHOAN TỦ TCT(DAI)28X55MM	1.134.000		8%
6045	UD00UPC28S	CUTTER TCT(SHORT)28X35MM	MÙI KHOAN TỦ TCT(NGĂN)28X35MM	1.051.920		8%
6046	UD00UPC29L	CUTTER TCT(LONG)29X55MM	MÙI KHOAN TỦ TCT(DAI)29X55MM	1.134.000		8%
6047	UD00UPC29S	CUTTER TCT(SHORT)29X35MM	MÙI KHOAN TỦ TCT(NGĂN)29X35MM	1.051.920		8%
6048	UD00UPC30L	CUTTER TCT(LONG)30X55MM	MÙI KHOAN TỦ TCT(DAI)30X55MM	1.134.000		8%
6049	UD00UPC30S	CUTTER TCT(SHORT)30X35MM	MÙI KHOAN TỦ TCT(NGĂN)30X35MM	1.051.920		8%
6050	UD00UPC31L	CUTTER TCT(LONG)31X55MM	MÙI KHOAN TỦ TCT(DAI)31X55MM	1.370.520		8%
6051	UD00UPC31S	CUTTER TCT(SHORT)31X35MM	MÙI KHOAN TỦ TCT(NGĂN)31X35MM	1.227.960		8%
6052	UD00UPC32L	CUTTER TCT(LONG)32X55MM	MÙI KHOAN TỦ TCT(DAI)32X55MM	1.370.520		8%
6053	UD00UPC32S	CUTTER TCT(SHORT)32X35MM	MÙI KHOAN TỦ TCT(NGĂN)32X35MM	1.227.960		8%
6054	UD00UPC33L	CUTTER TCT(LONG)33X55MM	MÙI KHOAN TỦ TCT(DAI)33X55MM	1.370.520		8%
6055	UD00UPC33S	CUTTER TCT(SHORT)33X35MM	MÙI KHOAN TỦ TCT(NGĂN)33X35MM	1.227.960		8%
6056	UD00UPC34L	CUTTER TCT(LONG)34X55MM	MÙI KHOAN TỦ TCT(DAI)34X55MM	1.370.520		8%
6057	UD00UPC34S	CUTTER TCT(SHORT)34X35MM	MÙI KHOAN TỦ TCT(NGĂN)34X35MM	1.227.960		8%
6058	UD00UPC35L	CUTTER TCT(LONG)35X55MM	MÙI KHOAN TỦ TCT(DAI)35X55MM	1.370.520		8%
6059	UD00UPC35S	CUTTER TCT(SHORT)35X35MM	MÙI KHOAN TỦ TCT(NGĂN)35X35MM	1.227.960		8%
6060	W000014295	NOZZLE UNIVERSAL/VC2000L	ĐẦU HÚT CHỮ T/VC2000L	76.950		8%
6061	W000029541	CREVICE NOZZLE/VC2000L	ĐẦU HÚT KHE HEP/VC2000L	98.820		8%
6062	W107402706	FLOOR NOZZLE 36X260MM/VC2000L	ĐẦU HÚT BỤI CHO SÀN 36X260MM/VC2000L	353.484		8%
6063	W107409979	TUBE HOLDER KIT/VC2000L	VÔNG GÁI/VC2000L	203.256		8%
6064	W107413340	HAND TUBE WITH REGULATION/VC2000L	ỐNG MỀM CÀM TAY/VC2000L	486.540		8%
6065	W107418661	TOOL ADAPTOR 22MM WITH REGULATION/VC2000L	ĐẦU CHUYỂN ỒNG HÚT BỤI 22MM/VC2000L	538.056		8%
6066	W107418680	TOOL ADAPTER 38MM/VC2000L	ĐẦU CHUYỂN ỒNG HÚT BỤI 38MM/VC2000L	515.160		8%
6067	WL00000002	CIGAR SOCKET CABLE/CW001G	CÁP CHUYỂN ĐỔI NGUỒN TẮU THUỐC/CW001G	271.944		8%
6068	WL00000058	AC CORD ADAPTER/CW001G	DÂY CHUYỂN ĐỔI AC/CW001G	1.834.920		8%
6069	WL00000313	AC ADAPTOR/CW002G	BỘ CHUYỂN ĐỔI NGUỒN ĐIỆN AC/CW002G	2.383.560		8%
6070	WST05	MILTERSAW STAND/DEAWST05	ĐẾ MÁY CỬA ĐA GÓC/DEAWST05	7.320.240		8%
6071	WST06	MILTERSAW STAND/WST06	ĐẾ MÁY CỬA ĐA GÓC/WST06	7.632.360		8%
6072	WST07	MILTERSAW STAND/WST07	ĐẾ MÁY CỬA ĐA GÓC/WST07	7.870.500		8%
6073	XNR0000085	PLUG SOCKET/EBH340R	CẦU CHÌ/EBH340R	174.636		8%
6074	XNR0000126	CORD STRAP/EBH340R	DÂY ĐEO/EBH340R	24.408		8%
6075	XNR0000532	ROTOR L/KR401MP	LƯỚI XOI ĐẠT L/KR401MP	486.540		8%
6076	XNR0000535	ROTOR R/KR401MP	LƯỚI XOI ĐẠT R/KR401MP	486.540		8%
6077	XNR0000549	SWEeper COMPLETE/SW400MP	CHỔI/SW400MP	3.134.160		8%
6078	YA00000747	BLADE 410MM/ELM4120	LƯỚI CÁT 410MM/ELM4120	330.588		8%
6079	Z29704	BLOWER ATTACHM.SET G/UB401MP	PHỤ KIỆN THỔI/UB401MP	2.484.000	Sản phẩm bỏ mẫu, giảm 60% và số lượng có hạn.	8%
6080	Z87705	ROTARY SCISSORS ATTACHMENT/EM407	LƯỚI CÁT CƠ BÀNH XE/EM407M	6.458.400		8%
6081	ZM00000129	MOVING BLADE/DTC100, DTC101	LƯỚI CÁT CÁP/DTC100, DTC101	5.578.200		8%
6082	ZM00000134	STATIONARY BLADE/DTC100, DTC101	LƯỚI CÁT CÁP/DTC100, DTC101	5.578.200		8%
6083	ZM00000175	MOVING BLADE/DTC100, DTC101	LƯỚI CÁT CÁP/DTC100, DTC101	15.230.160		8%
6084	ZM00000189	MOVING BLADE ASSY/DTC100, DTC101	Miếng thép che lưỡi cắt/DTC100, DTC101	297.330		10%
6085	ZM00000191	STATIONARY BLADE/DTC100, DTC101	LƯỚI CÁT CÁP/DTC100, DTC101	12.045.240		8%
6086	ZM00000219	DIN K DIE K12/DTC302	KHUÔN ĐÓT K12/DTC302	8.459.640		8%
6087	ZM00000220	DIN K DIE K14/DTC302	KHUÔN ĐÓT K14/DTC302	8.459.640		8%
6088	ZM00000221	DIN K DIE K16/DTC302	KHUÔN ĐÓT K16/DTC302	8.459.640		8%
6089	ZM00000222	DIN K DIE K18/DTC302	KHUÔN ĐÓT K18/DTC302	7.501.680		8%
6090	ZM00000223	DIN K DIE K20/DTC302	KHUÔN ĐÓT K20/DTC302	7.501.680		8%



BẢNG GIÁ BÁN PHỤ KIỆN MAKITA - MT

* Bảng giá này là giá cơ bản dành cho nhà phân phối
* Bảng giá có khả năng thay đổi mà không báo trước

Ngày 26 tháng 12 năm 2025

Áp dụng từ 12/2025 cho đến khi có thông báo tiếp theo

				Giá thông thường		
Number	Item	Name of Items (English)	Name of Items (Vietnamese)	Retail price (W VAT)	Note	Tax rate
STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Giá bán lẻ tham khảo (có VAT)	Ghi chú	Thuế suất Theo Nghị Định 174/2025/ND-CP
6091	ZM00000224	DIN K DIE K22/DTC302	KHUÔN ĐÓT K22/DTC302	7.501.680		8%
6092	ZM00000225	DIN K DIE K25/DTC302	KHUÔN ĐÓT K25/DTC302	8.459.640		8%
6093	ZM00000226	DIN K DIE K28/DTC302	KHUÔN ĐÓT K28/DTC302	8.459.640		8%
6094	ZM00000227	DIN K DIE K32/DTC302	KHUÔN ĐÓT K32/DTC302	8.459.640		8%
6095	ZM00000228	DIN K DIE K34/DTC302	KHUÔN ĐÓT K34/DTC302	8.459.640		8%